BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG

PHẠM THỊ DUYÊN

BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ LÀNG NGHỀ CHẾ TÁC ĐÁ MỸ NGHỆ NINH VÂN, HUYỆN HOA LƯ, TỈNH NINH BÌNH

LUẬN VĂN THẠC SĨ

CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ VĂN HÓA
Khóa: 5 (2016-2018)

Hà Nội, 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG

PHẠM THỊ DUYÊN

BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ LÀNG NGHỀ CHẾ TÁC ĐÁ MỸ NGHỆ NINH VÂN, HUYỆN HOA LƯ, TỈNH NINH BÌNH

LUẬN VĂN THẠC SĨ

Chuyên ngành: Quản lý văn hoá
Mã số: 8319042

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS. Trương Quốc Bình

Hà Nội, 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan những vấn đề được trình bày trong luận văn, kết quả nghiên cứu và các dẫn chứng là do tôi tự tìm hiểu, có sự tham khảo, sưu tầm và sự kế thừa những nghiên cứu của các tác giả đi trước.

Tôi xin cam đoan các số liệu và thông tin trong luận văn là trung thực, có trích dẫn nguồn gốc rõ ràng.

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

Học viên

Phạm Thị Duyên

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

CCN	Cụm công nghiệp
CNH - HĐH	Công nghiệp hóa - hiện đại hóa
CSCT	Cơ sở chế tác
C.Ty TNHH	Công ty trách nhiệm hữu hạn
DNTN	Doanh nghiệp tư nhân
ĐMN	Đá mỹ nghệ
GS.TS	Giáo sư.Tiến sĩ
HĐND	Hội đồng nhân dân
HTX	Hợp tác xã
KH&CN	Khoa học và công nghệ
KH&ĐT	Kế hoạch và đầu tư
LĐ-TB&XH	Lao động- Thương binh và Xã hội
MTTQ	Mặt trận tổ quốc
NB	Ninh Bình
NN&PTNN	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
NSNA	Nghệ sĩ nhiếp ảnh
NTM	Nông thôn mới
Nxb	Nhà Xuất bản
TN&MT	Tài nguyên và môi trường
TTCN	Tiểu thủ công nghiệp
UBND	Ủy ban nhân dân
VH-TT&DL	Văn hóa-Thể thao và Du lịch

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU……..... 1
Chương 1: TỔNG QUAN VỀ BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ LÀNG NGHỀ, GIỚI THIỆU CHUNG VỀ LÀNG NGHỀ CHẾ TÁC ĐÁ MỸ NGHỆ NINH VÂN 9
1.1. Một số khái niệm công cụ..... 9
1.1.1. Bảo vệ …….. 9
1.1.2. Phát huy……..……... 9
1.1.3. Giá trị 10
1.1.4. Nghề truyền thống, làng nghề ……..... 11
1.1.5. Quản lý, quản lý giá trị làng nghề..... 14
1.2. Quan điểm bảo vệ, phát huy giá trị làng nghề hiện nay…… 18
1.2.1. Bảo vệ……..... 18
1.2.2. Phát huy……. 20
1.2.3. Bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề……..…….. 21
1.3. Tổng quan về làng nghề chế tác đá mỹ nghệ ở xã Ninh Vân…..... 24
1.3.1. Giới thiệu chung về xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư..... 24
1.3.2. Khái lược sự hình thành và phát triển của làng nghề Ninh Vân……..... 24
1.4. Giá trị làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân..... 28
1.4.1. Nguyên liệu đá……..……... 28
1.4.2. Giá trị phi vật thể……... 29
1.4.3. Giá trị vật thể…….…… 37
1.4.4. Giá trị kinh tế - xã hội……..…… 42
1.5. Vai trò của bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề……..... 43
1.5.1. Bảo vệ phát huy giá trị làng nghề là động lực phát triển kinh tế - xã hội. 43
1.5.2. Bảo tồn làng nghề là nền tảng phát huy giá trị văn hoá dân tộc……... 44
1.6. Nội dung bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề Ninh Vân…..…….. 45
Tiểu kết……..……..…… 47
Chương 2: THỰC TRẠNG BẢO VỆ, PHÁT HUY GIÁ TRỊ LÀNG NGHỀ CHẾ TÁC ĐÁ MỸ NGHỆ NINH VÂN ……..…..……. 48
2.1. Chủ thể bảo vệ, phát huy……..... 48
2.1.1. Cơ quan quản lý nhà nước …….……..... 48
2.1.2. Cộng đồng cư dân địa phương.....……..…… 49
2.1.3. Cơ chế phối hợp về bảo vệ, phát huy …..... 50
2.2. Hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân…… 53
2.2.1. Ban hành, phổ biến văn bản, pháp lý bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề 53
2.2.2. Hoạt động bảo vệ giá trị làng nghề……..……..…… 59

2.2.3. Hoạt động phát huy giá trị làng nghề…….…….. 68
2.2.4. Giám sát, kiểm tra, thanh tra …… 83
2.3. Đánh giá kết quả bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề.…….……. 83
2.3.1. Thành tựu…….……. 83
2.3.2. Hạn chế ……. 86
Tiểu kết ……...…… 89
Chương 3: ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP CƠ BẢN NHẰM BẢO VỆ, PHÁT HUY GIÁ TRỊ LÀNG NGHỀ CHẾ TÁC ĐÁ MỸ NGHỆ NINH VÂN 90
3.1. Dự báo xu thế phát triển của làng nghề hiện nay..... 90
3.1.1.Cơ hội phát triển..... 90
3.1.2. Thách thức đặt ra …….. 91
3.1.3. Vấn đề bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân….. 93
3.2. Quan điểm, định hướng nhằm bảo vệ, phát huy giá trị làng nghề ...……. 93
3.2.1. Quan điểm về bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề …….…… 93
3.2.2. Nội dung bảo vệ, phát huy giá trị làng nghề giai đoạn tới……...…. 95
3.2.3. Định hướng bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề...……. 96
3.3. Giải pháp bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân 97
3.3.1. Bổ sung cơ chế, chính sách nhằm bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề 97
3.3.2. Tăng cường các hoạt động quản lý Nhà nước với làng nghề……..…. 99
3.3.3. Nâng cao chất lượng các giải pháp đào tạo, duy trì tập quán truyền nghề và phát triển nguồn nhân lực…….…….. 100
3.3.4. Hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ vào quy trình chế tác..……. 103
3.3.5. Phát huy tính dân tộc trong thiết kế mẫu mã sản phẩm ……..... 103
3.3.6. Xây dựng thương hiệu đá mỹ nghệ Ninh Vân …….……..... 105
3.3.7. Tăng cường bảo vệ di tích lịch sử văn hóa và lễ hội truyền thống ……. 106
3.3.8. Đẩy mạnh nghiên cứu, sưu tầm, tư liệu hóa giá trị làng nghề..... 107
3.3.9. Phát huy giá trị làng nghề kết hợp với phục vụ du lịch ……..... 108
3.3.10. Đẩy mạnh hoạt động thông tin, tuyên truyền, quảng bá……..….. 110
3.3.11. Bảo vệ môi trường sinh thái làng nghề……..…… 111
3.3.12. Phát huy vai trò chủ thể bảo vệ và phát huy làng nghề 111
3.3.13. Nâng cao chất lượng giám sát, kiểm tra, thanh tra……..…… 115
Tiểu kết..... 116
KẾT LUẬN……. 117
TÀI LIỆU THAM KHẢO…….…….. 121
PHỤ LỤC…… 125

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Làng nghề có lịch sử phát triển cùng làng xã của người Việt và trở thành một biểu tượng văn hóa của nông thôn Việt Nam. Làng nghề vừa mang tính truyền thống, đặc thù, đặc sắc vừa có tính kinh tế bền vững. Với khoảng 54 nhóm nghề thủ công truyền thống, gần 3000 làng nghề và trên 2000 làng có nghề đang hoạt động trên cả nước, tham gia mạnh mẽ vào quá trình CNH-HĐH nông nghiệp, nông thôn, phát triển du lịch, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc đã cho thấy hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề có tầm quan trọng đặc biệt vào sự phát triển chung của toàn xã hội, làm giàu kho tàng di sản văn hóa dân tộc, phong phú đời sống văn hóa tinh thần ở các vùng quê Việt Nam. Do đó, việc ban hành các chính sách bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm.

Là một tỉnh giàu sắc thái văn hóa ở phía nam Đồng bằng sông Hồng, Ninh Bình có 257 làng có nghề còn lưu tồn và phát triển nghề thủ công truyền thống đặc trưng với 10 nghề tiêu biểu: Đá mỹ nghệ, thêu ren, chế biến cói, mộc, gốm sành sứ…Các nghề truyền thống ở Ninh Bình gắn liền với lịch sử văn hóa và con người cố đô Hoa Lư qua nhiều thế kỷ, luôn được coi là thành phần kinh tế - xã hội quan trọng của tỉnh. Bởi các giá trị làng nghề là sự kết tinh của văn hóa làng và văn hóa nghề, sản phẩm thủ công mang đậm bản sắc dân tộc. Nghề chế tác đá mỹ nghệ ở xã Ninh Vân là một hiện tượng khá đặc biệt, có từ rất lâu trong lịch sử và tồn tại cùng với bao thăng trầm biến đổi của quê hương, góp phần tạo nên bản sắc văn hóa đặc trưng Ninh Bình trong cái nôi văn minh châu thổ sông Hồng. Bằng tay nghề khéo léo, những nghệ nhân Ninh Vân bao đời nay đã thổi hồn vào đá để tạo ra những sản phẩm từ đá rất tinh xảo, phong phú và đa dạng phục vụ đời sống sinh hoạt và phục vụ đời sống tâm linh của con người. Nghề chế tác đá mỹ nghệ phát triển mạnh mẽ ở 2 giai đoạn, đó là việc xây dựng kiến trúc cung điện của triều đại nhà Đinh, nhà tiền Lê gắn với sự ra

đời của "kinh đô đá" Hoa Lư ở thế kỷ X, giai đoạn thế kỷ XVI triều đình vua Lê - chúa Trịnh cho tu sửa kiến trúc đền đài ở cố đô Hoa Lư cùng với truyền thuyết về vị tổ nghề đá mỹ nghệ Hoàng Sùng. Từ sự vận động và phát triển đó, nghề chạm khắc đá ở Ninh Vân là một hoạt động kinh tế, xã hội mang ý nghĩa lịch sử và văn hóa. Cũng như một số làng nghề thủ công truyền thống ở tỉnh Ninh Bình, nghề chế tác đá Ninh Vân đã bị mai một và có nguy cơ bị thất truyền. Nhưng từ sau năm 1992 khi tỉnh Ninh Bình được chia tách ra từ tỉnh Hà Nam Ninh, làng nghề chạm khắc đá Ninh Vân được tỉnh quan tâm, hỗ trợ cho nghề phục hồi, phát triển theo hướng TTCN và quy hoạch xây dựng là 1 trong 3 làng nghề chủ lực của tỉnh Ninh Bình. Do đó giá trị nghề chế tác đá mỹ nghệ ở Ninh Vân không ngừng được phát huy, lan tỏa. Hiện nay nghề chế tác đá đã phát triển ra toàn xã với 13/13 thôn có nghề, 10/13 thôn và 1 cụm tiểu thủ công nghiệp được công nhận là làng nghề chế tác đá mỹ nghệ truyền thống, sản phẩm phục vụ rộng rãi nhu cầu trong vùng, trong nước, làm chuyển dịch kinh tế của xã Ninh Vân và đang góp phần thay đổi diện mạo nông thôn, đem lại sức sống mới cho cư dân nơi đây. Tuy nhiên, trước sức vận động nóng của làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân trong kinh tế nhiều thành phần, đã bộc lộ những biến đổi ở một số sản phẩm mô phỏng văn hóa nước ngoài, nghệ nhân tinh hoa không nhiều, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng do thiếu quy hoạch trong sản xuất, yếu trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng, các chủ thể quản lý nhất là chính quyền xã Ninh Vân thiếu các biện pháp bảo vệ các giá trị văn hóa cổ truyền của làng nghề, làm cho làng nghề phát triển chưa tương xứng giữa kinh tế với văn hóa xã hội. Vì vậy, vấn đề đặt ra hiện nay là làm thế nào để tác động cho các giá trị của làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân là động lực phát triển, đồng thời giải quyết được những mâu thuẫn giữa kinh tế với các vấn đề văn hóa, xã hội và môi trường, đảm bảo được đời sống vật chất và tinh thần của người dân.

Việc nghiên cứu, nhận diện và đánh giá đầy đủ về giá trị làng nghề chế tác đá mỹ nghệ, đề xuất những giải pháp bảo vệ, phát huy giá trị văn hóa làng

nghề Ninh Vân phát triển bền vững sẽ có ý nghĩa thiết thực trong bối cảnh đất nước quê hương đang hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới. Đồng thời xuất phát tình cảm của một người con được sinh sống ở xã Ninh Vân, tác giả lựa chọn đề tài: "***Bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình***" làm luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ chuyên ngành Quản lý văn hóa.

2. Tình hình nghiên cứu

Nghiên cứu đầy đủ về làng nghề thủ công truyền thống và có biện pháp, cơ chế chính sách phù hợp đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị của làng nghề vẫn luôn là vấn đề được các nhà nghiên cứu, các nhà quản lý và hoạch định chính sách quan tâm. Hiện nay làng nghề Việt Nam được nghiên cứu dưới các giác độ khác nhau về cả lý luận và thực tiễn, có thể kể đến:

- *Tổng tập nghề và làng nghề truyền thống Việt Nam* (6 tập), tác giả Trương Minh Hằng (Chủ biên), Viện Nghiên cứu Văn hóa và Nxb Khoa học xã hội, 2011, 2012 [10]. Đây là bộ sách nghiên cứu chuyên sâu, có hệ thống và cung cấp nhiều thông tin về nghề và làng nghề dân gian Việt Nam. *Tập 1: Tổng quan về nghề và làng nghề truyền thống Việt Nam*. *Tập 2: Nghề chế tác kim loại*. *Tập 3: Nghề mộc, chạm* (tạc tượng, khảm trai, mộc, tiện, đóng thuyền). *Tập 4: Nghề gốm*. *Tập 5: Nghề đan lát; nghề thêu, dệt; nghề làm giấy; đồ mã và nghề làm tranh dân gian*. *Tập 6: Nghề chế tác đá, nghề sơn và một số nghề khác*. Tập 6 có độ dày 1146 trang. Nội dung gồm 4 phần: Nghề chế tác đá; Nghề sơn; Một số nghề khác; Tra cứu/tài liệu tham khảo. Chế tác công cụ lao động và sản phẩm bằng nguyên liệu đá là nghề thời kỳ mở đầu cho lịch sử loài người (thời đồ Đá) thì ở Việt Nam, nghề chế tác đá mở đầu lịch sử thủ công nghiệp Việt Nam và phát triển bền bỉ. Nghề chế tác đá khá đa dạng, bao gồm các nghề: khai thác đá và chạm khắc đá, trong đó chạm khắc đá đòi hỏi người thợ phải có phải có tay nghề cao và để lại nhiều tác phẩm điêu khắc có giá trị, nhiều sản phẩm độc đáo của nghề này còn được gìn giữ đến ngày nay.

- Cuốn sách *Làng nghề thủ công truyền thống Việt Nam* của tác giả Bùi Văn Vượng, xuất bản năm 1998 [45], giới thiệu lịch sử, kinh tế, văn hoá, nghệ thuật, tư tưởng, kỹ thuật, các bí quyết nghề, thủ pháp nghệ thuật, kỹ thuật của các nghệ nhân và các làng nghề thủ công truyền thống Việt Nam.

- Cuốn sách *"Bảo tồn và phát triển các làng nghề trong quá trình CNH - HĐH"* của tác giả Dương Bá Phượng, NXB Khoa học xã hội, 2001[22]. Cuốn sách đã nêu những khái niệm và thực trạng kinh tế- xã hội của làng nghề và đề ra các giải pháp phát triển làng nghề trong CNH - HĐH.

- Cuốn sách *Phát triển làng nghề truyền thống ở nông thôn Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa* của tác giả Trần Minh Yến, Nxb Khoa học xã hội, 2004 [48], đề cập tới những vấn đề lý luận cơ bản về làng nghề, đồng thời chỉ ra những mâu thuẫn của làng nghề trong quá trình phát triển

Cuốn sách *Làng nghề, phố nghề Thăng Long – Hà Nội* của tác giả Trần Quốc Vượng và Đỗ Thị Hảo, Nxb Khoa học xã hội, 2009 [46], khái quát đôi nét về nghề thủ công Việt Nam, nghề, làng nghề, phố nghề Thăng Long- Hà Nội thực trạng và nhu cầu phát triển.

- Cuốn sách *Bảo tồn kho tàng di sản văn hóa Việt Nam* của tác giả Trương Quốc Bình, Nxb Văn hóa dân tộc, 2016 [4] đã đưa ra những quan điểm bảo tồn di sản văn hóa – nhìn từ góc độ quản lý và từ thực tiễn, những giá trị đặc sắc của kho tàng di sản văn hóa Việt Nam, di sản thủ công truyền thống và phát triển du lịch bền vững;

- Luận án tiến sĩ nhân học của tác giả Dương Thị Ngọc Bích *Làng nghề điêu khắc đá Non Nước tại phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng (truyền thống và biến đổi)* năm 2014,Học Viện Khoa học xã hội - Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam [3]. Đây là công trình nghiên cứu khoa học chuyên sâu và có hệ thống về nghề, làng nghề điêu khắc đá Non Nước dưới góc độ nhân học văn hoá. Luận án cung cấp những đặc trưng cơ bản trong làng nghề điêu khắc đá truyền thống của người Đà Nẵng cũng như những

biến đổi của nó một cách khá đầy đủ.

Làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân được đề cập trong luận văn thạc sĩ lịch sử Việt Nam của tác giả Phạm Thị Loan *Nghề thủ công truyền thống chạm khắc đá ở xã Ninh Vân, Hoa Lư, Ninh Bình từ 1986-2003,* Đại học Sư phạm Hà Nội, 2003[18]; luận văn thạc sĩ môi trường của tác giả Phạm Viết Duy *Nghiên cứu áp dụng các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường và bệnh nghề nghiệp ở các làng nghề chế tác đá huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình,* Đại học Khoa học Tự nhiên, 2011[6]; Làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân được đề cập trong phần kỹ nghệ và ẩm thực dân gian của cuốn *Địa chí văn hóa dân gian Ninh Bình* tác giả Trương Đình Tưởng (chủ biên), Nxb Thế giới, 2004 [35, tr. 533-534]; bài "Về làng đá" của tác giả Bình Nguyên in trong *Tổng tập Văn học Ninh Bình ngàn năm* của Hội Văn học Nghệ thuật Ninh Bình, Nxb Hội Nhà văn, 2010 [12, tr. 973-975]; cuốn *Kỷ yếu làng nghề thủ công truyền thống Ninh Bình* của Sở Công thương Ninh Bình, 2017 [23, tr 8- 10]; hồ sơ di tích lịch sử cấp quốc gia *Kiến trúc đền Kê Thượng, Kê Hạ, Miễu Sơn xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình* [24] được lưu giữ tại Sở Văn hóa Thông tin Ninh Bình, 1996; Tập tài liệu *Mỹ nghệ đá Ninh Vân* [25] của Sở Văn hóa -Thông tin Ninh Bình, 2002; Ngoài ra còn có các bài viết trên tạp chí Văn nghệ Ninh Bình...

Đến nay chưa có một công trình nghiên cứu nào nhận diện về giá trị làng nghề chế tác đá Ninh Vân; về bảo vệ, phát huy giá trị làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân. Các công trình nghiên cứu đã nêu trên thực sự là những gợi ý quý báu giúp tác giả trong quá trình thực hiện nghiên cứu chuyên sâu về hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân hiện nay.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nhận diện các giá trị của làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, đánh giá thực trạng hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân hiện nay, đưa ra những giải pháp khoa học về quản lý làng nghề,

những định hướng phù hợp thực tế, những kiến nghị cụ thể nhằm mục đích là:

Để bảo vệ và phát huy hơn nữa giá trị di sản văn hóa cổ truyền của làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân. Bổ sung những giá trị mới hiện nay để nghề chế tác đá xanh đôlômit ở Ninh Bình có thể phát triển bền vững trong thời điểm hiện tại và tương lai, góp phần làm giàu thêm kho tàng di sản văn hóa dân tộc, đáp ứng nhu cầu văn hóa ngày càng cao của nhân dân, đồng thời góp phần vào sự nghiệp phát triển bền vững quê hương Ninh Bình trong thời kỳ đổi mới.

Để tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước, nâng cao trách nhiệm của nhân dân trong việc tham gia bảo vệ, phát huy giá trị làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Hệ thống hóa các tài liệu có liên quan đến nghề chế tác đã mỹ nghệ ở Việt Nam, khu vực Ninh Bình và làng nghề Ninh Vân.

- Tìm hiểu diện mạo làng nghề Ninh Vân trong diễn trình lịch sử bao gồm các yếu tố như nguồn gốc xuất hiện, kỹ thuật chế tác, cơ cấu tổ chức nghề, tâm lý làm nghề, vai trò của làng nghề đối với kinh tế xã hội và văn hóa, vai trò của các chủ thể quản lý , vai trò của bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề…

- Xác định những giá trị tiêu biểu của nghề chế tác đá ở khu vực Ninh Bình và làng nghề Ninh Vân, qua đó làm rõ những nét riêng biệt và những đóng góp của nghề chế tác đã mỹ nghệ cho di sản văn hóa dân tộc.

- Xác định các chủ thể quản lý nhà nước, cộng đồng làng nghề trong hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân.

- Nêu bật cơ chế phối hợp của các chủ thể quản lý trong bảo vệ, phát huy. Đánh giá thực trạng hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân. Phân tích những biến đổi của nghề chế tác đá Ninh Vân dưới tác động của các chủ thể quản lý và dưới tác động của cơ chế thị trường mà thực chất đó là sự va chạm giữa truyền thống với hiện đại, thích nghi với biến đổi, bảo tồn với phát triển.

- Phân tích xu thế của làng nghề hiện nay, những yếu tố tác động trong

bối cảnh mới, vấn đề đặt ra đối với hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị làng nghề.

- Nêu quan điểm, định hướng, mục tiêu, đề xuất các giải pháp bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân thời gian tới.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung: Nghiên cứu giá trị làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân, thực trạng hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề chế tác đá mỹ nghệ những năm gần đây của các chủ thể quản lý nhà nước, cộng đồng dân cư.

- Về không gian: Thực hiện khảo sát tại 13 làng nghề đá mỹ nghệ và cụm công nghiệp đá mỹ nghệ ở xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

- Về thời gian: Từ khi tỉnh Ninh Bình tái lập (năm 1992) đến 5/2018.

5. Phương pháp nghiên cứu

Để nghiên cứu về làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân đem lại hiệu quả, luận văn kết hợp sử dụng các phương pháp nghiên cứu:

- Tiếp cận phương pháp liên ngành (văn hóa học, mỹ thuật, lịch sử) nhằm tìm ra những giá trị tiêu biểu của làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân truyền thống.

- Một số thao tác của phương pháp nghiên cứu xã hội học văn hóa: Điền dã thực địa, thống kê, chụp ảnh và phỏng vấn nhằm mục đích tiếp cận vấn đề một cách chủ động, trực quan, kiểm tra, đánh giá một cách xác thực về các đối tượng nghiên cứu: chủ thể bảo vệ phát huy, giá trị làng nghề.

- Vận dụng phương pháp phân tích, tổng hợp những tài liệu liên quan đến nghề đá mỹ nghệ trong không gian văn hóa làng xã Ninh Vân của những người đi trước, của những người đang trực tiếp phụ trách các lĩnh vực để từ đó phân tích dữ liệu giúp tác giả định hình một tài liệu toàn diện, khái quát về vấn đề đang nghiên cứu từ đó đưa ra những quan điểm, đánh giá, định hướng và

giải pháp sát thực cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị của làng nghề.

6. Những đóng góp của luận văn

Luận văn là tập hợp những tư liệu, tài liệu nghiên cứu có tính hệ thống về bảo tồn, phát huy, giá trị, quản lý, làng nghề, nghề chế tác đá mỹ nghệ, giá trị văn hóa làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân từ lịch sử hình thành, phát triển, đặc điểm, đặc trưng, vai trò và chỉ ra thực trạng hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề của các chủ thể quản lý. Kết quả của hoạt động này đã tạo ra sự biến đổi làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân hiện nay. Trên cơ sở đó luận văn đưa ra một số giải pháp bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề thời gian tới. Sau khi hoàn thành, luận văn hy vọng sẽ đóng góp những nghiên cứu về nghề chế tác đá vôi xanh tự nhiên ở khu vực Ninh Bình, nhận diện ban đầu về giá trị nghề và giá trị làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, đánh giá có minh chứng cụ thể về thực trạng quản lý, thực trạng hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề chế tác đá mỹ nghệ xã Ninh Vân hiện nay. Thông qua đó, tác giả mong muốn đóng góp những ý tưởng định hướng và một số giải pháp quản lý, bảo vệ, phát huy giá trị làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân trong phát triển kinh tế - xã hội bền vững ở địa phương.

7. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, luận văn gồm có 03 chương:

Chương 1: Tổng quan về bảo vệ, phát huy giá trị làng nghề và giới thiệu chung về làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân

Chương 2: Thực trạng bảo vệ, phát huy giá trị làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân

Chương 3: Định hướng và giải pháp cơ bản nhằm bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân

Chương 1
TỔNG QUAN VỀ BẢO VỆ, PHÁT HUY GIÁ TRỊ LÀNG NGHỀ VÀ GIỚI THIỆU CHUNG VỀ LÀNG NGHỀ CHẾ TÁC ĐÁ MỸ NGHỆ NINH VÂN

1.1. Một số khái niệm công cụ

1.1.1. Bảo vệ

Công ước về Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của UNESCO giải thích "bảo vệ" là các biện pháp có mục tiêu đảm bảo khả năng tồn tại của di sản văn hóa phi vật thể, bao gồm việc nhận diện, tư liệu hoá, nghiên cứu, bảo tồn, bảo vệ, phát huy, củng cố, chuyển giao, đặc biệt là thông qua hình thức giáo dục chính thức hoặc phi chính thức cũng như việc phục hồi các phương diện khác nhau của loại hình di sản này[59].

Qua nghiên cứu, tìm hiểu nhiều khái niệm, quan điểm về "bảo vệ" và qua thực tế tồn tại của các hiện tượng, hiện vật đã minh chứng cho tác giả hiểu rằng "bảo vệ" là sự gìn giữ, duy trì, chăm sóc các sự vật, hiện tượng có giá trị văn hóa, khoa học đã từng tồn tại trong quá trình biến thiên của lịch sử không bị mất đi, không bị xâm hại, được an toàn ở thì hiện tại mà còn tiếp tục sử dụng các biện pháp kỹ thuật nhằm đảm bảo sự bền vững cho các đối tượng có giá trị này có thể tồn tại, phát triển lâu dài trong môi cảnh ở thì tương lai.

1.1.2. Phát huy

Phát huy là "làm cho cái hay, cái tốt tỏa tác dụng và nảy nở thêm" [44, tr 759] và làm cho cái đẹp, cái tích cực lan tỏa tác dụng trong đời sống xã hội và tác động thay đổi trong nhận thức, tư duy, hành động của con người theo hướng tiến bộ nhằm phát triển những giá trị của cái hay, cái tốt, cái đẹp đó không ngừng lan tỏa nảy nở thêm. Phát huy giá trị di sản văn hóa nghĩa là những hành động tiến hành các biện pháp, cách thức thích hợp để đưa những giá trị hàm chứa trong di sản văn hóa vào thực tiễn xã hội với ý nghĩa là nguồn nội lực, tiềm năng góp phần thúc đẩy sự phát triển xã hội, nhằm mang lại những lợi ích

vật chất và tinh thần cho con người, cũng là làm toả sáng tối ưu các giá trị văn hóa nhằm theo đuổi tính mục tiêu lâu dài, mang tính bền vững của văn hóa đối với sự phát triển xã hội. Phát huy giá trị văn hóa chính là việc khai thác, sử dụng các sản phẩm văn hóa một cách có hiệu quả hơn.

1.1.3. Giá trị

Trong Từ điển Tiếng việt thông dụng "giá trị là cái có ích" [47, tr 429]. Trong đời sống xã hội giá trị có thể hiểu là quý giá, cao cả, có ích, có ý nghĩa hàm chứa trong sự vật, hiện tượng nào đó và làm cho sự vật hiện tượng ấy trở nên có ích, có lợi, có ý nghĩa, đáng quý, đáng trân trọng, đáng được gìn giữ, đáng được kế thừa và phát triển. Giá trị là cái hay, cái đẹp, cái tích cực, cái khách quan đã kết tinh thành những chuẩn mực, nguyên tắc mang tính nhân văn, thực hiện chức năng đánh giá, định hướng, điều chỉnh cho hoạt động của con người và cộng đồng noi theo. Trong đời sống kinh tế giá trị còn mang tính sử dụng, được tạo nên từ thành quả lao động sáng tạo của con người, nó thực hiện chức năng đánh giá, chỉ dẫn và điều chỉnh các hành vi của con người giúp cộng đồng hướng tới cái đúng, cái tốt, cái đẹp, cái cao cả thúc đẩy sự tiến bộ xã hội. Tóm lại, giá trị là một phạm trù triết học, xã hội học là những nguyên tắc, chuẩn mực, những biểu tượng văn hóa mang tính định hướng, điều chỉnh hoạt động lao động sáng tạo vật chất và tinh thần của con người, gắn chặt với nhu cầu của con người.

Giá trị văn hoá là cái cốt lõi của văn hóa, mang tính phổ biến, thể hiện trí tuệ, khát vọng và khả năng sáng tạo của con người vươn tới biểu tượng chân - thiện - mỹ, được biểu hiện trong hoạt động sống cũng như được kết tinh trong các sản phẩm của cá nhân, cộng đồng dân tộc, được xã hội thừa nhận, tôn vinh, lưu truyền và noi theo. Giá trị văn hóa thể hiện cốt cách của một cá nhân, cộng đồng, dân tộc, quốc gia. Giá trị văn hóa truyền thống chính là những tư tưởng, chuẩn mực đạo đức, biểu tượng tốt đẹp tiêu biểu cho cộng đồng được lưu truyền từ đời này qua đời khác tạo nên tính bền vững trong quá trình giao lưu

tiếp biến văn hóa và biến thiên của lịch sử trở thành bản sắc, thành hệ giá trị đặc trưng của nền văn hóa. Vì vậy, có thể nói rằng, giá trị văn hóa là cốt lõi của vấn đề văn hóa, nó trở thành vốn xã hội, nguồn lực xã hội trong phát triển bền vững.

1.1.4. Nghề truyền thống, làng nghề

1.1.4.1. Làng, nghề, nghề truyền thống

Làng là một đơn vị hành chính nối dài của chính quyền cấp xã ở nông thôn Việt Nam. Làng cổ là nơi tụ cư mang tính truyền thống, dòng họ, có địa giới, cấu trúc hạ tầng, cơ cấu tổ chức, lệ tục riêng, thậm chí có tiếng nói riêng "hoàn chỉnh và tương đối ổn định qua quá trình lịch sử"[9, tr.98].

Nghề là sự chuyên môn hoá về một lĩnh vực nhất định, có thể sản xuất các sản phẩm theo chất liệu khác nhau và kinh doanh các mặt hàng đó trên thị trường nhằm đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng ở mọi thời đại.

Nghề truyền thống là nghề được hình thành từ lâu đời trong lịch sử[48], tạo ra sản phẩm độc đáo có tính riêng biệt, được lưu truyền và phát triển đến ngày nay hoặc có nguy cơ bị mai một, thất truyền. Đặc trưng cơ bản nhất của nghề truyền thống là có kỹ thuật và công nghệ truyền thống, có các nghệ nhân và đội ngũ thợ lành nghề. Mỗi nghề bao giờ cũng có ông tổ của nghề, được dân làng ghi công và thờ phụng từ đời này sang đời khác [46]. Các sản phẩm làm ra của các nghề truyền thống vừa có tính kinh tế khi nó là hàng hóa, vừa có tính nghệ thuật khi nó là các sản phẩm mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc. Nghề truyền thống ở nước ta rất phong phú đa dạng, có những nghề đã hình thành và tồn tại hàng trăm năm theo hình thức cha truyền con nối, nhiều sản phẩm đã từng nổi tiếng trong nước và thế giới. Những nghề truyền thống được truyền bá trong phạm vi từng làng. Trong những làng có nghề truyền thống thì đa số người dân biết làm nghề đó.

Ngày nay, với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ, việc sản xuất các sản phẩm có tính truyền thống được hỗ trợ bởi quy trình công nghệ mới với những vật liệu mới. Vì vậy, khái niệm nghề truyền thống cũng được mở rộng

hơn, có thể khái quát như sau: Nghề truyền thống gồm những nghề phi nông nghiệp, có lịch sử hình thành cùng với tiến trình phát triển của lịch sử, tồn tại bằng phương thức trao truyền kinh nghiệm hành nghề của thế hệ trước cho thế hệ sau mà ở đó có thể có sự biến cải về phương tiện kỹ thuật nhưng vẫn tuân thủ công nghệ truyền thống và sản phẩm làm ra thể hiện rõ bản sắc dân tộc.

1.1.4.2. Làng nghề

Làng nghề được cấu thành từ hai yếu tố "làng" và "nghề", vừa mang định tính vừa mang định lượng. Lịch sử phát triển nền văn hóa và lịch sử phát triển kinh tế Việt Nam luôn gắn liền lịch sử phát triển của các làng nghề. Với đặc trưng là nền nông nghiệp lúa nước, những công xã nông thôn Việt Nam từ thời Hùng Vương được tập hợp theo quan hệ huyết thống, quan hệ địa vị, quan hệ nghề nghiệp, có tinh thần cộng đồng, cộng cảm, sống quây quần trong một khu vực địa lý nhất định hình thành nên xóm làng. Việc hình thành các làng nghề bắt đầu từ những nghề ban đầu được cư dân trong các làng xã tranh thủ làm lúc nông nhàn để sản xuất những sản phẩm thủ công, phi nông nghiệp phục vụ cho nhu cầu đời sống. Các nghề này được lưu truyền, mở rộng và sáng tạo qua nhiều thế hệ, dẫn đến nhiều hộ dân có thể cùng sản xuất một loại sản phẩm. Càng về sau số người trong làng dần tách hẳn nông nghiệp để chuyển hẳn sang sản xuất mặt hàng thủ công, có đội ngũ thợ, có quy trình công nghệ và mở rộng đến mức độ nhất định thì làng đó được gọi là làng nghề. Nhiều làng nghề là một bộ phận kinh tế - văn hóa quan trọng góp phần phát triển kinh tế nông thôn, và trở thành cụm công nghiệp của địa phương như làng chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân. Nhiều sản phẩm thủ công mỹ nghệ độc đáo mang đậm đặc trưng văn hoá Việt Nam đã xuất khẩu ra nước ngoài và luôn được khách hàng khó tính lựa chọn, trở thành tiềm lực kinh tế - văn hóa - xã hội có sức sống bền bỉ. Nghiên cứu về làng nghề, đến nay có rất nhiều quan điểm.Nhóm khái niệm làng nghề truyền thống, tác giả Trần Quốc Vượng định nghĩa:

"Làng nghề là một làng tuy vẫn còn trồng trọt theo lối tiểu nông và

> chăn nuôi nhỏ, cũng có một số nghề phụ khác, song đã nổi trội một nghề cổ truyền, tinh xảo với một tầng lớp thợ thủ công chuyên nghiệp hay bán chuyên nghiệp, có phường, có ông trùm, ông cả… cùng một số thợ và phó nhỏ đã chuyên tâm, có quy trình công nghệ nhất định "sinh nghệ, tử nghệ", "nhất nghệ tinh, nhất thân vinh", sống chủ yếu được bằng nghề đó và sản xuất ra những mặt hàng thủ công. Những mặt hàng này có tính mỹ nghệ, đã trở thành sản phẩm hàng hóa và có quan hệ tiếp thị với một thị trường là vùng rộng xung quanh và với thị trường đô thị và tiến tới mở rộng ra cả nước rồi có thể xuất khẩu ra cả nước ngoài"[46, tr.21].

Nhóm khái niệm phân chia làng nghề theo quy mô và trình độ kỹ thuật, tác giả Đặng Kim Chi cho rằng, làng nghề "là làng nông thôn Việt Nam có ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, phi nông nghiệp chiếm ưu thế về số lao động và thu nhập so với nghề nông"[5, tr 27]. Tác giả Dương Bá Phượng: "Làng nghề là làng ở nông thôn có một (hay một số) nghề thủ công tách hẳn khỏi nông nghiệp và kinh doanh độc lập"[31, tr.13-14].

Hai quan điểm trên mới chỉ khái quát làng nghề ở góc hẹp là làng truyền thống có nghề phi nông nghiệp truyền thống, chưa mang tính tổng quát chung, bởi thực tế hiện nay còn có làng nghề mới xuất hiện, hoặc có làng nghề được thành lập mới với quy mô cụm công nghiệp có nghề cổ truyền nổi trội, tinh xảo, có đội ngũ nghệ nhân, nhân công chuyên môn hóa cao.

Tóm lại, làng nghề là một thuật ngữ dùng để chỉ các cộng đồng cư dân nông thôn mang tính cố định về mặt địa lý, có chung truyền thống sản xuất và có mối quan hệ mật thiết với nhau để tạo ra các sản phẩm thủ công cùng chủng loại. Có đội ngũ nghệ nhân và thợ thủ công lành nghề, có bí kíp nghề được lưu truyền từ đời này sang đời khác. Thu nhập từ các nghề tiểu thủ công nghiệp của làng chiếm tỷ trọng lớn hơn so với thu nhập từ nông nghiệp và các ngành nghề khác. Làng nghề thường mang tính truyền thống, có bề dày lịch sử, có sức lan

tỏa mạnh mẽ. Các sản phẩm không chỉ có tính chất kinh tế mà còn có giá trị tinh thần mang màu sắc văn hóa đặc sắc, đặc trưng như là những lăng kính phản chiếu quan niệm, đời sống tinh thần và lịch sử phát triển của chính cộng đồng dân cư đã tạo ra nó. Làng nghề còn tạo nên đặc điểm du lịch tại Việt Nam.

1.1.5. Quản lý, quản lý giá trị làng nghề

1.1.5.1 Quản lý

Quản lý được phát sinh từ lao động, không tách rời với lao động và bản thân quản lý cũng là một hoạt động lao động. Từ xã hội nguyên thủy, con người đã phải tự lao động và biết tập hợp sức lao động của tập thể để sinh tồn. Chính từ sự nỗ lực tập thể để thực hiện mục tiêu chung đó mà nảy sinh chức năng quản lý[11]. Nội hàm khái niệm quản lý là sự tác động của chủ thể quản lý lên đối tượng quản lý trong quá trình tiến hành các hoạt động nhằm đạt tới mục tiêu đặt ra thông qua các hoạt động tổ chức, lãnh đạo, lập kế hoạch, kiểm tra, điều chỉnh. Chủ thể quản lý và đối tượng quản lý cấu thành hệ thống quản lý. Quản lý là quá trình lựa chọn và thiết kế hệ thống chức năng, nguyên tắc, phương pháp, cơ chế, công cụ, cơ cấu tổ chức quản lý, đồng thời xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và bảo đảm nguồn lực thông tin, vật chất cho các quyết định quản lý được thực thi. Và sự tác động mối quan hệ quản lý mang tính hai chiều.

Các yếu tố hoạt động quản lý bao gồm: Chủ thể quản lý, đối tượng quản lý, nội dung quản lý, công cụ quản lý, phương pháp[16]. 5 yếu tố này có quan hệ chặt chẽ và chi phối lẫn nhau.

Tóm lại, "Quản lý" đã nói rõ lên cách thức quản lý và mục đích quản lý là việc tổ chức, chỉ đạo các hoạt động xã hội nhằm đạt được các mục đích của người quản lý… Tiếp cận quản lý ở phương diện nghiên cứu làng nghề, có thể đi đến cách hiểu chung nhất: Quản lý là một khái niệm mang tính bao trùm tất cả mọi mặt của đời sống xã hội và là một chức năng đặc biệt nảy sinh từ bản chất xã hội của quá trình lao động. Đó là sự tác động có tổ chức, có hướng đích của chủ thể quản lý lên đối tượng quản lý nhằm sử dụng có hiệu quả các tiềm

lực, các cơ hội của hệ thống để đạt được mục tiêu đề ra trong những điều kiện biến đổi của môi trường.

1.1.5.2. Giá trị làng nghề

Qua nghiên cứu cho thấy, văn hóa làng được cấu thành bởi các thành tố: cơ cấu tổ chức, dòng họ, diện mạo làng, văn hóa vật thể (đình, đền, miếu, chùa, nhà thờ họ, nhà ở), văn hóa phi vật thể (tục lệ, lễ hội, tín ngưỡng dân gian, tập quán, cố kết cộng đồng dân cư làng xã)…

Văn hóa nghề gồm các thành tố cấu thành: hiệp hội nghề (phường/họ nghề), mối quan hệ nghề nghiệp giữa cộng đồng dân cư trong làng (làng xóm, gia đình, dòng họ) với nghệ nhân và thợ thủ công, bí quyết và quy trình nghề, tín ngưỡng thờ cúng tổ nghề...

Từ quan điểm "làng nghề" được cấu thành bởi hai thành tố "làng" và "nghề" thì trong mối tương quan "văn hóa làng nghề" cũng được cấu thành bởi các thành tố "văn hóa làng" và "văn hóa nghề". Văn hóa làng nghề là tổ hợp các thành tố có mối quan hệ chặt chẽ với nhau tạo thành tổng thể di sản văn hóa làng nghề truyền thống, gồm: diện mạo cảnh quan làng nghề, nhà ở, di tích, lễ hội, phong tục, tín ngưỡng thờ tổ nghề, tính cố kết cộng đồng dân cư trong làng nghề, kỹ thuật nghề nghiệp, bí quyết truyền nghề, biểu tượng văn hóa trong các sản phẩm của làng nghề… Có thể hiểu, văn hóa làng là nền tảng còn văn hóa nghề được coi là nhân tố quyết định cho sự hình thành nên đặc trưng của di sản văn hóa làng nghề.

Theo đó, giá trị làng nghề là những gì tinh hoa nhất của văn hóa làng nghề bao gồm: giá trị nhân văn, tín ngưỡng tổ nghề, di tích lịch sử, lễ hội dân gian, sản phẩm đặc trưng, kỹ thuật công nghệ nghề, nghệ nhân, đặc tính truyền nghề, phương thức tổ chức sản xuất, mối quan hệ cộng đồng trong làng nghề. Mỗi sản phẩm còn chứa đựng giá trị lịch sử và gắn với nguồn nguyên liệu tự nhiên sẵn có trong quá trình phát triển của làng nghề, kết tinh bản sắc dân tộc, chứa đựng giá trị kinh tế của nghề mang lại.

Như vậy, ở tầm cao hơn, giá trị làng nghề Việt Nam là một trong những thành tố cấu thành nên di sản văn hóa dân tộc. Trong Luật Di sản văn hóa năm 2001đã nêu " Di sản văn hóa Việt Nam là tài sản quý giá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam và là một bộ phận của di sản văn hóa nhân loại, có vai trò to lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của nhân dân ta''[55].

1.1.5.3. Quản lý giá trị làng nghề

Điều 54, Luật Di sản văn hóa năm 2001 quy định nội dung quản lý nhà nước về di sản văn hóa bao gồm:

> Xây dựng và chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về di sản văn hóa;Tổ chức, chỉ đạo các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về di sản văn hóa; Tổ chức, quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên môn về di sản văn hóa; Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực để bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; Tổ chức, chỉ đạo khen thưởng trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; Tổ chức và quản lý hợp tác quốc tế về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về di sản văn hóa[55].

Trên cơ sở kết hợp từ khái niệm di sản văn hóa, quản lý, quan niệm về văn hóa làng nghề, giá trị làng nghề chúng ta có thể hiểu quản lý văn hóa là sự tác động của chủ thể quản lý lên đối tượng quản lý trong quá trình tiến hành các hoạt động văn hóa nhằm đạt tới mục tiêu văn hóa – xã hội đã đặt ra. Như vậy nội hàm khái niệm quản lý văn hóa được hiểu như sau: Quản lý văn hóa là quản lý những giá trị về vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử, quản lý những hoạt động của con người nhằm thỏa mãn nhu cầu tinh

thần, quản lý các sản phẩm vật chất của tạo hóa góp phần nuôi dưỡng tinh thần của con người, quản lý những người tham gia vào hoạt động văn hóa.

Ở phương diện xã hội hiện nay cho thấy quản lý văn hóa gồm: Quản lý nhà nước về văn hóa; quản lý trực tiếp các cơ quan, các tổ chức văn hóa quản trị hoạt động nghiệp vụ, cơ sở vật chất, tài chính; tự giác ý thức cá nhân tự quản lý bằng lương tâm và trách nhiệm. Thực chất của quản lý di sản văn hóa là hoạt động bảo vệ di sản và phát huy giá trị của di sản văn hóa.

Nhiều quan điểm cho rằng, quản lý nhà nước về di sản văn hóa là sử dụng quyền lực của nhà nước để điều chỉnh các quan hệ xã hội và hành vi hoạt động của con người khi tham gia hoạt động vào các lĩnh vực văn hóa.

Tóm lại, quản lý giá trị di sản văn hóa làng nghề được hiểu là công việc của chủ thể quản lý (Nhà nước và nhân dân) lên đối tượng quản lý là các giá trị văn hóa của làng nghề. Trong đó: Công việc của Nhà nước trong xây dựng đường lối chính sách, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực văn hóa, làng nghề và tổ chức các hoạt động nhằm bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề trong đời sống xã hội, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại, đào tạo nghề và tôn vinh nghệ nhân, quảng bá giá trị văn hóa sản phẩm làng nghề rộng rãi trong nước và ra thế giới, đồng thời tổ chức kiểm tra và giám sát việc thực hiện các văn bản đó nhằm góp phần phát triển kinh tế, xã hội của từng địa phương nói riêng, cả nước nói chung. Quản lý nhà nước về giá trị di sản văn hóa làng nghề là quản lý hoạt động bảo vệ lâu dài các giá trị văn hóa tiêu biểu của các làng nghề truyền thống dựa trên mục tiêu phát huy sức mạnh tổng hợp của cộng đồng dân cư địa phương và toàn xã hội nhằm phục vụ mục tiêu giáo dục, hình thành nhân cách văn hóa, xây dựng môi trường xã hội lành mạnh và là nhân tố quan trọng cho phát triển bền vững. Công việc của cộng đồng dân cư làng nghề (nhân dân) là gìn giữ, bảo vệ và phát huy các giá trị của nghề, môi trường làng nghề bằng hình thức tự quản, luật làng, hương ước, tục lệ thờ cúng tổ nghề, thần tích, tổ chức hiệp hội, phường họ, bằng các mối quan

hệ gia đình, dòng tộc, phe giáp, xóm làng...

1.2. Quan điểm bảo vệ, phát huy giá trị làng nghề hiện nay

1.2.1. Bảo vệ

Trên thế giới có 3 quan điểm bảo vệ di sản văn hóa là bảo vệ nguyên vẹn, bảo vệ trên cơ sở kế thừa, bảo vệ có phát triển[3].

Quan điểm bảo vệ nguyên vẹn (bảo tồn ở dạng tĩnh) phát triển vào giữa thế kỷ XIX. Có nghĩa là những di sản vật thể, phi vật thể phải được bảo vệ, phục hồi nguyên gốc như thời điểm nó sinh ra, cách ly di sản khỏi môi trường xã hội đương đại, không để bị mất đi, không để bị biến thái, không được cải biến hoặc thay đổi, phát triển. Với giải pháp của quan điểm này rất phù hợp với những "di sản là tinh hoa". Bởi nó sẽ tạo cho các thế hệ sau tránh được cái nhìn phiến diện, sai lệch mà luôn đánh giá một chuẩn xác về giá trị của sự vật và những giá văn hóa, xã hội, khoa học và lịch sử theo niên đại của sự vật hiện tượng mà không phải dày công truy nguyên về các giá trị của những di sản đang tồn tại bởi sự biến đổi của môi trường sống qua thời gian luôn tạo nên những lớp văn hóa khác không trùng với lớp văn hóa mà thế hệ trước chuyển giao cho thế hệ sau. Đối với di sản vật thể là các sản phẩm đá mỹ nghệ được công nhận là bảo vật quốc gia (ví dụ như Long Sàng đền Đinh Tiên Hoàng, Cột kinh Phật chùa Nhất trụ ở cố đô Hoa Lư), di tích cấp quốc gia (ví dụ như cụm kiến trúc đền Tam Thôn ở Ninh Vân), cấp tỉnh (đền trung, đền thượng, chùa Tháp…ở Ninh Vân) thì cần sử dụng kỹ thuật, biện pháp để đảm bảo giữ nguyên vẹn hiện vật vốn có trong quá khứ về màu sắc, vị trí, hình khối... Đối với di sản phi vật thể (ví dụ như làng nghề chế tác đá Ninh Vân) là tiến hành điều tra sưu tầm, thu thập các dạng thức văn hóa phi vật thể như nó vốn có, lưu giữ chúng ở dạng bản ghi chép, băng hình hoặc các dạng khác trong thời gian lâu nhất… Tuy nhiên, bảo tồn dạng "tĩnh" này chưa thực sự thích hợp đối với làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân bởi nó triệt tiêu tính sáng tạo và ngay cả với di sản văn hóa vật thể (là các sản phẩm đá mỹ nghệ độc bản) cũng sẽ bị

tiêu mòn, hủy hoại các yếu tố gốc do tác động của môi trường tự nhiên. Một hạn chế nữa là làm cho di sản có những giá trị đơn chất, khó đáp ứng với nhu cầu sở thích của công chúng rộng rãi và làm khô cứng các sản phẩm văn hóa.

Bảovệ trên cơ sở kế thừa (bảo tồn dạng động) là cách thức bảo vệ phải có lựa chọn dựa trên tư duy mỗi di sản có một vai trò lịch sử nhất định với một thời gian và không gian nhất định. Đối với di sản văn hóa vật thể, những đồ tạo tác cố gắng giữ gìn, phục chế lại những nét cơ bản vốn cổ, xong phải xem xét đến các chức năng của di sản văn hóa đáp ứng nhu cầu và phù hợp với xã hội đương đại. Đối với các di sản văn hóa phi vật thể là giữ gìn, bảo vệ vốn cổ đồng thời kế thừa giá trị di sản ấy ngay chính trong quá trình phát triển của đời sống cộng đồng. Quan điểm này có mặt mạnh là phù hợp với di sản văn hóa phục vụ nhu cầu của đời sống hiện tại, những sản phẩm văn hóa có giá trị, được cộng đồng sàng lọc qua thời gian sẽ có cơ hội tự khẳng định mình, buộc những sản phẩm văn hóa truyền thống phải tự điều chỉnh mình khi đặt trong bối cảnh mới. Nhưng thể theo quan điểm này nếu không nhận thức đầy đủ giá trị của sản phẩm có thể sẽ dẫn đến đánh giá thiếu tính khoa học, cứng nhắc làm cho nhiều sản phẩm thực sự có giá trị bị hủy hoại, loại bỏ mà không được kế thừa.

Bảo vệ có phát triển là phương pháp kế thừa những giá trị văn hóa tiêu biểu của sự vật, hiện tượng, nếu không bảo tồn được nguyên vẹn những cái được kế thừa thì phải bảo tồn theo hiện dạng đang có và có thể xem xét phát triển, cấy ghép, nâng cao nó cho phù với xu hướng phát triển của cuộc sống. Đây có thể là sự lựa chọn hoàn hảo của di sản văn hóa phi vật thể bởi đặc tính của loại hình di sản này thường biến đổi theo thời gian và không gian sinh tồn. Việc phát triển, cải biến làm cho giá trị này hấp dẫn hơn, phong phú và giàu cảm xúc hơn. Bên cạnh mặt ưu việt, quan điểm này có một nhược điểm là việc cải biên, phát triển thêm các yếu tố văn hóa mới, nếu không có một tầm nhận thức sâu rộng, đúng đắn thì vô hình chung sẽ làm biến dạng, phá vỡ khuôn mẫu truyền thống làm mờ đi giá trị thực của di sản và chịu áp lực của dư luận xã hội

trong việc cách tân, đổi mới di sản.

Tóm lại, bảo vệ là hoạt động làm cho đối tượng có giá trị được chăm sóc, giữ gìn một cách an toàn và đảm bảo sự bền vững, tạo cơ hội phát triển mới cho tương lai. Bảo vệ di sản chính là những định hướng chính sách, cách thức, biện pháp có mục tiêu đảm bảo khả năng tồn tại trong mọi không gian, môi cảnh của những sự vật hiện tượng có giá trị về mặt lịch sử, văn hóa, khoa học cùng những giá trị khác, bao gồm việc nhận diện, tư liệu hóa, nghiên cứu, giữ gìn, duy trì, tu bổ, tôn tạo, phát huy, củng cố, chuyển giao để di sản sống cùng sự phát triển của nhân loại. Quá trình này mang tính chất tiến hóa thông qua hình thức giáo dục, phục hồi các phương diện khác nhau của từng loại hình di sản, mở ra sự phát triển mới lâu dài đối với mỗi di sản trong đời đời sống xã hội. Để hoạt động bảo vệ thực sự có ý nghĩa và không đi ngược lại quá trình phát triển của xã hội, góp phần làm giàu có đời sống thẩm mỹ, tri thức của con người, tạo đà cho kinh tế - xã hội phát triển, cần đặt hoạt động bảo vệ trong mối quan hệ với phát huy tức là bảo vệ di sản văn hóa phải đồng hành với việc sử dụng, phát huy giá trị của nó trong đời sống.

1.2.2. Phát huy

Thông thường, khi di sản văn hóa được phát hiện, qua quá trình nghiên cứu, đánh giá giá trị của di sản, các nhà quản lý sẽ cân nhắc tính lợi hại khi khai thác giá trị của di sản văn hoá rồi mới đưa ra các quyết định khai thác đối với một di sản hay toàn bộ hệ thống di sản: Chưa khai thác di sản; khai thác hạn chế; khai thác toàn diện, triệt để để đáp ứng nhu cầu của các đối tượng, phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội [4].

Như đã đề cập đến ở phần khái niệm công cụ, nội hàm khái niệm giá trị văn hóa truyền thống chỉ ra rằng, phát huy tức là làm cho cái cũ có giá trị hơn, hay hơn, đẹp hơn và mới hơn. Vậy nên chúng ta nhất thiết phải tận dụng, phát huy có hiệu quả tính hữu dụng, tính cố kết cộng đồng, định hướng tư duy và hành động xã hội của giá trị phục vụ thiết thực nhu cầu phát triển đất nước

trong thời kỳ hội nhập và sớm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp. Do đó "phát huy" được xem là nguyên tắc "phát triển".

Hiện nay, "phát triển bền vững" là xu hướng tất yếu mà tất cả nhân loại cần phải hướng tới. Nó được xác định là sự phát triển nhằm thoả mãn các nhu cầu hiện tại của con người nhưng không tổn hại tới sự thoả mãn các nhu cầu của thế hệ tương lai. Trong quan điểm của Đảng và Nhà nước ta, văn hóa là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội. Đại diện tiêu biểu nhất của di sản văn hóa chính là các giá trị văn hóa truyền thống được kết tinh, vật chất hóa. Các giá trị này hoàn toàn có khả năng đáp ứng nhu cầu giáo dục, đào tạo nâng cao năng lực sáng tạo, sự phong phú, đa dạng trong đời sống tinh thần của con người. Do đó việc tạo lập sự hài hòa giữa bảo tồn và phát triển, đòi hỏi tính đồng bộ về cơ chế, chính sách, các điều kiện liên kết, các giải pháp có khả năng tác động thúc đẩy lẫn nhau hướng đến mục tiêu: Phát triển không được xâm hại tới di sản văn hóa mà phải tạo lập cơ sở vật chất cho sáng tạo văn hóa. Phát triển kinh tế và bảo tồn di sản văn hóa phải gắn với đời sống xã hội và phải phấn đấu phục vụ nhu cầu vật chất và tinh thần của con người.

1.2.3. Bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề

Từ dẫn giải, phân tích những khái niệm, quan điểm ở các mục trên, chúng tôi nêu lên quan niệm về "phát huy" giá trị di sản làng nghề là: thứ nhất, trao truyền giá trị di sản nghề dưới nhiều hình thức nhằm đưa nghề truyền thống phát triển trên diện rộng, tiếp tục tạo ra giá trị kinh tế, giá trị văn hóa và xã hội; thứ hai, đổi mới tư duy quản lý và quy trình sản xuất, áp dụng khoa học công nghệ vào từng công đoạn sản xuất nhằm thay thế sức người, kế thừa và đổi mới các mẫu mã sản phẩm nhằm làm cho sản phẩm phong phú hơn, đa dạng hơn và tinh xảo hơn; thứ ba, đào tạo nguồn nhân lực: nghệ nhân, thợ lành nghề, đội ngũ quản lý theo hướng chuyên nghiệp chuyên môn hóa đáp ứng với xu thế phát triển và hội nhập của đất nước.

Bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề là phải trên cơ sở phát triển hài hòa giữa sản xuất hàng hóa với bảo vệ môi trường và gìn giữ giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bảo tồn để phát triển và phát triển để bảo tồn. Đồng thời phải tạo sự hài hòa trong hoạt động sản xuất của các hộ nghề gắn với thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu, phù hợp phát triển kinh tế xã hội và phát huy lợi thế của địa phương phát huy sự tham gia của cộng đồng gắn liền với tạo việc làm, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo và gắn với quá trình CNH-HĐH nông nghiệp, nông thôn, từng bước hình thành các thị tứ và phát triển nông thôn mới.

Ngày nay, bảo vệ và phát huy có mối quan hệ khăng khít hữu cơ với nhau, tạo nên sự tổng thể và toàn vẹn, cái này làm tiền đề, bổ trợ cho sự tồn tại của cái kia, có thể coi như là một cặp phạm trù của văn hóa học. Do đó, khi xem xét các hiện tượng văn hóa phi vật thể ở làng nghề thủ công truyền thống thì cần phải được nhận thức, thực hiện nhất quán và cần xử lý hài hòa mối quan hệ giữa bảo vệ và phát huy để bảo tồn tạo cơ sở cho sự phát triển bền vững, còn phát huy trở thành môi trường tốt nhất để nuôi dưỡng và làm giàu chính bản thân văn hóa làng nghề. Và mấu chốt cuối cùng là phục vụ đời sống vật chất và tinh thần của con người, vì con người.

1.3. Tổng quan về làng nghề chế tác đá mỹ nghệ ở xã Ninh Vân

1.3.1. Giới thiệu chung về xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư

1.3.1.1. Địa lý, tự nhiên

Theo tài liệu nghiên cứu của các nhà khảo cổ học, cách nay hàng triệu năm xã Ninh Vân là một vùng đầm phá ngập mặn. Hầu hết ở các chân núi đá như núi Ngang, núi Am, núi Vàng, núi Luồn…đều còn lưu lại các hõm đá sâu là dấu tích bị sóng biển bào mòn cùng các cồn cát, vỏ hến, vỏ hàu hóa thạch ở khu vực đền Thánh, Mô gạo (làng Vạn Lê), chùa Tháp (làng Thiện Dưỡng), chân núi Mả Vô. Qua nhiều thế kỷ phù sa bồi đắp và có sự di cư khai phá sinh sống của người Việt cổ dần dần lập nên làng, xã Ninh Vân ngày nay.

Hiện nay, Ninh Vân là một xã miền núi thuộc vùng chiêm trũng, có tổng

diện tích tự nhiên 1.264,14 km2, lớn thứ hai trong 11 xã/thị trấn của huyện Hoa Lư, trong đó có 184.63ha rừng đặc dụng, 618,4 ha đất nông nghiệp, núi đá chiếm hơn 450 ha còn lại là đất thổ cư, đất tự nhiên. Phía bắc giáp khu du lịch Tam Cốc- Bích Động, phía tây giáp khu du lịch sinh thái Thung Nham và khu du lịch Sơn Hà huyện Nho Quan, phía đông giáp xã Ninh An, phía nam giáp thành phố Tam Điệp. Ninh Vân chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới gió mùa, mùa hè có gió Lào, mùa xuân độ ẩm cao, ít xảy ra lũ lụt hạn hán. Trụ sở UBND xã cách trung tâm thành phố Ninh Bình 7,5km về phía tây nam. Giao thông thuận lợi, có quốc lộ 1A chạy qua nên hoạt động sản xuất, giao thương của xã có nhiều thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội. Nguồn tài nguyên nước dồi dào đảm bảo tưới tiêu, sinh hoạt của người dân và phục vụ sản xuất tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp và dịch vụ. Tuy nhiên với địa hình núi đá nhiều nên lượng nước ngầm khan hiếm. Có 3 nhóm đất chính: đất phù sa, đất glay và đất xám thuận lợi cho trồng lúa nước. [39], [Phụ lục 4, 5 tr.156-157].

Địa hình bán sơn địa chia thành hai khu vực, phía đông là đồng bằng, phía tây là núi cao với hơn 450 ha được UBND tỉnh Ninh Bình cấp phép 97 ha núi đá cho làng nghề đá mỹ nghệ, còn lại sử dụng vào khai thác vật liệu xây dựng và cung ứng nguyên liệu cho 02 nhà máy xi măng Lucky và Duyên Hà.

Vị trí địa lý tự nhiên của Ninh Vân được tổ chức UNESCO đưa vào vùng đệm của Quần thể Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Tràng An, vị trí này sẽ tạo ra tiềm năng du lịch của Ninh Vân phát triển theo hướng du lịch làng nghề, đem lại giá trị kinh tế và văn hóa cho cộng đồng dân cư địa phương.

1.3.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

Cơ cấu kinh tế ngày càng đa dạng, tỷ trọng ngành TTCN, dịch vụ tăng 88%, kinh tế nông nghiệp giảm 12%. Trong đó nghề chế tác đá mỹ nghệ phát triển nhất, có 10/13 làng nghề và 1 cụm công nghiệp được UBND tỉnh công nhận danh hiệu làng nghề truyền thống, 3 làng được công nhận là làng có nghề chế tác đá. Toàn xã có trên 80 doanh nghiệp vừa và nhỏ, trên 600 cơ sở chế tác ĐMN hoạt động. 6 tháng cuối năm 2016 tổng giá trị TTCN – Làng nghề đạt 164 tỷ 500 triệu đồng. Trong đó, sản xuất đá vật liệu đạt 32 tỷ đồng; chế tác đá

mỹ nghệ đạt 90 tỷ 500 triệu đồng, vận tải đạt 8 tỷ 200 triệu đồng. Nghề chế tác đá mang lại giá trị kinh tế cao hơn hẳn so với nông nghiệp trở thành nguồn thu lớn nhất cho toàn xã chiếm tỷ trọng 74.3% trong cơ cấu kinh tế. Tốc độ tăng trưởng kinh tế là 20.8%[38].

Ninh Vân có 2 tôn giáo chính là Phật giáo và Công giáo, trong đó giáo dân chiếm 10% dân số. Thờ cúng tổ tiên, dòng họ, thờ tổ nghề đá, thần núi là tín ngưỡng phổ biến nổi trội ở Ninh Vân. Trước đây giáo dục cho con em đến trường chưa được chú trọng, tỷ lệ trẻ em thất học cao. Từ khi có các phong trào trọng điểm "toàn dân xây xựng đời sống văn hóa" thì nay 3/3 trường học của xã đều được công nhận là trường chuẩn Quốc gia. Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình được các cấp, các ngành tập trung chỉ đạo thực hiện tốt, giảm tỷ lệ sinh hàng năm 0,2%. Giảm tỷ lệ hộ nghèo còn 2,34% năm 2015. Toàn xã có 15/17 làng và cơ quan trường học đạt danh hiệu làng, cơ quan và trường học văn hóa. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được đảm bảo, xã hội ổn định[40].

1.3.2. Khái lược sự hình thành và phát triển của làng nghề Ninh Vân

1.3.2.1.Lịch sử hình thành làng nghề

Để xác định nguồn gốc nghề chế tác đá cổ truyền ở Ninh Vân, qua quá trình khảo cứu tác giả đã dựa vào các cứ liệu truyền thuyết dân gian về vị Tổ nghề, bản tục lệ xã Côn Lăng, Thần tích xã Côn Lăng , thần phả đạo sắc phong đã được Viện Hán nôm dịch năm 2012, các tài liệu khảo tả về mỹ nghệ đá Ninh Vân của Sở VH-TT Ninh Bình, hồ sơ di tích và các bài viết về quá trình di dân lập làng và lời kể của các cụ cao niên, các nghệ nhân của làng nghề.

Thứ nhất, các cụ cao niên trong xã kể rằng, nghề đá Ninh Vân có từ thời vua Hùng. Từ cách đây khoảng 5000 năm, Ninh Vân là vùng núi đá trẻ bao bọc đất bùn trũng nhưng đã có người Việt cổ đến sinh sống. Để sinh tồn người Việt cổ đã sử dụng vật liệu đá khối có sẵn trong tự nhiên để tạo ra các công cụ bằng đá phục vụ đời sống và dựng nhà cửa bằng đá để chống chọi với thú dữ và khí hậu khắc nghiệt. Vào "thập kỷ 70 của thế kỷ XX, các nhà khảo cổ học đã tìm thấy rìu đá có vai ở khu vực này"[25]. Dựa vào đặc điểm di biến cư dân tự nhiên gắn với lễ hội Tam Thôn, lễ hội làng Xuân Vũ và tục thờ cúng 3 vị thần

núi có tên là Tản Viên, Cao Sơn, Quý Minh thời Vua Hùng thứ 18 gắn với nghi thức thờ cúng tứ vị phúc thần tại các ngôi đền bằng đá mỹ nghệ cổ truyền: đền Kê Thượng, Kê Hạ, Miễu Sơn trên địa bàn xã và dựa vào Tục lệ Tam thôn, thần tích xã Côn Lăng. Cho đến nay đặc tính của người dân Ninh Vân vẫn chuộng xây dựng nhà ở, tường rào bằng đá khối, đền miếu bằng đá mỹ nghệ và dựa vào các vách núi, lợi dụng các hõm hang để làm mái che nắng, chắn mưa. Theo các nhà nghiên cứu "trong hai ngôi đền Kê Hạ và Kê Thượng còn lưu những viên đá thời vua Hùng"[25]. Trong quan niệm dân gian ở địa phương cho rằng vị tổ nghề đá mỹ nghệ ở Ninh Vân được phối thờ trong các ngôi đền thuộc địa phận làng Thượng và cũng được phối thờ cùng với Thành Hoàng làng trong đình làng Hệ.

Thứ hai, theo ca dao dân gian thì nguồn gốc của làng nghề xuất phát từ thời vua Đinh, vua Lê. Dựa vào các di chỉ khảo cổ và đặc biệt là các công trình bằng đá có tuổi đời hàng ngàn năm còn tồn tại đến ngày nay. Theo kết quả giám định khoa học, các đền Kê Thượng, Kê Hạ, Miễu sơn thuộc địa bàn xã Ninh Vân được dựng bằng đá phiến có tạo tác hoa văn từ thời Đinh, Lý, được dựng lại thời Hậu Lê - Trịnh, trùng tu thời Mạc, Nguyễn [24] và thập niên thứ nhất, thứ hai của thế kỷ XXI. Trong dòng chảy lịch sử dân tộc, vào thế kỷ thứ X, Hoa Lư là kinh đô của nước Đại Cồ Việt, được mệnh danh là "Kinh đô đá" cùng với những công trình kiến trúc Phật giáo bằng đá nổi tiếng: 40/100 cột kinh Phật do Nam Việt Vương Đinh Liễn (con trai vua Đinh Tiên Hoàng) dựng để sám hối vì đã giết em trai là Đinh Hạng Lang có tuổi đời gần 1050 năm được tìm thấy ở phía bắc kinh thành Hoa Lư, Cột kinh Phật tại chùa Nhất Trụ do vua Lê Hoàn dựng để cầu quốc thái dân an ở thế kỷ thứ X. Các đế trụ bằng đá ở cung điện Trường Xuân (thế kỷ X). Đôi rồng bằng đá ở động Thiên Tôn (tương truyền nơi vua Đinh Tiên Hoàng hay đến tế lễ trọng) có họa tiết nghệ thuật chạm khắc thời Đinh-Tiền Lê. Có thể thấy, nghề chạm khắc đá ở Kinh đô Hoa Lư thời Đinh và Tiền Lê đã phát triển. Nhưng những gì còn sót lại cho ta thấy nghệ nhân thời đó đã biết sáng tạo những loại họa tiết đan xen tạo thế vững vàng về bố cục mà vẫn thoải mái bay bướm, chứng tỏ tay nghề, trình độ mỹ

thuật khá cao. Đặc biệt, những hoa văn trang trí hướng tâm, những loại họa tiết đan xen tạo thế vững vàng về bố cục ở các cột kinh Phật thời kỳ này giống những họa tiết hoa văn chủ đạo hiển hiện trên các sản phẩm của làng nghề ngày nay. Như vậy, làng nghề chạm khắc đá ở Ninh Vân là một vùng nghề đá đặc sắc còn lưu tồn đến nay. Những người thợ chạm khắc đá thời Đinh - Tiền Lê là những người vừa có công lao làm ra các công trình, sản phẩm bằng đá đặc sắc lại vừa có công truyền dạy nghề này trong vùng.

Thứ ba, nghề chạm khắc đá Ninh Vân được tái sinh thời Hậu Lê- Trịnh cách nay trên 400 năm. Dựa vào sắc phong năm 1600 và 1680, bia đá và truyền thuyết về vị Tổ nghề. Vị Tổ nghề đá của Ninh Vân tên là Hoàng Sùng, quê gốc làng Nhồi, xứ Thanh đến làng Đán (Xuân Vũ) xã Ninh Vân ở rể rồi truyền dạy nghề chạm khắc đá cho người dân địa phương. Cứ đến ngày 15 tháng 8 âm lịch hàng năm, dân hai làng Hệ và Xuân Vũ lại tổ chức lễ khai sơn và giỗ Tổ nghề để nhớ ơn người đã đem lại đời sống ấm no cho cư dân nơi đây[25].

Thứ tư, các nghệ nhân làng Hệ cho rằng vị Tổ nghề đá Ninh Vân là một người dân tộc Chăm tên là Hệ. Cụ đã từng sinh sống và làm nghề chế tác đá mỹ nghệ ở vùng núi Non Nước (Đà Nẵng) rồi di cư ra vùng Ninh Vân để lập nghiệp. "Trong một ngôi đền ở làng Hệ còn lưu giữ một pho tượng vị tổ nghề được tạc bằng đá, có hình dáng, trang phục là một người Chămpa"[25, tr 7].

Nghệ thuật chạm khắc đá thời kỳ này ở các đền, chùa, miếu mạo trên đất Ninh Bình phát triển rất rực rỡ. Tiêu biểu đôi tác phẩm Long Sàng (sập rồng) bằng đá ở cửa đền thờ vua Đinh ở trung tâm Cố đô Hoa Lư có niên đại thời Lê – Trịnh được công nhận là bảo vật quốc gia tháng 12/2017, họa tiết hoa văn trên long sàng rất độc đáo, đặc biệt là "4 cánh tay rồng mềm mại, ngón thon đều như cánh tay vũ nữ Chămpa"[30]; một số hạng mục bằng đá ở kiến trúc đền Vua Đinh, đền Vua Lê (Cố đô Hoa Lư), kiến trúc bằng đá ở đền Thái Vi thờ các vị vua chúa thời Trần, kiến trúc chạm khắc đá đền Nội Lâm thờ Thần núi Quý Minh... Đặc biệt là trên địa bàn xã Ninh Vân cụm kiến trúc nghệ thuật đền Kê Thượng, Kê Hạ, Miễu Sơn thờ thần núi là di tích lịch sử cấp quốc gia và chùa Tháp thờ công chúa họ Trịnh đều được chạm khắc 100% bằng đá xanh tự

nhiên nguyên khối từ thời Lê –Trịnh. Tất cả các sản phẩm di tích này đều được tạo tác bằng đá vôi ở Ninh Bình.[Phụ lục 8, 11 tr. 165,173].

Tóm lại, dù chưa xác định được cụ thể nguồn gốc ra đời của làng nghề nhưng các kiến trúc nghệ thuật chạm khắc đá cổ truyền trên địa bàn xã Ninh Vân đều có kiểu cách hoa văn và chất liệu đá xanh tự nhiên có nhiều nét tương đồng với hoa văn và chất liệu đá trên cột kinh Phật thế kỷ X và kiến trúc ở đền vua Đinh vua Lê (thế kỷ XVII) ở cố đô Hoa Lư. Trải qua những thăng trầm của lịch sử, làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân cũng có những giai đoạn hưng suy, song nó vẫn được cư dân trong vùng gìn giữ lưu truyền và phát triển tới ngày nay, tạo nên những giá trị lịch sử, giá trị văn hóa của nước nhà.

1.3.2.2. Làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân hiện nay

Làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân có những bước đi thăng trầm cùng với những thăng trầm của lịch sử dân tộc, có những thời kỳ người thợ thủ công có nhiều đất để dụng võ thì phát triển rộng theo quy mô làng xã, có những thời điểm khó khăn chỉ co cụm lại ở vài hộ gia đình. Tính mốc thời gian trước Cách mạng tháng Tám, do chính sách thuế khóa và nguồn vốn khó khăn nên làng nghề chỉ mang tính chất là nghề phụ nông nghiệp theo hình thức hộ gia đình có nghề truyền thống. Thời kỳ đất nước đấu tranh giải phóng miền Nam và thực hiện chính sách thành lập các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp ở miền Bắc, nhằm đưa tiểu thủ công nghiệp từng bước tách dần nông nghiệp. Chủ trương chính sách này là cơ sở, tiền đề cho sự biến đổi từ hình thức cá thể, hộ gia đình sang hình thức tổ chức sản xuất tập thể với dấu mốc là sự ra đời Hợp tác xã (HTX) tiểu thủ công nghiệp Thạch Sơn năm 1959. Trong bối cảnh cơ chế quản lý quan liêu bao cấp kéo dài, HTX dần dần rơi vào khủng hoảng, ngưng chệ do năng suất lao động thấp, tâm lý thợ thủ công ỷ lại, không có thị trường tiêu thụ.Từ năm 1986 Nhà nước xóa bỏ bao cấp chuyển đổi sang cơ chế thị trường, vừa là thách thức vừa là cơ hội đối với nghề thủ công truyền thống chạm khắc đá mỹ nghệ Ninh Vân, đòi hỏi sự thay đổi về mặt tổ chức quản lý sản xuất, đội ngũ thợ thủ công, trang thiết bị, vốn, sản phẩm và thị trường tiêu thụ.

Đặc biệt, sau khi tỉnh Ninh Bình được tái lập năm 1992, HTX Thạch

Sơn giải thể (1993), một mô hình sản xuất mới được hình thành phù hợp với cơ chế thị trường. Đó là sản xuất hộ cá thể nhỏ lẻ, hộ liên doanh với tập thể (tổ hợp sản xuất), công ty liên doanh và doanh nghiệp tư nhân (công ty TNHH). Năm 2018 có 13/13 thôn làng của xã đều có hoạt động chế tác đá mỹ nghệ: 10/13 thôn và một làng nghề tập trung (cụm công nghiệp Ninh Vân) được công nhận làng nghề, 5/13 thôn được công nhận làng nghề truyền thống, 31 thợ thủ công mỹ nghệ giỏi được UBND tỉnh phong tặng danh hiệu Nghệ nhân, có trên 80 doanh nghiệp, cơ sở sản xuất chế tác đá mỹ nghệ và trên 600 hộ sản xuất nhỏ lẻ trong làng. Hoạt động làng nghề phát triển mạnh mang lại đời sống ấm no cho người lao động làm nghề, thu nhập từ nghề đá mỹ nghệ chiếm tới trên 70% tổng giá trị của xã, hầu hết các gia đình làm nghề đều có kinh tế khá giả[24].

1.4. Giá trị làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân

1.4.1. Nguyên liệu đá

Trong nghệ thuật tạo hình chạm khắc chất liệu đóng một vai trò quan trọng khẳng định giá trị một tác phẩm. Chất liệu đá thường đồng nghĩa với sự vĩnh cửu dù sản phẩm đó gồ ghề hay trơn nhẵn, đá tạo ảo giác lạnh, âm cho đối tượng, nhưng tượng đá hay các công trình kiến trúc bằng chất liệu đá thể hiện sự bề thế, vững chãi, trang nghiêm và cổ kính. Là một tỉnh ở phía nam đồng bằng Bắc bộ, Ninh Bình sở hữu nhiều nguồn tài nguyên thiên nhiên có giá trị. Đặc biệt là nguồn tài nguyên đá với những dãy núi đá vôi khá lớn có tổng diện tích trên 1.2000ha. Dãy núi đá vôi phía tây nam xã Ninh Vân hiện nay có tổng diện tích hơn 450ha nằm trong dải núi Tràng An liền mạch từ khu du lịch Tam Cốc – Bích Động dài hơn 2km đến giáp phường Yên Bình, thành phố Tam Điệp. Dãy núi này có đỏm Nhang Án (núi Thiện Dưỡng hoặc Thiên Dưỡng hay Nhang Án) cao nhất tỉnh Ninh Bình, Ninh Bình toàn tỉnh địa chí khảo biên có ghi "Núi cao chót vót và tròn đẹp, trèo lên cao nhìn các núi đều nhỏ, sắc đá xanh biếc lấy đá làm nghiên mài mực rất trơn mịn"[20, Tr 8], đặc tính bền, dai và không vân luôn được người dân khai thác để chạm tạc nhà cửa, đền đài và làm linh vật thờ tự. Đá xanh ở Ninh Bình được hiểu là một loại đá vôi cứng có nguồn gốc từ đá trầm tích. Đây là loại đá cứng nhất, nặng nhất trong các loại

đá, có độ rắn cao hơn nhiều so với loại đá trắng, đá xanh nhạt, đá vàng ở những nơi khác, tuổi thọ cao, càng sử dụng đá càng lên nước bóng láng tạo nên sự vĩnh cửu cho rất nhiều các công trình kiến trúc rất phù hợp những hạng mục điêu khắc ngoài trời. Đó là một trong các lí do vì sao từ xa xưa đá ở Ninh Vân loại đá đôlômit này đã được sử dụng vào rất nhiều các mục đích khác nhau như lăng mộ, đền chùa, tượng đài, nhà ở, tranh, bàn ghế, chén, bát…

Tóm lại, Ninh Bình nói chung và Ninh vân nói riêng là xứ sở của núi đá vôi đôlômit. Do đó, núi đá chính là nguồn nguyên liệu giá trị và thuận lợi cho nghề chế tác đá nơi đây hình thành từ rất sớm và phát triển thành nghề đặc trưng của vùng đất Hoa Lư, Ninh Bình.

1.4.2. Giá trị phi vật thể

1.4.2.1.Văn hóa cư dân và nghệ nhân làng nghề

Vùng núi đá Ninh Vân qua hai lần khảo cổ học năm 1972- 1991 đã phát hiện ra được nhiều hiện vật thời Hùng Vương thuộc giai đoạn hậu kỳ đá mới, sơ kỳ đồ đồng cách nay 5000 năm là những chiếc rìu đá có vai, mũi tên đồng ở một số quả núi ở khu vực phía Nam xã Ninh Vân. Đây là minh chứng xác thực nhất về sự di cư của con người từ vùng núi cao xuống vùng núi Tràng An- Ninh Bình định cư [25]. Về bản chất người dân làng xã Ninh Vân luôn có truyền thống cần cù lao động, yêu nước, dũng cảm và có tính cộng đồng rất cao để bảo vệ không gian sinh tồn, để khai hóa thiên nhiên và chống chọi với thú dữ, thiên tai.

Theo tài liệu thần phả, đạo sắc phong thần còn lưu giữ được ở các đình làng của xã, vào khoảng đầu thế kỷ thứ X, Ninh Vân là vùng ngoại thành của kinh thành Hoa Lư. Nhiều thợ thủ công giỏi (gốm, đá mỹ nghệ, mộc, thêu ren,…) về xây dựng cung điện, chùa miếu và sinh sống. Điều này đã tạo nên nét văn hóa đặc trưng của làng xã Ninh Vân nói chung và nghề chạm khắc đá Ninh Vân nói riêng. Vùng núi xã Ninh Vân là nơi tụ cư từ nhiều địa phương, nên cộng đồng dân cư của làng xã Ninh Vân luôn mang tính động, mở, đa hợp, đa ngành nghề nhưng do sự tác động của môi trường tự nhiên nên xưa kia người dân nơi đây lấy nghề nông làm trọng, chủ yếu trồng lúa nước. Song cũng có nhiều ngành nghề thủ công truyền thống được người dân lưu truyền và phát

triển dựa trên nguồn lực tự nhiên sẵn có như mây, tre, thêu ren, đặc biệt là nguồn nguyên liệu đá xanh dồi dào, người dân đã sử dụng để xây nhà và dùng kỹ nghệ chạm khắc ra các sản phẩm đá mỹ nghệ độc đáo phục vụ xã hội. Do đặc tính của nghề đá nặng nhọc, tạo dựng các công trình kiến trúc lớn nên đòi hỏi hiệp thợ đông, tính cộng đồng cao, nam giới khỏe mạnh. Nghệ nhân làng nghề từ xưa tới nay là những người có kỹ nghệ tay nghề cao, khéo léo, óc thẩm mỹ và đôi mắt của mỹ thuật. Họ sống theo kiểu "nhất nghệ tinh, nhất thân vinh" "sinh ư nghệ, tử ư nghệ" bôn ba khắp nơi để tạo ra các sản phẩm đá mỹ nghệ phục vụ nhu cầu hưởng thụ của cộng đồng và xã hội.

Ngày nay Ninh Vân có 13 thôn với tổng số dân là 12.178 người, 3.176 hộ. Mật độ dân số 726 người/km2. Ninh Vân là một trong 10 xã có số dân đông đúc nhất tỉnh Ninh Bình. Cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng lao động phi nông nghiệp, giảm dần lao động nông nghiệp. Trong đó số người trong độ tuổi lao động chiếm 59.8%, nhìn chung dân số của xã trẻ, nguồn lao động dồi dào, với hơn 4.200 thợ đá mỹ nghệ chiếm 80% tổng số lao động có việc làm thường xuyên [38]. Nghề chế tác đá còn thu hút hàng trăm lao động trong và ngoài tỉnh đến làm việc tại làng nghề theo mùa vụ. Từ năm 2007 đến nay có 31 thợ thủ công lành nghề được công nhận nghệ nhân.

1.4.2.2.Truyền thuyết về Tổ nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân.

Trong quan niệm dân gian ở địa phương cho rằng nghề đá Ninh Vân có từ thời vua Hùng nên có tục thờ cúng 3 vị thần núi có tên là Tản Viên, Cao Sơn, Quý Minh thời Vua Hùng thứ 18 gắn với nghi thức thờ cúng tứ vị phúc thần tại các ngôi đền bằng đá mỹ nghệ cổ truyền trên địa bàn xã. Minh chứng là lễ hội Tam Thôn vẫn còn lưu truyền đến ngày nay và trở thành lễ hội lớn nhất của xã Ninh Vân và tục lệ này còn được lan truyền và tạo nên lễ hội làng Xuân Vũ.

Truyền thuyết khác về nguồn gốc của làng nghề lại cho rằng làng nghề có từ thời vua Đinh, vua Lê. Những người thợ chạm khắc đá thời Đinh - Tiền Lê là những người vừa có công lao làm ra các công trình, sản phẩm bằng đá đặc sắc lại vừa có công truyền dạy nghề này trong vùng. Cụ Nguyễn Xuân Lương, 89 tuổi ở thôn Hệ khẳng định nơi thờ vị Tổ nghề đá Ninh Vân xưa là

một ngôi đền trên gò đất thuộc làng Hệ. [Phụ lục 2, tr. 145-146].

Truyền thuyết được nhắc nhiều nhất là truyền thuyết về Tổ nghề chạm khắc đá Ninh Vân thời Hậu Lê- Trịnh cách nay trên 400 năm. Ông có tên húy là Hoàng Sùng, người gốc xứ Thanh (làng Nhồi) là con rể người làng Đán (Xuân Vũ) xã Ninh Vân. Ông về quê vợ sinh cơ lập nghiệp rồi truyền dạy nghề chạm khắc đá. Do đó, người dân địa phương đã lập đền thờ ông và tổ chức Lễ khai sơn và giỗ tổ nghề vào ngày rằm tháng tám âm lịch.

Một dị bản nữa về truyền thuyết Tổ nghề của làng Hệ. Tổ nghề đá Ninh Vân là một người dân tộc Chăm tên là Hệ làm nghề điêu khắc đá, từ nước Chămpa sang nước Việt rồi di cư ra vùng Ninh Vân để lập nghiệp. Người dân làng Hệ tránh tên húy của cụ nên đặt tên làng Côn Lăng Hạ (tức làng Hạ xã Côn Lăng), sau năm 1945 đổi lại là làng Hệ. Người dân làng Hệ phối thờ vị Tổ nghề trong ngôi đình cổ của làng Hệ và tổ chức giỗ tổ nghề vào tháng 8 âm lịch

1.4.2.3.Tri thức kinh nghiệm chế tạo công cụ và quy trình chế tác đá mỹ nghệ.

Mỗi nghề thủ công cổ truyền tạo ra sản phẩm có giá trị phục vụ xã hội bao giờ cũng chứa đựng trong nó kho tàng tri thức kinh nghiệm nghề. Một trong những tri thức kinh nghiệm quý báu là sáng tạo ra phương tiện phục vụ cho sản xuất ra sản phẩm thủ công. Việc chế tạo ra các công cụ và kỹ năng sử dụng công cụ chế tác đá của các thế hệ trước được các thế hệ sau ứng dụng có hiệu quả và không ngừng sáng tạo ra các công cụ mới hữu dụng hơn trong quá trình tạo ra các sản phẩm hoàn chỉnh hơn, tinh tế hơn, rút ngắn thời gian lao động hơn và tiếp tục được bảo tồn, phát huy kinh nghiệm quý báu ấy cho các thế hệ mai sau. Bắt nguồn từ cách thức tạo hình trên chất liệu, chạm khắc đá là các lối chạm trổ mà ở đó người thợ thủ công hoặc người nghệ sĩ sử dụng công cụ cứng như kim loại (đục, dao…) để vạch lên chất liệu đá nhằm tạo nên các tác phẩm nghệ thuật. Để chế tác ra một sản phẩm đá mỹ nghệ từ đá núi người thợ thủ công làng nghề chế tác đá Ninh Vân phải biết chế tạo ra các dụng cụ xà beng, vồ, gỗ, nêm (chét), đục nhọn chuyên dụng cho việc khai thác đá vôi trên núi cao cũng như kỹ năng sử dụng có hiệu quả công cụ này mà không để xảy ra tai nạn hoặc khai thác được các tảng đá có kích cỡ đúng như ý muốn. Hoặc

trong quá trình chế tác sản phẩm đá mỹ nghệ, người thợ thủ công không chỉ có kinh nghiệm tạo ra các hoa văn trên đá mà họ còn sáng tạo ra các công cụ như ve để nạo vét bề mặt sản phẩm đá, cưa, dùi, đục vụm, vồ, gỗ, đục phác , đục tinh, búa phẳng, búa băm, búa băm rãnh, búa bằng gỗ...để tạo ra các hoa văn đó được tinh tế hơn, sắc nét hơn, mềm mại uyển chuyển hơn, đem lại giá trị lao động và giá trị kinh tế cho người làm nghề.

Mỗi một sản phẩm đá mỹ nghệ ra đời là sự kết tinh của nhiều nguồn tri thức kinh nghiệm quý giá rút ra từ kỹ năng thực hành nghề. Cũng như chạm khắc gỗ hay bất kể một nghề thủ công truyền thống nào khác, nghề chế tác đá mỹ nghệ xã Ninh Vân trên chất liệu đá vôi xanh từ lâu đời đã hình thành và không ngừng bổ sung tạo nên một quy trình chế tác đá khá đặc trưng của làng nghề ngày nay. Quy trình chạm khắc đá phải qua rất nhiều công đoạn: Xây dựng ý tưởng sản phẩm trên mẫu giấy, mẫu đất sét (thạch cao), đồ họa trên vi tính. Công đoạn chọn chất liệu đá, phá bóc đá trên núi cao theo lối thủ công là một công việc rất nặng nhọc, nguy hiểm đến tính mạng. Người thợ đá Ninh Vân rất có kinh nghiệm chọn đá dùng làm sản phẩm, căn cứ vào kích cỡ to nhỏ của sản phẩm cần chế tác ra sao thì người thợ đá sẽ xác định những lớp, tảng, phiến đá cần sử dụng. Tương truyền, xưa kia cụ Hoàng Sùng (ông tổ nghề) là một người rất tài giỏi không có ai bì được. Khi lựa chọn đá núi để về chế tác theo từng loại sản phẩm, cụ xem các mạch gân hay các râu đá núi để chọn được các lớp đá dày mỏng khác nhau, ví như các lớp đá 7 thước, lớp 4 thước, 3 thước. Qua các gân đá, râu đá, màu đá, cụ biết rõ độ cứng, độ dai của đá hay loại đá nào thì nạc thớ, ít tì vết ở bên trong. Khi cụ chế tác ra cối xay thóc bằng đá thì lúc quay lúa nhẹ chẳng khác gì cối tre, cối đất [25, tr 7].

Dựa trên các điểm và mặt phẳng nguyên liệu đã chọn thợ bắt đầu đục phác thảo sơ bộ hình dáng sản phẩm ở dạng thô. Tiếp theo là sử dụng bút cạo hay bút khắc, cũng có khi là bút mực, phấn mầu vẽ phóng tác hình dáng, hoa văn lên bề mặt thiết diện của phom đá cần chế tác. Công đoạn dùng búa gỗ (vồ), đục nhọn hoặc dụng cụ máy chuyên dụng để đục thô, phá, cắt, gọt phom sản phẩm thành hình khối có diện mạo gần như thành phẩm. Đục tinh sản phẩm

là công đoạn quan trọng nhất của nghề chế tác đá mỹ nghệ và là công đoạn cuối cùng trong quy trình chạm khắc đá thực hiện chi tiết thể hiện kỹ nghệ điêu luyện để hoàn thiện một tác phẩm nghệ thuật chế tác đá mỹ nghệ truyền thống của người thợ đá Ninh Vân. Công đoạn này không nặng nhọc, hao tổn sức lực như các công đoạn trước nhưng việc quan trọng nhất là chạm hình nét và trang trí đòi hỏi người thợ phải có đôi bàn tay vàng, khéo léo, kỹ thuật cao, lành nghề và sự thăng hoa trong mỹ cảm để tiến hành sử dụng các công cụ sắc bén như bướm, bạt, đục vụm, đục nhọn, nạo, ve để đục lẩy, chạm bong, nạo vét, đục moi, gọt, giũa, mài, trổ kỹ càng tỷ mỉ, cẩn thận nhằm tạo ra những họa tiết, hoa văn, hình nét tinh tế, sắc sảo giống như sản phẩm nguyên mẫu hoặc trở thành một tác phẩm điêu khắc nghệ thuật. Ngoài ra còn có các công đoạn phụ trợ như tạo da ráp, đánh bóng sản phẩm hoặc dùng hóa chất tạo mầu cho bề mặt đá nhằm làm cho sản phẩm đẹp hơn và tăng tính hấp dẫn, độc đáo riêng có của đá mỹ nghệ Ninh Vân. Đối với những công trình kiến trúc hoặc một số sản phẩm là những mảnh rời rạc thì cần phải có nhóm thợ chuyên lắp ghép đến địa điểm công trình để lắp ghép, dựng các mảnh sản phẩm rời rạc thành sản phẩm công trình hoàn chỉnh. Tuy nhiên, ngoài những quy trình chung cơ bản trên, ở mỗi loại sản phẩm lại có những yêu cầu kỹ thuật cụ thể thể hiện tính đa dạng của kỹ nghệ chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân.[Phụ lục 13,14,15,16, tr 180-188].

1.4.2.4. Giá trị thẩm mỹ

Giá trị thẩm mỹ có thể hiểu là những bí kíp, kỹ nghệ về bố cục, nhịp điệu, chất cảm và màu sắc chất liệu đá làm nên bản sắc nghề. Từ xa xưa cha ông ta đã rất điêu luyện trong kỹ nghệ chạm, khắc. Có hai kỹ nghệ đặc biệt được phổ biến trong điêu khắc tạo hình của người thợ đá Ninh Vân là kỹ nghệ chạm khắc trang trí và kỹ nghệ chạm khắc khối trên chất liệu đá xanh tự nhiên.

Kỹ nghệ chạm khắc trang trí phù điêu đã được người thợ đá Ninh Vân sử dụng triệt để trong trang trí làm đẹp cho các công trình kiến trúc, đền đài, lăng mộ,...nhằm đáp ứng nhu cầu truyền tải tư tưởng thần quyền, vương quyền, hưởng thụ văn hóa và thẩm mỹ của xã hội. Kỹ thuật sử dụng chạm khắc đá giống kỹ thuật chạm gỗ có chạm nổi, chạm lõm, chạm bong kênh, lèo

đơn, lèo kép, chạm thông phong. Tuy nhiên, để cho tác phẩm phù điêu đá phong phú, đa dạng về hình thức, giàu tính biểu cảm thì kỹ thuật chạm khắc trên chất liệu đá khó hơn rất nhiều lần so với chạm khắc trên chất liệu gỗ, bởi đá rắn, cứng, giòn, nặng, dễ gãy vỡ mang gam màu sắc lạnh còn gỗ mềm, dai, dẻo, nhẹ và gợi cảm giác ấm áp, do vậy đòi hỏi người thợ chế tác đá mỹ nghệ phải hội tụ đủ sự kiên trì, tỉ mỉ, nhẫn nại, phải có một đôi bàn tay khéo léo, linh hoạt cùng với tư duy sáng tạo, niềm yêu nghề thực thụ và đặc biệt phải được truyền thụ bí kíp nghề mới tạo nên được một sản phẩm phù điêu đẹp mãn nhãn người xem như những bức phù điêu gỗ.

Điêu khắc khối tượng tròn là thể tích khối ba chiều có đa hướng quan sát, đa tầm nhìn chính phụ khác nhau. Chủ đề, ý tưởng nghệ thuật được thể hiện ở mặt chính, hướng chính là trọng tâm của nội dung và hình thức tác phẩm. Người thợ đá Ninh Vân xưa nay rất nổi tiếng kỹ thuật điêu khắc khối lồi, khối lõm, khối mềm, khối cứng, khối đóng, khối mở, khối tĩnh, khối động tạo nên các công trình kiến trúc bằng đá độc đáo, tinh xảo; tạc tượng tượng tôn giáo theo lối cổ truyền phương Đông có các công thức, quy chuẩn như tạc tượng gỗ. Các nghệ nhân xưa đã rất thành thạo với các thông số, quy chuẩn, tỉ lệ cấu thành các pho tượng. Với tượng đứng phải làm theo cách "thất diện" chiều cao tượng bằng 7 lần chiều dài khuôn mặt, còn tượng ngồi thì tạc theo công thức "tứ diện", khuôn mặt phân chia tỉ lệ "nhất diện tam trung". Để tạc một pho tượng Phật người thợ phải tuân theo 120 quy cách phân chia các bộ phận. Những quy chuẩn ấy tuy chỉ dựa trên kinh nghiệm nhưng rất chuẩn chỉ, khoa học như trong điêu khắc giải phẫu phương Tây. Đây là nét tài hoa của người thợ đá mỹ nghệ Ninh Vân.

Có thể nói, giá trị thẩm mỹ của nghề chế tác đá mỹ nghệ truyền thống Ninh Vân được biểu hiện chính là ở trình độ tay nghề, óc thẩm mỹ của nghệ nhân chạm khắc phù điêu, điêu khắc tượng tròn.

1.4.2.5. Giá trị nghệ thuật kết tinh bản sắc dân tộc

Ở tất cả các hình thức và ngôn ngữ biểu đạt, nghệ thuật chạm khắc đá là một loại hình của nghệ thuật thị giác, đóng vai trò rường cột và mang tính hệ

thống trong việc mô tả cái đẹp của người thợ thủ công làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, bởi cái đẹp đó được toát ra từ bản thân các sản phẩm đá mỹ nghệ. Biểu tượng, tư tưởng trong sản phẩm mang tính nhân văn đậm chất văn hóa Á Đông. Nghệ nhân chạm khắc là những người xuất thân từ nông dân, có tư duy vừa cụ thể, vừa có sắc thái liên tưởng nên thủ pháp tạo hình có tính khái quát cao như ước lệ, cường điệu, đồng hiện, nhiều điểm nhìn, tạo cho nghệ thuật chạm khắc của làng nghề có được sức sống bền lâu trong đời sống xã hội. Đề tài phong phú: dân gian, tôn giáo tín ngưỡng, vinh danh anh hùng dân tộc, lao động sản xuất, phong cảnh, ca ngợi tình cảm đằm thắm của con người với con người, con người với thiên nhiên, phản ánh nhu cầu, khát vọng, ước mơ về một cuộc sống no đủ, hạnh phúc và thanh bình....

Hoa văn, họa tiết trên chất liệu đá vô cùng đa dạng như hoa văn, họa tiết trên chất liệu gỗ, gốm và đồng và mang nét đặc trưng của nghệ thuật tạo hình tạo hình ứng dụng văn hóa dân gian. Tiêu biểu như chạm khắc linh vật rồng đá thời Đinh, Lý nghệ nhân luôn tạo cho nó có dáng vẻ gần gũi hiền lành thân thuộc, trơn mềm như rắn giun, đầu không có sừng vẫn còn vết tích của cá sấu như ở thời Đông Sơn. Nhưng khắc chạm rồng thời Trần cầu kỳ thực hơn, râu tóc rõ hơn, có vây vảy nổi trên lưng, khỏe khoắn, tròn đầy mà vẫn mềm mại. Còn khi chạm khắc tác phẩm rồng thời Nguyễn thì nghệ nhân phải tạo cho nó thần thái hung dữ hùng hổ, đầu to, nhiều nanh vuốt vân mây, bộc lộ rõ uy quyền của kiểu nhà nước triều đình phong kiến tập quyền ở giai đoạn khủng hoảng sắp sửa phân giã. Đặc biệt nghệ thuật chạm khắc rồng ở thời kỳ Lê sơ hình rồng có nhiều chi tiết được nhân dạng hóa rất lạ có ảnh hưởng của mỹ thuật truyền thống Ấn Độ. Tóm lại, giá trị nghệ thuật điêu khắc trên sản phẩm đá mỹ nghệ Ninh Vân là kết tinh bản sắc dân tộc Việt, đã và đang có tác động không nhỏ đến đời sống xã hội và tạo nên hiệu ứng tích cực trong tư duy của con người.

1.4.2.6. Giá trị cố kết cộng đồng

Lễ hội là nét sinh hoạt văn hóa cộng đồng đặc trưng của làng xã cổ truyền, ở đó biểu hiện rõ nét nguồn gốc lịch sử hình thành và biến đổi của làng nghề chạm khắc đá Ninh Vân. Hội Tam thôn của ba thôn Hệ, Thượng và Phú

Lăng được tổ chức tháng 3 âm lịch giỗ tổ Vua Hùng và chính yếu là tưởng nhớ tam vị tướng phò giúp vua Hùng giữ nước rồi hóa thành tam vị thần núi Tản Viên Sơn Thánh, Cao Sơn Đại Vương, Quý Minh Đại Vương và công chúa Nguyệt Nga là con gái Vua Hùng thứ 18 vợ của Tản Viên có công dẹp giặc Thục, cứu giúp dân lành, diệt trừ tai ương, chỉ bảo dân làng biết kiếm nghề làm ăn. Thời kỳ phong kiến Lễ hội Tam thôn được tổ chức hình thức "quốc lễ" Theo bản tục lệ xã Côn Lăng (xã Ninh Vân ngày nay) sao lại điều ước ngày 18 tháng 3 năm Tự Đức thứ 15 (1862) còn lưu giữ do Viện Nghiên cứu Hán Nôm dịch và xác nhận năm 2012 như sau "Bản xã tuân theo tích cũ trải các đời, vào năm Hoằng Định thứ nhất (1600) triều nhà Lê có lần vua đến miếu khấn cầu thần âm phù giúp nước diệt trừ giặc ác, chỉ 1 lần cất quân là chiến thắng. Triều đình ưng gia phong mỹ tự cho thần hạng Thượng đẳng. Triều đình cử quan về làm lễ tế"[43]. "Vào tháng 3 hàng năm, kính thừa lệnh trên, quan phủ huyện trở về miếu làm lễ tế xuân lại, lại ban mỗi năm 6 quan tiền văn, bản xã đến lĩnh ở quan huyện mang về sắm lễ kính tế" [43]. Lệ bản xã ghi rõ: ba thôn cùng phụng thờ thần ở ngôi đền thiêng trên đỉnh Kê Sơn. Hễ hàng năm từ xưa đến nay nghiêm cấm chiêng trống từ lúc giao thừa nửa đêm cuối năm đến nửa đêm ngày mồng 10 tháng giêng mới được đánh chiêng trống, vào ngày tốt tháng 3 hàng năm tế xuân, phụng rước chư tôn thần đến tế công đồng tại đền Kê Sơn kính tế, có xướng ca. Nét đặc sắc của lễ hội Tam Thôn là nghi lễ rước kiệu chư vị thần linh ở 3 thôn quy tụ về đền Tam Thôn (đền Kê Thượng). Mỗi thôn rước 3 kiệu: Kiệu bát cống, kiệu võng và kiệu song hành. Hội đông vui nhất là 9 kiệu gặp nhau ở trước cửa đền Tam Thôn. Phần Lễ là phần chính của lễ hội, thể hiện sự linh thiêng, thực hiện theo đúng lệ bản xã. Đồ lễ gồm lễ chay và lễ mặn: hương, nến, hoa quả, thịt lợn, thịt bò, thịt gà, xôi, oản….Giờ phút trang trọng nhất của nghi lễ là lúc vị chủ tế trịnh trọng đọc sớ trình xin tế thần linh ở đền Tam thôn, cầu mong thần linh che trở phù hộ cho dân làng mạnh khỏe, bình an và nghề nghiệp phát triển. Sau lễ cáo yết có các đội tế: tế Nam Quan, tế Nữ Quan. Họ đi đứng, trang phục, bày biện, dâng hiến theo đúng tinh thần lễ trọng linh thiêng. Phần hội có các tích trò diễn thi kéo chữ "Thiên hạ thái bình", "Thánh thọ vô

cương" "Nhân dân cộng lạc","Bái tạ", trò chơi Xây đồn Cổ loan, đánh lệu, hát chèo, thi múa sư tử, múa lân, đánh đu, chọi gà, thi chạm trổ đá mỹ nghệ... [24]

Hội làng Xuân Vũ diễn ra tháng 2 âm lịch. Đây là nơi xin chân nhang chư vị thần ở đền Tam thôn [26]. Do đó, trong lễ hội làng Xuân Vũ cũng diễn ra các hoạt động tế lễ và các trò chơi dân gian tương đồng từ mục đích đến cách thức tổ chức như ở lễ hội Tam thôn là để tạ ơn vị tổ nghề, cầu xin mưa thuận gió hòa, sự che chở của ngài cho dân làng.

Lễ tế Khai sơn tạ ơn vị thần núi đã phù hộ cho cuộc sống của nhân dân bình an, tạo ra nguồn đá cho làng nghề phát triển và giỗ Tổ nghề đá vào rằm tháng 8 âm lịch tại 2 ngôi đền thờ ông Tổ nghề đá Hoàng Sùng làng Xuân Vũ và tại đình Côn Lăng Hạ phối thờ ông Tổ nghề đá Hệ, tạ công ơn vị Tổ nghề đã truyền dạy nghề chạm khắc đá cho người dân làm ăn sinh sôi.

1.4.3. Giá trị vật thể

1.4.3.1. Giá trị lịch sử, tư tưởng trong các sản phẩm đá mỹ nghệ độc bản

Nói về kiến trúc đá trong dòng chảy văn hóa Việt Nam phải kể đến một số tác phẩm bia đá và một số công trình kiến trúc bằng đá tiêu biểu trên mảnh đất Ninh Bình có sự tham gia của hiệp thợ làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân. Việc tìm hiểu, nghiên cứu về giá trị các tác phẩm này là việc làm rất bổ ích, góp phần làm sáng tỏ lịch sử Việt Nam thế kỷ X, XIV, XVII, XIX; các sự biến cũng như hệ tư tưởng của một giai đoạn quan trọng, đó là thời đại Đinh, Tiền Lê, Trần, Nguyễn và thời kỳ Pháp thuộc (giáo xứ Phát Diệm). Trong quá trình chế tác của làng nghề, không ít sản phẩm chạm khắc đá Ninh Vân không những là di vật của lịch sử mà còn là tác phẩm nghệ thuật mang phong cách thuần Việt, trở thành vật chứng của hệ tư tưởng, góp phần tạo nên bản sắc văn hóa Việt Nam, có thể kể một số sản phẩm tiểu biểu trên đất Ninh Bình đã được xếp hạng kiến trúc, bảo vật quốc gia:

Nghệ thuật tạo hình thời kỳ Độc lập tự chủ trong chế độ phong kiến 2 triều Đinh Tiên Hoàng Đế và vua Lê Đại Hành, kinh đô đầu tiên của Nhà nước Đại Cồ Việt không chỉ là trung tâm chính trị, quân sự, kinh tế và văn hóa của nước ta mà còn chứa đựng công trình kinh thành đá độc đáo. Thành Hoa Lư

luôn dựa vào địa thế núi non để dễ phòng thủ, tấn công, vừa đỡ tốn công xây đắp. Khi khai quật hoàng cung trong lòng đất cho thấy sản phẩm điêu khắc đá là những bệ đỡ cột trụ được dùng để xây nền móng trong kiến trúc cung điện. Điều này chứng tỏ tính chuyên nghiệp, ý thức xây dựng cơ đồ bền vững của hai Vua. Những sản phẩm bằng đá ở động Thiên Tôn (khu vực tiền đồn của Kinh thành Hoa Lư) còn đôi rồng đá ở hai bên tả hữu tượng thần Thiên Tôn, Trấn Vũ, một số cây đèn thờ và bệ thờ tương truyền là nơi đương thời vua Đinh lui tới tế lễ long trọng trước khi đánh dẹp hay đi giao bang, kinh lý. Cột kinh Lăng Nghiêm do vua Lê Đại Hành cho dựng tại Chùa Nhất trụ có niên đại năm 995, có cấu tạo độc đáo, họa tiết trang trí tinh tế, tinh hoa nghệ thuật chạm khắc chữ trên đá cho thấy sự phát triển về điêu khắc, kỹ thuật chạm khắc đá của dân tộc Việt. Cột kinh Phật cao hơn 4 m phía trên là biểu tượng bông hoa sen thon gọn. Hoa văn đế cột được trang trí bằng 22 cánh sen đơn. Trên cột đá còn thấy các chữ "Đệ tử Thăng Bình Hoàng đế tả tạo" (Hoàng đế Thăng Bình tức vua Lê Hoàn). Theo các nhà nghiên cứu về Phật giáo nói riêng và nghệ thuật kiến trúc nói chung thì những cánh sen xuất hiện sớm nhất ở Việt Nam trong kiến trúc nghệ thuật cùng các hình thức trang trí cánh sen trong kiến trúc Lý - Trần đều bắt nguồn từ cột kinh Lăng Nghiêm. Nhiều nhà nghiên cứu nhận định: Cột kinh có giá trị to lớn về lịch sử và văn hóa, là tư liệu vật chất chứng minh cho sự hình thành và phát triển của đạo Phật ở Việt Nam thế kỷ X. Hiện vật là tư liệu quý báu không chỉ của Phật giáo mà của cả lịch sử dân tộc ta, hiện vật không chỉ cho chúng ta thấy đời sống tâm linh và tín ngưỡng của người Việt cách đây trên một nghìn năm mà còn có giá trị với lịch sử, văn hóa Phật giáo thế giới. Bài kinh, bài kệ khắc trên cột kinh có thể tham gia giúp hiệu đính lại những văn bản của bài kinh, bài kệ hiện đang lưu hành trên thế giới.

Tại quần thể di tích quốc gia đặc biệt Cố đô Hoa Lư có rất nhiều hạng mục trong quần thể kiến trúc đền thờ vua Đinh, đền thờ vua Lê, lăng mộ, linh vật nghê, rồng, xà kèo, lan can, giếng ngọc, bệ trụ được xây dựng, tu bổ tôn tạo bằng sản phẩm đá mỹ nghệ của làng nghề thủ công truyền thống Ninh Vân với nhiều niên đại khác nhau. Tiêu biểu độc đáo nhất là cặp long sàng trước Bái

đường tại đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng, là hiện vật độc bản chạm khắc tinh tế, ở thế kỷ XVII. Cách thức trang trí Long sàng không giống bất kì một sập đá nào xưa nay, bề mặt hình chữ nhật có kích thước từ 2,3-2,6m2, ở giữa là hoa văn hình rồng, xung quanh có gờ chỉ giữ nước mưa, như hàm ý về người đứng đầu quốc gia lớn lên từ nền văn minh lúa nước. Đây không chỉ là hiện vật tiêu biểu cho đồ trọng khí trong không gian thờ cúng của người Việt, biểu trưng cho vương quyền mà còn là một tác phẩm nghệ thuật điêu khắc có một không hai ở Việt Nam với nghệ thuật trang trí nhiều ý niệm, giàu chất nhân văn, ẩn chứa nhiều thông điệp bí ẩn, có giá trị lớn về lịch sử, văn hóa, mỹ thuật, cho thấy sự tiếp thu, tiếp biến tinh hoa văn hóa của các nền văn hóa Trung Hoa, Ấn Độ và khúc xạ của văn hóa Chămpa[21].

Quần thể kiến trúc nhà thờ đá Phát Diệm thế kỷ XIX, trên diện tích 22 ha ở thị trấn Phát Diệm (Kim Sơn, Ninh Bình), dưới sự chủ trì của linh mục chính xứ Phát Diệm Phêrô Trần Lục (cụ Sáu) do bàn bàn tay người thợ đá Ninh Vân và người thợ đá núi Nhồi (Thanh Hóa) phối hợp tạo dựng. Quần thể có lối kiến trúc độc đáo đình chùa truyền thống của Việt Nam mái cong hình mũi thuyền, kết hợp hài hòa với lối kiến trúc Gootich của nhà thờ công giáo phương Tây Nhà thờ được xây dựng hoàn toàn bằng đá và gỗ lim. Trong đó, đá được đưa về từ núi Thiện Dưỡng (Ninh Vân) và núi Nhồi (Thanh Hóa). Có những phiến đá nặng đến 20 tấn được vận chuyển bằng phương tiện thô sơ. Trên từng phiến đá, cột kèo,tường, cửa, lan can như nở hoa khoe sắc với các đường nét nghệ thuật chạm lộng, thông phong sen, tùng, cúc, trúc, mai, hươu, nai.... tinh xảo và vô cùng mềm mại, uyển chuyển. Ở nhà thờ đá Phát Diệm còn thể hiện rõ sự hài hòa nghệ thuật chạm khắc đá như biểu tượng thánh giá (biểu trưng đạo Công giáo) ngự trên đài sen (biểu trưng Phật giáo), những chữ "vạn" của nhà Phật khắc trên những đóa hoa mân côi, các phù điêu đá, gỗ chạm khắc hình ảnh Chúa Jesus và các vị thánh; trong đó các vị thánh trang phục theo kiểu Việt nhìn thật sống động mà gần gũi, quen thuộc như xem tranh dân gian; cột đá chạm hình hoa sen biểu hiện các giai đoạn " sinh - lão - bệnh - tử" theo triết lý nhà Phật. Tinh hoa nghệ thuật là Nhà thờ Trái tim Đức Mẹ được tạo dựng hoàn toàn bằng đá với nhiều

hoa văn, họa tiết chạm trổ tinh tế, công phu nhưng vẫn tạo cảm giác thật dịu dàng, yên bình bởi thiết kế bình dị và quen mắt theo nguyên lý Dịch học của phương Đông "trời tròn, đất vuông". Đó là những kiệt tác bằng đá đồ sộ, tinh xảo, cổ điển, ngoạn mục do người thợ đá Ninh Vân và người thợ đá Thanh Hóa đảm nhiệm. Đây không chỉ là biểu trưng cho tôn giáo, Thiên chúa giáo du nhập vào nước ta ở thế kỷ XIX gắn liền với thời kỳ thực dân Pháp đô hộ nước ta mà còn tà một kiệt tác kiến trúc nghệ thuật điêu khắc, chạm khắc độc đáo có một không hai ở Việt Nam và trên thế giới thể hiện sự dung hòa giữa văn hóa và mỹ thuật phương Đông với phương Tây, giữa Việt và Pháp.

Đền Thái Vi, ở khu du lịch Tam cốc – Bích Động, thờ các vua Trần, được tạo dựng vào thời hậu Lê có nhiều sản phẩm chạm khắc đá tinh xảo chẳng khác gì các bức chạm gỗ, đền Trần (nội lâm) thuộc vùng lõi di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Tràng An được dựng hoàn toàn bằng đá từ kiến trúc đến đồ thờ tự, tượng thờ bằng đá thạch bích. Những bức chạm kèo, chạm thông phong bằng đá xanh đen đặc sắc này đều ghi dấu ấn của nghệ thuật chạm khắc đá Ninh Vân. Chùa Bái Đính thuộc xã Gia Sinh, huyện Gia Viễn (Ninh Bình) là ngôi chùa lớn nhất Việt Nam được tạo dựng ở thế kỷ XXI, với tổng diện tích hơn 500 ha, nhiều kỷ lục được xác lập tại Việt Nam và khu vực Đông Nam Á, trong đó có hành lang La Hán dài nhất Việt Nam (234 gian dài 3 km), với 500 pho tượng có chiều cao trung bình 2 m, nặng 4 tấn; giếng ngọc bằng đá xanh lớn nhất Việt Nam, cầu cổng lan can, tường bao công trình do những người thợ thủ công của làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân đương thời tạo tác nên. 500 pho tượng bằng đá khi được xếp cạnh nhau trong 1 quần thể kiến trúc chùa Bái Đính tạo nên sự phong phú và sinh động, mỗi vị La Hán một dáng vẻ một nội tâm, thể hiện rõ tài nghệ của người thợ đá Ninh Vân về tạc tượng người.

Có thể coi những sản phẩm độc bản này là tài liệu nghiên cứu lịch sử, văn hóa, mỹ thuật quan trọng, tư liệu vật chất phản ánh mỗi giai đoạn phát triển, mỗi thời kỳ lịch sử của dân tộc Việt Nam

1.4.3.2. Công trình kiến trúc cổ truyền bằng đá ở xã Ninh Vân

Giá trị vật thể của nghề chế tác đá mỹ nghệ hiện hữu rõ nét nhất là các

công trình kiến trúc bằng đá mỹ nghệ cổ truyền độc đáo gắn với các núi đá và tục phối thờ thần núi với thần hoàng làng có niên đại trên 500 năm, trong đó có một số công trình kiến trúc tiêu biểu được làm 100 % đá xanh nguyên khối.

Hiện nay, cả ba ngôi đền Thượng Kê từ, Hạ Kê từ, Miễu Sơn còn lưu giữ 42 đạo sắc phong Thần của các triều đại mang giá trị về lịch sử cũng như giá trị về văn hoá với đặc điểm đền không mái 100% được tạo tác bằng đá mỹ nghệ xanh tự nhiên từ tường, cổng, trụ, sân đến đồ tế khí, giếng nước khá cổ lại được kiến tạo ở không gian núi đá tự nhiên nhỏ nhất vùng (núi con gà, con phượng, con sư tử) được giới nghiên cứu, văn nghệ sĩ khen là đẹp và độc đáo lạ thường. Đền Kê Thượng (Đền Tam thôn) dân gian quen gọi là đền trần toạ lạc dưới chân núi Kim Kê (con gà trống vàng) thuộc địa bàn thôn Thượng, nơi diễn ra lễ hội Tam thôn. Có hai ban thờ, Ban trên tọa lạc ở lưng chừng núi (kiến trúc như một ngôi đền nhỏ) có 1 nhang án làm theo hình dạ quý, bát hương, ngai đá, lọ hoa, chén, đĩa đá, đôi rồng chầu kiểu kiên ngựa, đôi lân chầu, cổng, cột trụ, tường bao. Ban dưới (dưới chân núi) là một ngôi đền rộng lớn được chia 2 cấp thờ. Cổng đền được tạo bởi 4 cột đồng trụ bằng đá, khắc chữ nho. Hai bên tường đá, giếng đá, có dãy bàn đá, bàn để sửa lễ, nền lát đá, nhang án hình lưỡng long chầu nguyệt, 2 bên mặt long mã thời Hậu Lê, rồng trầu, 2 đài đá, mái đá, 4 bia đá khắc bằng chữ nho ghi việc tu sửa đền.

Đền Kê Hạ toạ lạc dưới chân núi Duy Sơn (núi con chim phượng) thuộc thôn Hệ, thờ Bà Nguyệt Nga Công Chúa là con gái vua Hùng đời thứ 18. Đền được lắp dựng 100% nguyên vật liệu và đồ thờ đều bằng đá: 2 bát hương, chén, mâm mịch, 1 cỗ ngai, 2 nhang án, 2 rồng chầu. Đền được dựng dựa vào một phần vách núi phẳng đứng xây tiếp tượng hậu và hai hồi của đền bằng đá thước được chạm khắc vuông thành sắc cạnh. Mái đền là một mỏm đá phẳng rộng đua ra có hình dáng giống mỏ con chim phượng che hết toàn bộ ngôi đền. Bốn cột trụ đá được chạm khắc hai câu đối chữ Hán. Xà ngang của đền đều bằng đá, bên trên dựng một cuốn thư đá có các hoạc tiết hoa văn rất đẹp, trên cuốn thư dựng thêm mặt nguyệt. Mặt tiền của đền cũng dựng toàn bằng đá theo kiểu cửa võng long cuốn giống như tam quan ở chùa, được gọi là tam quan cửa võng,

chạm khắc tứ linh: Long, Ly, Quy, Phượng. Hai bên cuốn thư là hai con rồng đá chầu mặt nguyệt "Lưỡng Long triều nguyệt" hai con rồng được chạm khắc mập, khỏe, có bờm, râu mọc ra từ đá, bằng đá nhỏ nhọn.Trong đền có một ông hổ ngồi bằng đá cao 0,75m phía trước có đắp hình con rắn; 6 con hổ cao 0,6m tư thế ngồi. 1 giếng đá gọi là giếng mắt rồng, sân đền có một lốt chân đá mà dân gian gọi là bàn chân thần không ai dám ướm thử. Sát chân núi có một chiếc khánh đá dài 1.5 m rộng 0.7m dày 0.15m. Nếu đánh ở 7 điểm khác nhau sẽ phát ra 7 thứ âm thanh của nốt nhạc. Đánh mạnh nghe như tiếng chuông ngân nga, vang vọng không dứt. Cạnh đền có bia ký [24].

Đền Miễu Sơn thuộc làng Phú Lăng toạ lạc dưới chân núi Miễu có hình một con sư tử lớn, thờ Tam vị Đức Ông: Tản Viên, Cao Sơn, Quý Minh. Đồ thờ tự: 1nhang án, 1 cỗ kỷ, 1 cỗ long ngai, 2 rồng chầu, 1 mâm bồng, 1 tắc tải, 3 đài, 3 bát hương ghi chữ hán năm tiến cúng. Tuy không có bia ký, sách vở ghi chép lại thời gian xây dựng, nhưng căn cứ vào đạo sắc phong thần sớm nhất có niên hiệu Hoàng Định thứ hai, tức Lê kính Tông (1602) thì ngôi đền này đã được xây dựng cách đây trên 400 năm.

Trên địa bàn xã còn có các ngôi đình cổ, chùa cổ kiến trúc có 5 đến 8 phần 10 là được tạo tác bằng đá mỹ nghệ, chủ yếu những di tích này dựng từ thời hậu Lê- Trịnh và được trùng tu tôn tạo thời Nguyễn có kiến trúc nghệ thuật bằng đá độc đáo. Tiêu biểu đình làng Hệ: là một ngôi đình cổ, có quy mô lớn, bề thế. Đình gồm 5 gian với nhiều chi tiết kiến trúc bằng đá phiến như cột, xà, nền, bàn thờ, sập đá, tượng thờ. Bệ đá và sập đá ở đây chạm hoa văn và các hình tượng rồng, phượng, long mã, cá hoá long, mây… rất công phu, tinh xảo. Có nhiều bức chạm thông phong, chạm lèo kép cầu kỳ, tinh vi chẳng khác nào những bức chạm gỗ. Tại làng Hệ và làng Xuân Thành hiện còn lưu giữ được một số ngôi nhà ở của dân làng được chạm trổ khá tinh xảo cách ngày nay 100 năm còn lại tuy không nhiều nhưng đó là những sản phẩm độc đáo, đặc sắc do chính chủ nhà xưa kia là những người thợ đá lão luyện trong làng đã kỳ công tạo dựng nên.

1.4.4. Giá trị kinh tế - xã hội

Sự phát triển của làng nghề đã và đang tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân nhờ tận dụng và kết hợp được các yếu tố nguyên liệu, nhân lực và thị trường để sản xuất kinh doanh

Phát triển làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân chính là con đường chủ yếu để chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng chuyển từ lao động nông nghiệp năng suất thấp, thu nhập thấp sang lao động nghề có năng suất và chất lượng cao với thu nhập cao hơn tùy theo năng khiếu và tay nghề của người lao động.

Làng nghề chế tác đá Ninh Vân là một lực lượng có vị thế, một cộng đồng có sự liên kết bền chặt bởi những mối liên hệ khăng khít, nhiều mặt về lãnh thổ, dòng họ, về hoạt động kinh tế, có chung Tổ nghề, có chung văn hóa và tâm linh, tạo cho xã hội làng nghề Ninh Vân phát triển ổn định, bền vững.

1.5. Vai trò của bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề.

1.5.1. Bảo vệ phát huy giá trị làng nghề là động lực phát triển kinh tế - xã hội

Làng nghề phát triển là góp phần bảo tồn các giá trị văn hóa dân tộc. Nghề chạm khắc đá Ninh Vân được công nhận là nghề thủ công truyền thống bởi tính chất truyền nghề và bí kíp nghề đã được lưu truyền từ hàng trăm năm nay. Các sản phẩm đá mỹ nghệ của làng nghề là những sản phẩm độc bản đó là các di tích lịch sử văn hóa của địa phương. Đồng thời, các công trình kiến trúc này chính là sự kết tinh của sự sáng tạo trong lao động nghề của người dân và mang đậm tín ngưỡng, phong tục vùng miền. Khi làng nghề phát triển thì các lễ hội truyền thống như giỗ tổ nghề và lễ hội dân gian Tam thôn cũng được nhân dân chú trọng và gìn giữ nét đẹp văn hóa đó. Từ đó góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống vật chất và tinh thần cho người dân nơi đây, đồng thời các nét đẹp văn hóa vật thể và phi vật thể của làng nghề sẽ góp phần tạo nên hình ảnh, sắc thái đặc trưng của vùng quê Ninh Vân, Ninh Bình, sẽ có giá trị không nhỏ trong chiến lược phát triển du lịch của tỉnh Ninh Bình.

Thực hiện chính sách của tỉnh Ninh Bình về bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề chế tác đá trên địa bàn xã Ninh Vân. Nhiều năm qua, Ninh Vân được đánh giá là một xã có nền kinh tế phát triển mạnh nhất trong toàn huyện cả

trong lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Nghề chế tác đá phát triển đã tạo cho phần lớn lực lượng lao động là đoàn viên, thanh niên có việc làm, thu nhập cao, đời sống các hộ gia đình từng bước được ổn định, góp phần thúc đẩy nền kinh tế xã nhà ngày càng phát triển. Đối với xã Ninh Vân không có lao động thiếu việc làm, trên 700 hộ hộ khá giàu, có 138 hộ nghèo[39]. Do đó, làng nghề đóng một vai trò quan trọng giải quyết bài toán việc làm cho người lao động ở nông thôn và tránh di dân tự do ra thành phố, ổn định xã hội.

Làng nghề đóng vai trò làm tăng giá trị sản phẩm hàng hóa cho nền kinh tế. Sở dĩ xã Ninh Vân có sự tăng trưởng khá là bởi vì ngành chạm khắc đá được chú trọng đầu tư phát triển hệ thống. Sự ra đời của các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất và kinh doanh đã tạo động lực lớn cho nghề thủ công truyền thống phát triển khởi sắc, đi vào sản xuất hàng hóa lớn.

Làng nghề giúp cho việc thực hiện các yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng CNH-HĐH. Sản lượng chạm khắc đá và giá trị sản xuất tiểu thủ công nghiệp tăng cao và ổn định, từng bước góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp. Nghề chế tác đá còn tạo điều kiện cho nhiều ngành nghề khác phát triển như vận tải, cơ khí. Thu nhập từ nghề đá mỹ nghệ cao sẽ góp vốn cho việc mua sắm thiết bị đưa khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi có chất lượng cao làm cho sản xuất lương thực ngày càng tăng lên góp phần nâng cao đời sống kinh tế của xã.

Làng nghề đóng vai trò quan trọng trong việc thu hút vốn nhàn rỗi, tận dụng thời gian và lực lượng lao động, nâng cao mức sống người lao động, góp phần xây dựng nông thôn mới.

1.5.2. Bảo tồn làng nghề là nền tảng phát huy giá trị văn hoá dân tộc

Khi nói đến làng đá mỹ nghệ Ninh Vân chúng ta không chỉ biết đến sản phẩm đá mỹ nghệ dựa trên chất liệu đá vôi có màu xanh tự nhiên gắn với nghệ thuật chạm khắc lăng mộ, kiến trúc nhà ở, chùa miếu mà còn nhận biết các thông tin về địa lý, nhân văn, lễ hội truyền thống, lịch sử một làng nghề chủ lực của tỉnh Ninh Bình ở cửa ngõ cực Nam của miền Bắc gắn liền với kinh đô đá

đầu tiên của Nhà nước Đại Cồ Việt thế kỷ thứ X. Sản phẩm của làng nghề đá Ninh Vân không chỉ có ý nghĩa kinh tế để nuôi sống một bộ phận dân cư của làng nghề, mà còn quan trọng hơn là nó mang những giá trị vật thể và phi vật thể phản ánh được lịch sử, văn hoá vùng miền, quốc gia, dân tộc, có những sản phẩm xuất khẩu ra nước ngoài trở thành sứ giả quảng bá văn hóa dân tộc Việt với cộng đồng dân cư nước ngoài. Bảo tồn làng nghề là các hoạt động quản lý của các chủ thể (quản lý, sáng tạo và chủ sở hữu) làm cho các thành tố: Tín ngưỡng thờ tổ nghề và sinh hoạt lễ hội văn hóa dân gian, văn hóa ứng xử trong làng nghề, văn hóa tổ chức sản xuất, tri thức kinh nghiệm nghề, sản phẩm nghề đặc trưng, đội ngũ nghệ nhân thợ thủ công trở thành các giá trị của làng nghề được duy trì và các nhân tố văn hóa mới được bổ sung quyện hòa với nhau để tạo ra những giá trị mới cho làng nghề, giúp làng nghề truyền thống có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế- văn hoá-xã hội của địa phương.

1.6. Nội dung bảo vệ, phát huy giá trị làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân

Xác định chủ thể bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề là cơ quan quản lý nhà nước và cộng đồng dân cư làng nghề, quy định chức năng nhiệm vụ cho từng chủ thể quản lý, xây dựng cơ chế phối hợp của các chủ thể trong hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân

Nhận diện giá trị làng nghề chế tác đá Ninh Vân. Xây dựng chiến lược bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề, ban hành phổ biến các văn bản pháp lý bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa làng nghề và tổ chức chỉ đạo thực hiện chính sách này có hiệu quả

Tổ chức các hoạt động nghiên cứu, tư liệu hóa, tu bổ, bảo vệ các giá trị làng nghề như: Thứ nhất, bảo vệ nguyên vẹn những di sản vật thể đá mỹ nghệ độc bản, tinh hoa trên chất liệu đá vôi xanh tự nhiên ở tỉnh Ninh Bình và công trình kiến trúc cổ truyền ở xã Ninh Vân được người dân làng nghề chế tác có niên đại hàng trăm năm trở thành bảo vật, không để bị biến thái, không được cải biến nhằm giúp các thế hệ sau luôn đánh giá một chuẩn xác về giá trị của sản vật đá mỹ nghệ cũng như những giá văn hóa, xã hội ở niên đại đã sinh ra

nó; Thứ hai, bảo vệ, giữ gìn vốn cổ các giá trị văn hóa phi vật thể cổ truyền của làng nghề chế tác đá cổ truyền Ninh Vân trên cơ sở kế thừa có chọn lọc phục vụ nhu cầu của đời sống hiện tại: Tiến hành điều tra sưu tầm, thu thập tư liệu, tài liệu nghiên cứu về làng nghề Ninh Vân; đánh giá giá trị nghề đá mỹ nghệ; giữ gìn văn hóa ứng xử với nghề;duy trì tập quán truyền nghề; Thứ ba, bảo vệ có phát triển những giá trị văn hóa tiêu biểu của làng nghề Ninh Vân trong việc nhân cấy tri thức kỹ nghệ của nghề chế tác đá làm cho giá trị này sống cùng sự phát triển của xã hội.

Sử dụng các nguồn lực phát huy giá trị di sản làng nghề: Trao truyền giá trị di sản nghề chế tác đá Ninh Vân dưới nhiều hình thức như tôn vinh nghệ nhân, công nhận nghề truyền thống, làng nghề truyền thống, phát huy tính cố kết cộng đồng làng xã trong các lễ hội cổ truyền, bảo vệ di sản đá mỹ nghệ gắn với phục vụ du lịch, quảng bá sản phẩm...nhằm đưa nghề chế tác đá cổ truyền ở Ninh Vân phát triển diện rộng, tiếp tục tạo ra giá trị kinh tế, văn hóa cho xã hội

Phát huy vai trò của chủ thể, đổi mới tư duy quản lý, công cụ chế tác đá mỹ nghệ, áp dụng khoa học công nghệ vào từng công đoạn sản xuất nhằm thay thế sức người, vật chất hóa các giá trị văn hóa dân tộc trên sản phẩm đá mỹ nghệ đặc trưng, kế thừa có sáng tạo họa tiết hoa văn truyền thống trên các mẫu mã sản phẩm mới hướng tới sự phong phú và tinh xảo

Tổ chức các hoạt động đào tạo thợ thủ công, đội ngũ quản lý theo hướng chuyên môn hóa đáp ứng xu thế phát triển của xã hội.

Bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân cũng cần dựa theo quan điểm bảo vệ phải có phát triển và phát huy phải được xem là nguyên tắc phát triển. Do đó, nội dung thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ: Thứ nhất, khôi phục, bảo tồn các làng nghề truyền thống có lịch sử hàng trăm năm đã bị mai một, có nguy cơ thất truyền. Thứ hai, phát triển làng mới thành lập, làng thuần nông thành làng có nghề để các giá trị văn hóa cổ truyền của làng nghề được nhân rộng cùng sự phát triển kinh tế và xã hội của địa phương bằng

các hoạt động: Mở rộng quy mô, tổ chức làng nghề, quy hoạch phát triển làng nghề gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, quy hoạch vùng nguyên liệu và hỗ trợ vốn sản xuất, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Tổ chức các hoạt động thanh tra, kiểm tra, đánh giá hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị làng nghề.

Tiểu kết

Ở phần này, tác giả đã hệ thống lại những khái niệm, thuật ngữ liên quan đến bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề: bảo vệ, phát huy, giá trị, nghề thủ công truyền thống, làng nghề, văn hóa làng nghề, quản lý giá trị văn hóa làng nghề. Phân tích các quan điểm bảo vệ, phát huy hiện nay để nêu lên quan điểm bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề truyền thống. Tổng quan làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân, sơ lược lịch sử phát triển làng nghề. Từ đó có thể thấy rõ, làng nghề chế tác đá mỹ nghệ ở xã Ninh Vân thuận theo quy luật của tự nhiên, gần núi đá thì chế tác đá, sản xuất các sản phẩm từ đá và dần trở thành một nghề truyền thống mang tính đặc thù cao. Tuy chưa xác định chính xác nguồn gốc ra đời của làng nghề, nhưng lịch sử phát triển của làng nghề chạm khắc đá Ninh Vân luôn gắn liền với lịch sử văn hóa của địa phương Ninh Bình. Trong phần này tác giả đã bước đầu nhận diện rồi phân tích các giá trị về làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân bao gồm giá trị vật thể, phi vật thể, kinh tế-xã hội. Nêu vai trò của bảo vệ, phát huy giá trị làng nghề đá Ninh Vân. Phân tích nội dung bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân. Tóm lại, bảo vệ giá trị làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân là nền tảng phát huy giá trị văn hoá dân tộc và làm tăng trưởng kinh tế nông thôn.

Chương 2

THỰC TRẠNG BẢO VỆ, PHÁT HUY GIÁ TRỊ LÀNG NGHỀ CHẾ TÁC ĐÁ MỸ NGHỆ NINH VÂN

2.1. Chủ thể bảo vệ, phát huy

2.1.1. Cơ quan quản lý Nhà nước

Nhà nước là chủ thể duy nhất mang chủ quyền quốc gia, Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội, cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện quyền hành pháp. Luật Tổ chức Chính phủ quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ trong quyết định chính sách cụ thể: phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới [57], bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa[57]. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về di sản văn hóa [56]. Các Bộ, ngành trung ương thực hiện quản lý, bảo vệ phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề, di sản văn hóa theo chức năng, nhiệm vụ của lĩnh vực phụ trách.

Chủ thể quản lý Nhà nước về bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề trong đó có làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân, được phân ở cả 3 cấp chính quyền địa phương: Tỉnh, huyện, xã.

UBND tỉnh Ninh Bình có trách nhiệm quản lý chung ở cấp địa phương, xây dựng và phê duyệt quy hoạch phát triển làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, quyết định công nhận nghề và làng nghề, tổ chức thực hiện việc đăng ký và giám sát chất lượng sản phẩm nghề thủ công theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng sản phẩm; có cơ chế hỗ trợ các dự án bảo tồn, phát huy giá trị nghề, giá trị làng nghề trong tỉnh và hỗ trợ các cơ sở nghề xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý xuất xứ hàng hoá; có chính sách bảo hộ sở hữu thương hiệu dựa trên các điều kiện cụ thể của từng địa phương, từng làng nghề...

UBND huyện Hoa Lư, các phòng ban chức năng của huyện, UBND xã Ninh Vân và cán bộ công chức cấp xã thực hiện quản lý làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân theo chức trách, quyền hạn và nhiệm vụ của cấp mình chỉ

đạo theo dõi, kiểm tra giám sát, đôn đốc động viên các hoạt động của làng nghề, đồng thời tổng hợp, báo cáo, tham mưu với cấp trên. Phối hợp với các ban, phòng và cán bộ công chức quản lý nhà nước ở các lĩnh vực: công thương, nông nghiệp và phát triển nông thôn, lao động xã hội, văn hóa, du lịch, thông tin và truyền thông, tài nguyên và môi trường, khoa học và công nghệ, kế hoạch và đầu tư, tài chính, ngân hàng, tín dụng, thuế...

Chủ thể bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề còn bao gồm các cơ quan chuyên môn: sở Công thương, sở Văn hóa – Thể thao, sở Du lịch, sở KH&ĐT, Tài chính, LĐ-TB&XH, Xây dựng, NN& PTNT, TN&, KH&CN, Giao thông vận tải, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, Cục Thống kê tỉnh để quản lý làng nghề, phổ biến cơ chế chính sách hỗ trợ các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề cho các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, nghệ nhân, người lao động và người dân sống trong làng nghề.

2.1.2. Cộng đồng cư dân địa phương

Thực tiễn đã chứng minh, mối quan hệ giữa cộng đồng và việc bảo vệ, phát huy giá trị làng nghề là hai mặt của một thể thống nhất, có tác động tương hỗ lẫn nhau trong quá trình phát triển. Ở làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, cộng đồng chính là chủ thể đã sáng tạo ra các giá trị của làng nghề, sở hữu các di sản này. Và cũng chính cộng đồng là chủ thể lưu giữ, phát huy giá trị di sản nghề của thế hệ trước cho thế hệ tương lai. Hiện nay, cộng đồng tự quản là các cơ sở sản xuất và chế tác đá: DNTN, C.ty TNHH, tổ hợp nghề, hộ nghề... có trách nhiệm phát triển nghề, bảo tồn các giá trị của làng nghề, nâng cao giá trị lao động nghề, đảm bảo môi trường sống và môi trường kinh doanh lành mạnh.

Cộng đồng dân cư sinh sống tại làng nghề (nhân dân), đội ngũ nghệ nhân, thợ thủ công đang sinh sống tại xã Ninh Vân, thợ thủ công, người lao động ở nơi khác đến làm thuê cho các cơ sở sản xuất tại làng nghề, có trách nhiệm tạo ra các sản phẩm đá mỹ nghệ có giá trị kinh tế và văn hóa, đồng thời là chủ thể gìn giữ bí quyết nghề, truyền nghề cho các thế hệ trẻ, không ngừng

trau dồi kiến thức để phát triển nghề, bảo vệ và phát triển văn hóa truyền thống: di tích, lễ hội, tín ngưỡng tổ nghề, phong tục tập quán làng nghề.

Ban Quản lý làng nghề chế tác đá mỹ nghệ xã Ninh Vân được thành lập thành lập theo Quyết định của UBND xã Ninh Vân năm 2008, gồm Trưởng ban, 2 phó ban và 11 ủy viên đồng thời là bí thư hoặc trưởng thôn. Ban quản lý hoạt động theo phương thức tự quản, là cánh tay nối dài của UBND xã và các cơ quan chức năng của tỉnh, chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát, nhắc nhở, động viên, đôn đốc hoạt động cộng đồng cư dân, cơ sở sản xuất trong làng.

Các tổ chức hội đoàn thể: Người cao tuổi, Nông dân, Phụ nữ, Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên, Doanh nhân, Khuyến học, Hiệp hội nghề đá mỹ nghệ,... cũng đóng vai trò rất quan trọng tham gia vào các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức bảo vệ, phát huy giá trị làng nghề.

2.1.3. Cơ chế phối hợp về bảo vệ, phát huy

Cơ chế phối hợp ở đây được hiểu là mối tương tác giữa các tác động đồng thời của các chủ thể quản lý lên những giá trị hiện có của làng nghề chế tác đá mỹ nghệ ở xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình bằng hoạch định chính sách, xây dựng thể chế và tổ chức thực thi thể chế nhằm bảo vệ và phát huy các giá trị của làng nghề trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế xã hội của địa phương theo hướng CNH-HĐH nông nghiệp nông thôn. Ở tầm vĩ mô là sự tác động nhiều nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành và theo lãnh thổ. Ở tầm trung mô là sự áp dụng của cấp chính quyền địa phương tác động đồng thời các phương thức thuyết phục, khuyến khích, cưỡng chế để hỗ trợ từng làng nghề cụ thể. Cơ chế ở tầm vi mô là sự tác động đồng thời nhiều biện pháp, nhiều công cụ như: kỹ thuật công nghệ, đào tạo nghề, tôn vinh nghệ nhân, phát triển sản phẩm, vốn hỗ trợ, thuế, mặt bằng sản xuất, thuế, thị trường tiêu thụ, bảo vệ môi trường...

Thiết lập cơ chế phối hợp giữa các chủ thể quản lý có liên quan trong bảo vệ, phát huy giá trị làng nghề nhằm mục đích nâng cao trách nhiệm phối hợp giữa các cấp, ngành, đơn vị, tổ chức đoàn thể, nhân dân, doanh nghiệp, hộ

nghề, nghệ nhân, thợ thủ công..., đồng thời tăng cường hiệu quả khai thác giá trị di sản nghề, làng nghề.[Phụ lục 7, tr 160-164].

Phối hợp theo nguyên tắc bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ, hiệu quả, chất lượng trong quản lý; phân công rõ trách nhiệm của từng cấp, ngành, tổ chức, cá nhân trong việc chủ trì, phối hợp hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề. Việc thực hiện các nhiệm vụ phối hợp trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao nhằm đạt được các lợi ích chung; tránh hình thức, chồng chéo, đồng thời tuân thủ các quy định của pháp luật và hợp với thuần phong mỹ tục của dân tộc, không cản trở các hoạt động phát triển làng nghề và các hoạt động ở các lĩnh vực khác.

Phương thức thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của các chủ thể trong bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề: Hiện nay, UBND tỉnh Ninh Bình triển khai các chính sách của trung ương và giao cho Sở Công thương Ninh Bình chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành chính sách về khuyến công theo quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP của Chính phủ. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Ninh Bình căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến phát triển làng nghề thuộc trách nhiệm của đơn vị mình; đồng thời, phối hợp chặt chẽ với các sở ban ngành và các cấp chính quyền có liên quan để xử lý các vấn đề thuộc lĩnh vực bảo tồn và phát triển làng nghề đá Ninh Vân. Theo đó, Sở Công Thương là đầu mối giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về phát triển làng nghề trong đó có làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân; xây dựng kế hoạch và tổ chức thẩm định trình UBND tỉnh công nhận danh hiệu làng nghề, nghệ nhân cấp tỉnh; hỗ trợ các hoạt động khuyến công; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND huyện Hoa Lư, UBND xã Ninh Vân giải quyết các thủ tục hỗ trợ phát triển làng nghề Ninh Vân; là đầu mối để khai thông, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm; các chương trình hợp tác, liên kết với các tỉnh, thành phố trong nước về phát triển làng nghề đá mỹ nghệ phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội...

Sở Văn hóa – Thể thao Ninh Bình là cơ quan tham mưu giúp UBND tỉnh theo dõi, hỗ trợ các phòng văn hóa cấp huyện, xã và cộng đồng làng nghề xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, tăng cường công tác quản lý, bảo vệ, đánh giá giá trị di sản làng nghề. Xây dựng dự án bảo tồn giá trị văn hóa làng nghề truyền thống Ninh Vân. Tổ chức thẩm định trình UBND tỉnh công nhân di tích lịch sử cấp tỉnh, lễ hội truyền thống. Sở Du lịch Ninh Bình phối hợp với các sở ngành liên quan và UBND huyện Hoa Lư, xã Ninh Vân xây dựng dự án làng nghề truyền thống kết hợp với du lịch; có trách nhiệm nghiên cứu, tổ chức, khai thác hiệu quả các tuyến du lịch để quảng bá các sản phẩm hàng thủ công đá mỹ nghệ; hình thành các tour du lịch làng nghề...

UBND huyện Hoa Lư, cụ thể hóa trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch liên quan của địa phương để bảo bệ và phát huy giá trị làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân thành làng nghề TTCN chủ lực của tỉnh. Phối hợp với các sở, ban, ngành hướng dẫn, tổ chức thực hiện, triển khai các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến lĩnh vực làng nghề, thực hiện công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn; Chỉ đạo các phòng chuyên môn, UBND xã Ninh vân quản lý, kiểm tra, giám sát các cơ sở sản xuất đá mỹ nghệ. Thống nhất phân cấp quản lý hoạt động làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân từ cấp huyện đến cấp xã trên cơ sở thực hiện chức năng quản lý nhà nước. Thống kê, tổng hợp báo cáo với sở ngành liên quan và UBND tỉnh.

UBND xã Ninh Vân chịu trách nhiệm thống kê, tổng hợp, định kỳ báo cáo số liệu, tình hình hoạt động sản xuất của các cơ sở chế tác đá, các vấn đề nảy sinh chung quan môi trường làng nghề cho UBND cấp huyện và có những đề xuất, kiến nghị kịp thời để giải quyết tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho cộng đồng làng nghề. Phối hợp với UBND huyện Hoa Lư để quản lý, triển khai các chương trình, dự án, thực hiện công tác giám sát các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề đá mỹ nghệ. Phối hợp với các bộ phận chuyên môn của các sở, ngành liên quan để triển khai thực hiện các chính sách ưu đãi đối với làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân và tổ chức tuyên truyền, vận động, phổ

biến các chủ trương chính sách bảo tồn làng nghề và khuyến khích phát triển làng nghề mới, công nhận làng nghề truyền thống và tôn vinh nghệ nhân, thợ thủ công giỏi. Chỉ đạo Ban quản lý làng nghề Ninh Vân đôn đốc các cơ sở chế tác đá mỹ nghệ thực hiện các quy định bảo vệ và phát triển làng nghề. Bên cạnh đó, xã còn phối hợp với các trường đào tạo nghề tổ chức các khóa bồi dưỡng nghề cho thợ nghề. Đồng thời định hướng, chỉ đạo các tổ chức đoàn thể ở xã, bí thư thôn, trưởng thôn trong xã phát huy sức mạnh của cộng đồng dân cư tích cực phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước trong việc bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân.

UBND xã Ninh Vân đã xây dựng và ban hành quy chế làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân nhằm mục tiêu xây dựng làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân là trung tâm sản xuất chế tác đảm bảo chất lượng kỹ thuật, mỹ thuật, đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn lao động, an toàn giao thông. Đảm bảo sức khỏe và đời sống nhân dân, ổn định trật tự an ninh xã hội, môi trường và hạ tầng cơ sở của làng nghề. Quy chế đã quy định rõ nếp sống văn hóa, sản xuất kinh doanh, quyền lợi và nghĩa vụ của cộng đồng làng nghề. [Phụ lục 1, tr. 134-135].

2.2. Hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân

2.2.1. Ban hành, phổ biến văn bản pháp lý bảo vệ, phát huy giá trị làng nghề

2.2.1.1. Ban hành văn bản của tỉnh Ninh Bình, huyện Hoa Lư

- *Các văn bản chỉ đạo và chính sách của tỉnh Ninh Bình*

Tỉnh Ninh Bình với chủ trương "ly nông không ly hương", đã ban hành một số chính sách hỗ trợ khuyến khích làng nghề phát triển, trong đó có Làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân. Ngày 04/7/2005, lần đầu tiên tỉnh ra Quyết định số 1329/2005/QĐ-UBND quy định về tiêu chuẩn, trình tự và thủ tục xét công nhận làng nghề tỉnh Ninh Bình[36]. Căn cứ tình hình sản xuất từ năm (2001 - 2005) nghề chế biến cói, thêu ren và chế tác đá mỹ nghệ là những nghề truyền thống phát triển nhất trên địa bàn tỉnh, thu hút nhiều lao động, tạo việc làm, tăng thu nhập, xoá đói giảm nghèo, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, ổn định đời sống, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh. Ban Thường vụ

Tỉnh uỷ ra Nghị quyết số 04/NQ-TU ngày 09/8/2006 về đẩy mạnh phát triển trồng, chế biến cói, thêu ren và chế tác đá mỹ nghệ giai đoạn 2006-2010 nhằm thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển. Phấn đấu sản phẩm chế tác đá mỹ nghệ đạt tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm17%.

Ngày 06/10/2006 UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 18/KH-UBND về đẩy mạnh phát triển, trồng, chế biến cói; thêu ren và chế tác đá mỹ nghệ giai đoạn 2006 - 2010. Tiếp đó Nghị quyết số 15/NQ-TU ngày 13/7/2009 của Tỉnh ủy về phát triển du lịch đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030. Kế hoạch 07/KH-UBND ngày 17/7/2009 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết 15 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Bình, trong đó xác định nhiệm vụ và giải pháp về khuyến khích phát triển làng nghề phục vụ du lịch với các sản phẩm làng nghề truyền thống. Ngày 28/8/2013, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 615/QĐ-UBND về việc Phê duyệt Quy hoạch phát triển nghề, làng nghề gắn với du lịch tỉnh Ninh Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Ngày 08/10/2012 ban hành Kế hoạch số 53/KH-UBND về phát triển trồng, chế biến cói, thêu ren và chế tác đá mỹ nghệ. Kế hoạch nhằm mục đích tiếp tục bảo tồn và phát triển các làng nghề truyền thống chế biến cói, thêu ren, chế tác đá mỹ nghệ đã được UBND tỉnh công nhận, đồng thời gắn với việc giảm thiểu ô nhiễm môi trường ở các làng nghề sản xuất thủ công mỹ nghệ; [Phụ lục1, tr. 140-144]. Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 06/07/2016 của UBND về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định đã ban hành kèm theo Quyết định số 01/2013 của UBND tỉnh Ninh Bình thay thế Quyết định số 01/2013/QĐ-UBND ban hành Quy định tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét tặng danh hiệu Nghệ nhân thủ công mỹ nghệ tỉnh Ninh Bình.

- *Nghị quyết triển khai của huyện Hoa Lư*

Ngay từ Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVII (1991) đã có chính sách khuyến khích và tạo điều kiện mở lớp bồi dưỡng tay nghề, mở lớp truyền nghề truyền thống như: Chạm khắc đá Ninh Vân, mộc Ninh Phong, thêu ren Ninh Hải [13], có chính sách phát triển các nghề truyền thống như đồ đá, thêu ren,

vật liệu xây dựng, khuyến khích và tạo điều kiện mở lớp bồi dưỡng tay nghề, mở lớp nghề truyền thống như đá mỹ nghệ Ninh Vân truyền thống như chạm khắc đá Ninh Vân [14], các đại hội Đảng bộ huyện sau này đều nhấn mạnh phát triển nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân trở thành cụm tiểu thủ công nghiệp. Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXII (2015) xác định: Phát triển mạnh dịch vụ, du lịch gắn với phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề, coi đây là mũi nhọn, là nhiệm vụ trọng tâm, chủ yếu trong phát triển kinh tế [15].

- *Văn bản thực hiện của xã Ninh Vân*

Đảng bộ và nhân dân xã Ninh Vân quán triệt thực hiện đường lối phát triển làng nghề TTCN của Đảng, Nhà nước cũng như của tỉnh Ninh Bình và huyện Hoa Lư, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ XIX (năm 1995) xác định phát triển TTCN, dịch vụ là mũi nhọn trong phát triển kinh tế của xã nhà. Các nhiệm kỳ đại hội Đảng bộ xã lần thứ XX, XXI, XXII, XXIII đã đề ra giải pháp đối với làng nghề TTCN: Tập trung lãnh đạo phát triển mạnh mẽ TTCN, chuyển nhanh cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn theo hướng CNH-HĐH. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của UBND xã Ninh Vân nhiệm kỳ 2016-2021 đã đề ra mục tiêu đến năm 2021: Cơ cấu kinh tế: Nông nghiệp 12%, TTCN - dịch vụ và làng nghề: 88%. Nhiệm vụ và giải pháp: "Tập trung lãnh đạo phát triển mạnh mẽ TTCN, dịch vụ và làng nghề duy trì mở rộng các nghề hiện có ở địa phương. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, các hộ nghề trên địa bàn xã [41]. Năm 1996, UBND xã Ninh Vân thông qua Quyết định số 11/QĐ-UB ngày 23/10/1996 về việc quản lý tài nguyên hàng đá trên địa bà xã Ninh vân. Theo đó hàng đá mỹ nghệ được sản xuất tại địa phương do UBND xã trực tiếp quản lý. Tất cả các hộ sản xuất kinh doanh hàng đá mỹ nghệ ở Ninh Vân phải chấp hành nghiêm chỉnh luật thuế và luật nhân sách Nhà nước.

2.2.1.2. Triển khai thực hiện văn bản pháp luật của cấp trên

- Phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng về làng nghề hiện nay

Quan điểm của Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến công tác bảo vệ

và phát huy giá trị làng nghề truyền thống, có nhiều cơ chế chính sách đảm bảo cho hoạt động sản xuất của làng nghề. Từ khi thực hiện công cuộc đổi mới đến nay, các làng nghề đã phục hồi và phát triển mạnh. Sự chuyển biến quan trọng này được tác động bởi hệ thống chính sách kinh tế vĩ mô của nhà nước.

Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII) về văn hoá là cơ sở lý luận soi sáng cho việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc trong hoạt động thực tiễn. Nội dung giải pháp là "Chính sách bảo tồn, phát huy di sản văn hoá dân tộc hướng vào cả văn hoá vật thể và phi vật thể. Bảo tồn các di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh, các làng nghề, các nghề truyền thống…Trọng đãi những nghệ nhân bậc thầy trong các ngành, nghề truyền thống"[49].

Trong thời kỳ đất nước đổi mới và hội nhập, để nâng cao hơn nữa vai trò của công tác quản lý di sản, Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 9 đã ban hành và thông qua Luật Di sản văn hoá 28/2001-QH10, tạo hành lang pháp lý đồng bộ cho hoạt động bảo tồn di sản văn hóa: "Di sản văn hóa vật thể là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, bao gồm di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia"[55].

Căn cứ vào tình hình thực tế trong công tác quản lý di sản đã có nhiều thay đổi, chính những điều này đã làm cho Luật Di sản văn hóa có những điều quy định đã không còn phù hợp với thực tiễn hiện nay. Do đó, Quốc hội đã thông qua và ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009-QH 12, ngày 18/6/2009, những điều lệ bổ sung này có tính chất bù đắp, bổ sung vào những hạn chế được ghi trong Luật Di sản văn hóa năm 2001. Di sản văn hóa phi vật thể là sản phẩm tinh thần gắn với cộng đồng hoặc cá nhân, vật thể và không gian văn hóa liên quan, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thể hiện bản sắc của cộng đồng, không ngừng được tái tạo và được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác [56] bằng các hình thức lưu truyền bao gồm: truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và bằng các hình thức lưu giữ như: trí nhớ, tiếng nói, chữ viết, tác phẩm văn học, tác phẩm nghệ thuật, công

trình nghiên cứu khoa học, văn học dân gian, diễn xướng dân gian, lối sống, nếp sống, lễ hội cổ truyền, bí quyết về nghề thủ công truyền thống, trang phục truyền thống dân tộc, tri thức về y dược học cổ truyền, tri thức về văn hóa ẩm thực và những tri thức dân gian thể hiện bản sắc của cộng đồng. Những nội dung được cụ thể hoá qua các quy định của Luật Di sản văn hoá đã tạo động lực giúp cho sự nghiệp bảo vệ và phát huy di sản văn hoá dân tộc có những bước phát triển mới theo hướng: bảo tồn và tôn vinh những di sản văn hoá tiêu biểu nhất; tạo điều kiện thuận lợi nhằm thu hút nguồn lực của nhiều thành phần kinh tế, đặc biệt là các chủ sở hữu di sản văn hoá đóng góp cho sự nghiệp bảo tồn và phát huy giá trị di tích; phát huy di sản văn hoá phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nhằm góp phần thực hiện mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh.

Văn kiện Đại hội X, XI, XII của Đảng tiếp tục định hướng nhiệm vụ bảo tồn và phát huy di sản văn hoá. Văn kiện Đại hội XII của Đảng chỉ rõ:

> "Huy động sức mạnh của toàn xã hội nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc; khích lệ sáng tạo các giá trị văn hóa mới, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, làm giàu văn hóa dân tộc. Xây dựng cơ chế để giải quyết hợp lý, hài hòa giữa bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội"[54].

Thực hiện chủ trương, đường lối văn hoá của Đảng, nhiều nghị quyết trung ương đã nhấn mạnh vai trò quan trọng của văn hóa trong chính trị, kinh tế và xã hội, văn hóa là nguồn sức mạnh nội sinh của phát triển bền vững. Đồng thời đặc biệt quan tâm tới mục tiêu nâng cao chất lượng đời sống người dân ở nông thôn tiến kịp với cư dân thành thị, đẩy mạnh mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, vai trò quan trọng của kinh tế nông thôn, đề ra biện pháp, chính sách phát triển toàn diện kinh tế xã hội nông thôn, trong đó có nhiệm vụ bảo vệ và phát triển làng nghề. Nghị quyết số 15/NQ-TW ngày 18/7/2002 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về đường lối CNH-HĐH nông nghiệp

nông thôn thời kỳ 2001 – 2020.

Bên cạnh đó một loạt các văn bản pháp luật cũng được ra đời và ngày càng hoàn thiện như: Luật doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã, Luật Bảo vệ môi trường, Luật thương mại, Luật Sở hữu trí tuệ… đã tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho sự phát triển của làng nghề.

- *Triển khai các văn bản pháp quy*

Nhằm tăng cường quản lý nhà nước đối với làng nghề, một văn bản pháp lý quan trọng của Chính phủ có giá trị nền tảng cho hoạt động bảo tồn đã được ban hành khá sớm là Nghị định số 519/TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 29/10/1957 quy định về thể lệ bảo tồn cổ tích. Nghị định số 92/2002/NĐ - CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hoá; Quyết định số 132/2000/QĐ-TTg ngày 24/112000 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn; Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công; Nghị định số 98/2010/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa; Thông tư 113/2006/TT-BTC ngày 28/12/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về ngân sách Nhà nước hỗ trợ ngành nghề nông thôn theo Nghị định số 66/2006 của Chính phủ. Thông tư số 116/2006/TT- BNN ngày 18/12/2006 của Bộ NN&PTNN hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 66/2006/NĐ-CP; Thông tư số 04/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/6/2010 của Bộ VH-TT&DL Quy định việc kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể và lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể để đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng NTM giai đoạn năm 2010- 2020. Quyết định số 2636/QĐ-BNN-CB ngày 31/10/2011về việc phê duyệt chương trình bảo tồn và phát triển nông thôn, nội dung của Quyết định là ưu tiên cho phát triển làng nghề gắn với du lịch; Nghị định số 123/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú"

trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ; Nghị định số 109/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ về việc hỗ trợ đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn đã quy định cụ thể chính sách đãi ngộ đối với người có công gìn giữ, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể… Mới nhất là Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn. Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 01/6/2018 thay thế Nghị định số 66/2006/NĐ-CP. Nghị định này quy định một số nội dung, chính sách phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề, điều kiện công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

2.2.2. Hoạt động bảo vệ giá trị làng nghề

2.2.2.1. Giữ gìn văn hóa ứng xử với nghề

Người dân làng nghề bảo vệ giá trị nghề truyền thống dựa vào đạo đức xã hội, văn hóa ứng xử với nghề, với môi trường chung quanh bằng giao kết, quy lệ, hương ước, lệ tục của làng nghề từ xưa theo hình thức cộng đồng tự quản và nay còn thực hiện các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của nhà nước.

Nhằm giữ vững tình đồng nghiệp, tổ chức "hội nghề" mỗi năm họp hai lần vào ngày khai sơn và giỗ Tổ nghề. Mỗi hội nhóm đều bầu ra một người trưởng hội nghề. Trưởng hội, phải là nghệ nhân lão luyện trong nghề (thợ cả), cao tuổi, có uy tín để cai quản thợ chế tác đá và lo làm lễ giỗ Tổ nghề. Thời xưa, vào những giai đoạn nghề chế tác đá thịnh hành, người ngoài làng muốn đến xin học nghề, Trưởng hội có quyền phân chia thứ bậc, nhiệm vụ và có quyền quyết định việc truyền nghề. Các thứ bậc trong nghề thấp nhất là người học việc, đến thợ con rồi cao hơn là thợ cả. Thợ cả phải là người thuần thục tất cả các công đoạn của nghề, trong nhóm bậc cao nhất này có người có kỹ thuật tinh xảo, điêu luyện thì được làng nghề tôn vinh nghệ nhân của làng.

Hình thức quản lý nghề còn theo quy lệ dòng họ, huyết thống. Người thợ thủ công đồng thời cũng là người nông dân, hành nghề theo kiểu hộ nghề. Mỗi gia đình là một cơ sở sản xuất dưới sự điều hành của người trưởng tộc hay chủ

hộ, gắn bó với nhau trong từng làng, tự quản lý bằng các "quy lệ". Đó là các lệ làng, quy ước miệng rồi thành văn (hương ước, tục lệ xã) để gìn giữ bí quyết nghề, để bảo tồn nghề của gia đình, của dòng họ.

Hình thức cá nhân tự quản bằng nhân cách, đạo đức nghề nghiệp và sự tôn kính vị Tổ nghề. Làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân có truyền thuyết vị Tổ nghề và có tục thờ cúng tôn vinh Tổ nghề để người thợ thủ công trong làng thể hiện truyền thống "ăn quả nhớ người trồng cây". Tại lễ tổ nghề sau khi thực hiện các lễ nghi với Tổ nghề, người thợ thủ công còn họp nhau lại, xem xét việc giữ gìn những "qui lệ" của làng nghề, bình phẩm trao đổi kinh nghiệm, đánh giá kết quả, có các hình thức phạt người làm ăn gian dối hoặc khen thưởng người có công. Văn hóa ứng xử trong tổ chức sản xuất đã tạo ra tính trật tự, đặc thù của văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ cổ truyền ở xã Ninh Vân.

2.2.2.2. Duy trì tập quán truyền nghề

Từ xa xưa đến nay, phương thức truyền nghề chạm khắc đá của người dân Ninh Vân theo kiểu thực hành nghề trực tiếp "cầm tay chỉ việc". Người học việc phải tuân theo các quy lệ của làng nghề, trọng người dạy nghề, tôn kính Tổ nghề, tôn trọng mối quan hệ của cộng đồng làng xã, tuân thủ đầy đủ quy trình kỹ thuật trong chế tác đá mỹ nghệ, không được làm ăn gian dối. Người học nghề phải tập làm từ kỹ thuật đơn giản đến kỹ thuật khó. Do nghề đá có nhiều công đoạn khá phức tạp, nên người học việc có thể lựa chọn công đoạn phù hợp với khả năng của mình hoặc người dạy nghề căn cứ vào năng khiếu và sức khỏe của người học việc để quyết định việc truyền dạy.

Từ năm 1992 đến nay, các thế hệ nghệ nhân làng nghề vẫn tích cực bảo vệ tập quán của làng trong nhân cấy nghề, trao truyền kinh nghiệm khai thác nguyên liệu đá núi, chế tác đá mỹ nghệ cho thế hệ trẻ. Trong quá trình thực hành nghề, các thế hệ thợ trẻ đã không ngừng trau dồi tri thức ở nhiều kênh thông tin khác nhau, lại tiếp tục nhân cấy nghề, đào tạo nghề cho bạn bè, người lao động ở lứa tuổi trẻ hơn. Khảo sát tại thôn Đồng Quan, tác giả gặp Nghệ nhân Lương Thừa Vũ, anh có 25 năm gắn bó với nghề, đã sáng tác, thiết kế nhiều mẫu sản phẩm

đạt trình độ cao, có giá trị kinh tế đáp ứng yêu cầu khách hàng như các công trình tượng, tượng đài, đặc biệt là tượng đài "Bác Hồ với nhân dân các dân tộc Hà Giang" năm 2005 được UBND tỉnh Hà Giang tặng Bằng khen. Năm 2013 được Chủ tịch UBND tỉnh phong tặng danh hiệu Nghệ nhân vì trong suốt quá trình làm nghề, đã truyền nghề cho các lao động, nhiều thợ học nghề đã thành thợ giỏi, góp phần duy trì và phát triển nghề tại địa phương. Nghệ nhân Đỗ Đức Tạo là chủ Doanh nghiệp tư nhân đá mỹ nghệ Lâm Tạo, gia đình vốn có nghề chế tác đá lâu đời. Ông sinh năm 1973 nhưng đã có 28 năm làm nghề. Khi hỏi về kinh nghiệm làm nghề được biết, ông bắt đầu tham gia vào đội sản xuất Hợp tác xã Thạch Sơn của làng nghề từ năm 1991 rồi sau đó ông mở cơ sở chế tác riêng và sáng tạo các sản phẩm tiêu biểu như: đài phun nước đá hồng, phù điêu đá hồng, voi đá, ngựa đá…. Năm 2012, đã có sản phẩm bia đá, cối đá…được xuất sang thị trường Mỹ. Không chỉ giữ gìn, phát triển nghề, theo truyền thống gia đình ông đã đào tạo truyền nghề cho 86 lao động tại doanh nghiệp. Nghệ nhân Đỗ Đình Thuỷ, sinh năm 1986, là một trong những lứa thợ ông Tạo truyền nghề từ năm 2000, đến nay đã là chủ DNTN chế tác đá mỹ nghệ Đỗ Thuỷ. Mới 15 năm làm nghề nhưng anh đã được Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình công nhận là nghệ nhân vì đã tham gia truyền nghề cho các lao động của xã thành thợ giỏi, góp phần duy trì nghề tại địa phương và làm nhiều công trình: đền thờ Nguyễn Trãi tại Côn Sơn, làm tượng đài Tù 9 hầm tại Huế, phù điêu ở tượng đài Trần Quốc Tảng tại Quảng Ninh. Chân dung Phật Quan Âm đạt sản phẩm Công nghiệp nông thôn tiêu biểu tỉnh Ninh Bình. [Phụ lục 2, tr.145 và phụ lục 7, tr. 163].

2.2.2.3. Nhân cấy tri thức kỹ nghệ của nghề

Làng đá mỹ nghệ Ninh Vân là một kho tàng tri thức văn hóa về kinh nghiệm, kỹ thuật nghề chạm khắc đá độc đáo. Những thế hệ người thợ, nghệ nhân chế tác đá của làng nghề Ninh Vân là chủ thể quan trọng nhất, nhân tố quyết định trực tiếp trong việc bảo vệ lưu tồn, nhân cấy nghề chế tác đá vôi khá đặc trưng ở Ninh Bình qua gần chục thế kỷ, [Phụ lục 6, tr. 158-159].

Kinh nghiệm chọn đá nguyên liệu: Trước tiên, muốn khai thác được đá

nguyên liệu thì phải tiến hành thăm dò núi đá. Trông quả núi để phân chia thành từng cấp, từng bậc, biết được độ rắn hay mềm của từng cấp, từng tầng… Tính từ chân núi trở lên thì có thể chia ra lớp 9 thước, lớp 5 thước, lớp 4 thước, những lớp đá này thường mềm, dễ khai thác và khi chế tác sản phẩm ít bị hư hỏng. Phía trên núi đá thường là đá rắn hơn, khó khai thác. Trong quá trình chọn đá, phải xem thế và hình của những tảng, phiến đá núi, dùng tay và tai để gõ và lắng nghe âm độ phát ra từ phiến đá mà có thể đoán định được tiếng rạn nứt, cường độ rắn hay mềm hoặc phát hiện ra mạch đá, gân đá, đường thớ đá để có thể tạo ra loại sản phẩm gì qua tiếng kêu của đá và để có kế hoạch cụ thể trước khi bắt tay vào khai thác. Việc bóc tách các tảng đá, phiến đá núi rất nguy hiểm, tốn công sức, thời gian phải đúng kỹ thuật. Công cụ khai thác, xưa dùng búa, đục nhọn, chét hoặc choòng nay dùng khoan máy để đục (khoan) theo mạch gân thớ đá để lấy đủ kích cỡ tảng đá làm ra sản phẩm dự kiến sẽ chế tác, rồi bổ, bóc tách, bẩy đá xuống núi.[Phụ lục 13, tr. 179].

Kỹ thuật chạm khắc hoa văn trên đá: Cụ Nguyễn Xuân Lương, 89 tuổi, người được bà con làng Hệ mệnh danh là người tài hoa có đôi bàn tay "vàng", vì có nhiều tác phẩm bằng đá tuyệt mỹ để truyền đời và hiện hữu trên khắp mọi miền đất nước, kể rằng: Cách thức nghệ nhân làng bảo vệ giá trị nghề chế tác đá chính là giữ gìn bí kíp nghề và trao truyền kỹ nghệ chế tác đá cho những người thợ có tâm có tài. Khi còn bé, cụ đã được ông nội kể các thế hệ người thợ đá Ninh Vân từ xa xưa đã rất điêu luyện trong kỹ nghệ chạm, khắc, điêu khắc tạo hình. Kỹ thuật chạm khắc đá bao gồm chạm lồi (nổi cao, thấp), chạm lõm (sâu, nông), chạm thủng (rỗng), chạm lộng (bong kênh, lèo đơn, lèo kép). Trong quá trình thực hành nghề ông Lương mới hiểu, tác phẩm kỳ công của thợ lành nghề Ninh Vân là các sản phẩm đá chạm "lèo kép", chạm "thông phong". Tri thức được trao truyền trong hai lối chạm khắc này là: việc chế tác bắt đầu từ khối hình dương trước, khối hình âm rồi đến thông phong sau theo trình tự chìm sâu dần dần. Nhưng trước khi bắt tay vào chạm khắc thì phải vẽ khá chi tiết các hình họa, đường nét, hình khối nhô ra lặn vào, nổi lên chìm xuống theo

các quy ước nhất định trên bề mặt phom sản phẩm. Bởi vì, các đường nét, hình khối, các chi tiết của loại hình chạm khắc này rất sinh động, biến hóa theo độ nông sâu, chìm nổi, khuất lộ đến khôn lường. Chạm lèo kép là thể hiện các lớp hoa văn (như tùng, cúc, trúc, mai, các vật tứ linh như long, ly, quy, phượng hay trâu, ngựa, chó, mèo, gà, dơi, công, ngỗng, rùa, cá, tôm, cua, thiếu nữ, cây cỏ) chồng xen lẫn vào nhau trên một phía bề mặt sản phẩm hướng ra ngoài. Căn cứ vào đặc tính của chạm lèo kép mà kết hợp với các kỹ thuật đục moi, nạo vét để tạo các hoa văn có đường nét lập thể hay bán lập thể, nổi cao, nổi thấp, sinh động uyển chuyển trong tác phẩm. Còn chạm thông phong (chủ yếu là cửa số, trang trí sập, bệ tủ, diềm nóc nhà, bình phong) yêu cầu kỹ thuật khó hơn bởi sản phẩm được soi chiếu không chỉ từ hai mặt phải của sản phẩm mà chủ yếu được soi chiếu từ các lỗ thủng xuyên qua 2 bề mặt sản phẩm. Trên mỗi phía có thể một hay nhiều lớp hoa văn đan cài lồng quấn vào nhau nhưng giữa các lớp hoa văn đó không bó khít mà được tách biệt bởi những khoảng trống rỗng đồng thời giữa bề mặt bên này phải được thông sang bề mặt bên kia đảm bảo được khối hình lô gic và tính thẩm mỹ của bức sản phẩm đá. Để chạm thông phong nghệ nhân phải chạm từ cả hai phía hoặc cả tứ phía thậm chí xung quanh bề mặt của bức chạm để thể hiện những hình khối nổi của các sự vật, thành những sản phẩm điêu khắc tinh xảo. Do đó, trong quá trình chạm khắc nghệ nhân luôn phải hình dung sẵn trong đầu tất cả mọi chi tiết nông sâu, lồi lõm, theo hình học không gian nghệ thuật.

Nghệ nhân Lương Trọng Quảng, 29 năm làm nghề, truyền nghề và có sản phẩm Lộc Bình đá đạt giải sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tỉnh Ninh Bình. Hiện nay ông là người đang giữ gìn bí kíp trổ họa tranh ảnh trên đá của cha ông và đang có một cửa hàng giới thiệu và quảng bá tranh ảnh đá của làng nghề Xuân Phúc. Trổ họa tranh ảnh đá là cả một hệ thống các kỹ thuật cầu kỳ, tinh vi của người thợ lành nghề chạm khắc đá Ninh Vân như xẻ đá, mài nhẵn phom đá, thoa sơn, đánh bóng bề mặt, phóng họa, dùng kỹ thuật trổ, nạo, khắc, chạm, xoi nhằm tạo nên sắc độ và đặc điểm của tranh, ảnh đá. Thợ chế

tác loại sản phẩm này phải có tay nghề cao trong lĩnh vực hội họa.

Nhà điêu khắc trẻ Đỗ Văn Luyện, chủ cơ sở đá mỹ nghệ Việt Tân Thành, sinh ra trong gia đình có truyền thống chế tác đá lâu đời của làng Xuân Phúc và là thế hệ đầu tiên của làng đỗ tốt nghiệp khoa Điêu khắc, Trường Mỹ Thuật công nghiệp Hà Nội cho biết: Đặc trưng của điêu khắc khối (tượng tròn) trên chất liệu đá là vô cùng khó khăn vì chất liệu đá là một khối nguyên liệu đặc, liền, cứng và biểu đạt vẻ lạnh lùng, xa xăm nên kỹ nghệ chạm khắc vừa bắt buộc tính hợp lý ở mọi phương diện thể hiện vừa đòi hỏi tính thẩm mỹ cao trong không gian đa chiều. Trường hợp các sản phẩm đá là các cột trụ công trình kiến trúc phức tạp về kiểu dáng, khối hình phải dùng các kỹ thuật đo để xác định được tâm, khoảng cách, kích thước của từng bộ phận, chi tiết trong quá trình tạo phom đá. Trường hợp tạc tượng người thì phải xác định được kích thước của toàn bộ sản phẩm, tỷ lệ, tay, chân, đầu, vai và xác định được đường trục theo phương thẳng đứng đi qua tim phôi (trục tâm) của sản phẩm. Các khóm tượng đài, tượng đài hoành tráng có kích cỡ lớn, các dải phù điêu hàng trăm mét, được cấu tạo bởi nhiều tầng lớp thì các tạo phom nhất thiết phải dựa theo bản vẽ thiết kế, mẫu thạch cao rồi chuyển thể theo tỉ lệ 1:1; được tạo theo cách lắp ghép từng mảng miếng, từng thớt đá xếp ghép chồng khít lên nhau, được chốt khóa bằng các kỹ thuật ghép mộng vuông hoặc gắn cốn keo, hoặc dùng đồng thời cả hai phương thức trên.

Có thể nói, các thế hệ nghệ nhân tinh xảo, lão luyện xưa nay đang gìn giữ kỹ nghệ chạm khắc lèo kép, thông phong, điêu khắc tượng người, con giống, kiến trúc nhà và trổ họa tranh ảnh trên chất liệu đá vôi đôlômit như một bảo bối của làng, họ đã góp phần lớn nhất để tạo nên những giá trị văn hóa phi vật thể của nghề chế tác đá Ninh Vân.

2.2.2.4. Tu bổ, bảo quản di tích kiến trúc nghệ thuật cổ truyền ở xã Ninh Vân

Cộng đồng làng xã Ninh Vân đặc biệt coi trọng các công trình kiến trúc nghệ thuật cổ truyền bằng đá mỹ nghệ của cha ông trên đất Ninh Vân như báu vật. Họ bảo vệ rất nghiêm ngặt bằng hương ước, tục lệ xã, bia ký và thiêng hóa

các hiện vật với quan điểm giữ nguyên trạng các cổ vật, chỉ trùng tu do thiên tai địch họa, được phép cơi nới mới nhưng đảm bảo tính mỹ quan. Bởi họ cho rằng các công trình kiến trúc đình, đền, chùa, miếu, nhà thờ không chỉ là nơi giao lưu, sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng của cộng đồng mà chính là những chứng tích vật thể, là hiện thân lịch sử, văn hóa của nghề chế tác đá lâu đời ở địa phương.

Hiện nay trên địa bàn xã Ninh Vân có 30 công trình tôn giáo, thờ tự, trong đó có một số công trình kiến trúc tiêu biểu được chạm khắc hoàn toàn bằng đá xanh với kỹ thuật thủ công rất tinh xảo có niên đại khoảng 500 năm trở lại đây [phụ lục 21, tr. 211-216].

Chị Phạm Thị Thanh, cán bộ phụ trách văn hóa xã Ninh Vân cho biết: Trong 25 năm qua, nhân dân xã Ninh Vân có vai trò to lớn đối với việc bảo vệ các di tích tín ngưỡng- kiến trúc nghệ thuật trên địa bàn. Các hoạt động tu bổ và bảo quản di tích cổ truyền tại xã Ninh Vân chủ yếu do cộng đồng tự quản, sử dụng nguồn kinh phí xã hội hóa chứ chưa có sự hỗ trợ của nguồn ngân sách Nhà nước. Đây là một truyền thống tốt đẹp được hình thành từ quá khứ, vẫn được duy trì tới ngày nay. Để người dân nhận thức đúng về tu bổ di tích, phòng Văn hóa – Thông tin xã đã tích cực thông tin trên đài truyền thanh của xã về những nguyên tắc cơ bản đã được quy định trong Quy chế "bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh" của Bộ VH-TT ban hành kèm theo Quyết định 05/2003/QĐ-BVHTT. Đồng thời hướng dẫn bà con làng nghề ưu tiên cho các hoạt động bảo quản, gia cố di tích trước khi áp dụng những biện pháp kỹ thuật tu bổ và phục hồi khác.[Phụ lục 2, tr. 145].

Năm 1996, trong công tác bảo tồn các di tích lịch sử văn hóa, cán bộ phòng quản lý di sản của Sở VH-TT đã về Ninh Vân khảo sát, đánh giá và tư liệu hóa các giá trị văn hóa và nghệ thuật kiến trúc bằng đá cổ truyền. Sau một năm sưu tầm, khảo cứu, đánh giá giá trị về lịch sử và văn hoá cùng với giá trị về thuật chạm khắc đá độc đáo từ thế kỷ X, XVII, XIX được nhân dân địa phương bảo tồn đến ngày nay, năm 1997 Bộ Văn hóa - Thông tin đã ra Quyết định số 423 QĐ/ BVHTT công nhận quần thể đền thờ Thượng Kê từ, Hạ Kê từ

và Miễu Sơn là Di tích lịch sử văn hoá cấp Quốc gia thuộc loại di tích kiến trúc nghệ thuật (Phụ lục1, trang 126). Đây là cụm kiến trúc 100% bằng đá vôi xanh cổ được chạm khắc cầu kỳ, không có mái che. "Theo kết quả giám định khoa học, các đền này có dựng bằng đá phiến, có chạm trổ hoa văn từ thời Đinh, Lý được tạo dựng tiếp thời Hậu Lê - Trịnh, Mạc, được tu bổ tôn tạo thêm vào thời Nguyễn" [24] và thập niên thứ nhất thế kỷ XXI. Cụm kiến trúc nghệ thuật này có quan hệ chặt chẽ về tín ngưỡng thờ thần núi và là nơi diễn ra lễ hội Tam Thôn (thời vua Lê, thế kỷ XVII được coi là "quốc lễ"[43]. Theo đánh giá của các nhà nghiên cứu: cụm di tích nghệ thuật tín ngưỡng này ngoài ý nghĩa lịch sử là một trong những điểm nghiên cứu về thời Hùng Vương dựng nước. Hiện nay 3 ngôi đền vẫn còn lưu giữ nhiều sản phẩm chạm khắc đá từ thời Hậu Lê, bia đá khắc chữ nho ghi năm trùng tu đền và còn lưu giữ 42 đạo sắc phong Thần của các triều đại. Theo văn bia ở di tích, vào năm đầu đời vua Tự Đức có tu sửa lại với việc tôn đắp thêm nền cũ. Năm thứ 14 đời vua Thành Thái (1902) thì tu sửa lại tường đá. Năm 1927 tu sửa lại trụ đá, tường đá thuộc khu vực phía trên của đền. Cạnh đền Kê Hạ có bia ký ghi năm 1680 tu sửa ban thờ. Năm kỷ Hợi đời vua Thành Thái tu sửa cột đồng trụ, giếng ngọc, tường bao…Đền Miễu Sơn tuy không có bia ký, sách vở ghi chép lại thời gian xây dựng, nhưng căn cứ vào đạo sắc phong thần sớm nhất có niên hiệu Hoàng Định thứ hai, tức Lê Kính Tông (1601) thì ngôi đền này đã được xây dựng lại cách đây trên 400 năm. Hiện nay ở Ninh Vân còn nhiều các ngôi đình cổ, chùa cổ được tạo tác bằng đá mỹ nghệ từ thời hậu Lê - Trịnh và được trùng tu tôn tạo thời Nguyễn với nhiều chi tiết chạm thông phong, chạm lèo kép cầu kỳ, tinh vi, chạm hoa văn rất công phu, tinh xảo: Đình làng Hệ phối thờ ông Tổ nghề đá tên là Hệ. Chùa tháp thờ công chúa Trịnh Nguyệt Áng đã được xếp hạng di tích tín ngưỡng cấp tỉnh.

Đặc biệt, bà con làng nghề hiện còn lưu giữ nhiều ngôi nhà ở bằng đá mỹ nghệ rất độc đáo có tuổi đời trên dưới100 năm tuổi. Điển hình như nhà cụ Lương Văn Xiển ở làng Xuân Phúc 3 gian 2 chái, có phòng khách, nhà bếp, sân vườn theo kiểu nhà bắc bộ truyền thống được tạo dựng hoàn toàn bằng đá phiến

lắp ghép bằng mộng rất khít không hề có keo kết dính, từ cửa sổ, vì kèo trên nhà được chạm trổ tùng cúc, trúc, mai bằng kỹ thuật chạm nổi, chạm lộng thông phong, lèo kép, chạm âm, chạm dương rất tinh xảo, các vật dụng bàn ghế, sập, đèn, bàn bếp, tường nhà, đến con vật gần gũi như dơi, chó, cá chép hóa rồng, tường rào cũng được chạm khắc bằng đá xanh trang trí đồng tiền âm dương theo kiến trúc cổ xưa rất công phu. Ngôi nhà thời Pháp thuộc đã bị thực dân Pháp dỡ đem đi một phần kiến trúc, nhưng theo thời gian được các con, các cháu của các cụ tu sửa, tạo dựng thêm.[Phụ lục 9, tr.169-170].

Ý thức được giá trị lịch sử văn hóa đó, phòng văn hóa của xã, Ban quản lý làng nghề đã tích cực tuyên truyền động viên cộng đồng dân cư xã luôn tích cực lưu giữ, bảo vệ di sản của làng nghề, đồng thời tạo điều kiện cho các nhà nghiên cứu về khảo sát đánh giá giá trị di tích. Từ những năm cuối thế kỷ XX đến nay, những người con làng nghề không chỉ tạo ra những sản phẩm đá đáp ứng nhu cầu của khách hàng khắp nơi mà họ cũng dành thời gian, tâm huyết để trùng tu tôn tạo lại các di tích lịch sử đã bị chiến tranh phá hủy: đình thờ ông Tổ nghề đá mỹ nghệ Hoàng Sùng (làng Xuân Thành), đình Thượng (Thượng), đền Trung (Xuân Thành), đình làng Phú Lăng, đình thờ thành hoàng quan Phù Ngừ (Dưỡng), đền thờ Lan Quận Công Phạm Quỳnh (Vũ Xá)... Các công trình kiến trúc này có nhiều hạng mục đã được tu sửa lại bằng đá mỹ nghệ với nhiều họa tiết hoa văn chạm khắc cầu kỳ độc đáo mang dấu ấn tay nghề cá nhân và thẩm mỹ riêng biệt của từng làng nghề trong xã Ninh Vân.[Phụ lục 8, tr;165-168].

Để nghi nhận công lao bảo vệ di sản của cộng đồng dân cư làng nghề, UBND xã Ninh Vân, phòng văn hóa UBND huyện Hoa Lư, phòng Di sản Sở VH-TT Ninh Bình đã xem xét, nghiên cứu và lập hồ sơ di tích, Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình đã công nhận các di tích này là di tích lịch sử cấp tỉnh năm 2011, 2012, 2013…và đưa vào danh sách các công trình kiến trúc cổ cần phải được bảo vệ.[Phụ lục 1, tr.127-132].

Không những thế, bà con làng nghề còn tập trung xây dựng khu văn chỉ xã Ninh Vân hoàn toàn bằng đá mỹ nghệ đặt tại thôn Hệ và tạo dựng thêm

nhiều công trình kiến trúc như cầu đường, cổng tam quan làng nghề, đài tưởng niệm liệt sĩ xã Ninh Vân, lăng mộ ở nghĩa trang, nhà thờ tổ, nhà ở, đồ thờ tự phục vụ đời sống của bản thân và cộng đồng cư dân trong không gian sinh tồn làng xã Ninh Vân phong phú và đa dạng. Đó không chỉ là những tác phẩm nghệ thuật bằng đá kỳ diệu tinh xảo có hồn mà là một bảo mỹ thuật sống độc đáo của làng nghề.

2.2.2.5. Công tác sưu tầm, nghiên cứu, đánh giá giá trị nghề đá mỹ nghệ

Năm 2002 thực hiện chương trình "Bảo tồn văn hóa phi vật thể" của Bộ VH-TT&DL, Sở VH-TT Ninh Bình đã xây dựng một chương trình khảo sát và nghiên cứu về nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân và giao cho cán bộ quản lý và nghiên cứu văn hóa của Phòng Di sản văn hóa thực hiện. Trong quá trình triển khai, các cán bộ phòng di sản văn hóa đã thực địa khảo sát tại làng nghề đồng thời phối hợp với chính quyền và nhân dân xã Ninh Vân cùng các nhà nghiên cứu khoa học xác minh giá trị phi vật thể của làng nghề thông qua kỹ thuật, quy trình chế tác của nghề. Sau đó tập hợp thành một tập tư liệu dày gần 20 trang đánh máy khổ giấy A4 "Mỹ nghệ đá Ninh Vân" năm 2002. Đây là một cuốn tư liệu bước đầu, duy nhất nghiên cứu khá bài bản về làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân. Hiện cuốn tư liệu này đang được lưu giữ tại Phòng Di sản Sở VH-TT Ninh Bình và Thư viện tỉnh Ninh Bình để phục vụ nghiên cứu

Cho đến nay công tác nghiên cứu, tư liệu hóa giá trị văn hóa phi vật thể của làng nghề đá Ninh vẫn chưa được quan tâm chú trọng, UBND tỉnh chưa nghiên cứu ban hành văn bản quy phạm pháp luật riêng về vấn đề bảo tồn di sản văn hóa. Do đó công tác này vẫn còn hạn chế, nghiên cứu về làng nghề vẫn chủ yếu tìm hiểu ở trong các số liệu báo cáo dưới góc độ chung về kinh tế tiểu thủ công nghiệp, cụm công nghiệp của UBND xã Ninh Vân, Sở Công thương, UBND tỉnh Ninh Bình hoặc chủ yếu qua các bài viết tuyên truyền trên báo chí, trên các trang website giới thiệu sản phẩm của các sơ sở chế tác đá Ninh Vân.

2.2.3. Hoạt động phát huy giá trị làng nghề

2.2.3.1. Tôn vinh nghệ nhân

Nghệ nhân là linh hồn của làng nghề thủ công truyền thống, chính vì vậy công tác tôn vinh nghệ nhân làng nghề 10 năm trở lại đây luôn được quan tâm. Từ năm 2013 đến tháng 12/2017 có 31 thợ chế tác đá mỹ nghệ giỏi được phong tặng danh hiệu nghệ nhân cấp tỉnh, 01 nghệ nhân đang đề nghị xem xét tặng danh hiệu Nghệ nhân ưu tú cấp trung ương [Phụ lục 3, tr. 149]. Đa phần họ là những người thợ có tuổi đời còn rất trẻ (sinh năm 1960-1985), người có thâm niên trong nghề ít nhất 10 năm, nhưng lại nắm vững kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp, có công lớn trong việc bảo tồn và phát huy giá trị nghề thủ công mỹ nghệ của địa phương tích cực tham gia đào tạo, truyền nghề, dạy nghề cho từ 50 cá nhân trở lên. Đồng thời cũng là người trực tiếp thiết kế, chế tác được trên 5 sản phẩm, tác phẩm có giá trị kinh tế, kỹ thuật, mỹ thuật cao được đưa vào sản xuất hàng hóa và cung ứng trên thị trường, góp phần phát triển kinh tế địa phương, được doanh nghiệp và chính quyền địa phương nơi cư trú công nhận và nhất trí suy tôn. Các tác phẩm sản của họ được giải thưởng và được cấp chứng nhận thành tích tại các cuộc thi, hội chợ, triển lãm, bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu của tỉnh, được chọn trưng bày trong các bảo tàng, công trình văn hóa, di tích lịch sử hoặc tại các sự kiện lớn của tỉnh và cả nước, đồng thời được chọn làm mẫu phục vụ công tác giảng dạy tại các trường mỹ thuật và dạy nghề, được sử dụng vào công trình phục chế di tích lịch sử, văn hóa của chính quyền địa phương. Những nghệ nhân của làng nghề được xã hội tôn vinh, Chủ tịch UBND tỉnh phong tặng và cấp Bằng chứng nhận "Nghệ nhân thủ công mỹ nghệ tỉnh Ninh Bình". Được hỗ trợ kinh phí thực hiện các đề án đào tạo nghề, truyền nghề, hoạt động nghiên cứu, thiết kế cải tiến mẫu mã sản phẩm, đổi mới công nghệ nhằm nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành, đa dạng hóa sản phẩm, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, theo chương trình hỗ trợ phát triển nghề và làng nghề, chương trình khuyến công. Được hỗ trợ kinh phí đăng ký bảo hộ quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ đối với những sản phẩm làm ra. Từ đó họ phát huy trách nhiệm trong công tác

đào tạo nghề, tổ chức truyền, dạy nghề trực tiếp, phát triển nghề, cung cấp tài liệu, phổ biến kinh nghiệm sản xuất. Tích cực nghiên cứu cải tiến mẫu mã sản phẩm, đầu tư công nghệ sản xuất mới nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm năng lượng, hạ giá thành sản phẩm, giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Tích cực tìm tòi, nghiên cứu giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa nghề truyền thống của dân tộc. Hưởng ứng tham gia trưng bày giới thiệu sản phẩm mới tại các hội chợ triển lãm trong nước và quốc tế hàng năm. [Phụ lục 3, tr.149].

2.2.3.2. Công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

Trước năm 1992, nghề chế tác đá mỹ nghệ ở xã Ninh Vân bị mai một, còn sót lại ở một vài hộ gia đình thuộc thôn Thượng, thôn Hệ, thôn Xuân Vũ chủ yếu sản xuất mặt hàng cối đá, nhưng nhờ có sự nỗ lực bảo vệ và phát huy giá trị của nghề chế tác đá của các chủ thể quản lý nhà nước, doanh nghiệp và người dân địa phương mà trong vòng 25 năm qua tốc độ phát triển nghề của các làng ở xã Ninh Vân ngày càng sâu rộng (13/13 thôn và 1 cụm công nghiệp làm nghề). Để khuyến khích cộng đồng làng nghề tiếp tục phát huy giá trị của nghề, các cơ quan chức năng đã tổng khảo sát, đánh giá, tham mưu với tỉnh. Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình đã công nhận là nghề chế tác đá mỹ nghệ truyền thống xã Ninh Vân theo Quyết định số 1783/QĐ-UBND ngày 23/12/2016. Như vậy nghề chế tác đá mỹ nghệ trở thành nghề thứ hai được công nhận là nghề truyền thống ở tỉnh Ninh Bình sau nghề thêu ren Văn Lâm. Tiếp đến dựa và tiêu chí phát triển làng nghề mới, chúng ta có thể liệt kê làng nghề, làng nghề truyền thống đá mỹ nghệ trên địa bàn xã Ninh Vân đã được UBND tỉnh Ninh Bình công nhận: Quyết định số 1783/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 công nhận Nghề chế tác đá mỹ nghệ truyền thống xã Ninh Vân; Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 02/01/2007 công nhận làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Xuân Phúc, Xuân Thành; Quyết định số 2305/QĐ-UBND ngày 22/12/2008 công nhận làng nghề chế tác đá mỹ nghệ thôn Hệ, Đồng Quan, thôn Thượng; Quyết định số 703/QĐ-UBND ngày 13/9/2012 công nhận làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Vũ Xá, Phú Lăng, Dưỡng Thượng, Dưỡng Hạ, Chấn Lữ và

Làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân (cụm công nghiệp chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân). UBND tỉnh Ninh Bình cũng công nhận: Làng mới có nghề cho các làng còn lại của xã Ninh Vân: Tân Dưỡng 1, Tân Dưỡng 2 và thôn Vạn Lê. Với sự phát triển mạnh này sẽ tạo thành nội lực quan trọng cho Ninh Vân xúc tiến du lịch văn hóa làng nghề.[Phụ lục 3, tr. 147].

2.2.3.3. Bảo vệ di sản đá mỹ nghệ ở Ninh Bình gắn với phục vụ du lịch

Trên mảnh đất Ninh Bình hiện nay có nhiều công trình kiến trúc nghệ thuật bằng đá và bia ký là sản phẩm độc bản của hiệp thợ làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân đang được nhân dân Ninh Bình bảo vệ nguyên trạng qua hàng ngàn năm. Để tiếp tục giữ gìn những sản phẩm đá độc bản này, hiện nay không chỉ có nhân dân địa phương mà còn là sự vào cuộc và phối hợp của các nhà nghiên cứu văn hóa với vai trò tư liệu hóa, chính quyền địa phương, Cục Di sản, sở VH-TT với vai trò quản lý. Nhiều cuộc hội thảo khẳng định giá trị di sản đã diễn ra [Phụ lục 7, tr 161,163,164].Các sản phẩm này đã được Bộ VH-TT&DL xếp hạng di tích lịch sử, Chính phủ cấp bằng công nhận bảo vật quốc gia.

Ở thế kỷ X, nhà Đinh - Tiền Lê dùng võ để trị nước song lại rất coi trọng Phật pháp để hướng đạo an dân. Đá được coi là linh khí, bia kinh bằng đá ở kinh đô Hoa Lư. Năm 1986, khai quật lòng đất cố đô Hoa Lư, các nhà khảo cổ đã tìm ra được 40 /100 cột kinh Phật bằng đá của Nam Việt Vương Đinh Liễn (con trai cả Vua Đinh) dựng sám hối năm 973 còn nguyên vẹn có khắc bài thần chú Phật đỉnh tôn thắng đà la ni. Các nhà khảo cổ cho rằng từ đây về sau tạo thành một dòng chảy thạch kinh trong văn hóa Việt Nam. Hiện nay, các cột kinh này đều giao cho Bảo tàng tỉnh Ninh Bình trông coi, bảo vệ cẩn thận để phục vụ hoạt động nghiên cứu và tham quan. Cột kinh Lăng Nghiêm là hiện vật độc bản bằng đá xanh tự nhiên có niên đại năm 995, do vua Lê Đại Hành cho dựng tại kinh thành Hoa Lư. Hiện nay vẫn được bảo quản nguyên trạng tại sân chùa Nhất Trụ, Khu di tích Cố đô Hoa Lư được Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận bảo vật quốc gia đợt 4, tháng 12/2015. Bảo vật quốc gia này đang được các nhà nghiên cứu lập hồ sơ đề nghị UNESCO công nhận là di sản tư liệu thế giới. Ông

Nguyễn Cao Tấn, nhận cho biết: Cặp long sàng trước nghi môn ngoại (đầu thế kỷ XVII, thời Lê Trung Hưng, niên hiệu Hoằng Định thứ 9, năm 1608) và Bái đường nghi môn nội (lần trùng tu năm Bính Tý, niên hiệu Chính Hòa thứ 17, năm 1696) tại đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng, là hiện vật độc bản chạm khắc tinh tế, tỷ mỷ bằng đá xanh nguyên khối đã được Thủ tướng Chính phủ ra quyết định công nhận Bảo vật quốc gia năm 2018 khẳng định giá trị trường tồn của di sản văn hóa vật thể vùng đất cố đô. Bên cạnh đó, đền Thái Vi, ở khu du lịch Tam cốc – Bích Động, Trần (nội lâm) được dựng từ thời hậu Lê thuộc vùng lõi Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Tràng An được công nhận di tích cấp quốc gia. Quần thể nhà thờ đá Phát Diệm ở huyện Kim Sơn được xây dựng (1875 - 1898) được xếp hạng Di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia năm 1988. Có thể thấy, trong 2 thập niên đầu của thế kỷ XXI, tỉnh Ninh Bình đặc biệt coi trọng những di sản bằng đá mỹ nghệ độc đáo của cha ông, các ngành các cấp quản lý văn hóa, các doanh nghiệp, các tổ chức bảo vệ di sản và nhân dân tỉnh Ninh Bình đã có có nhiều hoạt động, giải pháp bảo vệ các hiện vật độc bản bằng đá này và khai thác có hiệu quả trong phát triển du lịch đem lại doanh thu rất cao. Các di sản này chính là một phần quan trọng tạo nên di sản kép đầu tiên của khu vực Đông Nam Á, được tổ chức UNESCO công nhận năm 2014:Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Tràng An. [Phụ lục 2, tr. 145-146].

Đại diện tiêu biểu minh chứng cho hoạt động phối hợp lưu lưu giữ và phát huy sản phẩm đá mỹ nghệ Ninh Vân trên đất Ninh Bình là các công trình Văn chỉ xã Ninh Vân, Quảng trường Đinh Tiên Hoàng Đế ở trung tâm thành phố Ninh Bình, nhiều hạng mục tại Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Tràng An, Khu di tích cấp quốc gia đặc biệt Cố đô Hoa Lư, công trình giao thông và đặc biệt là Chùa Bái Đính thuộc xã Gia Sinh, huyện Gia Viễn (Ninh Bình) là ngôi chùa lớn nhất Việt Nam được tạo dựng ở thế kỷ XXI, với tổng diện tích hơn 500 ha, nhiều kỷ lục được xác lập tại Việt Nam và khu vực Đông Nam Á, trong đó có hành lang La Hán dài nhất Việt Nam (234 gian dài 3 km), với 500 pho tượng được xếp cạnh nhau trong 1 quần thể kiến trúc chùa Bái

Đính tạo nên sự phong phú và sinh động, thể hiện rõ tay nghề của người thợ đá mỹ nghệ Ninh Vân ngày nay.[Phụ lục 7, tr 164;Phụ lục 11, tr. 174-175].

Chính những sản phẩm đá mỹ nghệ này đã góp phần làm nên tính thiêng văn hóa dân tộc Việt, là minh chứng của lịch sử giữ nước bảo vệ chủ quyền độc lập quốc gia của cha ông và sự phong phú trong giao lưu tiếp biến văn hóa Đông – Tây cùng với các giá trị văn hóa lịch sử của vùng đất cố đô Hoa Lư và danh lam thắng cảnh trong quần thể di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Tràng An đã thu hút hàng triệu ngàn lượt khách trong nước và quốc tế đến tham quan, đem lại lợi ích lớn cho du lịch Ninh Bình phát triển.

2.2.4.4. Phát huy tính cố kết cộng đồng làng xã trong các lễ hội cổ truyền

Đối với làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, lễ hội là nơi sinh hoạt văn hóa cộng đồng truyền thống của người dân địa phương, thể hiện mối quan hệ khăng khít anh em, trên dưới, trước sau của các thôn làng trong xã và trong mỗi dòng họ của mối làng. Hoạt động lễ hội diễn ra phong phú, sinh động, vui vẻ, lành mạnh, phát huy được vai trò chủ thể cũng như năng lực sáng tạo văn hóa của nhân dân. Các chủ thể quản lý lễ hội: Phòng Văn hóa – Thông tin huyện Hoa Lư, UBND xã Ninh Vân kịp thời chỉ đạo, hướng dẫn, kế hoạch tổ chức lễ hội, đồng thời phối hợp với các đoàn thể tổ chức tuyên truyền sâu rộng các văn bản quản lý, mục đích, ý nghĩa của lễ hội cũng như phát huy vai trò chủ thể cộng đồng nhân dân tự quản của lễ hội. Hội Tam thôn và Hội làng Xuân Vũ với ý niệm tạ ơn vị thần núi đã tạo ra nguồn đá cho làng nghề phát triển và cầu xin mưa thuận gió hòa. Một trong những hoạt động văn hóa đặc sắc không thể thiếu đối với người thợ đá Ninh Vân là Lễ tế Khai sơn và giỗ Tổ nghề đá xuất phát từ tín ngưỡng thờ thần núi và tín ngưỡng thờ vị Tổ nghề của người dân địa phương. Lễ tế khai sơn và giỗ Tổ được tổ chức vào ngày rằm tháng Tám hàng là sự bày tỏ tấm lòng tưởng nhớ tới công ơn vị Tổ nghề đã có công truyền dạy nghề chạm khắc đá cho người dân Ninh Vân. Lễ dâng hương tạ ơn diễn ra trang nghiêm, thành kính tại 2 ngôi đình: đình thờ ông Tổ nghề đá Hoàng Sùng làng Xuân Vũ và tại đình Côn Lăng Hạ của làng Hệ là nơi phối thờ thần núi Tản

Viên và ông Tổ nghề đá Hệ. Lễ tế vị tổ nghề đá có sự tham gia của chính quyền địa phương, ban quản lý làng nghề và đông đảo người dân địa phương làm nghề chế tác đá.

Trong các ngày lễ trọng, người dân làng nghề tụ tập đông vui tại các ngôi đình làng tổ chức ăn uống, họp bàn việc cúng tế ông tổ nghề, họp bàn việc phát tâm công đức trùng tu các di tích lịch sử, xây dựng mới các hạng mục công trình bằng đá mỹ nghệ phục vụ cộng đồng trên địa bàn xã Ninh Vân, phê bình, đánh giá những người thiếu trách nhiệm với cộng đồng. Tại các buổi họp bàn này những người đại diện cho chính quyền địa phương, ban quản lý làng nghề, nghệ nhân, doanh nghiệp, cơ sở chế tác là những người có uy tín đưa ra các thông tin về cơ chế chính sách hỗ trợ cho quy hoạch phát triển làng nghề, kinh nghiệm trong hoạt động sản xuất chế tác, kinh doanh, đào tạo nghề...

Có thể nói, từ các hình thức sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng dân gian này của người con làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân đã góp phần nâng cao sức mạnh cộng đồng, tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau giữa người dân trong làng. Khi đến tham gia vào các hoạt động của lễ hội, thế hệ trẻ được hiểu thêm về cội nguồn, thừa hưởng lòng yêu nghề và lòng tự hào về những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của quê hương. Được học hỏi thêm các tích xưa về vị tổ nghề chạm khắc đá, từ đó ý thức được nghĩa vụ và tránh nhiệm của mình bảo vệ và phát huy những giá trị văn hóa lịch sử của làng nghề mà thế hệ ông cha bao đời dày công gây dựng.[Phụ lục 10, tr. 171].

2.2.3.5. Cải tiến công cụ và quy trình chế tác đá mỹ nghệ

Công cụ khai thác đá nguyên liệu của người thợ xưa khá đơn giản, chủ yếu bằng xà beng, vồ, gỗ, nêm (chét), đục nhọn, cắt loại to nhỏ ngắn dài. Công cụ chế tác đá thủ công gồm ve để nạo vét bề mặt sản phẩm đá (ve trơn, ve có răng nhỏ đều trên lưỡi), cưa tay lưỡi thép, khoan (mũi kim cương, mũi thép), dùi thép, nạo lưỡi thép, đục vụm, vồ, gỗ, nêm (nêm phá và nêm đánh phát), đục nhọn (đục phác và đục tinh chế mỗi loại lại gồm đục bạt lưỡi thẳng, mỏng và

sắc, đục mũi nhọn, đục ve đầu bẹp rất sắc), búa phẳng, búa băm, búa băm rãnh, búa bằng gỗ, búa bằng kim loại; đục bằng loại thép sợi xoắn, đục bạt lưỡi dẹt vát một bên, đục bạt có răng, bút cạo bằng hợp kim, bút khắc kim loại, mũi soi, thước có thước dài và thước vuông đá mài, máy mài quay tay, 5-6 loại giấy ráp, cốn gắn bằng nhựa cây, sơn đen… Các loại trên đủ kích cỡ, kiểu dáng.

Ngày nay, việc khai thác đá phổ biến bằng khoan điện và dần thay thế bằng máy xẻ tự động công nghệ cao. Việc chế tác đá của làng nghề cũng được hỗ trợ một phần các công cụ máy chế tác cầm tay gồm: máy xẻ các cỡ, máy dùi, máy cắt cưa, tời kéo tự động, palăng, khoan máy cầm tay, máy mài và đánh bóng sản phẩm, máy tiện, máy rút lõi, máy làm chỉ phào, máy cầm tay (bổ, khắc, khoan, đục, đánh ráp) máy chạm khắc CNC, cần cẩu các loại, xe cơ giới, xe cẩu, robocon. Máy vi tính để thiết kế bản vẽ, mô hình, phối cảnh, thiết kế mẫu mã hoa văn mỹ thuật cao.[Phụ lục 12, tr.176-178].

Ứng dụng khoa học kỹ thuật đem đến thời gian hoàn tất tác phẩm nhanh hơn từ 1 năm xuống còn 4 tháng, giảm được công sức người lao động, giảm tai nạn trong lao động, góp phần quan trọng vào việc nâng cao năng suất, chất lượng và đa dạng mẫu mã sản phẩm.

2.2.3.6. Đào tạo nguồn nhân lực

Với sức phát triển của làng nghề ở giai đoạn này, sự thiếu hụt lao động có tay nghề vẫn luôn đặt ra, trong khi Ninh vân là một xã có nguồn lao động trẻ dồi dào với số dân đông đúc nhất huyện Hoa Lư. Ngoài số lao động là người dân bản địa, nghề chạm khắc đá còn thu hút rất nhiều các lao động từ các tỉnh lân cận như Nam Định, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Nam, Hòa Bình, Tuyên Quang, Thái Nguyên,Vĩnh phúc, Hà Nội đến làm việc và sinh sống tại địa phương. Cùng với các hoạt động truyền nghề theo lối truyền thống thì doanh nghiệp, Hiệp hội làng nghề luôn tổ chức đào tạo nghề cho người có nhu cầu tìm việc làm và cũng là một trong các chủ thể tích cực tham gia đào tạo nghề cho chính nguồn nhân lực của doanh nghiệp: Nghệ nhân Đỗ Đức Ánh sinh năm

1976, tại thôn Xuân Phúc, 24 năm làm nghề, giám đốc Công ty TNHH MTV chế tác đá mỹ nghệ Đức Tín, đã đào tạo truyền nghề cho 110 lao động trong và ngoài doanh nghiệp. Nghệ nhân Nguyễn Văn Khương, sinh năm 1964, tại thôn Hệ, chủ Doanh nghiệp tư nhân Hệ Dưỡng. Ông có 34 năm làm nghề và trực tiếp đào tạo thành nghề cho các lao động của doanh nghiệp. Nghệ nhân Lã Huy Tuyến thôn Vũ Xá, chủ cơ sở đá mỹ nghệ Tuyến Hậu, 29 năm làm nghề đã đào tạo cho 108 người chưa biết việc thành thợ lành nghề...

Đồng hành với doanh nghệp, cộng đồng làng nghề, tỉnh Ninh Bình có nhiều chính sách hỗ trợ các hoạt động học nghề. Theo Giám đốc Sở LĐ-TB&XH: Trên địa bàn tỉnh có 53 cơ sở dạy nghề, thời gian qua, Sở đã phối hợp với các Sở Công thương, Giáo dục &Đào tạo, NN&PTNN thực hiện các Đề án số 15/ĐA-UBND, Đề án 08/ĐA-UBND và Đề án 10/ĐA-UBND của tỉnh theo chương trình mục tiêu quốc gia đào tạo nghề cho con em nông thôn. Trường nghề của Sở cũng đã phối hợp với UBND xã Ninh Vân, Doanh nghệp chế tác đá mỹ nghệ, nghệ nhân làng nghề tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề theo nhu cầu của làng nghề để tạo việc làm và nâng cao tay nghề cho người lao động dưới hình thức ngắn hạn, gắn lý thuyết với thực hành. Nghệ nhân Đỗ Khắc Thân, sinh năm 1980, hiện nay là chủ Doanh nghiệp tư nhân Gia Linh thuộc thôn Đồng Quan, ngoài việc thường xuyên truyền nghề cho lao động công ty thì năm 2011 đã ký hợp đồng dạy nghề chạm khắc đá với Sở LĐ-TB&XH tỉnh cho 70 lao động thành nghề. Thực hiện chương trình khuyến công, tỉnh đều có kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề chế tác đá cho con em làng nghề theo từng năm. Ông Vũ Ngọc Tuyên cho biết: Từ năm 2002 xã Ninh Vân đã chủ động liên kết với T rường Cao đẳng Kỹ thuật Nam Định hằng năm tổ chức được 1 đến 2 lớp trung cấp nghề, cao đẳng nghề tại địa phương cho nhiều thanh niên, mở các khóa đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn (3 đến 6 tháng) nâng cao tay nghề cho lao động chế tác đá. Đào tạo từ 30 đến 50 thợ bậc 3/7. 15 năm trở lại đây, đã có 600 học sinh ra trường có tay nghề cao, khuyến khích việc truyền nghề, dạy nghề cho con em trong xã đạt hiệu quả tốt. [Phụ lục 2 tr.145; phụ lục 7, ảnh tr.162]

2.2.3.7. Phát huy bản sắc dân tộc trong chạm khắc họa tiết, hoa văn

Trao đổi với nhà điêu khắc trẻ Lương Trịnh, cử nhân trường Đại học Mỹ thuật Hà Nội, hội viên chuyên ngành Mỹ thuật của Hội Văn học Nghệ thuật Ninh Bình: Trong các hoạt động bảo vệ giá trị làng nghề, những người thợ đá Ninh Vân đã kế thừa các mô típ chạm khắc hoa văn mang nét tượng trưng, thể hiện tư duy về vũ trụ, các quan niệm nhân sinh, tín ngưỡng tâm linh trên sản phẩm đá của cha ông, nhưng họ không ngừng sáng tạo, phát triển, cấy ghép, cải biến, nâng cao tính mỹ thuật trên các họa tiết, hoa văn trên sản phẩm đá mỹ nghệ cho phù với xu hướng phát triển của cuộc sống , làm cho giá trị này hấp dẫn hơn, phong phú và giàu cảm xúc hơn. Thời xưa, các bức phù điêu, lan can, các linh vật, tượng thờ, cột trụ, xà kèo thời xưa các nghệ nhân thường có cách tạo hình giống thực biểu hiện ở khối hình tròn, chắc và đóng kín, thiên về sử dụng đường cong, nét uốn lượn mềm mại, uyển chuyển nhịp nhàng, ngày nay tôn tạo các công trình nghĩa trang liệt sĩ, đài tưởng niệm hoặc trang trí các biệt phủ, nhà vườn người thợ thiên về sử dụng nhiều đường thẳng, nét thẳng dứt khoát của mỹ thuật phương tây hiện đại. Tượng thờ cũng là loại hình sản phẩm độc đáo của làng nghề với kỹ thuật cao. Chạm các pho tượng tôn giáo thì thợ đá Ninh Vân sử dụng nghệ thuật dân gian truyền thống: bề mặt tượng nhẵn, láng, gợi sự tĩnh tại, giàu chất thơ, giàu nữ tính tạo cảm giác huyền bí, sâu lắng, nhân hậu. Đó là sự tổng hòa các quan niệm về vẻ đẹp điển hình của dân gian Việt Nam. Ngày nay, chạm tác tượng đài, phù điêu hoành tráng đặt ở không gian ngoài trời, đông người qua lại, mang tính quảng đại quần chúng vì thế hình thức bố cục mang tính khái quát và cách điệu cao. Đường nét khúc chiết, bề mặt tượng ít nhẵn, thô ráp, thể hiện sự uy nghi, vĩnh cửu [Phụ lục 2, tr. 145-146].

2.2.3.8. Khuyến khích các hoạt động lưu giữ các dòng sản phẩm đặc trưng của làng nghề, cải biến sáng tạo các dòng sản phẩm mới

Tháng 10/2017, lần đầu tiên Sở VH-TT tỉnh Ninh Bình đã phối hợp với Cục Triển lãm Mỹ thuật và Nhiếp ảnh Việt Nam mở lớp tập huấn cho các nghệ nhân, thợ thủ công làng nghề Ninh Vân, các họa sĩ, nhà điêu khắc trên địa bàn

tỉnh, các doanh nghiệp, tổ hợp nghề về thực hiện công văn 2662 năm 2014 của Bộ VH-TT&DL không sản xuất các linh vật ngoại lai trong các làng nghề, đồng thời truyền thụ các kiến thức cơ bản về linh vật thuần Việt để nhằm bảo tồn giá trị nghệ thuật truyền thống của dân tộc. Hoạt động hiếm hoi này đã khuyến khích thợ thủ công, nghệ nhân và các cơ sở sản xuất trên địa bàn có thêm huyết tâm yêu nghề, tích cực lưu giữ và không ngừng sáng tạo các mẫu mã hoa văn sản phẩm của làng nghề.[Phụ lục 7, ảnh, tr.161, 164]

Nghề chạm khắc đá Ninh Vân từ lâu đã nổi tiếng bởi những sản phẩm mỹ nghệ độc đáo từ chất liệu đá vôi xanh tự nhiên với 6 dòng sản phẩm chính:

Dòng sản phẩm tâm linh gồm lăng mộ, lan can, lư hương, bát hương, đèn cây, ảnh truyền thần, bia đá, tháp đá, khánh đá, cột trụ, đá lát...

Dòng tượng thờ: Tượng người (tượng tôn giáo, tín ngưỡng, danh nhân), tượng linh vật (Long, ly, quy, phụng, hổ, hạc, voi, nghê, kỳ lân...)

Dòng sản phẩm kiến trúc (thường có kích cỡ lớn, họa tiết hoa văn đặc sắc, kỹ thuật phức tạp): Nhà ở, nhà thờ, miếu, phủ, đình, chùa, khách sạn, biệt thự, công trình công cộng: cầu, đường, cổng tam quan, đài phun nước...

Dòng sản phẩm tranh, ảnh, tượng nghệ thuật, tượng con giống, cuốn thư, phù điêu, bàn ghế, sập, tủ, thống, ang, chậu cảnh, lộc bình, lọ hoa, ấm, chén, mâm, bát, đũa ăn cơm.

Dòng sản phẩm tượng đài, cụm tượng đài phù điêu hoành tráng gồm: Danh nhân lịch sử, Danh nhân văn hóa, Anh hùng dân tộc, Anh hùng liệt sĩ, ..., cụm tượng đài quảng trường trung tâm thành phố, tỉnh lỵ, huyện thị; cụm tượng đài liệt sĩ, chiến khu lịch sử, đài tưởng niệm... [Phụ lục 17,18,19,20 tr. 189-204]

Suốt thời kỳ bao cấp, dòng sản phẩm phục vụ sản xuất luôn giữ vai trò chính yếu trong hoạt động sản xuất của làng nghề vì là công cụ hữu ích của nhà nông. Khi đất nước thực hiện công cuộc đổi mới, đặc biệt từ khi tỉnh Ninh Bình được tái lập (1992) đến nay có các cơ chế chính sách khuyến khích, hỗ trợ các ngành nghề thủ công, đã thức tỉnh nghề đá mỹ nghệ truyền thống Ninh Vân

vươn lên phát triển mạnh mẽ. Từ chỉ còn được lưu truyền và bó hẹp ở Hợp tác xã Thạch Sơn và một số hộ ở hai ngôi làng cổ Xuân Vũ, Côn Lăng Hạ đã phát triển rộng ra các làng phụ cận. Ngày nay, trước sức phát triển của nền kinh tế, đã tạo cho đời sống xã hội phát triển, thị hiếu của người dân cũng như nhu cầu thị trường đá mỹ nghệ cũng đã thay đổi. Chính vì lẽ đó, cơ sở chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân đã nhanh chóng nghiên cứu các kỹ thuật chế tác đá mỹ nghệ của cha ông có trong các công trình kiến trúc truyền thống và không ngừng sáng tạo, cải tiến mẫu mã, chủng loại sản phẩm nhằm đáp ứng thị trường. Đặc biệt người thợ chế tác đá Ninh Vân đã sáng tạo ra 2 dòng sản phẩm mới. Trong đó, dòng sản phẩm cụm tượng đài phù điêu hoành tráng đã trở thành thương hiệu của là nghề. Hiện nay, những người thợ chế tác đá Ninh Vân đang nghiên cứu thử nghiệm dòng sản phẩm lưu niệm phục vụ du lịch: Bi đá, chậu bonsai mini, các con vật trang trí như rồng, hổ, cóc ngậm ngọc, tượng thiếu nữ...

Hàng năm, Hiệp hội làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân đã vận động các nghệ nhân, các doanh nghiệp, tổ hợp nghề, hộ nghề và thợ thủ công tích cực sáng tạo ra các sản phẩm đá mỹ nghệ có giá trị nghệ thuật cao, đồng thời vận động họ tham gia các cuộc thi, bình chọn các sản phẩm thủ công mỹ nghệ tiêu biểu do Sở Công thương tổ chức, qua các lần tham gia như vậy, nhiều sản phẩm truyền thống của làng nghề được đánh giá chất lượng, bình chọn và giành giải thưởng của Bộ, ngành, đồng thời việc làm này gắn liền với công tác khuyến khích tính điểm để tôn vinh nghệ nhân làng nghề truyền thống. Có thể kể đến các sản phẩm đạt giải các cuộc bình chọn Công nghiệp nông thôn tiêu biểu tỉnh Ninh Bình như " Đại bàng đá" của Lã Huy Tuyến, tác phẩm nghệ thuật "Phố cây" của Lương Trịnh giải C của Hội Mỹ thuật Việt Nam 2016...

2.2.3.9. Quảng bá giá trị làng nghề gắn với mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm

Xem xét ở khía cạnh kinh tế, sản phẩm làng nghề phụ thuộc phần lớn vào nhu cầu và mục đích của người sử dụng và thị trường tiêu thụ sản phẩm theo từng giai đoạn phát triển của xã hội, đặc biệt là chính sách của nhà nước giai đoạn đó. Với nội lực và chính sách khuyến công, cùng các hoạt động hỗ trợ

phát triển làng nghề và cơ hội như hiện nay, người thợ đá Ninh Vân luôn linh hoạt bám sát thị hiếu người tiêu dùng, bám sát hoạt động hỗ trợ vốn sản xuất và tìm kiếm thị trường của Nhà nước để mở rộng quy mô sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Nhập nguồn nguyên liệu đá trăng, hồng, vàng ở nơi khác để làm phong phú mẫu mã sản phẩm. Sản phẩm làng nghề đã và đang dần chiếm lĩnh thị hiếu của khách hàng và được phổ biến ngày càng rộng rãi khắp các vùng miền trong nước. Đối với thị trường quốc tế, sản phẩm của làng nghề bắt đầu vươn ra một số nước trong khu vực: Lào, Camphuchia, Đài Loan, Nhật Bản, Trung Quốc, Đức, Séc, Slovakia, Mỹ... .[Phụ lục 7, tr 160-161]

2.2.4.10. Khôi phụccác làng nghề cổ truyền, phát huy giá trị nghề sang làng mới

Đối với làng nghề Thượng, Phú Lăng của xã Ninh Vân là những làng nghề chế tác đá có lịch sử hàng trăm năm và đã có những giai đoạn phát triển rất rực rỡ, trước thập niên 90 của thế kỷ XX đã bị mai một, có nguy cơ thất truyền và cũng có một số làng nghề Xuân Vũ, Hệ, Vũ Xá, Đồng Quan là những làng nghề đá mỹ nghệ truyền thống nhưng phát triển không ổn định nên phải xác định khôi phục, bảo tồn các giá trị của các làng nghề truyền thống này là chính, coi đó là tài sản chủ lực của địa phương Ninh Bình. Do vậy bên cạnh việc nghiên cứu, đánh giá, tư liệu các giá trị truyền thống, chú trọng bảo tồn một số công nghệ cổ truyền tinh xảo, độc đáo cần phải tiến hành song song với xây dựng các dự án phát triển bằng các hình thức hỗ trợ vốn sản xuất,cải tiến mẫu sản phẩm, tìm kiến thị trường, hỗ trợ đào tạo phát triển công nghệ tiên tiến, hiện đại cho một số hộ nghề tiêu biểu và nhân rộng ra các hộ nghề khác.

Khi làng nghề đã được phục hồi phát triển mạnh nên các chủ thể quản lý đã phát huy giá trị của nghề để có sự lan tỏa sang các làng lân cận trong xã Ninh Vân như làng Tân Dưỡng 1, Tân Dưỡng 2 thông qua các hoạt động:

- *Mở rộng quy mô, tổ chức làng nghề*

Phổ biến, thực hiện các chính sách quan tâm đến bảo vệ giá trị nghề chế tác đá cổ truyền, nhân rộng các giá trị của nghề ra quy mô làng xã nhằm cải

thiện kinh tế xã hội trước mắt và lâu dài. Từ đây ở làng nghề Ninh Vân một mô hình sản xuất mới được hình thành phù hợp với nền kinh tế nhiều thành phần. Đó là sản xuất hộ cá thể nhỏ lẻ đã dần dần xuất hiện thêm mô hình tổ hợp sản xuất. Hình thức sản xuất doanh nghiệp tư nhân xuất hiện ngày càng nhiều. Năm 1996 chỉ có 03 làng (Hệ, Xuân Vũ và Thượng) là còn người làm đá mỹ nghệ. Năm 2003, quy mô đã mở rộng lên 47 cơ sở chạm khắc đá, trong đó 7 DNNT, 10 tổ hợp sản xuất và 30 hộ nghề [38]. Năm 2010 đã lan rộng ra toàn xã, 13/13 thôn có thợ chế tác đá, Năm 2018 có 64/87 Công ty, DNTN chế tác đá mỹ nghệ, trên 450 tổ hợp nghề, 1.600/3.256 hộ nghề. Cùng với đó, các chủ cơ sở đã đầu tư hạ tầng và vốn, sản xuất theo hướng chuyên môn hóa, chuyên nghiệp hóa với kỹ thuật chế tác truyền thống có sự hỗ trợ của máy móc công nghệ. Như vậy, nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân biến đổi theo loại hình tổ chức sản xuất mới: Hộ gia đình; Tổ hợp nghề; DNTT, C.ty TNHH đa chức năng. Mô hình này đã và đang nâng cao năng xuất và hiệu quả lao động, tạo ra sự cạnh tranh mạnh mẽ trên thị trường và mang lại nguồn kinh tế lớn cho địa phương, thúc đẩy biến đổi nhanh chóng làng có nghề thành CCN.[Phụ lục 3 tr. 150-155].

- Quy hoạch phát triển làng nghề gắn với bảo vệ môi trường

Thực hiện công cuộc đổi mới, UBND tỉnh Ninh Bình đã quy hoạch xã Ninh Vân là 1 trong 25 cụm công nghiệp của tỉnh. Năm 2017, tổng giá trị TTCN đạt 365,200 tỷ đồng chiếm 90% cơ cấu kinh tế toàn xã, trong đó khai thác đá 60,760 tỷ, chế tác đá mỹ nghệ 235,350 tỷ đồng [38]. Theo chị Nguyễn Thị Thanh Tâm, phục trách lĩnh vực làng nghề, Sở Công thương: Để làng nghề phát triển bền vững UBND tỉnh Ninh Bình đã ra Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 08/5/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết điều chỉnh, bổ sung CCN đá mỹ nghệ Ninh Vân huyện Hoa Lư tỉnh Ninh Bình. Quyết định số 884/QĐ-UBND về việc thành lập CCN làng nghề Ninh Vân với tổng quy mô, diện tích đất đến năm 2025 là 30,64ha tại xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư. Trước đó, năm 2008 UBND huyện Hoa Lư quy hoạch làng nghề đá mỹ nghề Ninh Vân với tổng diện tích 23ha, tổng vốn 17,5 tỷ chia làm hai giai

đoạn. Tính đến thời điểm 2011, đã hoàn thành đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng giai đoạn 1 có tổng diện tích là 11,69 ha và đã có 69 doanh nghiệp/cơ sở hộ gia đình tập trung sản xuất. Năm 2012 đến nay tiếp tục thực hiện giai đoạn II trên diện tích 13ha còn lại và mở rộng thêm 5ha về phía tây thôn Đồng Quan, tỷ lệ lấp đầy 34,8 ha. [Phụ lục 2, 4, 5 tr. 145,156 -157]

Trong suốt quá trình phát huy giá trị làng nghề phục vụ cho chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp, dịch vụ du lịch và xây dựng nông thôn mới, UBND xã Ninh Vân xác định đây chính là hướng đi mới của làng nghề đá Ninh Vân. Ông Vũ Ngọc Tuyên, Phó Chủ tịch phụ trách kinh tế xã cho biết: Những năm qua xã Ninh Vân trong điều kiện và khả năng còn hạn hẹp, tiếp tục quy hoạch khu trưng bày sản phẩm đá mỹ nghệ trên diện tích 9.36ha trên trục đường chính vào xã nằm cạnh Quốc lộ 1A bằng hình thức chỉ đạo phối hợp với Ban quản lý làng nghề Ninh Vân động viên các chủ cơ sở đá trưng bày, quảng bá sản phẩm ngay trên diện tích nhà xưởng chế tác đá.[Phụ lục 2,5 tr.145,157]

- *Quy hoạch vùng nguyên liệu và hỗ trợ vốn sản xuất*

Giai đoạn từ 1954 đến 1996, việc quản lý nguồn nguyên liệu đá do Ban chủ nhiệm HTX Thủ công nghiệp tự quản lý, tự cho phép thợ thủ công khai thác nguồn nguyên liệu sẵn có tại 450ha núi đá của địa phương. Ngày nay, nhận thức đá núi không phải là nguồn tài nguyên vô hạn nên để bảo đảm nguồn khoáng sản có hạn này của địa phương, UBND xã Ninh Vân trực tiếp quản lý theo quyết định số 11/QĐ-UB ngày 23/10/1996 về việc quản lý tài nguyên đá trên địa bàn xã Ninh Vân. Ngày 08/5/2015, UBND tỉnh Ninh Bình đã ra Quyết định số 425/QĐ-UBND phê duyệt quy hoạch chi tiết về vùng nguyên liệu đá mỹ nghệ Ninh Vân diện tích gần 97ha. Do có hoạt động quản lý, bảo vệ nguồn tài nguyên này mà các cơ sở chế tác đá chủ động sản xuất ổn định.

Vốn hoạt động cũng là một yếu tố đầu vào vô cùng quan trọng có ảnh hưởng trực tiếp đến bảo vệ. Tổng vốn đăng ký đầu tư 110 tỷ đồng. Nhìn chung, hầu hết các cơ sở sản xuất đều gặp khó khăn về vốn, chưa tranh thủ được nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài, [Phụ lục 2, tr. 145].

2.2.4. Giám sát, kiểm tra, thanh tra

Một trong những nội dung quan trọng của hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề là hoạt động kiểm tra giám sát. Nếu không có kiểm tra, giám sát thì coi như không có quản lý. Trong bối cảnh hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị văn hoá làng nghề theo cơ chế thị trường ngày càng phức tạp, đa dạng thì vấn đề giám sát, kiểm tra, thanh tra giữ vai trò quan trọng và có ý nghĩa chiến lược đưa hoạt động này vào trật tự, kỷ cương, nền nếp.

Hiện nay công tác kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật; giải quyết khiến nại tốt cáo vi phạm pháp luật về hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề tại các làng nghề chế tác đá mỹ nghệ ở xã Ninh Vân với một số nhiệm vụ chủ yếu: Thanh tra việc chấp hành pháp luật về di sản văn hóa; Thanh tra việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân. Phát hiện, ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền đối với các hành vi vi phạm pháp luật về di sản văn hóa; Tiếp nhận và kiến nghị việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về di sản văn hóa; Kiến nghị các biện pháp để bảo đảm thi hành pháp luật về di sản văn hóa. Công tác này được giao cho nhiều ngành, nhiều cấp và ban quản lý làng nghề nhưng việc triển khai thực hiện lại rất hạn chế do nhiều nguyên nhân như :Đối tượng sản xuất nhỏ, lẻ; Sản xuất mang nét đặc thù là quan hệ họ hàng; dòng tộc; làng xã; Nguồn nhân lực và kinh phí hạn hẹp lại chưa thực sự ưu tiên đối với làng nghề...Việc kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật… làng nghềchủ yếu ưu tiên tập trung vào cụm công nghiệp chế tác đá mỹ nghệ, các cơ sở chế tác lớn. Hình thức xử lý chủ yếu là nhắc nhở, chưa xử lý hành chính cũng như áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung khác. Mặt khác, công tác thông tin, giáo dục, tuyên truyền phổ biến chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các làng nghề đã được quan tâm song việc thực hiện chưa thực sự hiệu quả…

2.3. Đánh giá kết quả bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề

2.3.1. Thành tựu

Phát huy vai trò của các chủ thể quản lý trong hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân, những năm qua, làng nghề xã Ninh Vân luôn có sự quan tâm, lãnh đạo chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong việc ban hành cơ chế, chính sách làng nghề và sự hỗ trợ kịp thời của các cơ quan chuyên môn, đoàn thể các cấp: xét công nhận làng nghề, phong tặng danh hiệu nghệ nhân, quy hoạch CCN, hỗ trợ hộ nghề tiếp cận vốn ưu đãi, ứng dụng KHCN vào sản xuất, hỗ trợ đào tạo nghề, mở rộng thị trường, đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường….

Có thể nói, từ năm 1992 đến nay hệ thống chính sách phát bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề của nhà nước được bổ sung; các văn bản quy phạm pháp luật về di sản văn hóa vật thể và phi vật thể là hành lang pháp lý quan trọng để triển khai những nhiệm vụ cơ bản liên quan tới hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị làng nghề chế tác đá Ninh Vân trong thời kỳ hội nhập. Các chính sách hỗ trợ nghề, làng nghề, xây dựng vùng nguyên liệu đá, quy hoạch làng nghề đã được triển khai, các hoạt động khuyến công được tăng cường, các ngành chức năng đã quan tâm phối hợp hỗ trợ, nên giá trị làng nghề được bảo vệ và phát huy. Vì vậy đã khơi dậy niềm tự hào và khuyến khích mạnh mẽ cộng đồng làng nghề tự nguyện và chủ động tham gia bảo vệ giá trị làng nghề, bảo vệ di sản văn hóa của địa phương.

Việc đẩy mạnh bảo vệ giá trị làng nghề và xây dựng thương hiệu sản phẩm góp phần nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân trên thị trường.

Phong tặng danh hiệu nghệ nhân cho đội ngũ thợ thợ giỏi, tâm huyết với nghề đã góp phần bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống của địa phương, kịp thời động viên khuyến khích nghệ nhân thợ giỏi tiếp tục truyền nghề cho các thế hệ kế cận giúp làng nghề ngày càng phát triển.

Cộng đồng giữ một vai trò quan trọng trong hoạt động bảo tồn di sản văn hóa nói chung và di sản làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân nói riêng. Trong Công

ước quốc tế về bảo vệ đa dạng văn hóa (năm 2003), UNESCO khẳng định "không có văn hóa nếu không có người dân và cộng đồng"[59]. Đồng thời sự tham gia tích cực trong thực hành và truyền dạy cùng những hiểu biết sâu sắc về các giá trị di sản văn hóa nghề chế tác đá của cư dân địa phương, đặc biệt là các cá nhân sáng tạo ra sản phẩm đá mỹ nghệ như nghệ nhân, thợ thủ công làng nghề là nguồn lực quan trọng nhất có tính chất quyết định trong sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề chế tác đá mỹ nghệ truyền thống ở Ninh Vân.

Trong thời điểm hiện tại, tính chất cộng đồng làng xã vẫn còn được duy trì. Thể hiện rõ nhất là ở mối quan hệ cư trú, ứng xử trong đời sống sinh hoạt hằng ngày của người dân làng nghề vẫn theo kết cấu gia đình - họ mạc - làng xã - xã hội. Bên cạnh đó, người dân ở đây không chỉ có mối quan hệ xóm giềng tương trợ mà còn xuất hiện mối quan hệ "đồng nghiệp" tương đối bền chặt giữa cá nhân với họ hàng, làng xóm, giữa thợ và chủ sản xuất. Có thể thấy trong những mối quan hệ ấy là ý thức bảo tồn giá trị văn hóa nghề chế tác đá của làng xã đã được lưu truyền từ lâu đời, trở thành tình thân ái, là niềm tự hào của họ trong cách bảo vệ thương hiệu làng nghề truyền thống, trong lưu giữ và gửi gắm nghệ thuật vào mỗi sản phẩm, trong đa dạng hóa các hoạt động truyền nghề và tương hỗ vốn sản xuất, trong mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm và tôn vinh nghệ nhân làng nghề, trong không ngừng mở rộng quy mô sản xuất sang các địa bàn phụ cận. Tính chất mối quan hệ này đã thể hiện rõ vai trò của cộng đồng dân cư làng xã Ninh Vân trong việc bảo tồn và phát huy nghề chế tác đá mỹ nghệ. Bởi giá trị đặc trưng của làng nghề được xác lập thông qua những giá trị văn hóa do chính cộng đồng cư dân của làng nghề đó sáng tạo ra.

Các hoạt động bảo vệ giá trị làng nghề đã phát huy tối ưu nội lực địa phương cho phát triển kinh tế, tạo ra đội ngũ thợ thủ công có tay nghề cao, lớp nghệ nhân mới có trình độ tiếp thu, ứng dụng tiến bộ về công nghệ tiên tiến. Nghề, làng nghề chế tác đá phát triển kéo theo sự đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng làng nghề. Năm 2015 Ninh Vân đã hoàn thiện 19/19 tiêu chí xây dựng nông

thôn mới khu vực Đồng bằng sông Hồng và trở thành một xã về đích sớm trong phong trào xây dựng nông thôn mới. Sự phát triển làng nghề đã tạo việc làm cho người lao động dôi dư trong quá trình đô thị hóa của tỉnh. Tăng thu nhập và nâng cao đời sống nhân dân. Thu nhập bình quân đối với thợ có tay nghề cao khoảng từ 10 - 12 triệu đồng/người/tháng, gấp 2 lần so với lao động nghề khác tại địa phương và cao gấp 4 lần so với làm nông nghiệp. Thu nhập từ nghề chiếm tỷ trọng 74.3% trở thành nguồn thu lớn nhất cho toàn xã. Do đó ngày càng có nhiều lao động tham gia vào hoạt động chế tác đá, đời sống nhân dân được cải thiện. Tỷ lệ hộ nghèo ở các làng nghề thấp hơn so với tỷ lệ hộ nghèo của các làng thuần nông ở xã lân cận.[38].

Bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề đã hạn chế được sự di dân tự do từ nông thôn ra thành phố vì người nông dân ở Ninh Vân có thu nhập ổn định đã gắn bó với làng nghề. Góp phần phát triển du lịch vì sản phẩm thủ công mỹ nghệ đá của làng nghề Ninh Vân ngày càng đáp ứng yêu cầu người tiêu dùng trong tỉnh, trong nước để xây dựng các công trình kiến trúc công cộng, khu du lịch vui chơi nghỉ dưỡng và nâng cấp cải tạo các đình chùa... làm phong phú thêm thị trường phục vụ khách du lịch.

Sau 25 năm đổi mới, thực hiện các chính sách bảo vệ giá trị nghề và phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề Ninh Vân có giá trị tăng trưởng 20.8%/năm. Số hộ sản xuất trong làng nghề tăng bình gần 7%/năm[38]. Nghề và làng nghề chế tác đá đã góp phần thúc đẩy nền kinh tế của xã Ninh Vân theo hướng CNH-HĐH nông nghiệp nông thôn. Chính làng nghề phát triển đã kéo các ngành nghề khác như cơ khí, dịch vụ phát triển theo, hình thành các trung tâm buôn bán, trao đổi hàng hóa, dần dần trở thành các trung tâm dân cư, thị tứ và từng bước đô thị hóa.

2.3.2. Hạn chế

Giá trị làng nghề Ninh Vân có nhiều tiềm năng nhưng chưa phát huy tối đa, do đó làng nghề phát triển còn mang tính tự phát. Chính sách liên quan đến

bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề chưa hoàn thiện, chủ yếu tập trung phát triển làng nghề theo hướng công nghiệp, chưa ban hành các văn bản riêng về bảo vệ giá trị văn hóa phi vật thể làng nghề. Do vậy, vai trò của cơ quan chức năng quản lý nhà nước là sở Văn hóa – Thể thao Ninh Bình còn mờ nhạt, sản phẩm thủ công của làng nghề làm theo đơn đặt hàng của đối tác dẫn đến có không ít sản phẩm xa rời thuần phong mỹ tục như sản phẩm linh vật ngoại lai (sư tử dẫm chân lên quả địa cầu) xuất hiện ở rất nhiều đình chùa gây phản cảm..

Chủ thể quản lý còn yếu và thiếu: Đội ngũ cán bộ cấp xã năng lực chuyên môn chưa cao. Chức năng quản lý còn bị xem nhẹ, thậm chí lẫn lộn với các chức năng, nhiệm vụ khác. Chưa có sự phối hợp chặt chẽ, quan tâm đúng mức của các chủ thể để bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề. Vai trò Ban quản lý làng nghề mờ nhạt. Ý thức của người lao động tham gia hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề tự giác chưa cao.

Hệ thống mẫu mã sản phẩm có đổi mới cải tiến nhưng chưa tinh tế, tính mỹ thuật chưa cao, giá trị của mặt hàng đá mỹ nghệ chưa được kiểm kê, kiệm định, kiểm soát chặt chẽ do đó làm giảm giá trị và sức hấp dẫn của sản phẩm. Giá trị xuất khẩu của làng nghề còn thấp, vì đặc điểm hàng cồng kềnh, chủ yếu là làm các công trình kiến trúc đình chùa nên lợi nhuận không cao.

Tình trạng ô nhiễm môi trường làng nghề ngày càng trở nên trầm trọng. hoạt động sản xuất gây ra bụi đá, tiếng ồn, chất thải rắn, a xít, ô nhiễm nguồn nước… ảnh hưởng đến sức khỏe và đời sống nhân dân.

Du lịch làng nghề chế tác đá bước đầu được nêu ra trong nghị quyết, kế hoạch, quy hoạch của tỉnh song chưa quan tâm đúng mức để triển khai các văn bản này đi vào thực tiễn.

Nguyên nhân của những hạn chế trên là:

Cơ chế chính sách của Nhà nước ban hành còn thiếu đồng bộ còn chồng chéo và chưa hợp lý giữa các ngành, nghề, làng nghề. Cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương chưa tập trung cao nguồn lực cho bảo vệ, phát huy giá trị

làng nghề. Nhiều cơ chế chính sách của Nhà nước, của tỉnh đề ra nhưng chưa được thực hiện đồng bộ và triệt để. Chưa xây dựng được cơ chế chính sách ưu đãi áp dụng riêng cho làng nghề và sản phẩm thủ công mỹ nghệ chế tác đá. Các cơ chế hỗ trợ và khuyến khích của tỉnh về tài chính, đổi mới công nghệ, đăng ký thương hiệu, thu hút nhân tài chưa cụ thể; Chính sách tín dụng cho vay vốn trung, dài hạn như thủ tục vay vốn, về thuế còn khó khăn.

Chưa đưa ra được bộ tiêu chí về sản phẩm thủ công truyền thống. Chất lượng mẫu mã, kiểu dáng sản phẩm còn đơn điệu, chưa áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quản lý chất lượng sản phẩm nên sức cạnh tranh kém. Khả năng tiếp thị, tìm kiếm thị trường xuất khẩu của doanh nghiệp còn yếu. Sự hỗ trợ của các cơ quan nhà nước tỉnh về tìm kiếm thị trường hạn chế. Công tác truyên truyền, thông tin, quảng bá còn hạn chế.Chưa nhận thức giá trị văn hóa phi vật thể của làng nghề là nguồn nội sinh quan trọng cho phát triển làng nghề. Do đó, một số cấp ủy chính quyền địa phương chưa thật sự quan tâm chỉ đạo dẫn đến việc xây dựng nội dung các văn bản chưa cụ thể và thiếu các biện phát cụ thể sát thực tiễn để bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa phi vật thể của làng nghề và giá trị văn hóa vật thể ở các sản phẩm đá mỹ nghệ độc bản cổ truyền hiện có tại làng nghề và tại tỉnh Ninh Bình. Chính sách đối với nghệ nhân, thợ giỏi còn mức độ.

Trình độ quản lý và tổ chức sản xuất của chủ cơ sở sản xuất chưa đáp ứng yêu cầu thị trường nên điều hành sản xuất còn lúng túng. Thợ thủ công qua đào tạo trường lớp còn ít, trình độ tay nghề chưa cao, công nghệ lạc hậu.

Các nguồn cung cấp nguyên liệu đá tại địa phương khá dồi dào nhưng chưa đáp ứng chất lượng cho sản xuất và còn đơn sắc (chủ yếu mầu xanh đen) chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu đa dạng của thị trường hiện nay. Mặt bằng sản xuất hẹp, di dời các hộ, doanh nghiệp đến các CCN làng nghề rất khó khăn do thiếu vốn, cơ sở hạ tầng ở các làng nghề chưa được nâng cấp, cải tạo. Làng nghề trong hoạt động sản xuất vẫn còn làm ảnh hưởng xấu đến môi trường.

Tiểu kết

Nghiên cứu giá trị làng nghề đá Ninh Vân, luận văn đã xác định rõ chủ thể bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân bao gồm các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan đến lĩnh vực làng nghề, nhân dân làng nghề ở xã Ninh Vân. Tiếp cận ở góc độ quản lý, bảo vệ và phát huy, tác giả đã nêu lên cơ chế , mục tiêu và nguyên tắc phối hợp của các chủ thểTừ đó, đi sâu vào phân tích thực trạng bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề đá Ninh Vân của các chủ thể trên 3 phương diện: Thứ nhất: Ban hành các văn bản, xây dựng và triển khai cơ chế chính sách, chương trình bảo tồn, quy hoạch, đề án có liên quan đến bảo vệ phát huy giá trị làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân từ năm 1992 đến nay của tỉnh Ninh Bình, huyện Hoa Lư, và xã Ninh Vân. Đồng thời phân tích việc phổ biến và thực hiện các chủ trương quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, của cấp trên về vấn đề bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề ở xã Ninh Vân. Thứ hai: Bảo vệ giá trị làng nghề. Thứ ba: Phát huy giá trị làng nghề. Qua phân tích có thể khẳng định rằng, với chủ trương, chính sách của Nhà nước khuyến khích hỗ trợ phát triển làng nghề cùng các tác động của chủ thể quản lý từ năm 1992-2018 đã cho thấy vấn đề bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề Ninh Vân đang được coi trọng. Từ đó, giá trị làng nghề được bảo tồn và phát huy giúp làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân được phục hồi và phát triển mạnh mẽ. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu nổi bật vẫn còn tồn tại những hạn chế về chính sách còn bất cập, chủ thể quản lý còn yếu và thiếu, nhận thức về bảo vệ và phát huy làng nghề chưa đầy đủ nên các hoạt động bảo vệ phát huy giá trị làng nghề Ninh Vân chưa đặc biệt được chú trọng, chưa có giải pháp cụ thể, chưa có sự phối hợp chặt chẽ của các ngành, các cấp nên dẫn đến giá trị sản phẩm chưa cao, làng nghề chưa phát huy hết tiềm năng.

Chương 3
ĐỊNH HƯỚNG VÀGIẢI PHÁP CƠ BẢN NHẰM BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ LÀNG NGHỀCHẾ TÁC ĐÁ MỸ NGHỆ NINH VÂN

3.1. Dự báo xu thế phát triển của làng nghề hiện nay

3.1.1. Cơ hội phát triển

Trong quy hoạch phát triển tỉnh Ninh Bình đến năm 2020, tầm nhìn năm 2030, Thành phố Ninh Bình trở thành thành phố loại I, với vị trí địa lý thuận lợi, xã Ninh Vân là một phường của thành phố du lịch Hoa Lư.

Du lịch Ninh Bình đứng trước cơ hội phát triển của thị trường khách du lịch quốc tế và nội địa ngày càng tăng trong đó có tác động đến du lịch làng nghề. Nghị quyết số 15 của Tỉnh ủy Ninh Bình về phát triển du lịch đến năm 2020, định hướng năm 2030 đã đề ra "phát triển du lịch bền vững, từng bước đưa du lịch sớm trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy nhiều ngành nhiều lĩnh vực cùng phát triển"[31] theo đó tỉnh Ninh Bình sẽ đầu tư phát triển các sản phẩm làng nghề phục vụ du lịch, tập trung vào các làng nghề truyền thống. Ưu tiên đầu tư cho làng nghề nổi tiếng gần khu điểm du lịch. Với thuận lợi này, làng nghề Ninh Vân sẽ có nhiều cơ hội trong việc phát huy giá trị nghề gắn với các tuyến du lịch trọng tâm của tỉnh. Bởi vì, làng đá mỹ nghệ Ninh Vân nằm trong vùng đệm Quần thể di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Tràng An thuộc nhóm sản phẩm du lịch lịch sử văn hóa tâm linh: Cố đô Hoa Lư, Bái Đính, Phát Diệm. Nội lực giá trị văn hóa làng nghề là sản phẩm mỹ thuật tạo hình ứng dụng trên chất liệu đá xanh đôlômit đặc trưng, nghề có lịch sử ra đời gắn liền văn hóa, xã hội của tỉnh Ninh Bình từ thế kỷ thứ X, có tín ngưỡng giỗ Tổ nghề, có lễ hội mùa xuân khá độc đáo gắn với nhiều di tích kiến trúc nghệ thuật đá cổ truyền có niên đại trên dưới 500 năm, tri thức kỹ nghệ nghề đặc trưng, đội ngũ nghệ nhân tâm huyết với nghề. Hiện nay Ninh Vân đang trong thời kì dân số vàng. Tiềm năng du lịch làng nghề độc đáo này luôn nhận được sự quan tâm hỗ trợ của tỉnh về cơ chế

chính sách, quy hoạch, đầu tư vốn, đào tạo nghề, bảo tồn giá trị làng nghề.

Nghị quyết Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2015-2020 đề ra "Phát triển tiểu thủ công nghiệp, làng nghề gắn với du lịch và xây dựng nông thôn mới" [32]. Đá mỹ nghệ Ninh Vân thuộc nhóm sản phẩm tiểu thủ công nghiệp chủ lực của tỉnh. Chiến lược quy hoạch tổng thể tập trung làng nghề đá Ninh Vân và mở rộng phân định vùng khai thác nguyên liệu đá cho làng nghề. Yếu tố khách quan nữa là xu thế vốn nước ngoài đầu tư vào Ninh Bình sẽ tăng trong thời gian tới. Tỉnh luôn sẵn sàng chuẩn bị các điều kiện về cơ chế chính sách, kết cấu hạ tầng, đất đai, nguồn nhân lực để đón nhận các nhà đầu tư, đây sẽ là cơ hội để phát triển kinh tế làng nghề đá mỹ nghệ Ninh vân.

Trong những năm tới, sức cạnh tranh của các sản phẩm đá mỹ nghệ Ninh Vân so với các làng nghề chế tác đá trong nước khá mạnh mẽ bởi các làng nghề điêu khắc đá trong nước đều tập trung dựa vào thế mạnh của địa phương, đồng thời người tiêu dùng muốn sử dụng sản phẩm có chất lượng tốt, giá trị nghệ thuật cao, giá thành rẻ sẽ đào thải một số mặt hàng không có tính cạnh tranh. Đối với mặt hàng thủ công đá mỹ nghệ Ninh Vân có khả năng mở rộng thị trường trong tỉnh, trong nước là rất lớn nếu biết kết hợp với lĩnh vực xây dựng, du lịch và khai thác tốt văn hóa tâm linh. Tỉnh Ninh Bình tiếp tục có các chính sách hỗ trợ kịp thời các yếu tố cần thiết cho các doanh nghiệp cũng như các hộ sản xuất đá mỹ nghệ đứng vững trên thị trường và mở rộng quy mô kinh doanh ngày một lớn hơn. Đặc biệt bước đầu định hướng triển khai mô hình du lịch kết hợp với làng nghề thủ công truyền thống - mô hình hiệu quả này đã đem lại thành công đối với một số làng nghề thủ công mỹ nghệ nước ta. Đây cũng chính là hướng đi mới của làng nghề đá Ninh Vân trong quá trình phát triển bền vững trước bối cảnh kinh tế hội nhập hiện nay.

3.1.2. Thách thức đặt ra

Giao thoa văn hóa các khu vực trên thế giới ngày càng mạnh mẽ đem đến nhiều cơ hội cho cộng đồng làng nghề Ninh Vân mở mang tri thức, tiếp xúc

với nhiều nền văn hóa khác nhau, song những nguy cơ tự đồng hóa văn hóa có thể xảy ra ở lối sống, cách ứng xử, trong cách tiếp nhận dễ dẫn đến thay đổi quan niệm về giá trị văn hóa trong chế tác sản phẩm đá mỹ nghệ.

Ảnh hưởng của hội nhập kinh tế cũng đồng nghĩa với làng nghề chế tác đá Ninh Vân cạnh tranh cùng với các làng nghề có sản phẩm cùng loại dẫn đến sức cạnh tranh ngày càng khốc liệt. Các thành tựu khoa học, kĩ thuật, công nghệ mới không ngừng được phát sinh, ứng dụng vào thực tiễn.Vì vậy muốn sản phẩm làng nghề tồn tại và phát triển đòi hỏi ngoài giá trị cổ truyền cần đầu tư mở rộng các vùng nguyên liệu sang các tỉnh lân cận, nguồn lực vốn, năng lực quản lý sản xuất kinh doanh, thiết bị hiện đại, bằng sức sáng tạo, kỹ năng và năng lực thiết kế, sáng tác mẫu mã để nâng cao sản lượng, chất lượng của sản phẩm và có giá cả hợp lý còn phải có thương hiệu mạnh, có uy tín. Ninh Vân là một xã có trình độ khoa học công nghệ, trang thiết bị kĩ thuật và quản lý còn khoảng cách xa so với một số CCN trong tỉnh. Đó là những thách thức lớn tác động không tốt đối với làng nghề.

Phát huy giá trị làng nghề đòi hỏi đáp ứng yêu cầu mới: Các làng nghề chế tác đá mỹ nghệ gặp phải mâu thuẫn giữa yêu cầu phát triển nhanh, bền vững gắn với phát triển du lịch trong khi môi trường ô nhiễm nghiêm trọng, cơ sở hạ tầng xuống cấp

Tốc độ phát triển đô thị ngày càng mạnh mẽ thu hút người trẻ có tri thức rời bỏ làng nghề lên thành phố sinh sống nên ảnh hưởng đến chất lượng lao động và chuyển dịch cơ cấu lao động trong làng nghề. Chuyển dịch cơ cấu lao động tại làng nghề theo hướng CNH-HĐH nên khó bảo tồn và giữ nghề. Số lượng lao động trực tiếp làm ra các sản phẩm của làng nghề có sự tăng lên và khởi sắc hơn nhưng với nhu cầu thực tế ngày càng tăng của các hợp đồng mua bán lớn, nguồn lao động này dường như chỉ có nhiệm vụ tạo ra thành phẩm cho chủ doanh nghiệp mà phai nhạt khả năng giao lưu, giúp khách hàng thấu hiểu về giá trị văn hóa làng nghề. Thu nhập tại các làng nghề chế tác đá chưa cao,

chưa ổn định, công việc nặng nhọc, bệnh nghề nghiệp gia tăng, tai nạn lao động thường xuyên xảy ra.

Cơ chế chính sách chưa đồng bộ, công tác quản lý còn lỏng lẻo, phối hợp giữa các cơ quan chức năng chưa chặt chẽ, năng lực cán bộ cấp cơ sở còn mức độ. Mối quan hệ cộng đồng làng xã đang dần bị biến đổi theo hướng đô thị hóa, cộng đồng dần buông lỏng trách nhiệm, xa dời nhận thức về vai trò của mình trong quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề.

3.1.3.Vấn đề bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân

Vấn đề đặt ra hiện nay là làm thế nào để định hướng các hoạt động bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các chủ thể quản lý giúp ích cho làng nghề chế tác đá mỹ nghệ phát triển theo hướng: giải quyết được mâu thuẫn giữa kinh tế với văn hóa, xã hội và môi trường, đảm bảo được đời sống vật chất và tinh thần của người dân. Đồng thời, để nghề chế tác đá mỹ nghệ truyền thống phát triển bền vững, Nhà nước cần có thêm những quy chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích cụ thể hơn nữa đối với nhóm ngành nghề thủ công mỹ nghệ trên cơ sở xuất phát từ những khó khăn, bất cập thực tế đang tồn tại ở các làng nghề như đã đề cập đến ở trên.

3.2. Quan điểm, định hướng nhằm bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề

3.2.1. Quan điểm về bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề

Trong bối cảnh mới này, nghề chế tác đá truyền thống đã có sự thay đổi nhiều mặt nhằm thích ứng với nền kinh tế thị trường, giữ vai trò và vị trí quan trọng trong sự nghiệp xây dựng nông thôn mới ở các làng quê như Ninh Vân. Những sản phẩm đá mỹ nghệ truyền thống lại càng trở nên có ý nghĩa bởi giá trị văn hóa mà nó mang lại, chính vì thế các làng nghề đá mỹ nghệ đang trở thành điểm đến hấp dẫn của loại hình du lịch nhân văn. Vấn đề bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề đá mỹ nghệ truyền thống là một bộ phận trong chiến lược phát triển chung của quốc gia và địa phương. Nghị định số: 98/2010/NĐ-CP, của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hóa và

luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa. Điều 7. Khuyến khích việc duy trì, phục hồi và phát triển nghề thủ công truyền thống có giá trị tiêu biểu. Nhà nước khuyến khích duy trì, phục hồi và phát triển nghề thủ công truyền thống thông qua các biện pháp sau đây:

> Điều tra, phân loại các nghề thủ công truyền thống trong phạm vi cả nước; hỗ trợ việc duy trì và phục hồi các nghề thủ công truyền thống có giá trị tiêu biểu hoặc có nguy cơ bị mai một, thất truyền; Tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác và sử dụng vật liệu truyền thống; Có chính sách khuyến khích và hỗ trợ việc sử dụng các phương pháp, kỹ thuật thủ công truyền thống; Đẩy mạnh việc quảng bá sản phẩm thủ công truyền thống ở thị trường trong nước và nước ngoài bằng nhiều hình thức; Đề cao và tạo điều kiện thuận lợi cho việc phổ biến và truyền dạy kỹ thuật, kỹ năng nghề nghiệp các nghề thủ công truyền thống có giá trị tiêu biểu; Có chính sách ưu đãi về thuế đối với các hoạt động duy trì, phục hồi và phát triển nghề thủ công truyền thống có giá trị tiêu biểu theo quy định của pháp luật về thuế.[52]

Quyết định số 491/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới bao gồm 19 tiêu chí, trong đó việc phát triển các làng nghề được coi như là một mắt xích không thể thiếu nhằm mục tiêu của xây dựng NTM là gìn giữ và phát triển nghề, làng nghề truyền thống.[51]

Ở địa phương Ninh Bình, quan điểm chung phát triển nghề và làng nghề đến năm 2030 phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các quy hoạch có liên quan. Phát triển làng nghề trên cơ sở huy động sự tham gia của các thành phần kinh tế trong và ngoài tỉnh với sự hỗ trợ của nhà nước, các tổ chức quốc tế phi Chính phủ; gắn với khôi phục, phát triển ngành nghề truyền thống, mở rộng thị trường tiêu thụ, chủ động nguồn nguyên liệu, bảo đảm môi trường sinh thái; gắn với phát triển du lịch tạo thành các tour du lịch hấp dẫn để thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế đến với làng

nghề, sử dụng sản phẩm và dịch vụ của làng nghề phục vụ phát triển du lịch; góp phần đẩy mạnh tiến trình CNH-HĐH nông nghiệp, nông thôn và phát triển thêm các làng nghề mới gắn với chương trình xây dựng NTM theo phương châm mỗi làng một sản phẩm.

3.2.2. Nội dung về bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân

Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề, được nêu trong Nghị định số 52/2018/NĐ-CP của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn, gồm:

> Bảo tồn, phát triển làng nghề truyền thống, phát triển làng nghề gắn với du lịch và xây dựng nông thôn mới, phát triển làng nghề mới; Nhà nước có Chương trình và dành kinh phí từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới hỗ trợ các dự án, đề án, kế hoạch, mô hình thuộc chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ điều kiện cụ thể của địa phương, có cơ chế hỗ trợ các dự án bảo tồn, phát triển làng nghề trên địa bàn[53]

Theo đó, tác giả cho rằng nội dung về bảo vệ, phát huy giá trị làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân giai đoạn tới với những hoạt động sau:

Trước tiên, khôi phục, bảo tồn các làng nghề truyền thống có từ lâu đời làng Xuân Phúc, Xuân Thành, làng Hệ, Thượng, Đồng Quan phát triển mạnh để tạo sức lan tỏa sang khu vực lân cận. Những làng nghề này, xác định khôi phục bảo tồn là chính, vì đâylà tài sản văn hóa nên cần tiến hành điều tra, khảo sát và xây dựng đề án để duy trì các hộ, các nghệ nhân đang hoạt động, tăng cường công tác sưu tầm, thu thập và bảo tồn tư liệu lưu trữ về làng nghề truyền thống, hỗ trợ xây dựng các phòng trưng bày, khu trình diễn nghề, xây dựng các trung tâm đào tạo nghề và xúc tiến thương mại du lịch nhân văn.

Thứ hai, khôi phục những làng nghề truyền thống phát triển không ổn định. Theo đó, các làng Vũ Xá, Phú Lăng, Dưỡng Thượng, Dưỡng Hạ cần khuyến khích thợ có tay nghề cao để truyền nghề lại cho thế hệ sau, tăng cường sự hỗ trợ kinh phí từ ngân sách và huy động từ các nguồn vốn khác để bảo tồn

một số công nghệ cổ truyền tinh xảo, độc đáo có giá trị văn hóa cao.

Thứ ba, phát huy giá trị nghề đá mỹ nghệ ở làng mới có nghề thành làng nghề: 3 làng mới có nghề: Tân Dưỡng 1, Tân Dưỡng 2, Vạn Lê cần xây dựng kế hoạch nhân rộng các nghệ nhân, các hộ nghề liên kết với doanh nghiệp và các nhà hỗ trợ để cải tiến mẫu mã, đào tạo nâng cao tay nghề cho thợ thủ công và năng lực cho chủ sản xuất. Tăng cường hoạt động của các nghệ nhân, thợ giỏi để tiếp tục đào tạo nghề, nhân cấy nghề nhằm gia tăng về số hộ và số lao động nghề của làng. Huy động thêm nguồn lực phục vụ cho kinh doanh, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Thứ tư, phát huy giá trị nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân sang địa phương khác có nguyên liệu đá vôi đôlômit tại chỗ. Cụ thể là sang xã Quỳnh Lưu, huyện Nho Quan. Xây dựng các làng thuần nông này thành làng mới có nghề theo hướng phát triển bền vững: tập trung sử dụng lao động tại chỗ theo hướng " ly nông không ly hương", phát huy giá trị gắn với áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và bảo vệ môi trường sinh thái.

3.2.3. Định hướng bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề

Các làng nghề đá mỹ nghệ ở xã Ninh Vân có bề dày truyền thống trên một ngàn năm, sản phẩm có mặt ở hầu hết các tỉnh thành trong nước và bước đầu vươn ra thị trường nước ngoài. Để thúc đẩy phát triển mạnh các làng nghề chế tác đá mỹ nghệ ở xã Ninh Vân cần có những định hướng rõ ràng, phù hợp theo từng giai đoạn và phải xác định nhiệm vụ cụ thể cho từng chủ thể quản lý.

Bảo tồn và phát huy giá trị làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân phù hợp với tổng thể quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của huyện; phải gắn với thị trường và chủ chương hội nhập kinh tế quốc tế, đẩy mạnh xuất khẩu. Giá trị làng nghề phải trở thành con đường chủ yếu để chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng tăng tỷ trọng GDP công nghiệp, TTCN và dịch vụ; thực hiện xây dựng NTM theo tiêu chí mới và từng bước đi lên CNH-HĐH nông nghiệp, nông thôn.

Phát triển làng nghề đá Ninh Vân gắn với giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và xây dựng con người Ninh Bình phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Phải xây dựng các chính sách, chương trình, đề án bảo vệ giá trị văn hóa của làng nghề, đào tạo nghề, nhân cấy nghề, đa dạng hóa mẫu mã các sản phẩm làng nghề theo hướng sáng tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị văn hóa, quan tâm đúng mức đến lĩnh vực thiết kế, tạo mẫu sản phẩm theo hướng chuyên nghiệp đem lại hiệu quả kinh tế cao; có hoạt động trùng tu tôn tạo di tích cổ truyền, tín ngưỡng nghề, xây dựng các thiết chế văn hóa để nâng cao đời sống tinh thần và đời sống vật chất của người dân làng nghề, đồng thời khuyến khích các hoạt động xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, gia đình văn hóa, dòng họ văn hóa và xây dựng các dự án, chương trình xử lý môi trường làng nghề.

Xây dựng các làng nghề chế tác đá mỹ nghệ ở xã Ninh Vân trở thành làng nghề kết hợp phục vụ du lịch, điểm tham quan hấp dẫn cho du khách trong và ngoài nước. Xây dựng các mô hình trình diễn thao tác công nghệ cho các sản phẩm tiêu biểu trong các làng nghề gắn với phục vụ du lịch. Hỗ trợ các hội, hiệp hội, các doanh nghiệp, hộ sản xuất tham gia các hội chợ thương mại trong nước và quốc tế. Khuyến khích sáng tạo các sản phẩm có mẫu mã độc đáo để phục vụ khách du lịch và đẩy mạnh tiêu thụ loại hình sản phẩm này, hình thành thêm các doanh nghiệp thương mại tại các làng nghề nhằm mở rộng thị trường xuất sản phẩm. Ưu tiên vốn nâng cấp cơ sở hạ tầng làng nghề phục vụ du lịch...

3.3. Giải pháp bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân

3.3.1. Bổ sung cơ chế, chính sách nhằm bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề

Một là, Nhà nước cần nghiên cứu xây dựng Luật nghề truyền thống, ban hành đồng bộ các văn bản hướng dẫn cụ thể, rõ ràng các nguyên tắc trong luật định về nghề, làng nghề, văn hóa phi vật thể làng nghề, sản phẩm thủ công truyền thống, thiết kế mẫu sản phẩm, chính sách đào tạo, hỗ trợ nghề, công nhận tôn vinh nghệ nhân, nguyên tắc quản lý làng nghề, nguyên tắc chính quyền địa phương bảo lãnh, giới thiệu kỹ nghệ thủ công… để thúc đẩy làng

nghề phát triển theo hướng hiện đại mà không xa rời bản sắc, công nghệ mà vẫn giữ được bí kíp cổ truyền, phát triển là để tôn lên nhân rộng các giá trị văn hóa đặc trưng của làng nghề có tiềm năng vươn ra tầm khu vực và thế giới.

Hai là, xây dựng bộ tiêu chí rõ ràng, cụ thể về sản phẩm thủ công truyền thống, về giá trị phi vật thể làng nghề. Hiện nay, đánh giá chất lượng các sản phẩm làng nghề làm ra đều dựa theo cảm nhận cá nhân và quan điểm của người tiêu dùng, hầu hết mang tính ngẫu hứng, rất khó khăn cho chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn. Điều này thể hiện khá rõ trong các cuộc thi tay nghề do Sở Công thương hay Hiệp hội làng nghề đứng ra tổ chức thì mỗi cuộc thi, mỗi địa phương đưa ra tiêu chí riêng. Do đó, xây dựng và hoàn thiện bộ tiêu chí về sản phẩm thủ công truyền thống sẽ giúp cho các cơ sở sản xuất, thợ thủ công tạo ra các sản phẩm thủ công truyền thống, trong đó có sản phẩm đá mỹ nghệ phù hợp với tiêu chí mà không đi ngược lại thuần phong mỹ tục của dân tộc. Các chủ thể quản lý nhà nước có cơ sở pháp lý để thẩm định, xử lý những vi phạm trong sản xuất, đồng thời làm căn cứ khuyến khích đầu tư hỗ trợ sản xuất mẫu mã sản phẩm thủ công mỹ nghệ mới. Giải pháp này, tạp chí Giáo dục nghệ thuật số 23-2017, tác giả Nguyễn Thị Phương Thảo đã nêu "xây dựng cơ chế chính sách đồng bộ, rõ ràng về làng nghề, về sản phẩm thủ công truyền thống. Xác lập rõ vai trò của nhà nước, chính quyền địa phương trong hoạch định chính sách hỗ trợ cụ thể từng ngành nghề" [29, tr 9]. Đồng thời cần nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí về giá trị phi vật thể làng nghề, nhất là đối với làng nghề truyền thống. Hiện nay Chính phủ đã ban hành Nghị định số 52/2018 về phát triển ngành nghề nông thôn thay thế Nghị định số 66/2006.Văn bản chỉ nêu ra điều kiện bằng số lượng để công nhận làng nghề, làng nghề truyền thống và làng mới. Về lĩnh vực văn hóa, Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định 98/2010 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa, có nêu lên các biện pháp khuyến khích duy trì, phục hồi và phát triển nghề thủ công truyền thống có giá trị tiêu biểu. Tuy nhiên, nhà nước cần xây dựng một văn bản quy

định cụ thể, chi tiết về di sản văn hóa làng nghề. Đồng thời để bảo vệ tốt hơn giá trị di sản văn hóa làng nghề cũng cần có hướng nghiên cứu làng nghề thủ công truyền thống ở góc độ văn hóa ngang bằng với kinh tế. Nên giao cho Bộ văn hóa, Cục di sản, Sở văn hóa, phòng di sản trực tiếp thực hiện các chương trình, đề án bảo tồn, khôi phục các làng nghề truyền thống tiêu biểu.

Ba là, chính sách tạo vốn và khuyến khích đầu tư. Nhà nước cần tạo điều kiện trong việc huy động vốn an toàn và có hiệu quả cho sản xuất kinh doanh ở làng nghề truyền thống. Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn và xây dựng cơ chế huy động mọi nguồn vốn để bảo tồn giá trị làng nghề.

Bốn là, Nhà nước cần bổ sung, hoàn chỉnh một số vấn đề về chính sách thuế: miễn giảm thuế đối với các doanh nghiệp, hộ nghề mới thành lập; miễn giảm thuế có thời hạn đối với hộ nghề áp dụng công nghệ mới nhằm nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm và giảm thời gian chế tác.

3.3.2. Tăng cường các hoạt động quản lý Nhà nước với làng nghề

Ban hành các chính sách là nhiệm vụ quan trọng và vô cùng có ý nghĩa với các làng nghề, song việc thực hiện các văn bản của Nhà nước còn phụ thuộc rất lớn vào trình độ quản lý, năng lực điều hành, trách nhiệm cụ thể của mỗi cá nhân thực thi công vụ, công việc. Qua khảo sát cho thấy, việc áp dụng các văn bản của Nhà nước vào thực tiễn còn thiếu đồng bộ, có lúc có khi còn sơ cứng, mang tính hình thức, một chiều và chưa phù hợp với công tác bảo tồn tại các làng nghề chế tác đá mỹ nghệ, thậm chí có những chính sách mang lại nhiều lợi ích cho sự phát triển của làng nghề nhưng triển khai theo kiểu hình thức chiếu lệ hoặc chưa triển khai ngay tại địa bàn cơ sở. Hiện nay, làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân thuộc sự quản lý bằng các văn bản chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh Ninh Bình, UBND huyện Hoa Lư. Chính vì vậy tác giả coi giải pháp tăng cường các hoạt động quản lý Nhà nước mang tầm quan trọng đặc biệt đối với bảo tồn và phát huy giá trị làng nghề Ninh Vân, cần thực hiện tốt bốn điểm mấu chốt dưới đây:

Thứ nhất, tăng cường tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước và tỉnh Ninh Bình về vai trò và ý nghĩa của vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị làng nghề chế tác đá mỹ nghệ.

Thứ hai, thường xuyên rà soát các văn bản có liên quan đến làng nghề đã ban hành để kịp thời điều chỉnh, bổ sung và thống nhất triển khai.

Thứ ba, tăng cường sự lãnh đạo và công tác dân vận của các đoàn thể để phục vụ các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề. Phân công các đoàn thể phụ trách, theo dõi, hỗ trợ về tổ chức cho từng làng nghề cụ thể.

Thứ tư, thực hiện triệt để hơn nữa vấn đề cải cách thủ tục hành chính như: thực hiện cơ chế một cửa, giải quyết các thủ tục kịp thời, nhanh gọn và hiệu quả nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các các hộ nghề sản xuất kinh doanh.

3.3.3. Nâng cao chất lượng các giải pháp đào tạo, duy trì tập quán truyền nghề và phát triển nguồn nhân lực

Muốn khôi phục và phát huy giá trị văn hoá làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân việc trước hết phải quan tâm kỹ năng thực hành nghề. Tức là quan tâm đến đội ngũ nghệ nhân, thợ thủ công lành nghề bởi họ chính là những nhân tố quan trọng lưu giữ bí quyết, kỹ nghệ nghề chế tác đá cổ truyền, không ngừng tạo ra khối lượng sản phẩm kỹ mỹ thuật và đi liền với đó là họ đóng vai trò rường cột trong việc trao truyền nghề cho thế hệ trẻ. Thực tế, để tạo ra được những sản phẩm đẹp, tinh xảo thì ngoài năng khiếu bẩm sinh, người thợ cần trải qua một thời gian đào tạo lâu dài. Với chính sách và phương thức đào tạo hiện nay, số lượng thợ có tay nghề cao là không nhiều, trong khi thế hệ nghệ nhân cao tuổi cùng những tinh hoa nghề nghiệp lại đang bị mai một nhanh chóng. Do vậy, chính sách đảm bảo quyền lợi cho người lao động trong nghề, tôn vinh nghệ nhân là việc làm hết sức cần thiết trong thời gian tới. Mặt khác, khi làng nghề tồn tại trong nền kinh tế thị trường, ngoài kỹ năng, bí quyết riêng, đòi hỏi những người thợ kiêm ông chủ phải có kiến thức về kinh doanh, thương trường để có thể quản lý sản xuất, tổ chức tiêu thụ sản phẩm, tạo mối quan hệ làm ăn...

Thứ nhất, Nhà nước cần có chính sách cụ thể về phúc lợi xã hội cho những người lao động đang theo nghề. Đặc biệt, nên xem xét lại chế độ ưu đãi đối với những nghệ nhân thực hành nghề ở trình độ cao. Thực hiện có hiệu quả quy định về phong tặng danh hiệu nghệ nhân, thợ giỏi, bàn tay vàng cho các lao động làng nghề. Xây dựng chương trình định kỳ hằng năm tổ chức cuộc thi tay nghề. Lập quỹ khen thưởng vinh danh nghệ nhân, thợ thủ công giỏi.

Thứ hai, công khai kỹ thuật thủ công truyền thống nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân về quy trình chế tác đá xanh đôlômit. Với tính năng của cơ chế thị trường hiện nay, những sản phẩm cần được cải tiến cho phù hợp với thời đại, những khâu sản xuất cần phải được công nghệ hóa bằng máy móc kỹ thuật hiện đại để tăng năng suất lao động, giảm tai nạn và bệnh nghề nghiệp, hạ giá thành chi phí sản xuất, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, gia tăng giá trị thặng dư. Vì vậy thói quen giữ bí quyết nghề ở phạm vi hẹp gia đình sẽ là rào cản cho sự phát triển giá trị văn hóa, giá trị kinh tế của làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân.

Thứ ba, tăng cường đào tạo nghề theo hình thức truyền nghề, nhân cấy nghề bảo vệ tập quán truyền nghề. Có thể nói, một vấn đề hết sức quan trọng hiện nay là đào tạo, dạy nghề cho lớp trẻ nhằm đảm bảo có một đội ngũ kế tục làm nghề truyền thống. Xây dựng cơ chế chính sách đặc biệt khuyến khích các nghệ nhân, thợ giỏi tham gia đào tạo nghề cho lớp trẻ. Hỗ trợ các doanh nghiệp, hộ nghề, cơ sở chế tác đá tích cực đào tạo, nhân cấy nghề cho công nhân. Đồng thời, ở các làng nghề cần tiếp tục duy trì hình thức truyền nghề trong gia đình, dòng họ vừa để bổ sung nguồn nhân lực làm nghề vừa để tuyên truyền, giáo dục cho thế hệ trẻ về những giá trị văn hoá tốt đẹp của quê hương.

Thứ tư, phát huy mô hình liên kết đào tạo nghề thông qua các chương trình khuyến công: UBND xã Ninh Vân tiếp tục phối hợp với các trường kỹ thuật nghề của trung ương và các trung tâm bồi dưỡng nghề trong tỉnh tổ chức các lớp học nghề cho con em làng nghề. Việc bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho các thợ nghề đá cần chú trọng cả về số lượng và chất lượng.

Đặc biệt, cần kết hợp với các cuộc thi nâng cao trình độ tay nghề để họ thực sự là các "bàn tay vàng" sáng tạo ra nhiều mẫu mã sản phẩm mới. Xây dựng kế hoạch và liên kết với các doanh nghiệp chế tác đá mở các lớp dạy nghề tại chỗ với phương pháp đào tạo kết hợp cả việc trang bị những kiến thức lý luận về mỹ thuật điêu khắc, kỹ năng thực hành công nghệ qua sự hướng dẫn của các nghệ nhân. Những học viên đã qua các lớp đào tạo, bồi dưỡng sẽ được cấp chứng chỉ để hành nghề và được Nhà nước ưu tiên về vốn để đầu tư sản xuất.

Thứ năm, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, nâng cao trình độ văn hóa, kỹ thuật, mỹ thuật cho các chủ doanh nghiệp, chủ cơ sở sản xuất tại làng nghề. Đó là những kiến thức về tổ chức sản xuất, quản trị doanh nghiệp, thị trường, kỹ thuật và công nghệ hiện đại… Qua đó, hình thành được một đội ngũ nghệ nhân - doanh nhân đủ lực duy trì và phát triển nghề.

Thứ sáu, thực hiện chủ trương đa dạng hóa, xã hội hóa phát triển nguồn nhân lực để tập trung đào tạo nghề, như xây dựng và cải tiến nội dung chương trình giảng dạy ở các bậc học từ thấp lên cao. Khảo cứu viết sách để tránh thất truyền nghề do truyền nghề. Tổ chức biên soạn các giáo trình tiêu chuẩn hoá cho nghề chế tác đá theo phương pháp mô-đun kỹ năng hành nghề. Nghiên cứu xây dựng các chương trình dạy nghề thông qua đĩa ghi hình, clip để phát triển rộng việc dạy nghề. Thay đổi hình thức và thời gian đào tạo cho từng loại đối tượng sao cho phù hợp nhằm đáp ứng nguồn lực cho phát triển làng nghề. Khuyến khích con em làng nghề theo học các khóa đào tạo chuyên sâu ở các trường đại học mỹ thuật, văn hóa nghệ thuật và sư phạm nghệ thuật trung ương.

Thứ bảy, tỉnh cần quan tâm mở rộng và nâng cấp các trung tâm dạy nghề hiện có để đào tạo theo phương thức vừa học, vừa làm nhằm phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng. Thường xuyên tổ chức các cuộc hội thảo, hội nghị nhằm giới thiệu các kinh nghiệm liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh tại các làng nghề. Tạo điều kiện cho các chủ doang nghiệp, nghệ nhân và thợ thủ công tham gia các cuộc hội thảo, hội nghị giới thiệu các kinh nghiệm quản lý, sản

xuất kinh doanh, khoa học kĩ thuật mới về lĩnh vực làng nghề chế tác đá mỹ nghệ. Hàng năm dành một phần ngân sách thích hợp cho việc đào tạo nguồn nhân lực để phát triển nghề, làng nghề. Thành lập các trung tâm giới thiệu việc làm để cung cấp thông tin việc làm cho người lao động phù hợp với khả năng, nghề nghiệp của mình vào làm việc trong các làng nghề.

Thứ tám, thành lập câu lạc bộ nghề chế tác đá mỹ nghệ của tỉnh Ninh Bình, từ đây các nghệ nhân, thợ thủ công tham gia vào câu lạc bộ là nhằm mở rộng giao lưu, trao đổi kinh nghiệm và truyền dạy nghề cho nhau.

3.3.4. Hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ vào quy trình chế tác

Yêu cầu cơ bản của sản phẩm làng nghề hiện nay là sự kết hợp chặt chẽ giữa tính truyền thống và tính hiện đại. Chính vì vậy, việc đổi mới và đưa công nghệ hiện đại vào sản xuất là cần thiết:

Thứ nhất, Sở KH&CN, Sở TN&MT, Sở Công thương, các trung tâm tư vấn cần triển khai đánh giá, rà soát trình độ, thiết bị, công nghệ để khuyến khích áp dụng kĩ thuật hiện đại, công nghệ mới vào quy trình chế tác đá mỹ nghệ truyền thống nhất là những công đoạn không cần độ tinh xảo và khéo léo nhằm giảm sức lao động của con người và nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm đá mỹ nghệ Ninh Vân ở thị trường trong nước.

Thứ hai, các cơ sở chế tác đá cần lựa chọn máy móc tiên tiến phù hợp với yêu cầu chế tác đá mỹ nghệ. Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin phục vụ chế tác đá và tiêu thụ sản phẩm của làng nghề.

Thứ ba, tăng cường hợp tác giữa làng nghề với các cơ quan nghiên cứu có chức năng cải tiến công nghệ nghề. Phổ biến kiến thức khoa học sản xuất kinh doanh và kỹ năng quản lý cho cơ sở chế tác đá để nâng cao chất lượng sản phẩm.

3.3.5. Phát huy tính dân tộc trong thiết kế mẫu mã sản phẩm

Chế tác đá thuộc lĩnh vực nghệ thuật điêu khắc tạo hình ứng dụng nên bản thân mỗi sản phẩm luôn hàm chứa yếu tố mỹ thuật, yếu tố văn hóa và được thể hiện rõ nét ý niệm bản sắc văn hóa dân tộc trên đường nét hoa văn, họa tiết,

vóc dáng, khối hình. Sản phẩm thủ công đá mỹ nghệ không chỉ tạo nên giá trị kinh tế mà còn góp phần quan trọng tạo ra giá trị văn hóa của làng nghề chế tác đá Ninh Vân khi các sản phẩm này đạt đến trình độ kỹ mỹ nghệ cao. Bởi các sản phẩm đá mỹ nghệ thật sự là sản phẩm văn hóa khi nó là sự kết tinh phương thức kỹ thuật có chuyển giao giữa các thế hệ và sự sáng tạo không ngừng của nghệ nhân làng nghề Ninh Vân để thỏa mãn mọi nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng đương thời. Vì vậy, muốn bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa làng nghề cần quan tâm thực hiện một số giải pháp:

Thứ nhất, tập trung giữ gìn các dòng sản phẩm chủ lực cổ truyền của làng nghề chế tác đá Ninh Vân. Hàng năm dành một phần kinh phí khuyến công đầu tư cho các nghệ nhân, thợ giỏi, nghệ sĩ, nhà điêu khắc, họa sĩ đam mê sáng tạo nghệ thuật để thiết kế sáng tạo các mẫu mã mới phù hợp với thuần phong mỹ tục Việt Nam để phục vụ sản xuất cho làng nghề.

Xây dựng chính sách hỗ trợ công bố tác phẩm và sản phẩm thủ công mỹ nghệ. Có chế độ đãi ngộ xứng đáng để khuyến khích động viên đội ngũ nghệ nhân, thợ giỏi tâm huyết với nghề, cho họ vay vốn để bảo tồn và phát huy giá trị nghề không cần thế chấp.

Thứ hai, hỗ trợ các nhà điêu khắc sáng các tác phẩm từ chất liệu đá tham dự các triển lãm mỹ thuật của tỉnh, khu vực, trong nước và quốc tế để quảng bá và nâng cao giá trị nghệ thuật sản phẩm đá mỹ nghệ. Hàng năm tổ chức các cuộc thi của tỉnh về sáng tác mẫu mã các sản phẩm làng nghề và khuyến khích nghệ nhân, thợ giỏi đi tham gia các cuộc thi ở các tỉnh trong cả nước để tăng cường giao lưu, liên kết, học hỏi nâng cao tay nghề.

Xây dựng cơ chế, bảo trợ, bảo hộ quyền tác giả cho sản phẩm đạt giải và hỗ trợ các tác giả, nghệ nhân đăng ký quyền sở hữu trí tuệ tại Cục sở hữu trí tuệ cho các tác phẩm, sản phẩm đá mỹ nghệ Ninh Vân. Thường xuyên tổ chức các hội nghị, hội thảo về thiết kế mẫu mã cho làng nghề tham gia, trao đổi để tìm ra hướng đi thích hợp cho việc phát triển mẫu mã sản phẩm.

Thứ ba, sản xuất sản phẩm hàng hóa xuất phát từ nhu cầu thị trường. Vì vậy cần mời các chuyên gia để tư vấn về mẫu mã, chất lượng sản phẩm. Tạo cầu nối giữa các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất có nhu cầu thiết kế mẫu với nghệ nhân, thợ giỏi, nhà điêu khắc, họa sĩ, nhà thiết kế, kiến trúc sư của tỉnh và các tỉnh khác. Nghiên cứu, tìm kiếm giải pháp hỗ trợ duy trì và nâng cao các sản phẩm làm theo đơn đặt hàng theo yêu cầu của khách. Hỗ trợ kinh phí cho các trường dạy nghề tổ chức các khóa đào tạo tập trung về công tác thiết kế mẫu mã cho làng nghề.

Thứ tư, có chương trình, kế hoạch phát triển các sản phẩm mẫu cổ truyền thống, vừa có giá trị thương mại để phục vụ nhu cầu khách hàng trong, ngoài nước vừa mang ý nghĩa đặc trưng là sứ giả của văn hóa và nghệ thuật dân tộc quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam ra thế giới.

Thứ năm, cơ sở chế tác cần đa dạng hóa sản phẩm với việc sản xuất thêm những sản phẩm lưu niệm phục vụ du lịch bằng đá nhỏ gọn, vừa đảm bảo thẩm mỹ vừa đa dạng hóa về loại hình mẫu mã, như vậy mới có thể tăng sức hấp dẫn khách du lịch đến với làng nghề nhiều hơn. Những sản phẩm lưu niệm bằng đá có thể là đồ trang sức như vòng tay, những viên ngọc bội, vòng đeo cổ, hoặc là những vật trang trí, trong bày như tượng phật, các con thú, 12 con giáp, kể cả những chiếc bình hoa, bộ chuyên chén, quả cầu…hay các loại sản phẩm tranh họa và ảnh đá phun sơn mầu về phong cảnh Ninh Bình, tượng chân dung kích thước nhỏ... Lựa chọn các sản phẩm tiêu biểu được người tiêu dùng ưa chuộng để hỗ trợ phát triển mở rộng sản xuất, tổ chức liên kết với các điểm bán hàng tại các khu du lịch trên địa bàn tỉnh.

3.3.6. Xây dựng thương hiệu đá mỹ nghệ Ninh Vân

Trong xu thế hội nhập kinh tế hiện nay, sản phẩm của làng nghề đá mỹ nghệ không những đã có thị trường rộng lớn trong nước mà còn vươn ra tầm khu vực. Bởi vậy xây dựng thương hiệu cho sản phẩm đá mỹ nghệ Ninh Vân là yêu cầu cần thiết để bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa làng nghề. Hiện nay việc

đăng ký thương hiệu vẫn là vấn đề mới đối với các cơ sở sản xuất trong các làng nghề chế tác đá mỹ nghệ xã Ninh Vân vì các chủ cơ sở sản xuất chưa ý thức được đăng ký thương hiệu là để tự bảo vệ mình và thông qua đó là cơ hội tìm kiếm tìm thị trường mới, bạn hàng mới, trực tiếp tiếp xúc với đối tác... để mở rộng sản xuất, kinh doanh. Do đó các làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân cần phối hợp với Sở Công thương, Sở KH&CN, Liên minh các HTX để được hướng dẫn thành lập Hiệp hội làng nghề có tư cách pháp nhân, tạo điều kiện cho các làng nghề tham gia hội chợ thương mại để quảng bá và giới thiệu sản phẩm và tiêu thụ sản phẩm. Việc đăng ký cần thực hiện các bước cơ bản như: Xác định sứ mệnh của thương hiệu làng nghề; Xây dựng các yếu tố nhận dạng thương hiệu nhằm bảo đảm nhận biết của khách hàng như: logo, biểu tượng; đăng ký bản quyền bảo hộ đối với thương hiệu; xây dựng cơ chế quản lý thương hiệu và độc quyền sử dụng thương hiệu để thực hiện các hoạt động quảng cáo trên truyền thông đại chúng, xúc tiến thương mại, mở trang website quảng bá sản phẩm, bán hàng trực tuyến trên Internet..

3.3.7. Tăng cường bảo vệ di tích lịch sử văn hóa và lễ hội truyền thống

Bảo quản di tích là sự tổng hợp của nhiều mặt hoạt động nghiên cứu, sáng tạo nghệ thuật, thi công và sản xuất nhằm khôi phục lại như mới các công trình kiến trúc cổ truyền. Và, chỉ có bảo vệ, tu bổ tốt di tích chúng ta mới có điều kiện tổ chức tốt nhất các hoạt động tín ngưỡng, lễ hội, văn hoá gắn liền với di tích. Để đạt được mục tiêu bảo vệ giá trị làng nghề đá mỹ nghệ gắn với phục vụ du lịch sớm trở thành nhận thức và hành động chung của toàn xã hội, các chủ thể quản lý làng nghề cần thực hiện một số giải pháp sau:

Tăng cường công tác giáo dục, tuyên truyền và phổ biến chính sách liên quan đến hoạt động bảo vệ di sản văn hóa nhằm nâng cao tri thức hiểu biết về giá trị văn hóa làng nghề. Xác định chính xác giá trị của di tích kiến trúc nghệ thuật cổ truyền ở xã Ninh Vân về các mặt lịch sử, văn hoá, khoa học... tìm biện

pháp bảo tồn nguyên trạng di tích để phát huy giá trị, phục vụ những nhu cầu do xã hội đặt ra.

Áp dụng các phương án bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, quản lý hoạt động tu bổ di tích theo các văn bản hiện hành và theo đúng Quy chế bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh của Bộ VH-TT&DL. Không tách rời công tác bảo vệ phần vật thể của di tích với các sản phẩm tinh thần của cộng đồng hoặc cá nhân có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học và không gian văn hóa tồn tại trong di tích.

Nhận diện giá trị phi vật thể của các tín ngưỡng giỗ tổ nghề, lễ khai sơn gắn với di tích bằng đá mỹ nghệ thờ ông Tổ nghề đá Hệ và ông Tổ nghề đá Hoàng Sùng, truyền thuyết về nguồn gốc làng nghề và kinh nghiệm chế tác đá của Tổ nghề. Xây dựng phương án bảo vệ các lễ hội cổ truyền như lễ hội Tam thôn, lễ hội làng Xuân Vũ ở xã Ninh Vân có liên quan đến làng nghề là bản sắc của cộng đồng làng nghề đá mỹ nghệ truyền thống. Phục dựng lễ hội Bơi chải ở làng Dưỡng Hạ và các trò chơi dân gian trong các lễ hội truyền thống bằng nhiều hình thức phong phú, sinh động, nhằm tăng thêm tính cộng cảm, cộng cư và cộng nghề.

Trùng tu, tôn tạo các công trình kiến trúc nghệ thuật bằng đá mỹ nghệ cổ truyền ở làng nghề nhưng không được xâm hại tới di sản văn hóa và làm suy giảm các giá trị văn hóa truyền thống. Bảo vệ các cụm di tích kiến trúc nghệ thuật đã được công nhận cấp quốc gia, di tích tín ngưỡng cấp tỉnh. Đồng thời có phương án nghiên cứu,lựa chọn di tích tiêu biểu lập hồ sơ khoa học đề nghị UBND tỉnh Ninh Bình công nhận di tích văn hóa cấp tỉnh.

3.3.8. Đẩy mạnh nghiên cứu, sưu tầm, tư liệu hóa giá trị làng nghề

Kiểm kê toàn diện di sản vật thể và phi vật thể cổ truyền ở xã Ninh Vân.

Tăng cường hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động nghiên cứu, khảo sát, sưu tầm, tư liệu hóa các giá trị làng nghề.

Viết sách, in ấn, in đĩa, ghi hình và lưu trữ tư liệu giá trị làng nghề. Lập hồ sơ làng nghề, lịch sử hình thành, các đặc trưng văn hóa làng nghề.

Tổ chức hội thảo về bảo tồn văn hóa làng nghề. Khuyến khích cộng đồng làng nghề giữ gìn những phong tục tập quán tốt đẹp của làng nghề.

Đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết chế văn hóa ở làng nghề, thành lập các câu lạc bộ văn nghệ nhằm nâng cao đời sống tinh thần của cộng đồng làng nghề.

Cập nhật cung cấp thông tin quảng bá về các di tích văn hóa, công trình kiến trúc nghệ thuật cổ truyền, các lễ hội dân gian, nghi thức tín ngưỡng về nghề đá cùng các tích trò dân gian đặc sắc trên website của làng nghề, cơ sở chế tác đá, Sở Du Lịch, Sở VH-TT và huyện Hoa Lư. Mời cơ quan báo chí tuyên truyền về văn hóa làng nghề trên nhiều kênh thông tin đại chúng.

3.3.9. Phát huy giá trị làng nghề kết hợp với phục vụ du lịch

Phát triển du lịch ở các làng nghề truyền thống hiện nay có thể đem lại lợi ích nhiều mặt cho địa phương và hơn hết, đó chính là một trong những giải pháp hữu hiệu để bảo vệ và phát huy giá trị của nghề truyền thống này. Để hoạt động du lịch tại các làng nghề hiện nay có thể phát triển hiệu quả trên các mặt kinh tế, xã hội và môi trường sinh thái, cần có giải pháp sau:

Xây dựng chiến lược đầu tư cả trung, dài hạn để phát triển du lịch làng nghề nhằm cung cấp dịch vụ du lịch đồng bộ. Tiếp tục thực hiện các giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị làng nghề hiện có. Khảo sát, đánh giá tính hấp dẫn độc đáo của làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân để đầu tư thành điểm du lịch thu hút khách. Năm 2025 tập trung hoàn thiện điểm làng nghề Xuân Phúc phục vụ du lịch, năm 2025-2030 bảo tồn và phục hồi làng nghề truyền thống Xuân Phúc, thôn Hệ, Đồng Quan và thôn Thượng.

Thực hiện tốt chính sách nhà nước và nhân dân cùng làm nhằm huy động vốn để xây dựng điểm du lịch làng nghề với cảnh quan và phương tiện, phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng làng nghề như: giao thông, các tuyến phố thương mại kiểu mẫu, các trung tâm thông tin, trưng bày giới thiệu sản phẩm

làng nghề, từ đó phát triển thành trung tâm dịch vụ thương mại phục vụ cho nhu cầu mua - bán trong hoạt động du lịch làng nghề. Phát hành cẩm nang phổ biến thông tin về làng nghề. Xây dựng khu sản xuất tập trung có đủ điều kiện để làm điểm du lịch cho khách đến thăm quan. Tăng cường chỉnh trang, trang trí nhà xưởng, vệ sinh môi trường, thay đổi thiết bị, công nghệ sản xuất để thu hút tốt hơn đối với khách du lịch. Hình thành các dịch vụ hỗ trợ cho du lịch làng nghề bao gồm: Hệ thống nhà hàng, nhà nghỉ bằng đá mỹ nghệ phục nhu cầu ăn uống và lưu trú. Các dịch vụ ngân hàng, viễn thông, xây dựng và duy trì hoạt động có hiệu quả các trang website về du lịch, về làng nghề của tỉnh.

Bảo tồn, trùng tu các di tích kiến trúc nghệ thuật, các nơi thờ tổ làng nghề, khôi phục và phát triển các hoạt động văn hoá dân gian trong khu vực làng nghề để làm phong phú thêm nội dung các tour du lịch làng nghề; giữ gìn nét văn hóa và hoạt động nghệ thuật, nghiên cứu sáng tác phù hợp từng làng nghề nhằm giữ gìn bản sắc văn hoá của làng nghề, tạo sức hút và giữ chân du khách tham quan trải nghiệm tại làng nghề.

Xây dựng tuyến du lịch làng nghề: Tuyến du lịch Tam Cốc - Bích Động-đền Thái Vi và làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân; Tuyến du lịch làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, đền Nội Lâm, Tràng An, Cố đô Hoa Lư; Tuyến du lịch Chùa Bái Đính – làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân- Nhà thờ đá Phát Diệm phục vụ khách du lịch trong và ngoài nước. Tăng cường hợp tác với các công ty du lịch, các hãng lữ hành trong việc tổ chức các tour tham quan làng nghề truyền thống. Ở hình thức này, có thể phát hành tờ rơi, tập gấp với những thông tin khái quát và hình ảnh minh họa sinh động về làng nghề là hình thức quảng cáo trực tiếp đến khách hàng một cách có hiệu quả.

Xây dựng môi trường du lịch văn hoá tại làng nghề thông qua một số hoạt động như: Giáo dục ý thức cho cộng đồng dân cư làng nghề có văn hoá giao tiếp với khách du lịch; mở các lớp tập huấn ngắn hạn tại làng nghề nhằm trang bị cho cán bộ địa phương và nhân dân làng nghề những kiến thức, kỹ

năng cơ bản trong hoạt động du lịch. Tổ chức các khóa đào tạo dài hạn để nâng cao trình độ và kĩ năng cho cán bộ làm công tác thuyết minh, hướng dẫn khách du lịch để cho khách du lịch thấy giá trị văn hóa truyền thống, nguồn gốc hình thành phát triển các làng nghề, ý nghĩa của từng sản phẩm làng nghề chứa đựng các giá trị lịch sử, nhân văn và nét đặc trưng của từng địa phương.

Thiết lập các quy định về bảo vệ môi trường trên cơ sở Luật Bảo vệ môi trường và Luật Du lịch. Bởi vì, môi trường cảnh quan của làng nghề có tác động mạnh đến tâm lý của du khách trong hành trình tham quan và vui thú tiêu thụ sản phẩmcủa làng nghề. Vì vậy, không gian sản xuất cũng cần được sắp xếp gọn gàng, sạch sẽ nhằm tạo thiện cảm với khách du lịch. Những công đoạn sản xuất tại làng nghề phải được bố trí riêng và có phương án xử lý để không ảnh hưởng đến môi trường chung.

3.3.10. Đẩy mạnh hoạt động thông tin, tuyên truyền, quảng bá

Thông tin, tuyên truyền ngày càng trở thành nguồn lực to lớn, tạo ra nhiều cơ hội cho làng nghề trong hội nhập và phát triển bền vững. Chính vì vậy, cần chú trọng việc tuyên truyền nâng cao nhận thức của các chủ thể.

Tăng cường quảng bá sản phẩm làng nghề là một khâu quan trọng để du khách biết đến giá trị làng nghề như vậy sẽ kích thích nhu cầu trong khách hàng. Đây chính là nhịp cầu nối giữa người sản xuất và người tiêu dùng. Về phía cơ sở chế tác đá, thông qua các kênh thông tin giới thiệu sẽ tiếp cận được nhiều khách hàng hơn, thị trường được mở rộng hơn, những thông tin về giá cả, nguồn nguyên liệu, mẫu mã sản phẩm, kỹ thuật, phương tiện được cập nhật hơn. Về phía khách hàng, thông qua việc quảng bá giới thiệu của các cơ sở chế tác đá họ cũng chủ động tìm hiểu nhiều hơn về giá trị làng nghề và sản phẩm đá mỹ nghệ. Điều này rất quan trọng đối với bảo tồn giá trị làng nghề chạm khắc đá Ninh Vân theo hướng lồng ghép với du lịch. Có nhiều biện pháp để xúc tiến hoạt động quảng bá giá trị làng nghề như: xây dựng trang web, quảng bá trên truyền hình, báo chí, tổ chức hội chợ triển lãm mặt hàng thủ công mỹ nghệ trên

địa bàn tỉnh. Chúng ta có thể tổ chức các buổi triển lãm dành riêng cho những sản phẩm của làng nghề đá Ninh Vân hoặc kết hợp với các sản phẩm thủ công mỹ nghệ khác … Đồng thời nghiên cứu thiết kế in ấn tài liệu và phát hành những ấn phẩm, phim ảnh về làng nghề Ninh Vân để giới thiệu và cung cấp thông tin cho du khách và đối tác.

3.3.11. Bảo vệ môi trường sinh thái làng nghề

Môi trường làng nghề đang là vấn đề gây bức xúc hiện nay. Giải quyết vấn đề môi trường cần hướng tới các mục tiêu cơ bản là giảm thiểu ô nhiễm, cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống cho cộng đồng làng nghề.

Thứ nhất, tăng cường các hoạt động tuyên truyền, phổ biến quy định về bảo vệ môi trường làng nghề. Áp dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, khí thải, chất thải rắn tại làng nghề.

Thứ hai, khảo sát, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường làng nghề trên địa bàn, xây dựng kế hoạch từng bước giải quyết ô nhiễm môi trường làng nghề. Đẩy mạnh công tác kiểm tra để kịp thời phát hiện và xử lý những yếu tố gây nguy hại tới sức khỏe người dân tại làng nghề. Nghiên cứu xây dựng các biện pháp xử lý phù hợp cho sản xuất nhằm bảo vệ khí hậu làng nghề.

Thứ ba, hỗ trợ các làng nghề áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong việc cải thiện môi trường, xử lý ô nhiễm nước thải, khí thải, bụi đá. Hình thành khu chôn lấp chất thải rắn thành nguyên liệu phục vụ cho ngành nghề khác.

Thứ tư, UBND xã Ninh Vân phối hợp của với Sở TN&MT và các cơ quan hữu quan thường xuyên triển khai các chương trình, hoạt động nhằm nâng cao ý thức, hiểu biết về môi trường và năng lực xử lý ô nhiễm do sản xuất gây ra của người dân làng nghề.

3.3.12. Phát huy vai trò chủ thể bảo vệ và phát huy làng nghề ở xã Ninh Vân

3.3.12.1. Trao quyền và giao trách nhiệm trực tiếp cho cán bộ quản lý cấp xã

Cùng với giải pháp tăng cường công tác quản lý Nhà nước về làng nghề, cần phải trao quyền quản lý làng nghề cho chính quyền cấp xã nhằm phát huy

tính tích cực của UBND xã Ninh Vân; thực hiện giao trách nhiệm cho công chức chuyên môn cấp xã. Trang bị kiến thức quản lý làng nghề theo từng lĩnh vực phụ trách cũng như nâng cao năng lực tổ chức quản lý, trình độ chuyên môn cho đội ngũ công chức cấp xã. Trong quá trình khảo sát điền dã tại làng nghề, tác giả phỏng vấn trực tiếp các cán bộ của xã về công tác quản lý của UBND xã Ninh Vân với sự phát triển của làng nghề thì đều nhận được câu trả lời: hoạt động của làng nghề hiện nay xã không nắm được vì không trực tiếp quản lý, sản phẩm của làng nghề làm ra cũng không kiểm soát được vì không có văn bản hướng dẫn và cũng không thể xử lý khi thợ thủ công, cơ sở sản xuất chế tạo ra sản phẩm trái với thuần phong mỹ tục, công tác quản lý và chỉ đạo hoạt động của làng nghề thuộc các cơ quan chức năng ngành dọc và UBND cấp huyện. Để giải quyết tình trạng bất cập và lỏng lẻo trong quản lý trực tiếp ở địa bàn cơ sở hiện nay, ông Vũ Ngọc Tuyên - Phó Chủ tịch phụ trách kinh tế UBND xã Ninh Vân cho biết "hiện nay xã chưa thành lập được Ban quản lý làng nghề cấp xã và cũng chưa thành lập được ban quản lý CCN chế tác đá mỹ nghệ trên địa bàn. Chúng tôi rất cần có văn bản hướng dân của cấp trên cho phép cấp xã là đơn vị quản lý trực tiếp trên địa bàn được thành lập ban quản lý làng nghề cấp xã, trong đó Trưởng ban là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tich UBND xã, Ban quản lý có quy chế hoạt động, có kinh phí hoạt động. Thực hiện phân công và gắn trách nhiệm cho từng công chức theo lĩnh vực đảm trách. Ví dụ công chức văn hóa của xã bên cạnh nhiệm vụ quản lý các hoạt động văn hóa, tín ngưỡng, lễ hội và di tích lịch sử làng nghề thì sẽ là người trực tiếp theo dõi, quản lý mẫu mã sản phẩm đá mỹ nghệ của làng nghề…Ban quản lý thực hiện họp định kỳ, đánh giá tổng kết 1 năm 1 lần vào cuối năm, sơ kết vào giữa năm". Bởi để thực hiện tốt việc phát triển làng nghề đá mỹ nghệ ở xã Ninh Vân thì vai trò của các chủ thể quản lý ở cấp cơ sở là vô cùng quan trọng, vì cán bộ công chức cấp xã là người gần dân nhất, sống trong dân "ba cùng với nhân dân" nên hiểu rõ thực trạng của làng nghề, nên kịp thời đưa ra phương pháp quản lý linh

hoạt, mềm dẻo và hiệu quả.

Thành lập Ban quản lý làng nghề cấp xã. Phát huy vai trò của các tổ chức hội, hiệp hội chế tác đá mỹ nghệ tại các làng nghề ở xã Ninh Vân trong việc hỗ trợ về vốn, tìm kiếm thị trường, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm làng nghề. Nâng cao vai trò của cộng đồng làng nghề trong việc truyền nghề, tôn vinh tổ nghề, sáng tạo sản phẩm đá mỹ nghệ tinh xảo, bảo vệ di tích cổ truyền và lễ hội truyền thống làng nghề, giữ gìn và phát huy bản sắc nghề, phát huy tính cố kết cộng làng xã...

3.3.12.2. Nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp và tổ hợp nghề, hộ nghề

Trong xu thế vận động hiện nay, các thành phần kinh tế tham gia vào sản xuất tại các làng nghề chế tác đá mỹ nghệ là khách quan phù hợp bởi không chỉ có ý nghĩa kinh tế mà còn có ý nghĩa xã hội góp phần giải quyết việc làm cho người lao động, bảo tồn giá trị truyền thống... vì vậy cần:

Khuyến khích tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ nghề đăng kí sản xuất kinh doanh, chuyển đổi loại hình công ty TNHH, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã... Hỗ trợ hình thành các mô hình liên kết sản xuất

Nâng cao trách nhiệm của các cơ sở sản xuất trong việc đa dạng hóa các hình thức huy động vốn để sản xuất và bảo tồn các sản phẩm đá mỹ nghệ truyền thống.Tranh thủ sự giúp đỡ của các tổ chức và cá nhân quốc tế về vốn đầu tư thông qua các Triển lãm - Hội chợ - Tiếp thị cho các hoạt động đào tạo thợ lành nghề hoặc thông qua các dự án bảo tồn, khai thác giá trị văn hóa phi vật thể của các tổ chức quốc tế như: UNESCO...

Các cơ sở sản xuất cần có chính sách đãi ngộ nghệ nhân và thợ thủ công lành nghề về cả đời sống vật chất và đời sống tinh thần. Hàng năm tổ chức các cuộc thi về sáng tác mẫu mã sản phẩm làng nghề hoặc tạo điều kiện về cơ sở vật chất cho các nghệ nhân và thợ thủ công lành nghề có đủ điều kiện sáng tạo ra các tác phẩm nghệ thuật tinh xảo. Khuyến khích hỗ trợ các nghệ nhân, thợ giỏi đi tham gia các cuộc thi về sáng tác mẫu mã các sản phẩm làng nghề ở các

tỉnh trong cả nước để tăng cường giao lưu, liên kết, học hỏi nâng cao tay nghề. Đồng thời xây dựng nhà trưng bày truyền thống tại cơ sở sản xuất nhằm giới thiệu quảng bá sản phẩm làng nghề và bảo vệ di sản làng nghề.

Các cơ sở sản xuất kinh doanh từng bước thực hiện việc đăng ký nhãn hiệu hàng hóa cho sản phẩm của cơ sở mình để nâng cao chất lượng sản phẩm và uy tín với khách hàng, hướng tới xây dựng phát triển thương hiệu làng nghề.

Tóm lại, doanh nghiệp và tổ hợp nghề trong làng nghề tích cực giữ gìn và phát huy nghề truyền thống, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào sản xuất để nâng cao chất lượng sản phẩm, đổi mới mẫu mã sản phẩm theo hướng nhỏ gọn, đặc trưng Ninh Bình phục vụ du lịch. Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn trong sản xuất và bảo vệ môi trường góp phần phát triển làng nghề bền vững.

3.3.12.3. Phát huy vai trò của cộng đồng

Cư dân làng nghề là một cộng đồng và ở một góc độ nào đó được xem là một cộng đồng văn hóa vì ở không gian làng nghề lưu tồn 2 giá trị văn hóa phi vật thể và vật thể do chính cộng đồng sáng tạo ra trong quá trình tồn tại của mình. Do vậy, phát huy sự tham gia của cộng đồng trong bảo tồn làng nghề sẽ thúc đẩy nhanh quá trình CNH-HĐH hóa nông nghiệp, nông thôn, từng bước hình thành các thị trấn, thị tứ, giảm dần khoảng cách thu nhập giữa thành thị và nông thôn.

Vai trò của cộng đồng dân cư trong việc bảo vệ các giá trị văn hóa truyền thống, tôn tạo các công trình văn hóa, lưu giữ những dấu ấn lịch sử của nghề và xây dựng các thiết chế văn hóa nhằm thu hút khách du lịch, phục vụ công tác bảo tồn và phát triển du lịch là rất lớn. Vì vậy cần phải nâng cao nhận thức của cộng đồng làng nghề. Trước mắt, hiệp hội làng nghề Ninh Vân cần tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương đường lối của Đảng, Nhà nước, của địa phương về vai trò, ý nghĩa của việc bảo vệ và phát huy giá trị nghề thủ công, làng nghề để các cấp, các ngành và nhân dân hiểu rõ và tạo nên sự đồng thuận thống nhất về nhận thức và hành động. Phát huy vai trò của các nghệ

nhân, thợ giỏi để họ tiếp tục đào tạo nghề, nhân cấy nghề nhằm gia tăng về số hộ và số lao động ngành nghề của làng.

Cộng đồng dân cư Ninh Vân cần chú trọng khôi phục các giá trị của nghề chế tác đá mỹ nghệ cổ truyền đồng thời khôi phục các yếu tố văn hóa dân gian vật thể đình, chùa, nhà ở…giá trị văn hóa gắn với tâm thức nghề đó là truyền thống "tôn sư trọng đạo", "uống nước nhớ nguồn", "tương thân tương ái" trong cộng đồng làng nghề. Sự hồi sinh các giá trị văn hóa đó đóng vai trò quan trọng làm bệ đỡ tâm linh và cố kết cộng đồng . Qua đó giáo dục cho các thế hệ trẻ trong việc giữ gìn và phát triển nghề truyền thống của làng, không ngừng nâng cao tri thức để xây dựng quê hương.

3.3.13. Nâng cao chất lượng giám sát, kiểm tra, thanh tra

Cần thực hiện cơ chế hai chiều trong giám sát. Cơ quan quản lý nhà nước giám sát hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị văn hoá làng nghề theo chức năng, nhiệm vụ Nhà nước giao. Nếu thấy có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì cơ quan quản lý sử dụng quyền lực tiến hành kiểm tra, thanh tra hành chính. Mặt khác, cộng đồng dân cư làng nghề cóa trách nhiệm giám sát cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị văn hoá làng nghề, về thái độ ứng xử không tốt với các giá trị làng nghề, về thực thi công vụ của cán bộ, công chức. Khi chủ thể quản lý nhà nước có dấu hiệu vi phạm pháp luật, làm tổn hại đến giá trị làng nghề, sách nhiễu thì người cộng đồng dân cư có quyền tố giác lên các cơ quan có thẩm quyền.

Nhà nước cần thực hiện cơ chế phân cấp, phân quyền mạnh mẽ hơn nữa trong hoạt động kiểm tra, thanh tra các hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị làng nghề. Phát huy vai trò của đội thanh tra liên ngành, đội thanh tra chuyên ngành cùng với thanh tra nhân dân trong hoạt động kiểm tra, thanh tra. Muốn hoạt động của tổ, đội thanh tra, kiểm tra có hiệu quả, cần quan tâm xây dựng đội ngũ quản lý trong lĩnh vực này vừa có tầm, có tâm, vừa hồng, vừa chuyên.

Tiểu kết

Trên cơ sở đánh giá những vấn đề nảy sinh của làng nghề, phân tích các yếu tố tác động, xác định các vấn đề đặt ra đối với hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân trong bối cảnh mới, tác giả nêu lên quan điểm mang tính phù hợp, định hướng rõ ràng, mục tiêu cụ thể để làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân phát triển bền vững. Trong quá trình nghiên cứu, tác giả chú trọng đến 13 gói giải pháp cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân: Xây dựng cơ chế, chính sách đồng bộ; Tăng cường các hoạt động quản lý Nhà nước với làng nghề; Tăng cường các giải pháp đào tạo, bảo vệ tập quán truyền nghề và phát triển nguồn nhân lực; Thiết kế sáng tạo mẫu mã sản phẩm; Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, quảng bá; Xây dựng thương hiệu đá mỹ nghệ Ninh Vân; Tăng cường bảo vệ di tích cổ truyền và lễ hội truyền thống; Phát triển làng nghề kết hợp với phục vụ du lịch. Đồng thời, tăng cường thanh tra kiểm tra giám sát. Để thực hiện có hiệu quả các giải pháp trên, theo tác giả sự cần thiết phải thực hiện gói giải pháp: Phát huy vai trò chủ thể bảo vệ và phát huy làng nghề ở xã Ninh Vân bằng việc trao quyền và giao trách nhiệm trực tiếp cho cán bộ quản lý cấp xã, nâng cao trách nhiệm của cơ sở chế tác đá và cần lưu ý không được bỏ qua vai trò của cộng đồng dân cư trong việc bảo vệ các giá trị nghề đá mỹ nghệ cổ truyền, tôn tạo các công trình văn hóa, lưu giữ những dấu ấn lịch sử của nghề, tính cố kết cộng đồng và xây dựng làng nghề sinh thái gắn với phục vụ du lịch nhân văn.

KẾT LUẬN

Làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân nằm trong vùng đệm Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Tràng An, thuộc huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, có vị trí địa lý, tài nguyên thiên nhiên, giao thông thuận lợi, đặc biệt là trữ lượng đá vôi đôlômit xanh tự nhiên rất lớn. Lịch sử hình thành và phát triển của làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân luôn gắn liền với lịch sử văn hóa địa phương Ninh Bình từ nhiều thế kỷ. Hiện nay chưa xác định được cụ thể nguồn gốc nghề chế tác đá mỹ nghệ ở xã Ninh Vân, nhưng với người dân địa phương, vị tổ nghề là người có tài nghệ siêu phàm trong chọn nguyên liệu và chế tác đá mỹ nghệ, có công truyền nghề cho người dân làng nghề chạm khắc đá Ninh Vân.

Nghề chạm khắc đá mỹ nghệ Ninh Vân có vai trò quan trọng trong đời sống vật chất và tinh thần của người dân Ninh Bình, làng nghề đem lại những giá trị văn hóa tinh thần như tình đoàn kết, cần cù, ham học hỏi và sự gắn bó với các lễ hội tôn sùng thần núi, tôn sùng tổ làng nghề và các di tích lịch sử cổ truyền bằng đá mỹ nghệ vô cùng độc đáo. Đặc biệt với tài nghệ và đôi bàn tay khéo léo, người dân nơi đây còn là những nghệ nhân chế tác đá mỹ nghệ, sản phẩm đá Ninh Vân xuất hiện ở khắp nơi như một biểu tượng của tài năng con người có thể biến những khối đá thô sơ, vô tri, vô giác thành những sản phẩm nghệ thuật tinh xảo, nuột nà, giàu biểu cảm, mang đậm giá trị văn hóa, giá trị lịch sử và mang lại giá trị kinh tế và giá trị xã hội cho dân tộc Việt. Ngày nay, làng đá mỹ nghệ Ninh Vân ẩn chứa các lớp lịch sử, văn hóa trong từng công đoạn của nghề, trên từng sản phẩm, người thợ chế tác đá ngoài việc hành nghề còn trao truyền cho lớp con cháu kế cận. Làng nghề luôn sống động là bởi những hoạt động sản xuất làm ra sản phẩm hàng hóa theo nhu cầu thị trường, đồng thời tính cố kết cộng đồng trong làng xã chính là chất keo nuôi dưỡng làng nghề trường tồn trên cái nền lịch sử văn hóa và văn minh.

Tiếp cận giá trị làng nghề dưới góc độ quản lý văn hóa, luận văn đã hệ thống lại một số khái niệm liên quan như: bảo vệ, phát huy, giá trị, nghề thủ công truyền thống, làng nghề, văn hóa làng nghề, quản lý di sản văn hóa làng nghề. Luận văn đã xác định rõ chủ thể ở đây chính là cá nhân và cộng đồng

sáng tạo nên giá trị nghề đá mỹ nghệ; thực hành và truyền dạy bí quyết nghề đồng thời cũng chính là chủ sở hữu di sản làng nghề Ninh Vân, được hưởng thụ các giá trị làng nghề cho mình sáng tạo ra thông qua giao lưu kinh tế. Chủ thể ở đây còn là hệ thống cơ quan quản lý Nhà nước chia theo ngành và lãnh thổ với chức năng đưa ra các chủ trương, chính sách, quy định pháp luật và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch, quy hoạch và dự án về bảo vệ và huy giá trị làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân với những hoạt động cụ thể như: Giữ gìn văn hóa ứng xử với nghề, bảo vệ tập quán truyền nghề, nhân cấy tri thức, kỹ nghệ chạm khắc hoa văn trên sản phẩm đá mỹ nghệ; tu bổ, bảo quản di tích kiến trúc nghệ thuật cổ truyền ở xã Ninh Vân, phát huy tính cố kết cộng đồng làng xã trong các lễ hội cổ truyền; mở rộng quy mô, tổ chức làng nghề, quy hoạch phát triển làng nghề theo mô hình cụm công nghiệp gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, quy hoạch vùng nguyên liệu và hỗ trợ vốn sản xuất, khuyến khích phát triển các dòng sản phẩm mới, đào tạo nguồn nhân lực, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm, tôn vinh nghệ nhân, công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống, hoạt động lưu giữ sản phẩm làng nghề, công tác sưu tầm, nghiên cứu, đánh giá giá trị nghề đá mỹ nghệ, tuyên truyền, quảng bá giá trị làng nghề, thanh kiểm tra các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề...

Qua phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân cho thấy các chủ thể quản lý có vai trò quan trọng bảo vệ, phát huy giá trị làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, đã tạo cho nghề làm đá truyền thống ở Ninh Vân ngày càng phát triển góp phần quan trọng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế của xã Ninh Vân từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp, TTCN và dịch vụ. Lấy mốc từ năm 1992, khi Hợp tác xã Thạch Sơn bị giải thể, nghề đá mỹ nghệ chỉ còn tồn tại ở một số hộ gia đình trong thôn Hệ và thôn Xuân Phúc. Đến nay, toàn xã có 13/13 thôn và 1 cụm công nghiệp được công nhận là làng có nghề chế tác đá mỹ nghệ, 10/13 thôn và cụm công nghiệp được công nhận làng nghề truyền thống. Từ năm 2008 đến nay có 31 thợ giỏi được công nhận là nghệ nhân chế tác đá mỹ nghệ. Có thể nói

rằng những làng nghề này có vị trí vô cùng quan trọng trong phát triển nền kinh tế của các địa phương nó trực tiếp giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo ở nông thôn. Thu nhập từ nghề đá mỹ nghệ chiếm 70% tổng giá trị thu nhập của xã. Đó là một con số mà không phải nghề truyền thống nào cũng làm được. Hơn nữa, các làng nghề còn tạo ra rất nhiều sản phẩm không chỉ đơn thuần là trao đổi thương mại mà còn có giá trị to lớn về văn hoá và lịch sử. Tuy nhiên cũng phải thẳng thắn nhìn nhận những hạn chế còn tồn tại trong công tác bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề chưa tương xứng với tiềm năng vốn có

Cùng với phân tích nguyên nhân của hạn chế, luận văn nêu lên những yết tố tác động trong bối cảnh mới, những quan điểm chỉ đạo của chủ thể quản lý Nhà nước giai đoạn từ nay đến năm 2030 , những vấn đề đặt ra đối với công tác bảo vệ, phát huy giá trị làng nghề, những nội dung của hoạt động bảo vệ và phát huy, để đưa ra định hướng phát triển cho làng nghề đồng thời xây dựng các giải pháp bảo vệ và phát huy giá trị của làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân trong thời gian tới, đó là: Nhà nước quan tâm nghiên cứu xây dựng Luật nghề truyền thống; ban hành văn bản về sản phẩm thủ công truyền thống; về di sản văn hóa làng nghề, phát huy vai trò của ngành văn hóa, phòng di sản trong việc nghiên cứu bảo tồn, khôi phục các làng nghề truyền thống tiêu biểu; bổ sung hoàn thiện về chính sách thuế, vốn và khuyến khích đầu tư... Tăng cường các hoạt động quản lý Nhà nước với làng nghề; Tăng cường các giải pháp đào tạo, bảo vệ tập quán truyền nghề và phát triển nguồn nhân lực; Phát huy tính dân tộc trong thiết kế sáng tạo mẫu mã sản phẩm; Thông tin, tuyên truyền, quảng bá; Xây dựng thương hiệu đá mỹ nghệ Ninh Vân; Tăng cường bảo vệ di tích cổ truyền và lễ hội truyền thống; Phát triển làng nghề kết hợp với phục vụ du lịch; quan tâm tới thị trường nguyên liệu, quy hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng làng nghề gắn với việc bảo vệ môi trường sinh thái. Luận văn cũng nêu lên một số kiến nghị sau:

Đối với cơ quan quản lý nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách; Nâng cao năng lực tổ chức quản lý của bộ máy quản lý các cấp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, mặt bằng sản xuất và bảo vệ môi trường làng nghề hướng

tới phát triển làng nghề du lịch sinh thái; tăng cường hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ cho các cơ sở chế tác đá; hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp,hiệp hội, tổ hợp nghề, hộ nghề; Hướng dẫn đào tạo, bồi dưỡng nghề, tôn vinh nghệ nhân; tổ chức các đợt tổng kết các hoạt động sản xuất, đánh giá công nhận làng nghề, xây dựng đề án nhân rộng phạm vi làng nghề; hỗ trợ các hoạt động sáng tạo mẫu mã sản phẩm mới, xây dựng các gói kích cầu doanh nghiệp, đẩy mạnh thị trường trong nước và hướng tới thị trường xuất khẩu…

Đối với doanh nghiệp và tổ hợp nghề: đa dạng hóa các hình thức huy động vốn; Đưa khoa học công nghệ vào sản xuất để tăng năng suất lao động; giảm thiểu ô nhiễm môi trường; quan tâm đãi ngộ nghệ nhân và thợ thủ công lành nghề; Đa dạng hóa sản phẩm, sản xuất thêm những sản phẩm lưu niệm phục vụ du lịch; Tăng cường quảng bá sản phẩm làng nghề; Xây dựng phát triển thương hiệu làng nghề...

Đối với cộng đồng làng nghề Ninh Vân cần phải nâng cao tri thức hiểu biết về các giá trị nghề chế tác đá mỹ nghệ và giá trị văn hóa làng nghề mà mình đang là chủ sở hữu đồng thời phát huy tốt vai trò trách nhiệm của chủ thể sáng tạo trong giữ gìn không gian văn hóa làng nghề, tạo mối quan hệ khăng khít, tính cố kết, tình thân hữu, tương trợ, trong cộng đồng làng xã, trong bảo vệ bí kíp nghề, bảo vệ di sản cổ truyền của làng nghề: các công trình kiến trúc, lịch sử văn hóa và các lễ hội truyền thống của làng nghề, nhân cấy nghề, sáng tạo sản phẩm có giá trị về kinh tế và văn hóa phục vụ đời sống xã hội hiện tại và là hiện vật tư liệu quý giá cho tương lai.

Có thể khẳng định rằng, bảo vệ giá trị nghề đá mỹ nghệ và phát triển bền vững làng nghề truyền thống ngày càng cho thấy những lợi thế, tiềm năng, vai trò và ý nghĩa tích cực của nó trong việc đáp ứng yêu cầu kinh tế nội tại, lưu truyền văn hóa tiền nhân và bảo đảm tính khu biệt của một cộng đồng văn hoá Ninh Vân trong chiến lược CNH- HĐH nông nghiệp nông thôn nhằm mục tiêu biến đổi diện mạo Ninh Bình lên tầm cao mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Tài liệu là sách, luận văn, báo cáo, bài trong sách và tạp chí

1. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Ninh Bình - Công ty Văn hóa Trí tuệ Việt (2007), *Ninh Bình 185 năm lịch sử và phát triển*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
2. Trương Quốc Bình (2000), "Di sản thủ công truyền thống và phát triển du lịch bền vững", Tham luận.
3. Dương Thị Ngọc Bích, (2014) *Làng nghề điêu khắc đá Non Nước tại phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng (truyền thống và biến đổi)*. Luận án Tiến sĩ nhân học, Học Viện Khoa học xã hội - Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam.
4. Trương Quốc Bình (2016), *Bảo tồn kho tàng di sản văn hóa Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc.
5. Đặng Kim Chi chủ biên (2005), *Làng nghề Việt Nam và môi trường*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
6. Phạm Viết Duy, (2011), *Nghiên cứu áp dụng các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường và bệnh nghề nghiệp ở các làng nghề chế tác đá huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình,* Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Môi trường, Đại học khoa học tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội.
7. Đảng bộ xã Ninh Vân (2010), *Báo cáo nhiệm kỳ (2005-2010)*.
8. Đảng bộ tỉnh Ninh Bình (2015), *Báo cáo nhiệm kỳ (2010-2015)*.
9. Bùi Xuân Đính, (1998), *Hương ước và quản lý làng xã.* Nxb KH-XH.
10. Trương Minh Hằng (Chủ biên),(2011), *Tổng tập nghề và làng nghề truyền thống Việt Nam,* Viện Nghiên cứu Văn hóa và Nxb KH-XH.
11. Học viện Hành chính Quốc gia (2003), *Giáo trình Quản lý hành chính Nhà nước, tập 1,* Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
12. Hội Văn học Nghệ thuật Ninh Bình (2010), *Tổng tập văn học Ninh Bình ngàn năm,* Nxb Hội Nhà văn.
13. Huyện ủy Hoa Lư, (1991), *Báo cáo tình hình nhiệm vụ tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XVII ngày 15/10/1991.*
14. Huyện ủy Hoa Lư, (1996), *Báo cáo tình hình nhiệm vụ tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XVIII ngày 09/3/1996.*
15. Huyện ủy Hoa Lư, (2015), *Báo cáo tình hình nhiệm vụ tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXII ngày 04/6/2015*.

16. Dương Hải Hưng - Trần Quốc Thành (2015), *Lý luận quản lý,* Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
17. Nguyễn Xuân Kính (2013), *Con người, môi trường và văn hóa,* Nxb Khoa học xã hội.
18. Phạm Thị Loan (2003), *Nghề thủ công truyền thống chạm khắc đá ở xã Ninh Vân, Hoa Lư, Ninh Bình từ 1986-2003*, Luận văn thạc sĩ lịch sử Việt Nam, Đại học Sư phạm Hà Nội.
19. Lê Thị Minh Lý (2012), "Làng nghề và việc bảo tồn giá trị văn hóa phi vật thể", *Tạp chí Di sản Văn hóa* (4), tr. 68-71.
20. Nguyễn Tử Mẫn (2001), *Ninh Bình toàn tỉnh địa chí khảo biên*, Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội.
21. Nguyễn Hải Minh (2018), "Giá trị văn hóa và nghệ thuật sập rồng ở cố đô Hoa Lư", *Tạp chí Văn nghệ Ninh Bình* (209-210), tr 65-69.
22. Dương Bá Phượng (2001), *Bảo tồn và phát triển làng nghề trong quá trình CNH –HĐH,* Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
23. Sở Công Thương Ninh Bình (2017), Kỷ yếu *Làng nghề thủ công truyền thống Ninh Bình*, Sở Thông tin truyền thông cấp phép.
24. Sở Văn hóa Thông tin Ninh Bình (1996), *Hồ sơ di tích lịch sử cấp quốc gia: kiến trúc đền Kê Thượng, Kê Hạ, Miễu Sơn xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.*
25. Sở Văn hóa Thông tin Ninh Bình (2002), *Mỹ nghệ đá Ninh Vân.*
26. Sở Văn hóa - Thể thao và du lịch Ninh Bình (2012), *Hồ sơ di tích lịch sử cấp tỉnh: kiến trúc đền Thượng, thôn Xuân Vũ, xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.*
27. Sở Văn hóa - Thể thao và du lịch Ninh Bình (2013), *Hồ sơ di tích lịch sử cấp tỉnh: kiến trúc đền Trung, thôn Xuân Vũ, xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.*
28. Lê Tắc (2009), *An Nam chí lược,* Nxb Lao Động.
29. Nguyễn Thị Phương Thảo (2017), "Một số vấn đề đặt ra trong việc phát triển các làng nghề thủ công truyền thống hiện nay", *Tạp chí Giáo dục nghệ thuật,* (23), tr.7-10.
30. Tỉnh uỷ Ninh Bình (2006), *Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 8/8/2006 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về đẩy nhanh phát triển trồng, chế biến cói, thêu ren và chế tác Đá mỹ nghệ giai đoạn 2006 - 2010*.

31. Tỉnh uỷ Ninh Bình (2009), *Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 13 tháng 7 năm 2009* về phát triển du lịch đến năm 2020, định hướng năm 2030.
32. Tỉnh uỷ Ninh Bình (2015), *Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2015-2020.*
33. Tỉnh ủy Ninh Bình (2010), *Địa chí Ninh Bình,* Nxb CTQG, Hà Nội.
34. Nguyễn Văn Trò (1998), *Di tích lịch sử Cố đô Hoa Lư,* Nxb VHDT.
35. Trương Đình Tưởng (2004), *Địa chí văn hóa dân gian Ninh Bình,* Nxb Thế giới, Hà Nội.
36. UBND tỉnh Ninh Bình (2005), *Quyết định số 1329/QĐ-UBND, ngày 4 tháng 7 năm 2005 quy định về tiêu chuẩn, trình tự và thủ tục xét công nhận làng nghề tỉnh Ninh Bình.*
37. UBND tỉnh Ninh Bình (2013), *Quyết định số 615/QĐ-UBND, ngày 28 tháng 8 năm 2013, về việc Phê duyệt Quy hoạch phát triển nghề, làng nghề gắn với du lịch tỉnh Ninh Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.*
38. UBND xã Ninh Vân (*2003,2008,2016,2017), Báo cáo kinh tế xã hội.*
39. UBND xã Ninh Vân (2010), *Thuyết minh quy hoạch xây dựng nông thôn mới.*
40. UBND xã Ninh Vân (2015), *Báo cáo kết quả xây dựng Nông thôn mới.*
41. UBND xã Ninh Vân (2016), *Báo cáo tóm tắt tình hình kinh tế - xã hội nhiệm kỳ 2011-2016, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội nhiệm kỳ 2016-2021*.
42. UBND xã Ninh Vân (2012), *Thần tích xã Côn Lăng.*
43. UBND xã Ninh Vân (2012), *Tục lệ Tam thôn, tục lệ thôn Côn Lăng Thượng, Côn Lăng Hạ, thôn Tam* (thôn Côn Lăng - Phú Lăng).
44. Viện khoa học xã hội Việt Nam- Viện ngôn ngữ- trung tâm từ điển ngôn ngữ, (1992*), Từ điển tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
45. Bùi Văn Vượng (1998), *Làng nghề thủ công truyền thống Việt Nam,* NxbVăn hoá dân tộc, Hà Nội.
46. Trần Quốc Vượng - Đỗ Thị Hảo (2010)*, Làng nghề phố nghề Thăng Long - Hà Nội,* Nxb Khoa học xã hội.
47. Nguyễn Như Ý, *Từ điển tiếng Việt thông dụng,* Nxb Giáo dục. Hà Nội.
48. Trần Minh Yến (2004), *Phát triển nghề thủ công truyền thống trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

- Tài liệu trên Website

49. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Nghị quyết Trung ương 5-NQ/HNTW khóa VIII về xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*, *http://www.dangcongsan.vn*, truy cập ngày 20/10/2016.
50. Chính phủ (2006), *Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 7 tháng 7 năm 2006 về phát triển ngành nghề nông thôn, http://www.chinhphu.vn*, truy cập ngày 07/05/2017.
51. Chính phủ (2009), *Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 04 năm 2009 về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới*, *http://www.chinhphu.vn*, truy cập ngày 15/09/2017.
52. Chính phủ (2010), *Nghị định số 98/2010/NĐ-CP, ngày 21 tháng 9 năm 2010 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hóa và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa, http://www.chinhphu.vn*, truy cập ngày 03/08/2017.
53. Chính phủ (2018), *Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 về phát triển ngành nghề nông thôn, http://thuvienphapluat.vn*, truy cập ngày 06/05/2018.
54. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, *http://www.dangcongsan.vn*, truy cập ngày 20/10/2016
55. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2001), *Luật di sản văn hoá và văn bản hướng dẫn thi hành, http://thuvienphapluat.vn*, truy cập ngày 06/12/2016.
56. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2009), *Luật di sản văn hoá năm 2001* được sửa đổi bổ sung năm 2009, *http://thuvienphapluat.vn*, truy cập ngày 06/05/2017.
57. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Luật Tổ chức Chính phủ của Quốc hội số 76/2015/QH13 ngày 19/6/2015, http://thuvienphapluat.vn*, truy cập ngày 29/06/2018.
58. UNESCO (1972) *Công ước về bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới*, *http://www.un.org.vn*, truy cập ngày 29/06/2017.
59. UNESCO (2003), *Công ước bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể*, *http://www.un.org.vn*, truy cập ngày 29/06/2017.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG

PHẠM THỊ DUYÊN

BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ LÀNG NGHỀ CHẾ TÁC ĐÁ MỸ NGHỆ NINH VÂN, HUYỆN HOA LƯ, TỈNH NINH BÌNH

PHỤ LỤC LUẬN VĂN THẠC SĨ

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Danh mục một số văn bản có liên quan đến hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân….. 126
Phụ lục 2: Danh sách phỏng vấn ……. 145
Phụ lục 3: Danh sách làng nghề, ban quản lý làng nghề, nghệ nhân, doanh nghiệp, hộ nghề tiêu biểu ở xã Ninh Vân…… 147
Phụ lục 4: Bản đồ, quy hoạch làng nghề đá mỹ nghệ xã Ninh Vân 156
Phụ lục 5: Một số hình ảnh cơ sở hạ tầng làng nghề…… 157
Phụ lục 6: Ảnh một số kỹ thuật chạm khắc đá Ninh Vân …….. 158
Phụ lục 7: Ảnh về hoạt động quản lý, đào tạo, nghiên cứu, tuyên truyền, bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề Ninh Vân… 160
Phụ lục 8: Ảnh về di tích cổ truyền đã được xếp hạng và một số công trình đá mỹ nghệ ở làng nghề Ninh Vân …….. 165
Phụ lục 9: Ảnh về nhà ở cổ truyền xã Ninh Vân ……. 169
Phụ lục 10: Ảnh về đạo sắc phong, lễ hội liên quan đến nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân……. …… 171
Phụ lục 11: Ảnh về di sản, công trình đá mỹ nghệ tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Ninh Bình …… 173
Phụ lục 12: Ảnh về một số công cụ, phương tiện hỗ trợ chế tác đá tại làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân hiện nay …….. 176
Phụ lục 13: Ảnh quy trình khai thác nguyên liệu đá Ninh Vân……. 179
Phụ lục 14: Ảnh về quy trình chạm khắc phù điêu, đồ thờ, vật dụng sinh hoạt, kiến trúc nhà ở …….…….. 180
Phụ lục 15: Ảnh về quy trình điêu khắc tượng thờ, con giống tại các làng nghề đá mỹ nghệ ở xã Ninh Vân…….. 184
Phụ lục 16: Ảnh về quy trình điêu khắc công trình quảng trường, khóm kiến trúc ở Ninh Vân …… 186
Phụ lục 17: Ảnh về nhóm sản phẩm đá mỹ nghệ phục vụ đời sống 189
Phụ lục 18: Ảnh về một số mẫu mã sản phẩm kiến trúc……. 192
Phụ lục 19: Ảnh về nhóm sản phẩm đá mỹ nghệ phục vụ tâm linh….. 196
Phụ lục 20: Ảnh về nhóm sản phẩm tượng linh vật, tượng con giống, tượng thờ, tượng nghệ thuật, tượng đài …… 201
Phụ lục 21: Danh mục bài viết liên quan đến nội dung đề tài của tác giả trên tạp chí..……...… 205

Phụ lục 1

DANH MỤC MỘT SỐ VĂN BẢN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ LÀNG NGHỀ CHẾ TÁC ĐÁ MỸ NGHỆ XÃ NINH VÂN

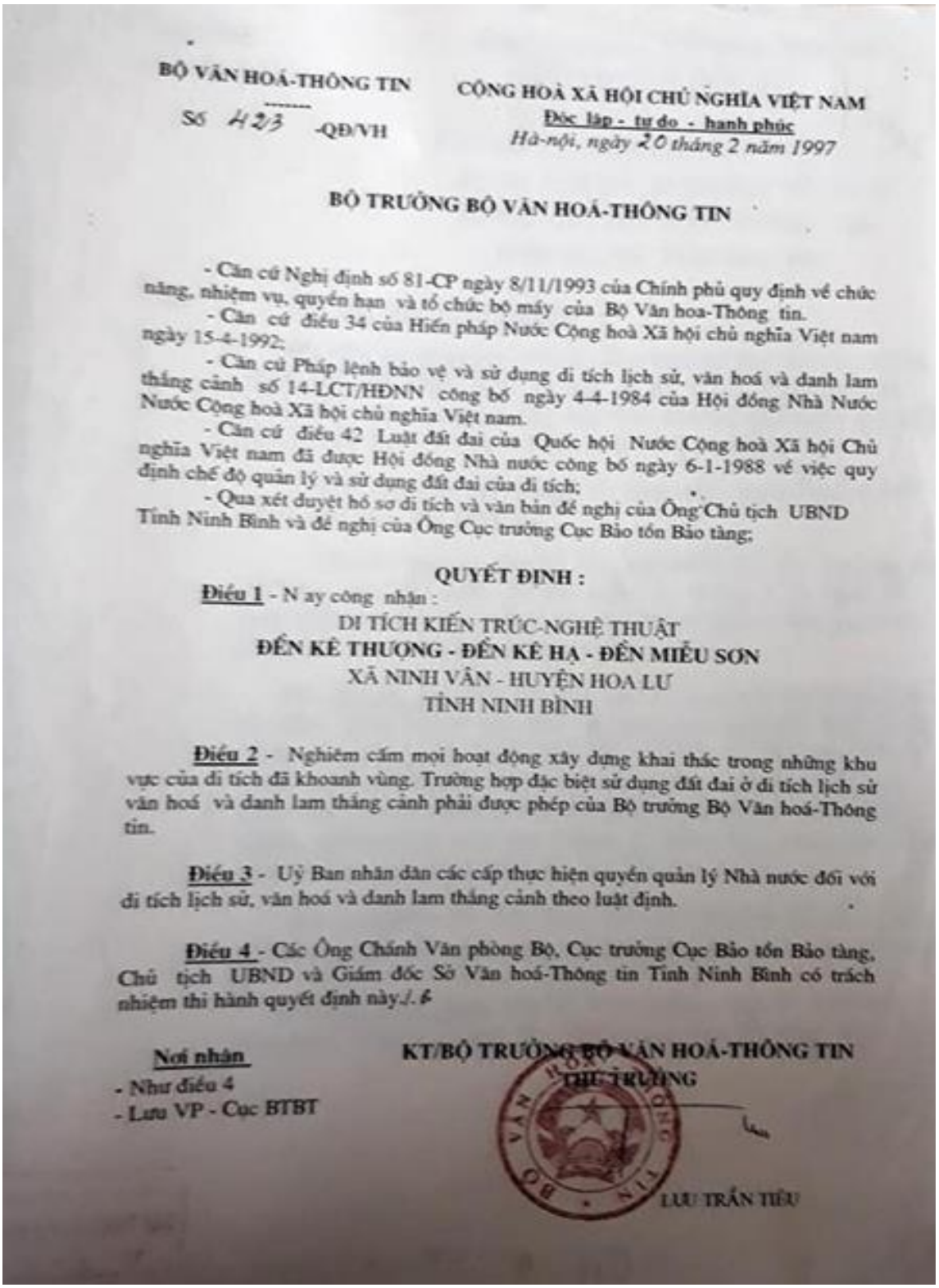

BỘ VĂN HOÁ-THÔNG TIN

Số 423 -QĐ/VH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - tự do - hạnh phúc

Hà-nội, ngày 20 tháng 2 năm 1997

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HOÁ-THÔNG TIN

- Căn cứ Nghị định số 81-CP ngày 8/11/1993 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Văn hoa-Thông tin.
- Căn cứ điều 34 của Hiến pháp Nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt nam ngày 15-4-1992;
- Căn cứ Pháp lệnh bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh số 14-LCT/HĐNN công bố ngày 4-4-1984 của Hội đồng Nhà Nước Nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt nam.
- Căn cứ điều 42 Luật đất đai của Quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt nam đã được Hội đồng Nhà nước công bố ngày 6-1-1988 về việc quy định chế độ quản lý và sử dụng đất đai của di tích;
- Qua xét duyệt hồ sơ di tích và văn bản đề nghị của Ông Chủ tịch UBND Tỉnh Ninh Bình và đề nghị của Ông Cục trưởng Cục Bảo tồn Bảo tàng;

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1 - Nay công nhận :

DI TÍCH KIẾN TRÚC-NGHỆ THUẬT

ĐỀN KẺ THƯỢNG - ĐỀN KẺ HẠ - ĐỀN MIẾU SƠN

XÃ NINH VÂN - HUYỆN HOA LƯ

TỈNH NINH BÌNH

Điều 2 - Nghiêm cấm mọi hoạt động xây dựng khai thác trong những khu vực của di tích đã khoanh vùng. Trường hợp đặc biệt sử dụng đất đai ở di tích lịch sử văn hoá và danh lam thắng cảnh phải được phép của Bộ trưởng Bộ Văn hoá-Thông tin.

Điều 3 - Uỷ Ban nhân dân các cấp thực hiện quyền quản lý Nhà nước đối với di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh theo luật định.

Điều 4 - Các Ông Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Bảo tồn Bảo tàng, Chủ tịch UBND và Giám đốc Sở Văn hoá-Thông tin Tỉnh Ninh Bình có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận
- Như điều 4
- Lưu VP - Cục BTBT

KT/BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HOÁ-THÔNG TIN
THỨ TRƯỞNG

LƯU TRẦN TIÊU

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 353/QĐ-UBND	*Ninh Bình, ngày 29 tháng 7 năm 2011*

SỞ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH NINH BÌNH
ĐẾN Số: 2004
Ngày: 1/8/2011
Chuyển:

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xếp hạng di tích lịch sử, văn hóa cấp tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003 ;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 93/TTr-SVHTT&DL ngày 21/7/2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xếp hạng **Di tích Nhà thờ Lan Quận công Phạm Quỳnh**, thôn Vũ Xá, xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình là Di tích lịch sử, văn hóa cấp tỉnh.

Điều 2. Ủy ban nhân dân huyện Hoa Lư, Ủy ban nhân dân xã Ninh Vân thực hiện quản lý Nhà nước đối với di tích được xếp hạng theo Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009 và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hoa Lư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Ninh Vân và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Lưu VT, VP6, VP4, VP5.
A40.

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Bùi Văn Thắng

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 554 /QĐ-UBND	*Ninh Bình, ngày 21 tháng 12 năm 2012*

SỞ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH NINH BÌNH
ĐẾN Số: 4341
Ngày: 24/12/2012
Chuyển:

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xếp hạng di tích lịch sử, văn hóa cấp tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 200/TTr-SVHTTDL ngày 13/12/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xếp hạng **Di tích Đền Thượng Xuân Vũ,** xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư là Di tích lịch sử, văn hóa cấp tỉnh.

Điều 2. Ủy ban nhân dân huyện Hoa Lư, Ủy ban nhân dân xã Ninh Vân thực hiện quản lý Nhà nước đối với di tích được xếp hạng theo Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009 và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hoa Lư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Ninh Vân và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như điều 4; - Lưu VT, VP6, VP4, VP5. KH/41	**CHỦ TỊCH** ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH **Bùi Văn Thắng**

UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ NINH VÂN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số 63 / TTr – UBND	

Ninh Vân, ngày 30 tháng 11 năm 2011

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị xếp hạng di tích lịch sử văn hoá đền Mẫu (Trung Sơn) thôn Xuân Thành xã Ninh Vân huyện Hoa Lư tỉnh Ninh Bình.

Kính Gửi: **- UBND tỉnh Ninh Bình**

- Sở Văn hoá thể thao tỉnh Ninh Bình

- UBND huyện Hoa Lư

- Phòng Văn Hoá thông tin huyện Hoa Lư

Đền Mẫu (Trung Sơn) toạ lạc trên thôn Xuân Thành

Khu đền Mẫu (Trung Sơn) là nơi thờ phụng Nguyệt Nga công chúa có công với dân với nước. Khu đền Mẫu (Trung Sơn) còn giữ được một số hiện vật quý như: 1 ngai hậu bành bằng chất liệu đá, 3 pho tượng gỗ, 6 bát nhang đá….

UBND xã Ninh Vân xét thấy Đền Mẫu (Trung Sơn) thuộc thôn Xuân Thành xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình đủ điều kiện được công nhận là di tích lịch sử văn hoá.

Căn cứ vào đơn đề nghị xếp hạng di tích lịch sử văn hoá của thôn Xuân Thành, xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

UBND xã Ninh Vân lập tờ trình kính đề nghị quý cơ quan xem xét tạo điều kiện để đền Mẫu (Trung Sơn) thôn Xuân Thành được công nhận là di tích lịch sử văn hoá./.

Nơi nhận - Như kính gửi - Lưu Vp	**TM.UỶ BAN NHÂN DÂN** **Chủ tịch** **Hoàng Trọng Hiếu**

UBND HUYỆN HOA LƯ
PHÒNG VĂN HÓA VÀ THÔNG TIN
Số: 80 /TTr - VH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Hoa lư, ngày 30 tháng 11 năm 2011

TỜ TRÌNH

V/v Đề nghị xếp hạng di tích lịch sử văn hóa Đền Mẫu (Trung Sơn) thôn Xuân Thành, xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

Kính gửi: UBND huyện Hoa Lư.

Ngày 26 tháng 11 năm 2011, Phòng Văn Hóa và Thông tin huyện Hoa Lư đã nhận được tờ trình số 63/TTr-UBND của UBND xã Ninh Vân về việc đề nghị xếp hạng di tích lịch sử văn hóa Đền Mẫu, xã Ninh Vân.

Đền Mẫu (Trung Sơn) là nơi thờ Nguyệt Nga công chúa, được xây dựng từ thế kỷ XVIII (1730).

Hiện nay tại Đền Mẫu (Trung Sơn) còn lưu giữ nhiều tư liệu lịch sử và hiện vật quý hiếm: Bát hương, sắc phong, mặt bàn đá, các chân cột đá...

Phòng Văn hóa và Thông tin huyện xét thấy Đền Mẫu (Trung Sơn) có đủ điều kiện xếp hạng di tích lịch sử văn hoá cấp tỉnh.

Nay Phòng Văn hóa và Thông tin kính trình UBND huyện xem xét trình UBND tỉnh Ninh Bình công nhận Đền Mẫu (Trung Sơn), xã Ninh Vân là di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh.

Nơi nhận:
--Như kính gửi;
- Lưu VH.

PHÒNG VĂN HÓA VÀ THÔNG TIN
TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG VĂN HOÁ VÀ THÔNG TIN

Hoàng Việt Nam

UỶ BAN NHÂN DÂN **HUYỆN HOA LƯ** Số: 156 / UBND-VH V/v đề nghị xếp hạng di tích lịch sử văn hoá Đền Mẫu (Trung Sơn), xã Ninh Vân	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *Hoa lư , ngày 5 tháng 12 năm 2011*

SỞ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH NINH BÌNH
ĐẾN Số: 2675
Ngày: 16/12/2011
Chuyển:

Kính gửi: - UBND tỉnh Ninh Bình;
- Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Ninh Bình.

UBND huyện Hoa Lư đã nhận được tờ trình số 80/TTr- VH ngày 30 tháng 11 năm 2011 của Phòng Văn hoá và Thông tin huyện Hoa Lư về việc xếp hạng di tích Đền Mẫu (Trung Sơn), xã Ninh Vân.

Sau khi xem xét tờ trình, hồ sơ, biên bản kiểm tra thực trạng di tích Đền Mẫu (Trung Sơn), xã Ninh Vân của Phòng Văn hoá và Thông tin huyện, UBND huyện Hoa Lư kính đề nghị UBND tỉnh Ninh Bình; Sở Văn hoá, Thể thạo và Du lịch tỉnh Ninh Bình xem xét lập hồ sơ xếp hạng di tích Đền Mẫu (Trung Sơn), xã Ninh Vân là di tích lịch sử văn hoá cấp tỉnh.

Đền Mẫu (Trung Sơn), xã Ninh Vân được xếp hạng góp phần làm tốt công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị văn hoá lịch sử trong Quần thể di tích lịch sử văn hoá Tam thôn: Thượng Kê Từ; Hạ Kê Từ; Miễu Sơn, là một trong những điểm tham quan hấp dẫn đối với du khách tham quan du lịch đến với Làng nghề đá thủ công mỹ nghệ xã Ninh Vân nói riêng và du lịch Hoa Lư nói chung.

Nơi nhận: - Như kính gửi; - Lưu VT.	**TM. UỶ BAN NHÂN DÂN** **KT. CHỦ TỊCH** **PHÓ CHỦ TỊCH** **Mai Khanh**

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 563 /QĐ-UBND	*Ninh Bình, ngày 20 tháng 12 năm 2013*

SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH NINH BÌNH
ĐẾN Số: 5879
Ngày: 24/12/2013
Chuyển:

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xếp hạng di tích lịch sử, văn hóa cấp tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 123/TTr-SVHTTDL ngày 17/12/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xếp hạng **Di tích Đền Trung Xuân Vũ,** xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư là Di tích lịch sử, văn hóa cấp tỉnh.

Điều 2. Ủy ban nhân dân huyện Hoa Lư, Ủy ban nhân dân xã Ninh Vân thực hiện quản lý Nhà nước đối với di tích được xếp hạng theo Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009 và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hoa Lư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Ninh Vân và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Lưu VT, VP6, VP4, VP5.
KH/

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Thắng

UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ Ninh Vân --- Số 11/ QĐ-UB	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập- Tự do- Hạnh phúc --- Ninh Vân ngày 23 tháng 10 năm 1996

QUYẾT ĐỊNH

V/ Việc quản lý tài nguyên hàng đá mỹ nghệ
trên địa bàn xã Ninh Vân

-Căn cứ luật tổ chức HĐND và UBND sửa đổi ngày 5/ 7 /1996

-Căn cứ luật ngân sách Nhà nước đã được Quốc hội thông qua, khoá IX kỳ họp thứ 9 ngày 20 /3 /1996.

-Căn cứ vào đề nghị của ngành quản lý tài chính và ngân sách xã.

UBND XÃ NINH VÂN QUYẾT ĐỊNH

Điều 1/ -Hàng mỹ nghệ được sản xuất tại địa phương do UBND xã trực tiếp quản lý.

Điều 2/ -Tất cả các hộ sản xuất kinh doanh hàng đá mỹ nghệ trên địa bàn xã Ninh Vân phải chấp hành nghiêm chỉnh luật thuế và luật ngân sách Nhà nước.

Điều 3/ -Quyết định này giao cho ngành tài chính, công an xã, các hộ sản xuất kinh doanh mặt hàng đá mỹ nghệ chịu trách nhiệm thi hành.

Điều 4/ -Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Thay mặt UBND xã Ninh Vân.
Chủ tịch
Đinh Quang Khoái

UBND XÃ NINH VÂN
LÀNG NGHỀ ĐÁ MỸ NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
LÀNG NGHỀ ĐÁ MỸ NGHỆ NINH VÂN

Để đạt mục tiêu xây dựng làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân là trung tâm sản xuất chế tác đảm bảo chất lượng kỹ, mỹ thuật, đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn lao động, an toàn giao thông. Đảm bảo sức khỏe và đời sống nhân dân, ổn định trật tự an ninh xã hội, gìn giữ tốt cống thoát nước, đường giao thông, cây xanh trong làng nghề.

Các hộ trong làng nghề đã tự nguyện và thống nhất thực hiện những quy chế sau:

CHƯƠNG I: Nếp sống văn hóa

Điều 1. Sản xuất chế tác đá mỹ nghệ là nghề truyền thống của quê hương Ninh Vân, phải được bảo tồn và phát huy có hiệu quả, nên các hộ có đất trong làng nghề phải có hộ khẩu thường trú tại xã Ninh Vân.

Điều 2. Trong năm 2011, các hộ có đất trong làng nghề hoàn chỉnh bến bãi và đưa lao động vào tổ chức sản xuất.

Nền xây nhà xưởng không được cao quá 9 m.

Điều 3. Trong quá trình sản xuất phải bảo đảm an toàn lao động, kết hợp chặt chẽ với đảm bảo môi trường cảnh quan thiên nhiên, đảm bảo sức khỏe người lao động, ổn định đời sống nhân dân, đảm bảo an toàn giao thông, an ninh trật tự trên địa bàn làng nghề.

CHƯƠNG II: Sản xuất kinh doanh

Điều 4. Các gia đình tự chủ trong kinh doanh khai thác nguồn hàng tiêu thụ sản phẩm kể cả đầu ra và đầu vào.

Điều 5. Sản phẩm phải đảm bảo chất lượng đủ tiêu chuẩn kỹ mỹ thuật.

Điều 6. Trong sản xuất kinh doanh phải nghiêm chỉnh thực hiện quy định của Nhà nước, tôn trọng người có chức trách, và người đang thi hành công vụ. Sản xuất kinh doanh, cạnh tranh lành mạnh văn minh, không tranh mua, tranh bán, lấy chữ tín làm đầu, phải có trách nhiệm với sản phẩm của mình, không làm mất uy tín chất lượng sản phẩm chung của làng nghề.

Điều 7. Chỉ sản xuất, trưng bày sản phẩm ở phần đất mà nhà nước đã giao quyền sử dụng.

- Không lấn chiếm lòng, lề đường, mương thoát nước của tập thể để sản xuất và bày hàng của mình.

- nghiêm cấm các loại phương tiện vận chuyển phôi đá, dốc ben từ thùng xe xuống lòng, lề đường, làm ảnh hưởng đến nhà cửa và các công trình kiến trúc của tập thể và nhân dân.

- Các doanh nghiệp, các hộ, cá nhân vi phạm quy định trên đều bị sử lý theo quy định của pháp luật và bồi thường thiệt hại do mình gây ra.

CHƯƠNG III: Quyền lợi và nghĩa vụ

Điều 8. Các doanh nghiệp, hộ gia đình được bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp theo quy định của pháp luật. Được chuyển nhượng quyền sử dụng đất của mình theo quy định của pháp luật và theo quy chế của làng nghề. Khi đã chuyển nhượng xong báo cho Ban quản lý làng nghề biết để vào sổ thay đổi chủ.

Điều 9. Các hộ có nghĩa vụ đăng ký lao động, đăng ký người trông coi bảo vệ với ban quản lý làng nghề.

Điều 10. Khi giao hàng, nhận hàng từ 19 giờ phải báo cáo với tổ bảo vệ của làng nghề, mọi xích mích trong sinh hoạt, trong sản xuất, trong kinh doanh khẩn trương báo cho Ban quản lý được biết và giải quyết kịp thời.

- Mọi gia đình có trách nhiệm đóng góp vật chất, tinh thần để xây dựng tổ bảo vệ hoạt động có hiệu quả.

Điều 11. Mọi thành viên, từ người thợ đến chủ các hộ thực hiện tốt mọi quy định của làng nghề, xứng đáng là trung tâm mẫu mực của làng đá mỹ nghệ Ninh Vân. Đảm bảo chất lượng hàng hóa, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường, cảnh quan của làng nghề.

Mọi thành viên trong làng nghề có trách nhiệm bảo quản và tôn vinh hàng đá mỹ nghệ. Thực hiện đầy đủ các biện pháp an toàn lao động, an toàn cho khách tham quan du lịch, gìn giữ, tu bổ tài sản chung của làng nghề.

CHƯƠNG IV: Những quy định chung

Ban quản lý làng nghề có trách nhiệm thông báo những quy định đã được hội nghị nhân dân làng nghề thông qua, mọi thành viên trong làng nghề sản xuất và kinh doanh thực hiện đúng quy định.

Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, yêu cầu kịp thời phản ánh với Ban quản lý để có chỉnh sửa vào hội nghị lần sau.

Quy ước này đã được hội nghị nhân dân làng nghề thông qua ngày 19/8/2011.

Phê duyệt của UBND xã	*Ninh Vân, ngày 22 tháng 8 năm 2011*
Phó chủ tịch	**Trưởng ban**
Lã Huy Vượng	**Nguyễn Quang Diệu**

UBND XÃ NINH VÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /CV - UBND

Ninh Vân, ngày 12 tháng 10 năm 2015

Kính gửi: Sở Công thương tỉnh Ninh Bình

Ngày 23 tháng 9 năm 2015 UBND xã Ninh Vân nhận được Công văn số 1130 SCT - QLCN về việc đề nghị tham gia đóng góp ý kiến vào Dự thảo Kế hoạch khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống trong vùng Di sản để tạo ra các sản phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ làm quà tặng, lưu niệm cho khách du lịch.

Qua nghiên cứu và xem xét dự thảo Ủy ban nhân dân xã Ninh Vân nhất trí với Các nội dung như trong dự thảo kế hoạch khôi phục và phát triển làng nghề truyền thống trong vùng di sản để tạo ra các sản phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ làm quà tặng, lưu niệm cho khách du lịch.

TM. UBND XÃ NINH VÂN
PHÓ CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Vũ Ngọc Tuyên

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH VÂN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số /BC-UBND	*Ninh vân, ngày 17 tháng 10 năm 2015*

BÁO CÁO
Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tại làng nghề Ninh vân

I. Đặc điểm tình hình.

Xã Ninh Vân nằm ở phía nam của huyện Hoa Lư, tiếp giáp với các xã Ninh Thắng, Ninh Hải, Ninh An huyện Hoa Lư, xã Yên Bình, phường Tân Bình thị xã Tam Điệp và xã Mai Sơn huyện Yên Mô. Xã có diện tích tự nhiên 1.264,14 ha. Dân số 12.024 người, có 2.954 hộ được chia làm 13 thôn xóm. Trên địa bàn xã hiện nay ngoài phát triển nông nghiệp còn phát triển các nghề phi nông nghiệp chế tác đá mỹ nghệ, sản xuất đá vật liệu xây dựng, thêu ren…. Trong đó nghề chạm khắc đá mỹ nghệ phát triển nhất, đến nay đã có 11 làng được UBND tỉnh công nhận danh hiệu làng nghề.

II. Thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh đá mỹ nghệ.

1. Hoạt động sản xuất kinh doanh của các làng nghề.

Nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân có từ lâu đời, sản phẩm chủ yếu ở trong các đình đền nơi thờ tự và có phần mai một dần, kể từ sau khi tách Tỉnh năm 1992 nghề đá mỹ nghệ được phát triển mạnh mẽ và đa dạng. Trước khi tách Tỉnh nghề đá mỹ nghệ trong cơ chế kinh tế kế hoạch có 01 HTX chuyên làm đá mỹ nghệ, song sản phẩm rất nghèo nàn chủ yếu là đá lăn trục lúa, cối giã cua, giã gạo, tảng kê cột, cối xay bột, xay ngô vv…..Các sản phẩm tinh xảo và đa dạng là không có và cũng chỉ bó hẹp quanh phạm vi trong Tỉnh và Huyện. Ngày nay trong cơ chế kinh tế thị trường các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất, các hộ gia đình tham gia làm nghề chế tác đá mỹ nghệ với quy mô khá lớn cả về đầu tư trang thiết bị và vốn. Sản phẩm đá mỹ nghệ của xã Ninh Vân đã có mặt khắp các vùng miền đất nước Việt Nam ngoài ra còn có mặt ở một số nước trên thế giới như: Lào, CamPuChia, Mỹ và Đông Âu …một số sản phẩm trong nước có các công trình, cụm công trình tiêu biểu như: Tượng đài Bác Hồ ở Nghệ An, Cụm tượng đài và phù điêu Bác Hồ với các dân tộc Tây Nguyên ở Gia Lai, Bác Hò với dân tộc Việt Bắc ở Tuyên Quang; Các tượng đài anh hùng dân tộc như Trần Quốc Tuấn ở Chí Linh Hải Dương ở đảo song tử Tây Trường Sa, Lê Lơi ở Thanh Hóa, Nguyễn Đức Cảnh ở Thái Bình; Các anh hùng dân tộc ở Lào, quân tình nghuyện Căm pu chia; mẹ VNAH ở Thủ Đức; 500 vị la hán ở Bái Đính và mới đây nhất là tượng tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh vừa được khánh thành nhân 100 năm ngày sinh của Đ/C…vv

Nghề chế tác đá mỹ nghệ phát triển là do đã có nghề truyền thống từ xa xưa, lao động là người địa phương, nghề phát triển bằng con đường cha truyền con nối và trong

thời gian qua xã đã liên kết với trường Cao đẳng nghề Nam Định để đào tạo nghề cho nhân dân. Nguyên vật liệu chế tác hoàn toàn bằng đá từ nguồn nguyên liệu sẵn có tại địa phương, đồng thời theo nhu cầu của khách hàng các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất thu mua đá ở các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Đà Nẵng…

Hiện nay đã có 13/13 thôn nhân dân đều tham gia sản xuất chế tác đá mỹ nghệ, số người trong độ tuổi lao động 5.387 người, trong đó: Lao động nông nghiệp là 25%. Số lao động có việc làm thường xuyên trên 5.000 người. Có trên 80 Doanh nghiệp, trong đó Doanh nghiệp chế tác đá mỹ nghệ là 51 doanh nghiệp, có khoảng trên 1500 hộ và 3.300 lao động đá mỹ nghệ thường xuyên. Thu nhập về nghề đá mỹ nghệ chiếm tới 68% tổng giá trị thu nhập toàn xã, năm 2014 đạt giá trị là 165 tỷ 200 triệu đồng, 6 tháng đầu năm 2015 ước đạt 90 tỷ 500 triệu đồng, giá trị ngày công nếu là lao động phổ thông từ 200.000đ đến 300.000đ/công, lao động kỹ thuật có tay nghề cao cũng khoảng từ 500.000đ đến 700.000đ/công, đời sống của các hộ sản xuất đá mỹ nghệ nâng cao, hầu hết các gia đình làm nghề đều có kinh tế khá và giàu trở lên.

2. Tình hình sử dụng đất tại cụm công nghiệp đá mỹ nghệ Ninh Vân:

UBND tỉnh Ninh Bình quy hoạch và thành lập cụm công nghiệp đá mỹ nghệ Ninh Vân với quy mô 30,64 ha (theo Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 27/8/2015), trong đó UBND huyện Hoa Lư đã tiến hành đầu tư xây dựng CSHT giai đoạn I đã hoàn thành năm 2009 có diện tích là 11,6 ha, đã thu hút 22 Doanh nghiệp và 51 hộ gia đình hoạt động thường xuyên với hơn 300 lao động, mặt bằng làng nghề đã được phủ kín, tuy nhiên giai đoạn I làng nghề với 11,6 ha mới đáp ứng cho khoảng 50% các Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đá mỹ nghệ, ngoài ra còn khoảng 50% các Doanh nghiệp, cơ sở còn đang sản xuất đá mỹ nghệ ở trong khu dân cư, ven đường giao thông. Căn cứ nhu cầu cần bến bãi của một số cơ sở, hộ gia đình UBND xã đã báo cáo và được UBND huyện cho phép giải quyết thuê thầu tạm thời để san lấp mặt bằng điểm trưng bày giới thiệu sản phẩm của làng nghề, ngoài ra UBND xã còn tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, hộ gia đình thuê đất ở ven chân núi, đất 5% để làm bến bãi sản xuất đá mỹ nghệ. Nên việc xây dựng cụm công nghiệp đá mỹ nghệ Ninh Vân giai đoạn II là hết sức cần thiết để di rời cơ sở sản xuất trong khu dân cư gây ô nhiễm môi trường.

3. Những kiến nghị, đề xuất:

Để hoàn thiện tiêu chí về môi trường trong xây dựng nông thôn mới của xã. UBND xã đề xuất quy hoạch chi tiết, xây dựng CSHT cụm công nghiệp đá mỹ nghệ Ninh Vân giai đoạn II.

- Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đổi mới sản xuất còn chậm, phổ biến là sản xuất nhỏ phân tán, kết cấu hạ tầng kinh tế còn chậm chưa theo kịp với phát triển của sản xuất. Đặc biệt là môi trường ngày càng ô nhiễm nghiêm trọng, do thiếu bến bãi sản xuất người dân đã dùng sân nhà, vườn cây, lấn chiếm hành lang ATGT để làm bến bãi để sản

xuất gây ra khói bụi, tiếng ồn ảnh hưởng đến sức khỏe và đời sống nhân dân đây là vấn đề khó khăn, bức súc nhất hiện nay mà nhiều người dân địa phương quan tâm.

- Việc xây dựng cụm công nghiệp đá mỹ nghệ Ninh Vân giai đoạn I còn lúng túng trong quy hoạch chi tiết, diện tích mặt bằng cho một lô đất là quá lớn (diện tích mỗi lô từ 950-1300 m^2) chưa phù hợp với quy mô sản xuất kinh doanh của đa số các tổ chức và cá nhân làm nghề đá tại địa phương, do vậy chỉ nên quy hoạch bình quân 300m^2/ lô là phù hợp; bên cạnh đó, phương án đấu giá quyền sử dụng đất có thời hạn 50 năm để sản xuất chế tác đá mỹ nghệ cũng chưa phù hợp, nhiều hộ muốn di chuyển sản xuất ra làng nghề thì không đủ tiền để đấu giá đất, ngược lại hộ có điều kiện về tài chính thì đấu vài ba lô để tích tụ đất đai không đầu tư vào sản xuất gây khó khăn cho việc đưa lao động vào làng nghề, hiện tại còn một số hộ chưa đầu tư san lấp hết mặt bằng, việc sản xuất còn tận dụng lòng lề đường cản trở giao thông, trồng cây xanh chưa nhiều, các hộ gia đình chưa quan tâm nhiều đến xử lý ô nhiễm môi trường bụi đá do sản xuất gây ra.

- Việc đầu tư điện, xây dựng công trình cấp nước vào sản xuất của cụm công nghiệp chưa đồng bộ đã ảnh hưởng đến việc di chuyển sản xuất của các hộ và DN ra cụm công nghiệp.

- Do khó khăn về vốn để đầu tư xây dựng các hạng mục công trình hạ tầng của cụm công nghiệp đá mỹ nghệ Ninh Vân như: Trụ sở, khu thương mại trưng bầy giới thiệu sản phẩm, trạm cấp nước sản xuất và sinh hoạt, bãi đỗ xe cho khách hàng và khách thăm quan du lịch, khu trồng cây xanh.v.v… nên việc gắn phát triển sản xuất của làng nghề với du lịch còn gặp nhiều khó khăn.

Dự kiến quy hoạch mỗi lô đất là 300 m^2/lô, vừa phù hợp với quy mô sản xuất, vừa phù hợp với túi tiền của 01 cơ sở sản xuất, vừa di chuyển được nhiều hộ ra sản xuất tập trung tại cụm công nghiệp.

Trên đây là báo cáo một số nét cơ bản về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, của đá mỹ nghệ xã Ninh Vân huyện Hoa Lư. UBND xã trân trọng Báo cáo./.

Nơi nhận:
- TT Huyện ủy; UBND Huyện;
- Lưu: VP UBND.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Chủ Tịch

Đỗ Khắc Khoát

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 53 /KH-UBND	*Ninh Bình, ngày 08 tháng 10 năm 2012*

SỞ CÔNG THƯƠNG NINH BÌNH
SỐ ĐẾN: 1398
Ngày 9/10/12

KẾ HOẠCH

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 9/8/2006 về đẩy mạnh phát triển trồng, chế biến cói thêu ren và chế tác đá mỹ nghệ đến năm 2015

Thực hiện Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ tại Thông báo số 518-TB/TU ngày 19/4/2012 về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 9/8/2006 về đẩy mạnh phát triển trồng, chế biến cói thêu ren và chế tác đá mỹ nghệ, UBND tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

- Tiếp tục bảo tồn và phát triển các nghề, làng nghề truyền thống chế biến cói, thêu ren, chế tác đá mỹ nghệ đã được UBND tỉnh công nhận (hiện có 42 làng), đồng thời gắn với việc giảm thiểu ô nhiễm môi trường ở các làng nghề sản xuất thủ công mỹ nghệ (mây tre đan, cói, thêu ren, chế tác đá, mộc, gốm sứ...).

- Phát triển các làng thuần nông thành làng có nghề, làng có nghề thành làng nghề, nhất là làng nghề gắn với du lịch, thu hút và tạo nhiều việc làm cho lao động nông thôn. Phấn đấu đến năm 2015 giá trị xuất khẩu đạt trên 12 triệu USD, tăng thu nhập từ các hoạt động phi nông nghiệp gấp 2 đến 4 lần so với sản xuất nông nghiệp.

- Hoàn thiện cơ sở hạ tầng vùng chế biến cói, thêu ren và chế tác đá mỹ nghệ: Cụm công nghiệp Đồng Hướng, làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân và làng nghề thêu Văn Lâm.

- Quy hoạch và xây dựng trung tâm giới thiệu và bán hàng thủ công mỹ nghệ tại các làng nghề và khu du lịch tạo điều kiện cho các sản phẩm thủ công mỹ nghệ thành các sản phẩm phục vụ du lịch.

II. Nội dung và giải pháp

1. Công tác tuyên truyền:

Các ngành, các cấp căn cứ chức năng nhiệm vụ của ngành, của địa phương tổ chức tuyên truyền các cơ chế chính sách ưu đãi, khuyến khích của nhà nước, của tỉnh về phát triển nghề, làng nghề; hỗ trợ và vận động các cơ sở sản xuất, hộ gia đình duy trì, phát triển sản xuất nghề thủ công mỹ nghệ theo định hướng sản xuất hàng hoá phục vụ xuất khẩu, du lịch và gắn với bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới; tuyên truyền các chính sách động viên, khuyến khích các nghệ nhân, hộ nghề trực tiếp truyền nghề, dạy nghề nhằm bảo tồn, duy trì và phát triển nghề truyền thống của địa phương.

2. Công tác quy hoạch:

Tập trung rà soát quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn gắn với quy hoạch xây dựng nông thôn mới ở các xã; chú trọng quy hoạch bảo tồn và phát triển làng nghề, vùng nghề gắn với quy hoạch phát triển vùng nguyên liệu (đá mỹ nghệ, trồng cói..). Thời gian hoàn thành xong trước tháng 12/2013

Xây dựng Quy hoạch phát triển nghề, làng nghề kết hợp với phục vụ du lịch đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 theo hướng du lịch kết hợp thăm quan làng nghề. Thời gian hoàn thành trong quý I/2013.

3. Đầu tư cơ sở hạ tầng các làng nghề, cụm công nghiệp:

a) Làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân giai đoạn II

- Bố trí nguồn kinh phí, tập trung đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân giai đoạn II, hoàn thành trước quý III năm 2014.

- Tổ chức phân định ranh giới, cắm mốc tại thực địa đối với vùng nguyên liệu đá Ninh Vân để giảm thiểu tác động đến quy hoạch khu du lịch Tràng An. Thời gian hoàn thành trước tháng 6/2013.

b) Xây dựng làng nghề thêu ren Văn Lâm, xã Ninh Hải

Bố trí nguồn kinh phí, triển khai xây dựng hạ tầng kỹ thuật Làng nghề thêu Văn Lâm; trước mắt ưu tiên đầu tư hoàn thiện khu trưng bày, giới thiệu sản phẩm, bán hàng và đào tạo nghề thêu ren với quy mô từ 5 đến 7ha, đồng thời xây dựng cầu nối giữa Làng nghề đá Ninh Vân với làng nghề thêu Văn Lâm tạo điều kiện phát triển tuyến du lịch làng nghề. Thời gian hoàn thành trước tháng 6/2014.

c) Hoàn thiện cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp Đồng Hướng, vùng nguyên liệu cói:

- Xây dựng kế hoạch hoàn thiện các hạng mục công trình của Cụm công nghiệp Đồng Hướng, đảm bảo sớm đưa vào sử dụng, thời gian hoàn thành trước qúy IV/2014.

- Về quy hoạch vùng nguyên liệu cói: Tập trung khôi phục vùng nguyên liệu cói của Công ty Nông nghiệp Bình Minh và diện tích cói của các xã trên địa bàn huyện Kim Sơn, Yên Mô, phấn đấu đưa diện tích cói đến năm 2015 đạt 450ha, cụ thể:

+ Năm 2013 diện tích đạt 150ha (trong đó trồng mới 60ha);

+ Năm 2014 diện tích đạt 300ha (trồng mới 150ha);

+ Năm 2015 diện tích đạt 450ha (trồng mới 150ha).

d) Xây dựng Trung tâm giới thiệu và bán hàng thủ công mỹ nghệ:

Triển khai xây dựng Trung tâm giới thiệu và bán hàng thủ công mỹ nghệ trên địa bàn huyện Hoa Lư, huyện Gia Viễn, huyện Kim Sơn để quảng bá, giới thiệu, bán sản phẩm thủ công mỹ nghệ tại các khu làng nghề, khu du lịch:

- Trung tâm giới thiệu và bán hàng thủ công mỹ nghệ tại khu Tam Cốc - Bích Động, cố đô Hoa Lư, thời gian thực hiện từ tháng 6/2013 đến tháng 12/2014.

- Trung tâm giới thiệu và bán hàng thủ công mỹ nghệ tại Khu du lịch Bái Đính, Vân Long, thời gian thực hiện 2014 - 2015.

- Trung tâm giới thiệu và bán hàng thủ công mỹ nghệ tại huyện Kim Sơn, thời gian thực hiện 2014 - 2015.

4. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

- Tiếp tục hỗ trợ kinh phí cho các cơ sở sản xuất có nhu cầu đào tạo phát triển nguồn nhân lực, mức hỗ trợ tối đa không quá 2 triệu đồng/người/khóa đào tạo. Kinh phí hỗ trợ được giao trực tiếp cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất để tổ chức thực hiện; tạo điều kiện cho các nghệ nhân tích cực tham gia công tác đào tạo nghề, truyền nghề.

- Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Lao động Thương binh và xã hội; Sở Công thương nâng cao hiệu quả sử dụng Quỹ khuyến công; Quỹ khuyến nông; Chương trình mục tiêu nâng cao năng lực đào tạo nghề; Đề án đào tạo nghề lao động nông thôn đến năm 2020 theo Quyết Định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ Tướng Chính Phủ, tập trung đào tạo nghề cho lao động thuộc các làng nghề cói, thêu, đá mỹ nghệ, bèo bồng, mộc gốm sứ.

5. Xây dựng, ban hành các chế độ, chính sách

Xây dựng, ban hành Chính sách về khuyến công theo quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 và các quy định hiện hành theo hướng tăng mức hỗ trợ cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Trong đó tập trung hỗ trợ cho các doanh nghiệp, làng nghề, HTX, hộ cá thể đầu tư mở rộng sản xuất, ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới; cải tiến mẫu mã, nâng cao chất lượng, thích ứng nhanh với nhu cầu thị trường xuất khẩu và thị hiếu của khách hàng, đảm bảo phù hợp với Đề án xây dựng nông thôn mới tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020 và các chính sách khác liên quan đến pháp triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp trong nông thôn.

6. Một số giải pháp khác

- Củng cố, kiện toàn tổ chức Hiệp hội nghề cói, các hội làng nghề nhằm nâng cao vai trò và hiệu quả hoạt động của các Hiệp hội, hội trong việc tạo lập các mô hình liên kết sản xuất giữa các doanh nghiệp và các hộ sản xuất.

- Đẩy mạnh vận động, khuyến khích, hỗ trợ các cơ sở sản xuất, nhất là các cơ sở gây ô nhiễm môi trường thực hiện việc di dời ra khỏi khu dân cư đến địa điểm quy hoạch phát triển, mở rộng sản xuất, bảo vệ môi trường. Từng bước gắn phát triển làng nghề với du lịch, kết hợp du lịch nghề ở nông thôn với du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp và các tuyến du lịch khác.

- Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và xử lý môi trường các làng nghề có vị trí gần khu du lịch (mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương tối đa là 60% tổng mức vốn đầu tư dự án - Thông tư số 113/2006/TT-BTC).

- Thực hiện tốt chính sách thu hút, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư phát triển ngành nghề nông thôn theo Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 4/6/2010 của Chính phủ.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ; ứng dụng công nghệ mới, công nghệ hiện đại vào sản xuất để cải tiến mẫu mã, nâng cao chất lượng, tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng, tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm. Huy động các nguồn vốn (vốn sự nghiệp khoa học, kinh phí khuyến công, xúc tiến thương mại...) để hỗ trợ các thành phần kinh tế.

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, ứng dụng thương mại điện tử, hỗ trợ các cơ sở, doanh nghiệp, làng nghề xây dựng hệ thống thông tin nhằm giới thiệu quảng bá sản phẩm làng nghề; xây dựng thương hiệu, sở hữu trí tuệ, trước mắt tăng nguồn hỗ trợ để thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng internet nhằm quảng bá thương hiệu các sản phẩm làng nghề.

- Thực hiện tốt chính sách ưu đãi về vay vốn, chính sách thuế, cho thuê đất đối với các doanh nghiệp, các HTX, các dự án đầu tư vào lĩnh vực sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề.

III. Tổ chức thực hiện

1. Sở Công Thương

- Là cơ quan thường trực có nhiệm vụ giúp UBND tỉnh theo dõi, tổng hợp, báo cáo đánh giá việc thực hiện Kế hoạch; Xây dựng kế hoạch và chủ trì tổ chức thẩm định trình UBND tỉnh công nhận danh hiệu làng nghề, nghệ nhân cấp tỉnh;

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành Chính sách về khuyến công theo quy định tại Nghị Định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 và các quy định hiện hành, thời gian trước ngày 15/11/2012.

- Tiếp tục đẩy mạnh hỗ trợ từ chương trình khuyến công, chương trình xúc tiến thương mại cho các sản phẩm thủ công mỹ nghệ của tỉnh trong việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất; quảng bá, mở rộng thị trường tiêu thụ, thiết kế cải tạo mẫu mã, đăng ký thương hiệu sản phẩm làng nghề.

2. Sở Tài chính tham mưu cho UBND tỉnh, cân đối ngân sách hàng năm, hướng dẫn sử dụng, thủ tục cấp phát, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ, đầu tư các dự án đã được phê duyệt, kiểm tra giám sát việc sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, đúng chế độ chính sách.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, hướng dẫn chủ đầu tư lập, thẩm định các dự án đảm bảo tiến độ và tiết kiệm kinh phí; tham mưu bố trí vốn kế hoạch hàng năm (phần hỗ trợ từ ngân sách tỉnh) để các chủ đầu tư thực hiện theo kế hoạch được duyệt. Đồng thời tham mưu giải pháp về thu hút và khuyến khích đầu tư.

4. Sở Nông nghiệp và PTNT trực tiếp chỉ đạo và theo dõi việc mở rộng diện tích cói hàng năm của tỉnh; phối hợp với các cơ quan chuyên môn nghiên cứu và hướng dẫn Công ty NN Bình Minh, các xã của huyện Kim Sơn tập huấn chuyển giao kỹ thuật trồng giống cói mới có năng suất cao; tổ chức rà soát Quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn, quy hoạch khu sản xuất tập trung của các xã theo đề án xây dựng nông thôn mới.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu tổ chức, khai thác hiệu quả các tuyến du lịch làng nghề, thông qua du lịch để quảng bá các sản phẩm hàng thủ công mỹ nghệ của tỉnh.

6. Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm hướng dẫn chỉ đạo và dành nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học hàng năm hỗ trợ cho việc nghiên cứu đổi mới công nghệ, cải tiến mẫu mã; áp dụng công nghệ tiên tiến để nâng cao năng suất lao động, chất lượng các sản phẩm thủ công mỹ nghệ của tỉnh.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố lập phương án sử dụng đất đảm bảo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt; hướng dẫn các địa phương, làng nghề thực hiện tốt các quy định của nhà nước về bảo vệ môi trường.

8. Sở Xây dựng tăng cường quản lý quy hoạch vùng nguyên liệu đá mỹ nghệ; hướng dẫn UBND huyện: Hoa Lư, Gia Viễn, Kim Sơn hoàn chỉnh quy hoạch xây dựng các Trung tâm giới thiệu và bán hàng thủ công mỹ nghệ, đảm bảo phù hợp với quy hoạch chung trên địa bàn.

9. Ngân hàng phát triển tỉnh, Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh và các Ngân hàng thương mại xây dựng kế hoạch, cơ chế cho vay đối với các doanh nghiệp sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ có nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Ưu tiên các cơ sở sản xuất được vay lãi suất thấp để khuyến khích phát triển sản xuất kinh doanh theo chủ trương của Nhà nước.

10. Sở Thông tin Truyền thông, Đài phát thanh và truyền hình, Báo Ninh Bình có trách nhiệm tuyên truyền và phổ biến để nhân dân biết và hưởng ứng thực hiện kế hoạch. Thường xuyên đưa tin tuyên truyền các mô hình sản xuất kinh doanh giỏi để các địa phương khác trong tỉnh tham khảo, học tập.

11. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Chịu trách nhiệm sử dụng có hiệu quả nguồn vốn từ ngân sách tỉnh, hàng năm bố trí thêm ngân sách địa phương để hỗ trợ thực hiện các dự án của các cơ sở sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ trên địa bàn. Tổ chức các lớp đào tạo nghề, huy động các cán bộ kỹ thuật có trình độ chuyên môn giúp các cơ sở sản xuất nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

- UBND huyện: Hoa Lư, Gia Viễn, Kim Sơn lập, hoàn chỉnh thủ tục pháp lý để triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng khu làng nghề, cụm công nghiệp, trung tâm giới thiệu và bán hàng thủ công mỹ nghệ trên địa bàn theo nội dung và tiến độ tại mục 3, phần II, Kế hoạch này.

Trên đây là Kế hoạch tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 09/8/2006 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh yêu cầu các ngành, các địa phương tập trung triển khai thực hiện tốt Kế hoạch. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, các đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Công thương để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các đơn vị được giao nhiệm vụ trong Kế hoạch
- Lưu VT, VP2, VP3, VP6.

KH.HB.NQ04

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đinh Văn Điến

Phụ lục 2

DANH SÁCH PHỎNG VẤN

Bảng 1:Danh sách những người phỏng vấn

1. Ông Lâm Xuân Phương, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Ninh Bình
2. Ông Nguyễn Cao Tấn, Phó Giám đốc Sở Văn hóa - Thể thao Ninh Bình
3. Chị Nguyễn Thị Thanh Tâm, Phó phòng Công nghiệp, Sở Công thương Ninh Bình
4. Ông Vũ Ngọc Tuyên - Phó Chủ tịch UBND xã Ninh Vân
5. Ông Nguyễn Quang Diệu- Trưởng Ban quản lý làng nghề Ninh Vân
6. Bà Phạm Thị Thanh, cán bộ phụ trách văn hóa, UBND xã Ninh Vân
7. Cụ Nguyễn Xuân Lương, 89 tuổi, thôn Hệ
8. Ông Đỗ Đức Ánh, Nghệ nhân thủ công đá mỹ nghệ, giám đốc Công ty TNHH MTV chế tác đá mỹ nghệ Đức Tín, thôn Xuân Phúc
9. Ông Lã Huy Tuyến, Nghệ nhân thủ công đá mỹ nghệ, chủ Doanh nghiệp tư nhân Hậu Tuyến, thôn Vũ Xá
10. Ông Lương Văn Quảng, Nghệ nhân thủ công đá mỹ nghệ, thôn Xuân Phúc
11. Ông Lương Thừa Vũ, Nghệ nhân thủ công đá mỹ nghệ, thôn Đồng Quan
12. Anh Đỗ Văn Luyện, Giám đốc Công ty TNHH đá mỹ nghệ Việt Tân Thành, tại Cụm công nghiệp chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân.
13. Nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Trò, nguyên Phó Giám đốc Ban Quản lý khu di tích Cố đô Hoa Lư.
14. Nhà nghiên cứu Nguyễn Quang Hải, Trưởng phòng Báo chí - Xuất bản, Sở Thông tin và Truyền Thông Ninh Bình.
15. Anh Lương Trịnh, hội viên chuyên ngành Mỹ thuật, Hội Văn học Nghệ thuật Ninh Bình.

Bảng 2: Câu hỏi phỏng vấn

1. Cán bộ quản lý sở ngành, UBND xã Ninh Vân, Ban quản lý làng nghề

   - Ông/ bà có thể cho biết công tác phối hợp đào tạo thợ thủ công cho làng nghề thời gian qua?

   - Ông/ bà có thể cho biết việc thực hiện chính sách khuyến công hỗ trợ phát triển làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân? Những khó khăn vướng mắc trong triển khai quy hoạch cụm công nghiệp chế tác đá xã Ninh Vân?

   - Ông/ bà có thể cho biết về tình hình phát triển của làng nghề trong thời gian qua? Những thuận lợi và khó khăn trong công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề Ninh Vân?

   - Ông/ bà có thể cho biết hoạt động tổ chức lễ hội và trùng tu, bảo quản di tích kiến trúc nghệ thuật và di sản bảo vật quốc gia ở Ninh Bình hiện nay?

2. Các cụ cao tuổi ở làng nghề, Nghệ nhân

   - Ông có thể cho biết về nguồn gốc hình thành và phát triển nghề chế tác đá mỹ nghệ nơi đây?

   - Ông có thể cho biết sản phẩm phổ biến của làng nghề, quy trình chế tác đá, kinh nghiệm chọn nguyên liệu và kỹ thuật chạm khắc đá mỹ nghệ?

   - Ông có thể cho biết phương thức truyền nghề của các nghệ nhân xưa?

3. Doanh nghiệp chế tác đá mỹ nghệ.

   - Anh có thể cho biết tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của cơ doanh nghiệp, phương thức đào tạo nghề cho người lao động?

   - Anh hãy kể cho chúng tôi được biết những tác phẩm tiêu biểu của anh trong thời gian qua, dự định của anh về cải tiến mẫu mã sản phẩm, quảng bá và tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm cho doanh nghiệp?

4. Nhà nghiên cứu, nhà điêu khắc

   - Anh có thể cho biết sự phát triển hoa văn trên sản phẩm đá mỹ nghệ?

   - Ông có thể cho biết hoạt động nghiên cứu, tư liệu hóa, bảo tồn giá trị làng nghề thời gian qua?

Phụ lục 3

DANH SÁCH LÀNG NGHỀ, BAN QUẢN LÝ, NGHỆ NHÂN, DOANH NGHIỆP, HỘ NGHỀ TIÊU BIỂU Ở XÃ NINH VÂN

Bảng 1: Danh sách làng nghề, làng nghề truyền thống đá mỹ nghệ trên địa bàn xã Ninh Vân đã được công nhận.

TT	Tên nghề, làng nghề	Quyết định công nhận
1	Nghề chế tác đá mỹ nghệ truyền thống xã Ninh Vân	QĐ số 1783/QĐ-UBND ngày 23/12/2016
2	Làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Xuân Phúc	QĐ số 11/QĐ-UBND ngày 02/01/2007
3	Làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Xuân Thành	
4	Làng nghề chế tác đá mỹ nghệ thôn Hệ	QĐ số 2305/QĐ-UBND ngày 22/12/2008.
5	Làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Đồng Quan	
6	Làng nghề chế tác đá mỹ nghệ thôn Thượng	
7	Làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Vũ Xá	QĐ số 703/QĐ-UBND ngày 13/9/2012
8	Làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Phú Lăng	
9	Làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Dưỡng Thượng	
10	Làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Dưỡng Hạ	
11	Làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Chấn Lữ	
12	Làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân (cụm công nghiệp chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân)	
13	Làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Tân Dưỡng 1	Làng mới có nghề
14	Làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Tân Dưỡng 2	
15	Làng nghề chế tác đá mỹ nghệ thôn Vạn Lê	

(Nguồn: Sở Công thương cung cấp năm 2018)

Bảng 2: Danh sách Ban Quản lý làng nghề đá mỹ nghệ xã Ninh Vân

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Chức danh
1	Nguyễn Quang Diệu	thôn Xuân Phúc	Trưởng Ban
2	Lương Văn Chương	thôn Tân Dưỡng 1	ủy viên
3	Nguyễn Vũ Khoan	thôn Tân Dưỡng 2	ủy viên
4	Nguyễn Văn Định	thôn Hệ	Phó Ban
5	Phạm Văn Hải	thôn Dưỡng Hạ	ủy viên
6	Nguyễn Thị Loan	thôn Dưỡng Thượng	ủy viên
7	Nguyễn Văn Thọ	thôn Thượng	ủy viên
8	Đỗ Văn Dương	thôn Trấn Lữ	ủy viên
9	Phạm Văn Lưỡng	thôn Vũ Xá	ủy viên
10	Ngô Sĩ Kế	thôn Đông Quan	ủy viên
11	Đỗ Khắc Từ	thôn Xuân Thành	Phó Ban
12	Vũ Văn Tính	thôn Phú Lăng	ủy viên
13	Lại Văn Công	thôn Vạn Lê	ủy viên

(Nguồn ông Nguyễn Quang Diệu, Trưởng Ban Quản lý làng nghề Ninh Vân)

Bảng 3: Danh sách nghệ nhân chạm khắc đá mỹ nghệ xã Ninh Vân

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh nghề	QĐ công nhậnnghệ nhân
1	Đỗ Khắc Thân	1980	Đá mỹ nghệ	Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 15/10/2013
2	Lương Văn Dương	1985	Đá mỹ nghệ	
3	Lương Thừa Vũ	1975	Đá mỹ nghệ	
4	Đỗ Đình Thủy	1986	Đá mỹ nghệ	
5	Nguyễn Hữu Binh	1954	Đá mỹ nghệ	
6	Vũ Huy Huấn	1971	Đá mỹ nghệ	
7	Lã Huy Tuyến	1972	Đá mỹ nghệ	
8	Lương Văn Quảng	1972	Đá mỹ nghệ	
9	Nguyễn Văn Khương	1964	Đá mỹ nghệ	Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 06/10/2014
10	Nguyễn Hữu Túc	1973	Đá mỹ nghệ	
11	Nguyễn Văn Nhượng	1973	Đá mỹ nghệ	
12	Đỗ Đức Tạo	1973	Đá mỹ nghệ	
13	Đỗ Đức Ánh	1976	Đá mỹ nghệ	
14	Lương Xuân Nghĩa	1969	Đá mỹ nghệ	Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 17/12/2015
15	Lương Văn Thảo	1970	Đá mỹ nghệ	
16	Lương Văn Chuyền	1966	Đá mỹ nghệ	
17	Đỗ Đức Hiền	1972	Đá mỹ nghệ	
18	Trần Văn Thiềng	1970	Đá mỹ nghệ	
19	Đỗ Khắc Thái	1960	Đá mỹ nghệ	
20	Đỗ Khắc Thư	1961	Đá mỹ nghệ	
21	Vũ Huy Sinh	1971	Đá mỹ nghệ	
22	Đỗ Đức Bình	1973	Đá mỹ nghệ	Quyết định số 648/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Ninh Bình
23	Lã Văn Toàn	1984	Đá mỹ nghệ	
24	Đỗ Đức Toàn	1971	Đá mỹ nghệ	
25	Nguyễn Duy Nam	1978	Đá mỹ nghệ	
26	Lương Hồng Văn	1973	Đá mỹ nghệ	
27	Trần Văn Minh	1972	Đá mỹ nghệ	Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của UBND tỉnh Ninh Bình
28	Bùi Văn Vĩnh	1982	Đá mỹ nghệ	
29	Bùi Quang Huy	1986	Đá mỹ nghệ	
30	Đỗ Đình Vượng	1964	Đá mỹ nghệ	
31	Lương Văn Cương	1968	Đá mỹ nghệ	

(Nguồn Sở Công thương cung cấp năm 2018)

Bảng 4: Danh sách doanh nghiệp chế tác ĐMN xã Ninh Vân năm 2016

STT	Giám đốc/ chủ cơ sở	Doanh nghiệp/ Cơ sở nghề	Địa chỉ	Nghệ nhân
1	Lương Văn Quang	Cty Hồng Quang	Xuân Thành	
2	Nguyễn Đức Chiến	DNTN Đức Chiến	Hệ	
3	Trần Quang Lượng	DNTN Hiển Vinh	Ninh An	
4	Lê Ngọc Quý	DN cơ khí Quý Thắng	Hệ	
5	Phạm Văn Hoàn (Nhi)	DNTN Hoàn Nhi	Xuân Phúc	
6	Lương Văn Bẩy	Xuân Phúc		
7	Đỗ Hữu Nghị	DNTN Hưng Phát	Chấn Lữ	
8	Phạm Đức Sỹ	DNTN Việt Vũ	Vũ Xá	
9	Bà Sơn	Cty TNHH Thành sơn	Hệ	
10	Nguyễn Đình Quý	DNTN ĐMN Minh quyền NB	Hệ	
11	Đỗ Thị Thanh	Xuân Thành		
12	Đỗ Đức Bình (Từ)	Cty TNHH An Khang	Xuân Thành	
13	Nguyễn Văn Trung	DNTN Đá Việt Trung	Tân Dưỡng 1	
14	Trần Văn Thắng	Cty TNHH Tâm Thành Thắng	Tân Dưỡng 1	
15	Cty TNHH Thụy Thành			
16	Đỗ Quang Bình (Bằng)	Cty TNHH Thái Bình	Xuân Thành	
17	Đỗ Khắc Bẩy	Xuân Phúc		
18	Nguyễn Văn Túc	Hệ		
19	Hoàng Quốc Việt	DNTN Đá mỹ nghệ XD Ninh Vân	Tân Dưỡng 1	
20	Nguyễn Quang Diệu	Xuân Phúc		
21	Nguyễn Đình Ước	Cty TNHH Đá Mỹ nghệ Thành Công	Hệ	
22	Đỗ Đình Vượng -Thịnh	Cơ sở đá mỹ nghệ	Xuân Phúc	
23	Lê Tiến Thanh	Cty TNHH Hoàn Hảo	Chấn Lữ	
24	Nguyễn Văn Bính	Cơ sở đá mỹ nghệ thôn Hệ		
25	Lương Văn Khánh	DNTN khánh Tín	Đồng Quan	
26	Phạm Ngọc Hiếu	Cơ sở đá mỹ nghệ Vũ Xá		
27	Lã Huy Khải	Cty TNHH Hoàng Sơn	Vũ xá	
28	Nguyễn Duy Ba	Cty TNHH Tiến Đạt	Xuân Thành	
29	Phạm Văn Hoàn (Phin)	DNTN Mạnh Hoàn	Làng nghề	
30	Phạm Văn Hoàn (mơ)	DNTN Hoàn Hảo	Xuân Thành	
31	Đinh Công Tuệ	Cơ sở đá mỹ nghệ Dưỡng Hạ		
32	Nguyễn Đình Vy	DNTN Trung Vy	Hệ	
33	DNTN Tuấn Thành	Phạm văn Thìn		
34	Nguyễn Đình Quý	DNTN Quyền Quý	Hệ	
35	Đỗ Đình Quảng (Từ)	Cơ sở Đá Xuân thành		
36	Trần Văn Minh (Hà)	Cơ Sở đá Đồng quan		
37	Đinh Tiến Tùng	Cơ Sở đá Phú Lăng		

38	Lương Văn Giang	Cty cổ phần Đá trường giang	Tân Dưỡng 2	
39	Nguyễn Trí Hoàn	Công Ty Tân Dưỡng 1		
40	Hoàng Văn Thắng	DNTN Hoàng Tuấn Huyền	Tân Dưỡng 2	
41	Phạm Ngọc Đức	Cơ sở đá mỹ nghệ Đức Anh	Vũ Xá	
42	Nguyễn Văn Thắng	DNTN Đức Chiến	Hệ	
43	Đỗ Văn Tố	DNTN XD Vận tải Minh Trang		
44	Lương Đình Lộc	Doanh nghiệp đá Chấn Lữ		
45	Phạm Xuân Toàn	DNTN Dương Toàn	Dưỡng Hạ	
46	Nguyễn Văn Khương	DNTN Hệ Dưỡng		NN
47	Nguyễn Hữu Binh	Cơ sở đá mỹ nghệ	Hệ	NN
48	Lã Huy Tuyến	DHTN Hậu Tuyến	Vũ Xá	NN
49	Trần Văn Thiềng	Cơ sở đá mỹ nghệ Xuân Phúc	Xuân Phúc	NN
50	Đỗ Đức Tạo	DNTN Lâm Tạo	Đồng Quan	NN
51	Lương Văn Thảo	Cơ sở đá mỹ nghệ Xuân Phúc		NN
52	Lương Văn Thủy	Cơ sở đá Xuân Phúc		NN
53	Vũ Huy Huấn	Cty TNHH ĐMN Minh Huấn	Xuân Thành	
54	Lương Văn Quảng	Cơ Sở đá Xuân Phúc		NN
55	Lương Văn Nghĩa	Cơ sơ đá Xuân Thành		NN
56	Đỗ Đức Ánh	Cty TNHH Đức Tín Xuân Phúc		NN
57	Lương Văn Dương	Cty TNHH MTV ĐMN Thiên Sơn		NN
58	Đỗ Khắc Thái	DNTN Thái Tuyết Xuân Phúc		NN
59	Đỗ Khắc Thư	Cty TNHH Ngọc Anh Xuân Phúc		NN
60	Đỗ Đức Hiền	DNTN Đức Hiền Xuân Phúc		NN
61	Lương Thừa Vũ	Cơ sở đá Đồng Quan		NN
62	Lương văn Chuyền	Cơ sở đá Xuân Phúc		NN
63	Vũ Huy Sinh	Cơ sở đá Xuân Thành		NN
64	Vũ Huy Huấn	Cơ khí Xuân Thành		
65	Lương Văn Lai	Thôn Xuân Phúc		
66	Đỗ Đức Dậu	Thôn Xuân Phúc		
67	Đào Văn Tuấn	Cơ sở đá Thôn Hệ		
68	Nguyễn Văn Biên	Cty TNHH kiến trúc và nội thất ANB	Thôn Hệ	

(Nguồn ông Nguyễn Quang Diệu,Trưởng Ban Quản lý làng nghề Ninh Vân)

Bảng 5: Danh sách các hộ nghề chế tác đá tiêu biểu năm 2016

STT	Họ và tên	Thôn	TT	Họ và tên	Thôn
1	Đỗ Đức Tạo	Xuân Phúc	151	Phạm Văn Đảo	//
2	Đỗ Đức Hiền	//	152	Lê Viết Ba	//
3	Đỗ Khắc Thái	//	153	Đỗ Văn Thế	//
4	Nguyễn Duy Nam	//	154	Ngô Văn Dương	//
5	Lương Văn Chiền	//	155	Đỗ Văn Cường	//
6	Lương Văn Dương	//	156	Văn Đình Toại	//
7	Lương Văn Thành	//	157	Văn Đình Tuệ	//
8	Đỗ Khắc Tuyên	//	158	Văn Đình Dũng	//
9	Lương Văn Thảo	//	159	Nguyễn Văn Hiền	//
10	Đỗ Đức Ánh	//	160	Phạm Ngọc Tấc	//
11	Lương Văn Lai	//	161	Đinh Văn Sơn	//
12	Phạm Văn Hòa	//	162	Đỗ Văn Mạnh	//
13	Phạm Thị Sơn	//	163	Nguyễn Văn Dương	//
14	Đỗ Đình Tuyền	//	164	Nguyễn Văn Thưởng	//
15	Nguyễn Văn Chí	//	165	Văn Đình Nam	//
16	Lương Văn Linh	//	166	Đỗ Văn Nghị	//
17	Đỗ Khắc Thư	//	167	Đỗ Văn Môn	//
18	Đỗ Đức Dậu	//	168	Văn Đình Quang	//
19	Đỗ Khắc Cương	//	169	Văn Đình Thạch	//
20	Phạm Văn Hoàn	//	170	Văn Đình Nam	//
21	Nguyễn Văn Khương	//	171	Lý Văn Sơn	//
22	Nguyễn Quang Vũ	//	172	Hoàng Trọng Tuấn	Vũ Xá
23	Đỗ Khắc Dương	//	173	Hà Như Định	//
24	Nguyễn Văn Đại	//	174	Phạm Đình Hải	//
25	Nguyễn Văn Việt	//	175	Phạm Đình chiểu	//
26	Lương Văn Cương	Xuân Thành	176	Phạm Ngọc Hiếu	//
27	Lương Thừa Vũ	//	177	Phạm Ngọc Tuyên	//
28	Đỗ Đức Định	//	178	Phạm Ngọc Tân	//
29	Vũ Huy Vĩnh	//	179	Phạm Ngọc Nghĩa	//
30	Vũ Huy Đoàn	//	180	Ngô Xuân Trường	//
31	Đỗ Đình Vụ	//	181	Lã Quang Khải	//
32	Vũ Huy Huấn	//	182	Lã Huy Tuấn	//
33	Vũ Huy Hưởng	//	183	Hoàng Mai Linh	//
34	Đỗ Đình Toàn	//	184	Nguyễn Xuân Thìn	//
35	Vũ Thị Thúy	//	185	Trần Ngọc Hải	//
36	Đỗ Đình Vĩnh	//	186	Phạm Thị Minh	//

37	Đỗ Đức Bình	//	187	Nguyễn Ngọc Huy	//
38	Đỗ Quang Bình	//	188	Đinh Văn Việt	//
39	Phạm Văn Hoàn	//	189	Trịnh Xuân Phương	//
40	Lương Văn Nghĩa	//	190	Nguyễn Thị Hồng	//
41	Lương Văn Hoan	//	191	Đinh Ngọc Luân	//
42	Lương Văn Hưng	//	192	Phạm Văn Đông	//
43	Đỗ Khắc Hoàng	//	193	Đinh Thị Luyến	//
44	Đỗ Khắc Thế	//	194	Lã Huy Tuyến	//
45	Phạm Văn Lan	//	195	Phạm Văn Hà	//
46	Lương Văn Khương	//	196	Lã Huy Toàn	//
47	Phạm Văn Bình	//	197	Nguyễn Văn Đạt	//
48	Vũ Huy Hiền	//	198	Nguyễn Văn tuyến	//
49	Lương Văn Khánh	//	199	Nguyễn Văn Bẩy	//
50	Lương Văn Thực	//	200	Nguyễn Văn long	//
51	Đỗ Khắc Tám	//	201	Phạm Văn Chính	//
52	Đỗ Khắc Oanh	//	202	Nguyễn Văn Đức	//
53	Lương Văn Oanh	//	203	Nguyễn Văn Luân	Dưỡng Hạ
54	Nguyễn Đức Vũ	//	204	Nguyễn Văn Tùng	//
55	Vũ Hữu Huy	//	205	Phạm Xuân Tuấn	//
56	Nguyễn Ngọc Huấn	//	206	Phạm Xuân Toàn	//
57	Đinh Xuân Ninh	//	207	Đinh Công Tuệ	//
58	Phạm Văn Công	//	208	Nguyễn Văn Đạt	//
59	Phạm Văn Đức	//	209	Nguyễn Văn Hùng	//
60	Nguyễn Văn Biển	//	210	Nguyễn Văn Thảo	//
61	Nguyễn Văn Khương	Thôn Hệ	211	Lê Văn Tùng	//
62	Nguyễn Minh Đức	//	212	Nguyễn Văn Hiền	//
63	Nguyễn Đình Thiên	//	213	Đinh Quốc Trị	//
64	Nguyễn Hữu Cảnh	//	214	Phạm Văn Nam	//
65	Nguyễn Đình Cường	//	215	Đinh Văn Giang	//
66	Trịnh Xuân Phương	//	216	Nguyễn Văn Ái	//
67	Đinh Ngọc Luân	//	217	Nguyễn Văn Đông	//
68	Phạm Văn Động	//	218	Phạm Đức Thảo	//
69	Đinh Thị Lưu	//	219	Nguyễn Văn Giang	//
70	Trương Thế Bình	//	220	Đinh Văn Tuyên	//
71	Nguyễn Đình Thành	//	221	Đinh Văn Minh	//
72	Nguyễn Quang Chiến	//	222	Dương Văn Bẩy	Thượng
73	Nguyễn Hữu Binh	//	223	Nguyễn Công Kiên	//
74	Nguyễn Đình Quý	//	224	Dương Văn Ninh	//
75	Đinh Văn Lập	//	225	Dương Văn Thang	//

76	Nguyễn Hữu Cảnh	//	226	Dương Văn Tịch	//
77	Nguyễn Hữu Thêm	//	227	Dương Văn Các	//
78	Nguyễn Hữu Trang	//	228	Dương Văn Tuyến	//
79	Đinh Quý Oanh	//	229	Nguyễn Văn An	//
80	Nguyễn Văn Minh	//	230	Dương Văn Hợp	//
81	Trần Văn Thảnh	//	231	Dương Thị Hiền	//
82	Nguyễn Quý-Lụa	//	232	Bùi Văn Sáu	//
83	Nguyễn Hữu Túc	//	233	Bùi Văn Thụ	//
84	Nguyễn Hữu Châm	Thôn Hệ	234	Dương Văn Tuyền	//
85	Đinh Văn Luyện	//	235	Dương Văn Yên	//
86	Nguyễn Văn Trung	//	236	Dương Văn Thuyên	//
87	Trần Văn Giáp	//	237	Dương Văn Hưng	//
88	Nguyễn Văn Giang	//	238	Dương Văn Đức	Đồng Quan
89	Nguyễn Hữu Trung	//	239	Đỗ Ngọc Tuân	//
90	Nguyễn Tất Nam	Dưỡng Thượng	240	Lương Văn Thủy	//
91	Nguyễn Văn Thưởng	//	241	Lương Văn Khánh	//
92	Nguyễn Văn Bính	//	242	Nguyễn Duy Ba	//
93	Nguyễn Văn Thư	//	243	Nguyễn Văn Tuấn	//
94	Phạm Văn Tiến	//	244	Đỗ Văn Tuyên	//
95	Nguyễn Văn Ánh	//	245	Phạm Văn Việt	//
96	Đinh Văn Nam	//	246	Nguyễn Văn Cường	//
97	Nguyễn Hữu Liêm	//	247	Nguyễn Văn Tuấn	//
98	Lê Văn Nuôi	//	248	Vũ Huy Tuấn	//
99	Phạm Xuân Toàn	//	249	Nguyễn Văn Toản	//
100	Lê Văn Ánh	//	250	Trần Văn Thiệng	//
101	Nguyễn Văn Thái	//	251	Trần Văn Trường	Vạn Lê
102	Vũ Thị Tình	//	252	Vũ Văn Kiên	//
103	Lê Văn Dũng	//	253	Phạm Minh Cường	//
104	Dương Văn Huấn	//	254	Nguyễn Công Binh	//
105	Nguyễn Tất Nam	//	255	Hoàng Mậu Ánh	//
106	Nguyễn Hữu Đại	//	256	Vũ Văn Xuất	//
107	Phạm Thị Luyến	//	257	Nguyễn Văn Định	//
108	Đinh Tiến Dũng	//	258	Phạm Minh Việt	//
109	Phạm Văn Thưởng	//	259	Nguyễn Văn Thành	//
110	Đỗ Thị Hà	//	260	Dư Thành Duyên	//
111	Nguyễn Xuân Trung	//	261	Nguyễn Ngọc Đáo	//
112	Nguyễn Văn Bính	//	262	Trần Văn Thắng	//
113	Trương Thị Hường	//	263	Dương Văn Hệ	//

114	Nguyễn Văn Hưng	//	264	Dương Văn Hùng	//
115	Lê Ngọc Thu	//	265	Đinh Văn Tài	//
116	Nguyễn Văn Duyên	//	266	Phạm Văn Hòa	//
117	Nghiêm Xuân Chiều	//	267	Phạm Đình Bằng	//
118	Mai Văn Sơn	//	268	Phạm Đình Kiên	//
119	Lê Ngọc Hương	//	269	Đỗ Khắc Biên	//
120	Mai Văn Trong	Chấn Lữ	270	Hoàng Đình Tuấn	//
121	Mai Văn Khải	//	271	Đinh Văn Lợi	Phú Lăng
122	Mai Văn Chưng	//	272	Đinh Văn Thắng	//
123	Nguyễn Thị Lý	//	273	Hoàng Văn Từ	//
124	Nguyễn Đức Thức	//	274	Hoàng Mậu Trang	//
125	Phạm Văn Đảo	//	275	Đinh Văn Tùng	//
126	Đỗ Thị Nhài	//	276	Hoàng Mậu Toán	//
127	Nguyễn Ngọc Ánh	//	277	Đinh Văn Trung	//
128	Đỗ Văn Hoạt	//	278	Hoàng Đình Ba	//
129	Nguyễn Hải Thuận	//	279	Hoàng Đình Độ	//
130	Mai Văn Chuyền	//	280	Hoàng Minh Thảo	//
131	Mai Văn Tiến	//	281	Đinh Văn Luận	//
132	Văn Đình Toại	//	282	Hồng Ngọc Anh	//
133	Lương Đình Lập	//	283	Đinh Văn Nhuận	//
134	Lương Đình Kết	//	284	Hoàng Văn Ánh	//
135	Đỗ Văn Giới	//	285	Đinh Văn Mạnh	//
136	Vũ Văn Tuấn	//	286	Nguyễn Văn Khóa	//
137	Đinh Văn Mạnh	//	287	Đinh Văn Tẽ	//
138	Đinh Văn Cường	//	288	Đinh Văn Xuyến	//
139	Văn Đình Sáu	//	289	Đinh Văn Nam	//
140	Văn Đình Nhượng	//	290	Lê Trọng Phúc	Tân Dưỡng 2
141	Văn Đình Ninh	//	291	Nguyễn Văn Tuấn	//
142	Mai Văn Trung	Chấn Lữ	292	Nguyễn Văn Chi	//
143	Nguyễn Thị Hưởng	//	293	Phạm Văn Hòa	//
144	Mai Văn Nguyên	//	294	Phạm Văn Chinh	//
145	Mai Văn Tính	//	295	Trần Đức Hoàng	//
146	Lê Thị Thắm	//	296	Trần Ngọc Giao	//
147	Đỗ Khắc Hải	//	297	Nguyễn Văn Mạnh	//
148	Mai Văn Thưởng	//	298	Phạm Văn Thành	//
149	Nguyễn Đức Thức	//	299	Đinh Văn Hạnh	//
150	Nguyễn Đức năng	//	300	Mai Ngọc Bình	//

(Nguồn ông Nguyễn Quang Diệu, Trưởng Ban Quản lý làng nghề Ninh Vân)

Phụ lục 4

BẢN ĐỒ, QUY HOẠCH LÀNG NGHỀ ĐÁ MỸ NGHỆ XÃ NINH VÂN

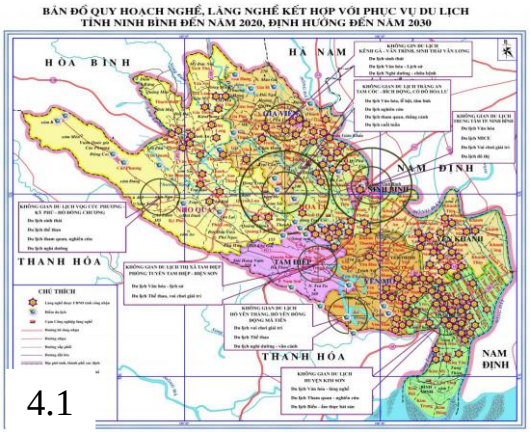

Hình 4.1: Bản đồ quy hoạch làng nghề kết hợp phục vụ du lịch Ninh Bình định hướng 2030 (nguồn Sở Công thương Ninh Bình). *Hình 4.2: Bản đồ quy hoạch dân cư và vùng sản xuất, xã Ninh Vân 2011-2020* (tác giả chụp 5/5/2018, tại xã Ninh Vân)

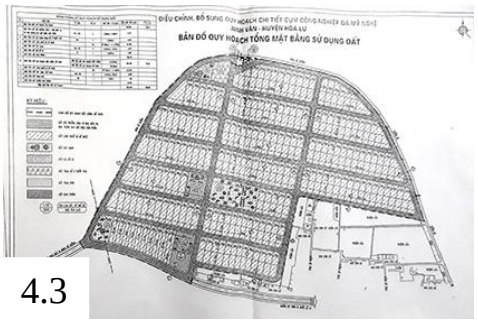

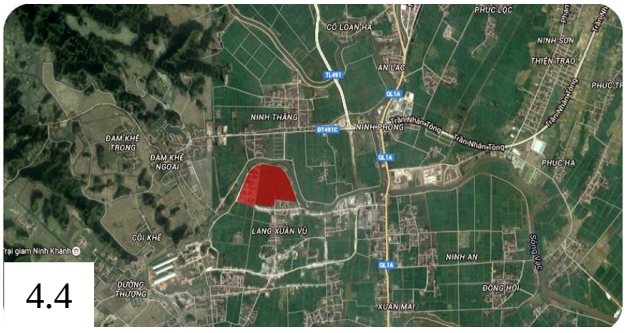

Hình 4.3 và 4.4:Bản đồ quy hoạch cụm công nghiệp đá mỹ nghệ Ninh Vân (nguồn: Website: www.congthuong.ninhbinh.gov.vn).

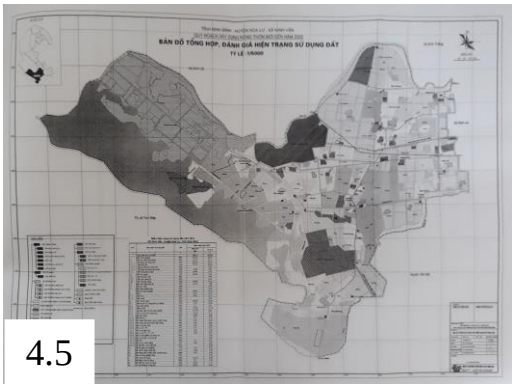

Hình 4.5: Bản đồ tổng hợp đánh giá hiện trạng sử dụng đất và hình 4.6: bản đồ quy hoạch giao thông, cấp điện xã Ninh Vân (tác giả chụp 25/10/2016, tại xã Ninh Vân)

Phụ lục 5

MỘT SỐ HÌNH ẢNH CƠ SỞ HẠ TẦNG LÀNG NGHỀ

Hình 5.1: Cổng vào làng nghề

Hình 5.2:Trụ sở UBND xã Ninh Vân

Hình 5.3: Hạ tầng giao thông

Hình 5.4 :Làng nghề thôn Hệ

Hình 5.5. Điện lưới phục vụ sản xuất

Hình 5.6: Khu trưng bày sản phẩm

Hình 5.6: Cửa hàng giới thiệu sản phẩm

Hình: 5.1-5.6, tác giả chụp năm 2017

Phụ lục 6
ẢNH MỘT SỐ KỸ THUẬT CHẠM KHẮC ĐÁ NINH VÂN

Hình 6.1: Chạm phẳng (khắc tranh)

Hình 6.2: Chạm âm (khối lõm)

Hình 6.3:Chạm dương (chạm lồi)

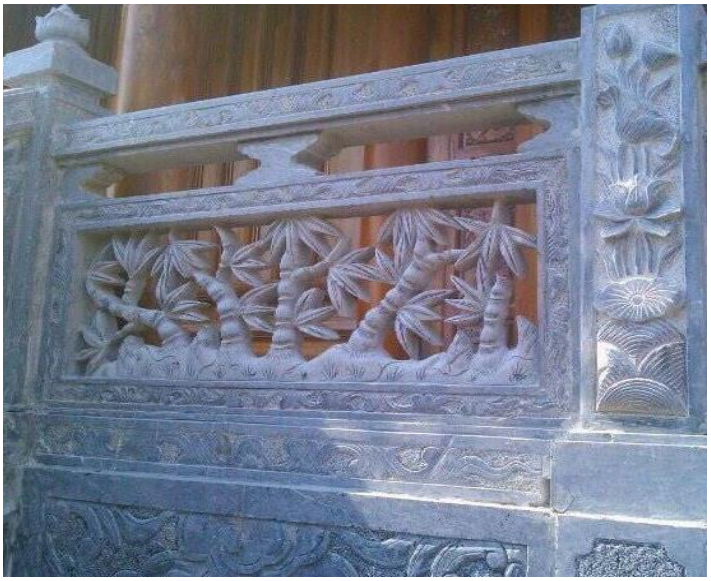

Hình 6.4:Chạm thông phong (chạm thủng)

Hình 6.6: Chạm thông phong (chạm thủng)

Hình 6.1 đến 6.6: Tác giả chụp năm 2017, 2018.

Hình 6.5: Chạm bong

(Tác giả chụp năm 2016)

Hình 6.6: Điêu khắc phù điêu

(Nguồn Công ty

Ninh Bình Stone, 2017)

Hình 6.7: Ráp mộng kèo trụ cột kiến trúc nhà ở (Tác giả chụp năm 2016)

Hình 6.8: Điêu khắc khối tròn

(tượng đài)

(Nguồn Báo Ninh Bình, 2016)

Phụ lục 7

ẢNH VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ, ĐÀO TẠO, NGHIÊN CỨU, TUYÊN TRUYỀN, BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ LÀNG NGHỀ CHẾ TÁC ĐÁ MỸ NGHỆ NINH VÂN

7.1

7.2

Hình 7.1: Ban Giám đốc Công ty đá mỹ nghệ Ninh Bình Stone kiểm tra việc khai thác đá tự động tại mỏ đá (nguồn C.ty Stone, 2017)
Hình 7.2: Quảng bá sản phẩmWebsite đá mỹ nghệ Đức Mạnh, 2018

7.3

7.4

Hình 7.3: Bí thư Tỉnh ủy Bùi Văn Nam kiểm tra hoạt động sản xuất tại cụm công nghiệp làng nghề (nguồn Báo Ninh Bình, năm 2012).
Hình 7.4: Sư trụ trì chùa Vàng nghiệm thu công trình kiến trúc đá mỹ nghệ (Nguồn Doanh nghiệp ĐMN Đức Nhân, năm 2018).

7.5

Hình 7.5: Ban Thường Vụ Tỉnh ủy Ninh Bình cắt băng khánh thành Nhà bia tưởng niệm tại Nghĩa trang Liệt sĩ quốc gia Trường Sơn (Nguồn Sở LĐ-TB &XH Ninh Bình, 2017)

Hình 7.6: Thứ trưởng Bộ VH-TT&DL Vương Duy Biên về làng nghề xã Ninh Vân kiểm tra tiến độ điêu khắc cụm tượng đài "Bác Hồ với đồng bào các dân tộc Tuyên Quang" (nguồn baotuyenquang.com.vn, ngày 23/11/2014)

Hình 7.7: Thứ trưởng Bộ VH-TT&DL Đặng Thị Bích Liên cùng lãnh đạo UBND tỉnh Ninh Bình, các nhà nghiên cứu, nghệ nhân, họa sĩ khảo sát, kiểm tra công tác bảo tồn sản phẩm đá mỹ nghệ tại Khu di tích lịch sử cố đô Hoa Lư ngày 17/10/2017 (nguồn NSNA Minh Tuyền)

Hình 7.8: Ngày 17/10/2017, thực hiện công văn 2662 năm 2014, Thứ trưởng Bộ VH-TT&DL Đặng Thị Bích Liên về thực địa tại làng nghề chạm khắc đá Ninh Vân và trao đổi thông tin bảo tồn các sản phẩm mỹ nghệ thuần Việt và tuyên truyền di sản nghề đá mỹ nghệ với nhà điêu khắc Lương Trịnh, thợ thủ công, doanh nghiệp làng nghề, cán bộ quản lý văn hóa của Sở VH-TT Ninh Bình và phóng viên các cơ quan báo chí tại ngôi nhà đá 100 năm tuổi của nghệ nhân Lương Văn Xiển, thôn Xuân Phúc (tác giả chụp 2017)

Chùm ảnh các hoạt động đào tạo nghề cho con em làng nghề, do UBND xã Ninh Vân phối hợp với Trường Cao đẳng Nghề Nam Định tổ chức (nguồn UBND xã Ninh Vân ngày 5/10/2016)

Hình 7.9: Khai giảng

Hình 7.10: Thực hành

Hình 7.11: Báo cáo sản phẩm

Hình 7.12: Trao bằng tốt nghiệp và khen thưởng

7.13

7.14

Nghệ nhân Lương Trọng Quảng và Nghệ nhân Lương Thừa Vũ (đứng trên) truyền nghề theo cách cầm tay chỉ việc (nguồn Nghệ nhân Lương Thừa Vũ, 2017)

Hình 7.15: Nghiên cứu điêu khắc đá tại đền Nội Lâm thế kỷ XVII (nguồn NSNA Bình Nguyên).

Hình 7.16: Học viên lớp Cao học Quản lý văn hóa K5 Ninh Bình, Trường Đại học SPNT TW điền dã tại Nghĩa trang liệt sĩ Quốc gia Trường Sơn (tác giả chụp 5/2017)

Hình 7.17: Thủ từ đình thờ ông Tổ nghề đá mỹ nghệ coi sóc di sản làng nghề (nguồn phóng viên Thái Bá, báo Dân Trí, năm 2017).

Hình 7.18*: Ban quản lý làng nghề và phòng TN&MT huyện Hoa Lư đôn đốc doanh nghiệp thu gom chất thải rắn để bảo vệ môi trường tại đường Đài Loan* (tác giả chụp tháng 4/2018).

Hình 7.19: Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm tổ chức Hội nghị tập huấn thực hiện công văn số 2662 năm 2014 của Bộ VH-TT&DL về không sử dụng biểu tượng, sản phẩm, linh vật không phù hợp với thuần phong mỹ tục Việt Nam cho các nhà quản lý văn hóa, nghệ nhân, doanh nghiệp,nhà điêu khắc tại Ninh Bình (tác giả chụp ngày 18/10/2017)

Hình 7.21: Phóng viên về tuyên truyền tại làng nghề (tác giả chụp 2017)

Hình 7.21: Phóng viên tác nghiệp tại Nhà thờ đá Phát Diệm (tác giả chụp 22/9/2017)

Hình 7.22: Khách du lịch chiêm bái các pho tượng La Hán tại chùa Bái Đính (nguồn NSNA Minh Tuyền, 2015)

Hình 7.23: Học sinh tìm hiểu lịch sử và nghệ thuật chạm khắc đá trên tác phẩm Long sàng tại đền vua Đinh Tiên Hoàng, Cố đô Hoa Lư (nguồn NSNA Ninh Mạnh Thắng, 2017)

Phụ lục 8

ẢNH VỀ DI TÍCH CỔ TRUYỀN ĐÃ ĐƯỢC XẾP HẠNG VÀ MỘT SỐ CÔNG TRÌNH ĐÁ MỸ NGHỆ Ở LÀNG NGHỀ NINH VÂN

Hình 8.1 Ban trên

Hình 8.2: Cổng đền

Di tích lịch sử cấp quốc gia đền Tam thôn (Kê Thượng) kiến trúc nghệ thuật 100% bằng đá có niên đại thời Hậu Lê (tác giả chụp năm 2017)

8.4

Hình 8.3: Di tích lịch sử cấp quốc gia đền Miễu Sơn, kiến trúc nghệ thuật 100% bằng đá xanh thời Hậu Lê (tác giả chụp 2017)

8.5

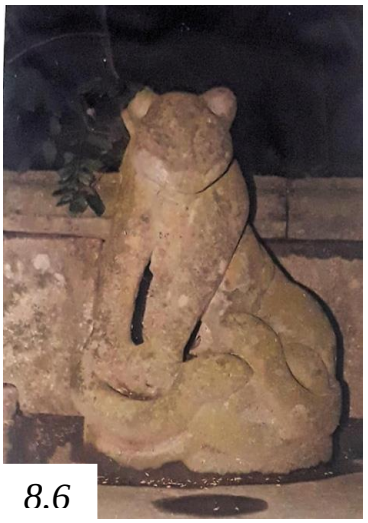

8.6

Hình 8.4- 8.6: Di tích lịch sử cấp quốc gia đền Kê Hạ, kiến trúc nghệ thuật 100% bằng đá thời Hậu Lê (nguồn Sở VH-TT Ninh Bình, năm 1997)

8.7

8.8

Đình làng Thượng tu sửa thêm từ đầu TK XXI (tác giả chụp năm 2018)

8.9

8.10

Đình làng Hệ phối thờ Tổ nghề đá, thời Hậu Lê được tu bổ thời Nguyễn và năm gần đây (tác giả chụp năm 2017)

8.11

8.12

Văn chỉ xã Ninh Vân 100% kiến trúc đá mỹ nghệ giai đoạn 2010 đến nay (tác giả chụp năm 2018)

Hình 8.13: Đền thờ Lan quận công Phạm Quỳnh, thôn Vũ Xá (tác giả chụp năm 2017)

Hình 8.14: Chùa Tháp thời Hậu Lê, thôn Thiên Dưỡng (tác giả chụp năm 2018)

Hình 8.15: Đền Trung (tác giả chụp tháng 2/2018);

Hình 8.16-18.7: Bát hương cổ đền Trung (nguồn Sở VH-TT Ninh Bình năm 2012)

Hình 8.18:Sập rồng, Đền Thượng, thôn Xuân Vũ (nguồn Sở VH-TT Ninh Bình năm 2012)

Hình 8.19: Đốc nhà

Hình 8.20-8.23: Kiến trúc đình thờ ông Tổ nghề chạm khắc đá Hoàng Sùng tại làng Xuân Vũ (nguồn phóng viên Thái Bá, báo Dân trí)

Hình 8.20:Tường Hình

8.21: Hậu cung

Hình 8.22: Họa tiết trên Cột

Hình 8.23: Cung ngoài

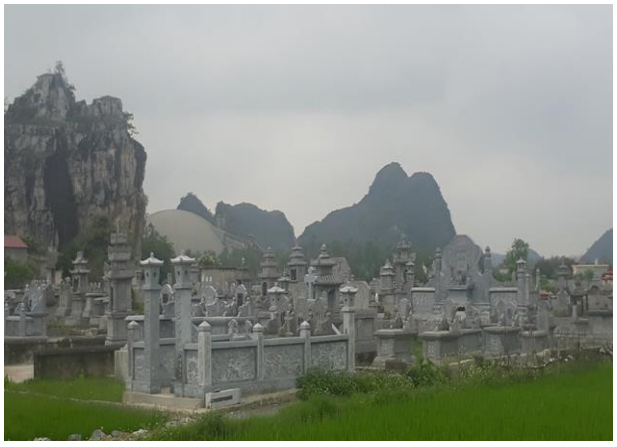

Hình 8.23: Nghĩa trang thôn Phú Lăng
(tác giả chụp tháng 2/ 2018)

Hình 8.24: Đài tưởng niệm liệt sĩ
(tác giả chụp tháng 2/2018)

Phụ lục 9

ẢNH VỀ NHÀ Ở CỔ TRUYỀN XÃ NINH VÂN

Kiến trúc nhà ở nghệ nhân Lương Văn Xiển bằng đá mỹ nghệ xanh tự nhiên, niên đại từ năm 1934, thôn Xuân Phúc (tác giả chụp 2017, 4/2018)

Hình 9.1: Tường rào

Hình 9.2: Cổng

Hình 9.3: Họa tiết dơi trên cổng

Hình 9.4: Cửa sổ

Hình 9.5:Hệ thống xà, kèo đá

Hình 9.6: Sập đá ở gian chính

Một số kỹ thuật chạm khắc ở nhà họa sĩ Lương Trịnh thôn Xuân Phúc

(nguồn Nguyễn Dương/Zing.vn năm 2017)

Hình 9.7: chạm hoa cúc ở cửa buồng

Hình 9.8: chạm hoa đào ở nóc mái

Hình 9.1: Đèn cây

Hình 9.1: Cột, trụ

Hình 9.1: Non bộ cá chép hóa rồng

Hình 9.1: chó đá

Hình 9.1: Nhà chính

Hình 9.1: Nhà bếp

Phụ lục 10
ẢNH VỀ ĐẠO SẮC PHONG, LỄ HỘI LIÊN QUAN ĐẾN NGHỀ CHẾ TÁC ĐÁ MỸ NGHỆ NINH VÂN

10.1

10.2

10.3

10.4

10.5

Hình 10.1 đến 10.5: Một số đạo sắc phong thần tại các đền thờ ở xã Ninh Vân (Nguồn Sở VH-TT Ninh Bình năm 2012)

Một số hình ảnh lễ hội tại làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân

Hình 10.6 : Giỗ Tổ nghề Hoàng Sùng

Hình 10.7: Lễ hội làng Xuân Vũ

(ảnh làng nghề Xuân Phúc – Xuân Thành cung cấp năm 2016)

Hình 10.8: Tế nữ quan

Hình 10.9:Lễ rước kiệu

Đình làng Hệ nơi phối thờ ông Tổ nghề Hệ (tác giả chụp năm 2018)

Hình 10.10: Lễ hội Tam Thôn gắn tục tôn thờ Thần núi thời vua Hùng tại đền Kê Thượng (tác giả chụp ngày 10/3/2018 âm lịch)

Phụ lục 11

ẢNH VỀ DI SẢN, CÔNG TRÌNH ĐÁ MỸ NGHỆ TIÊU BIỂU Ở TỈNH NINH BÌNH

Hình 11.1: Cột kinh Phật do Nam Việt vương Đinh Liễn dựng Thế kỷ X trưng bày tại bảo tàng Ninh Bình (tác giả chụp năm 2018)

Hình 11.1: Cột kinh Lăng Nghiêm do Vua Lê Hoàn dựng năm 995, lưu giữ tại chùa Nhất Trụ, Khu di tích Cố đô Hoa Lư (tác giả chụp năm 2018)

Hình 11.3:Sập rồng nghi môn nội Bảo vật quốc gia có niên đại TK XVII tại đền thờ Vua Đinh Tiên Hoàng, (nguồn NSNA Bình Nguyên, năm 2018)

Hình 11.4: Sập rồng nghi môn ngoại

Hình 11.5:Nghê đá TK XVII tại di tích Cố đô Hoa Lư, Ninh Bình (tác giả chụp 24/4/2018).

Hình 11.7: Rồng đá tại Động Thiên Tôn, Hoa Lư thời Hậu Lê
(Nguồn Sở Du lịch Ninh Bình, 2017)

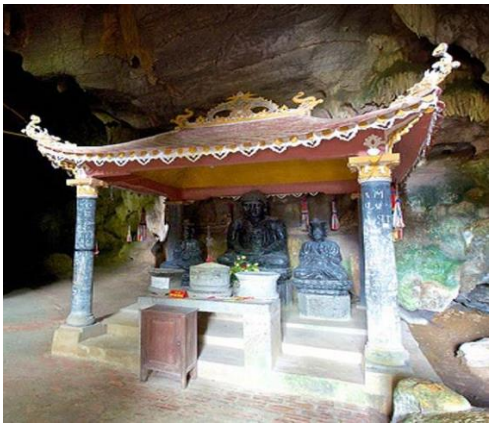

Hình 11.8: Tượng Phật đá thạch bích thời Trần tại đền Nội Lâm, Tràng An
(Nguồn Sở Du lịch Ninh Bình, 2017)

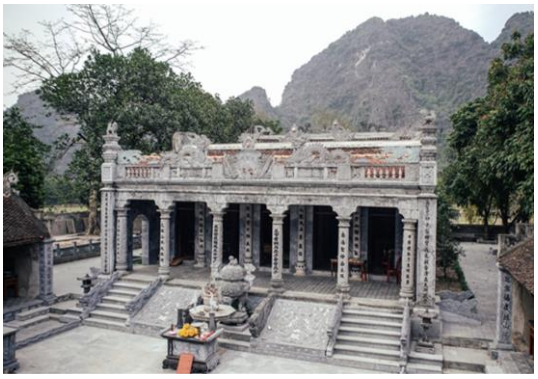

Hình 11.9:Đền Thái Vi thời Trần Khu du lịch Tam Cốc – Bích Động
(nguồn Sở Du lịch Ninh Bình, 2017)

Hình 11.10 tượng La Hán tại chùa Bái Đính được tu tạo đầu TK XXI (nguồn Sở Du lịch Ninh Bình, 2017)

Hình 11.11: Phương đình
Hình 11.12: họa tiết ban thờ đức mẹ Kiến trúc nhà thờ đá Phát Diệm, TK XIX (tác giả chụp năm 2017).

Một số hình ảnh công trình Quảng trường, cầu, đường ở tỉnh Ninh Bình (tác giả chụp năm 2017,2018)

Hình 11.13: Quảng trường Đinh Tiên Hoàng Đế tại thành phố Ninh Bình

Hình 11.14:cầu cổng chùa Bái Đính

Hình 11.15: Đường Cố đô Hoa Lư

Hình 11.16: Cầu vào Tam Cốc- Bích Động

Phụ lục 12

ẢNH VỀ MỘT SỐ CÔNG CỤ, PHƯƠNG TIỆN HỖ TRỢ CHẾ TÁC ĐÁ TẠI LÀNG NGHỀ NGHỀ NINH VÂN HIỆN NAY

Hình 12.1 đến 12.3: Một số dụng cụ thủ công truyền thống: kính, thước, đục, vồ, búa, bạt, chét. ..(Nguồn bàn tay Vàng Đức Nhân cung cấp, 2017)

12.1

12.1

12.3

Hình 12.4 đến 12.6: Một số công cụ máy điện cầm tay: *đánh bóng, lăn, bổ, dùi, cắt bé, rút lõi bé dùng chạm thông phong; khoan, bộ bút khắc hoa văn các loại* (tác giả chụp 2018, tại làng nghề Ninh Vân)

12.4

H12.5

H12.6

Một số máy hỗ trợ chế tác đá (tác giả chụp năm 2017-2018, tại Ninh Vân)

Hình 12.7: Máy cưa đá cỡ lớn

Hình 12.8: Máy xẻ đá nhỏ

Hình 12.9: Rôbocon

Hình 12.10: Máy khoan lỗ

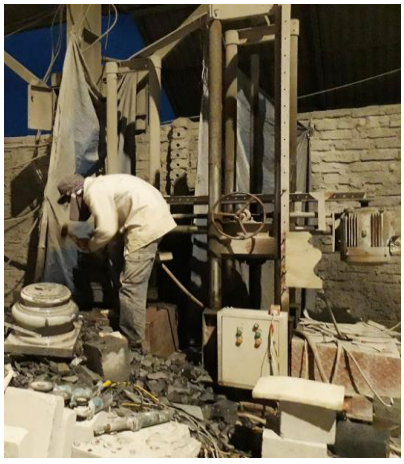

Hình 12.11: Máy tiện

Hình 12.12: Máy CNC khắc hoa văn

Một số phương tiện hỗ trợ sản xuất (tác giả chụp năm 2017, 2018, tại Ninh Vân)

Hình 12.13: Cẩu trục đá loại lớn

Hình 12.14: Xe cẩu đá nguyên liệu

Hình 12.15. Cẩu trục đá nhỏ

Hình 12.16: Xe cơ giới

Hình 12.17 : Xe cẩu, xe cơ giới.

Phụ lục 13

QUY TRÌNH KHAI THÁC NGUYÊN LIỆU ĐÁ NINH VÂN

Hình 13.1: Khai thác đá bằng máy tự động (nguồn C.ty Ninh Bình Stone, năm 2017).

Hình 13.2: Khoan đá bằng máy cầm tay (nguồn NSNA Ninh Mạnh Thắng, 2016).

Hình 13.3: Vận chuyển nguyên liệu đá từ mỏ đá núi Thiên Dưỡng (tác giả chụp 4/5/2018)

Hình 13.4-13.5: Nguyên liệu đá tập kết ở làng nghề (tác giả chụp 10/2016)

Phụ lục 14

ẢNH VỀ QUY TRÌNH CHẠM KHẮC PHÙ ĐIÊU, ĐỒ THỜ, VẬT DỤNG SINH HOẠT, KIẾN TRÚC NHÀ Ở NINH VÂN

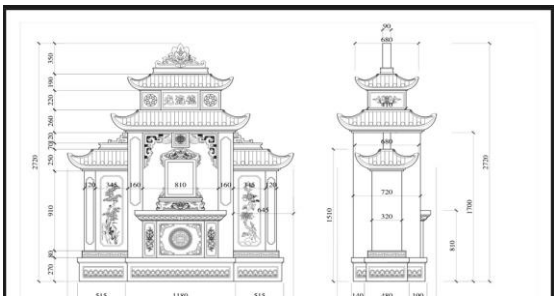

Hình 14.1: Bản vẽ lăng mộ trên giấy

Hình 14.2: Đắp mẫu thạch cao

(nguồn Nghệ nhân Lương Thừa Vũ, năm 2018)

14.3

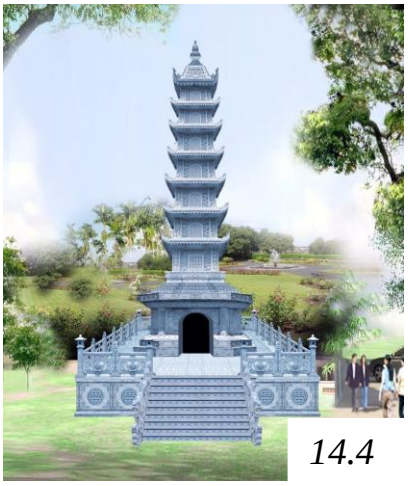

14.4

14.5

Hình 14.3- 14.5: Đồ họa tháp, phối cảnh kiến trúc chùa, phối cảnh nhà sàn trên vi tính (nguồn bàn tay vàng Đức Nhân, năm 2018)

Hình 14.6: Chọn đá nguyên liệu (tác giả chụp 8/2017)

Hình 14.7: Tạo phom đá (tác giả chụp 8/2017)

Hình 14.8: Mài bề mặt phom cuốn thư (tác giả chụp tháng 8/2017)

Hình 14.9: Hoa văn vẽ trên mẫu đá (Tác giả chụp 11/2017)

Hình 14.10: Vẽ ý tưởng họa tiết trên phôi sập đá (tác giả chụp năm 2016)

Hình 14.11: Tạo gờ trên phom đá

Hình 14.12: Khắc hoa văn

Hình 14.13: Cắt gọt

Hình 14.14: Đục tinh sản phẩm

Hình 14.15:Băm da ráp

Hình 14.16: Tạo da mịn cho sản phẩm

Hình 14.11 đến 14.16: Chế tác thành phẩm (tác giả chụp tháng 3 / 2018)

Hình 14.17: Khớp mộng lan can, tường rào đá (tác giả chụp tháng 8/ 2017)

Hình 14.18:Thi công chùa

Hình 14.19:Lắp ghép mộ

(Nguồn DNTN Đức Nhân cung cấp, năm 2017)

Hình 14.20: Dựng nhà thờ tổ (nghệ nhân Lương Thừa Vũ cấp, 2/2018)

Hình 14.21:Lắp ghép cổng tam quan (Nguồn DNTN Đức Nhân, 2017)

Phụ lục 15

ẢNH VỀ QUY TRÌNH ĐIÊU KHẮC TƯỢNG THỜ, CON GIỐNG TẠI CÁC LÀNG NGHỀ ĐÁ MỸ NGHỆ Ở XÃ NINH VÂN

Hình 15.1: Chọn chất liệu đá

Hình 15.2: Đục thô sản phẩm

Hình 15.3: Căn chỉnh tim phôi

Hình 15.4: Phom sản phẩm

Hình 15.1 đến 15.4: Công đoạn đục thô tượng thờ, linh vật, con giống (tác giả chụp ngày 16/8/2017)

Hình 15.5: Vẽ hoạ tiết trên sản phẩm (tác giả chụp 16/8/2017)

Hình 15.6 Khắc hoa văn sản phẩm (nguồn doanh nghiệp Thành Vinh, 2016)

Hình 15.7 và 15.8: Công đoạn đục tinh sản phẩm (tác giả chụp tháng 2/2017)

Hình 15.8: Sản phẩm đã hoàn thiện (nguồn NSNA Bình Nguyên cung cấp 2016)

Phụ lục 16

ẢNH VỀ QUY TRÌNH ĐIÊU KHẮC CÔNG TRÌNH QUẢNG TRƯỜNG, KHÓM KIẾN TRÚC TƯỢNG ĐÀI Ở NINH VÂN

Hình 16.1: Đắp mô hình phác thảo cụm tượng đài trên chất liệu đất sét (nguồn Website Sở tài nguyên Môi trường Tuyên Quang, ngày 20/7/2012)

Hình 16.2 và 16.3: Phóng tác mẫu thạch cao (tác giả chụp 5/2018)

16.1

16.2

Hình 16.3. Chọn chất liệu đá (tác giả chụp năm 2016)

Hình 16.4 và 16.5: Khắc phù điêu hoành tráng cho Quảng trường trung tâm tỉnh Thái Bình theo mẫu thạch cao (tác giả chụp ngày 19/4/2018)

*Hình 16.6: Doanh nghiệp Tiến Đạt tạc tượng Bác Hồ theo mẫu thạch cao (*nguồn báo Tuyên quang điện tử, 20/9/2014)

Hình 16.7: Doanh nghiệp Hoàn Hảo lắp ghép hoàn thiện "Tượng đài Đội Hoàng Sa kiêm quản Bắc Hải" tại nhà trưng bày Hoàng Sa Bắc Hải ở thôn Đông, xã An Vĩnh, huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi (nguồn báo Ninh Bình điện tử 4/9/2009).

Hình 16.7: Tượng đài Bác Hồ tại Học Viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (nguồn tác giả ngày 29/5/2016)

Hình 16.8: Tổng thể không gian phù điêu và cụm tượng đài điêu khắc trên chất liệu đá xanh "Bác Hồ với nhân dân các dân tộc tỉnh Tuyên Quang" (nguồn Website Hội Văn học nghệ thuật Tuyên Quang, năm 2016)

Phụ lục 17

ẢNH VỀ NHÓM SẢN PHẨM ĐÁ MỸ NGHỆ PHỤC VỤ ĐỜI SỐNG

17.1

17.2

17.3

17.4

Hình 17.1 đến 17.4: Tranh ảnh đá tại gian trưng bày của nghệ nhân Lương Trọng Quảng (tác giả chụp tháng 4/2017)

Hình 17.5: Tranh đá vàng hoa sen do nghệ nhân Xuân Mạnh làm tại Quảng Ninh (nguồn Website của cơ sở Xuân Mạnh, năm 2018)

Một số vật dụng nhỏ gọn (tác giả chụp năm 2017, 2018)

Hình 17.6: Mâm

Hình 17.7: Nậm rượu

Hình 17.8: Lọ hoa

Hình 17.9: Lộc bình đá màu

Hình 17.10: Ấm chén

Hình 17.11: Lọ hoa phủ sơn

Hình 17.12: Lộc bình

Một số đồ dùng trong gia đình, nơi cộng đồng (tác giả chụp năm 2018)

Hình 17.13: Bàn ghế khu nghỉ dưỡng

Hình 17.14: Bàn, ghế ở gia đình

Hình 17.15: Bàn cao

Hình 17.16: giường, sập

Hình 17.17: Chậu cảnh, ang cảnh

Hình 17.18: Ghế dài

Hình 17.19 và 17.10: Bộ đôn chậu cảnh

Phụ lục 18

ẢNH VỀ MỘT SỐ MẪU MÃ SẢN PHẨM KIẾN TRÚC

Một số mẫu mã bày bán tại cơ sở sản xuất (tác giả chụp năm 2017)

Hình 18.1: Cột trụ

Hình 18.2: Gạch tường

Hình 18.3: Con tiện

Hình 18.4: Bờ bo

5:Bậc tam cấp

Hình 18.6: Đế trụ

Hình 18.7: Gạch lát nền

Một số mẫu sản phẩm đang sử dụng (tác giả chụp năm 2017, 2018)

Hình 18.8: Bờ kè ao

Hình 18.9: Bồn hoa

Hình 18.10: Giếng nước

Hình 18.11: Cổng nhà

Hình 18.12: Tường nhà

Hình 18.13: Hàng rào

Hình 18.14: Tường chữ

Hình 18.15: Tường tranh phong cảnh

(Nguồn Doanh nghiệp Đức Nhân, năm 2017)

Hình 18.15: Mẫu nhà cổ 3 gian, hai chái (tác giả chụp tháng 3/2018)

Hình 18.16: Mẫu sân, lầu đón gió nhà ở (tác giả chụp tháng 3/2018)

Hình 18.17 Trang trí biệt thự Hình

18.18: Lầu vọng nguyệt

(nguồn Doanh nghiệp tư nhân Đức Nhân, năm 2017)

Hình 18.19: Đài phun nước,

Hình 18.20: Hòn giả sơn

(Nguồn C.ty Ninh Bình Stone, năm 2018)

Hình 18.21: Tiền sảnh cơ sở đá mỹ nghệ Ninh Vân (tác giả chụp 3/2018)

Phụ lục 19

ẢNH VỀ NHÓM SẢN PHẨM ĐÁ MỸ NGHỆ PHỤC VỤ TÂM LINH

Một số đồ thờ tự (tác giả chụp năm 2017, 2018 tại làng nghề Ninh Vân)

Hình 19. 1: Bát hương

Hình 19. 2: Bát hương

Hình 19. 3: Bộ lư hương

Hình 19.4: Đèn cầy

Hình 19.5: Cây hương

Hình 19.6: Bàn thờ

Hình 19.7: Hương án

Một số loại hình mộ, tiểu quách, lăng mộ (tác giả chụp năm 2017)

Hình 19. 15: Mộ tròn *Hình 19.16: Quách* *Hình 19.17: Mộ 8 mái*

Hình 19. 18: Đài tưởng niệm *Hình19.19: Mộ tháp*

Hình 19. 20: Lăng mộ *Hình 19.21: Lăng mộ*

Một số sản phẩm tín ngưỡng, tôn giáo (tác giả chụp năm 2016, 2018)

Hình 19. 8: Bia

Hình 19.9: Biển quảng cáo

Hình 19.10: Gác chuông

Hình 19.11: Cuốn thư rồng

Hình 19.12: Khánh

Hình 19. 13: Bình phong sen cá

Hình 19.14: Bình phong

H.19.22 : Chùa (nguồn Đức Nhân, 2017)

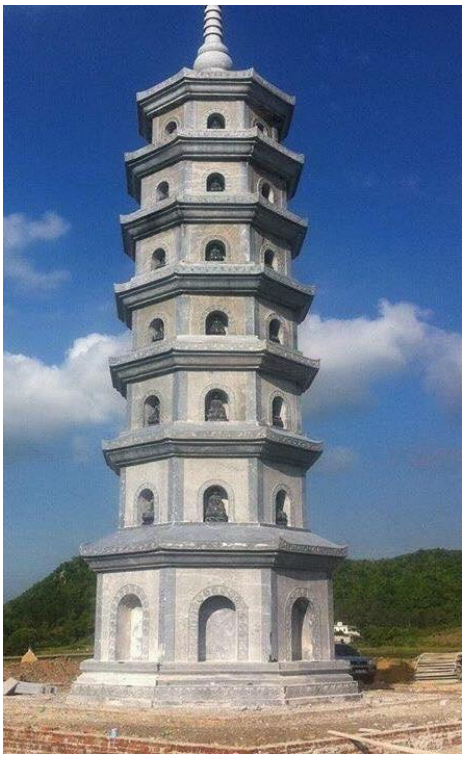

H.19.23: Tháp chuông

(nguồn Đức Nhân, 2017)

Hình 19.24: Lầu bát giác

(nguồn Đức Nhân, 2017)

Hình 19.25: Nhà thờ tổ (nguồn Nghệ nhân Lương Thừa Vũ, năm 2017)

Hình 19.26: Nhà thờ họ (nguồn Nghệ nhân Lương Thừa Vũ, năm 2017)

Hình 19.27: Chiếu rồng (nguồn DNTN Đức Nhân, năm 2017)

Hình 19.28: Bậc rồng (nguồn DNTN Đức Nhân, năm 2017)

Hình 19.29: Cổng tam quan

Hình 19.30: Gác chuông

(Nguồn DNTN đá mỹ nghệ Đức Nhân cung cấp, năm 2017)

Phụ lục 20

ẢNH VỀ NHÓM SẢN PHẨM TƯỢNG LINH VẬT, TƯỢNG CON GIỐNG, TƯỢNG THỜ, TƯỢNG NGHỆ THUẬT, TƯỢNG ĐÀI

(Tác giả chụp tại làng nghề và hội chợ triển lãm hàng thủ công, năm 2017)

Hình 20. 1: Trâu

Hình 20.2: Cóc

Hình 20.3: Chó

Hình 20.4: Hổ và đại bàng

Hình 20.5: Kỳ lân

Hình 20.6: Chim

Hình 20.7: Lợn

Hình 20.8: Hạc và rùa

Hình 20.9: Ngựa

Hình 20.10: Nghê

Hình 20.11: Kỳ lân

Hình 20.12: Voi

Một số sản phẩm tượng nghệ thuật, trang trí, lưu niệm

H.20.13:Phụng long nhả ngọc; 20.15:Ngư ông; 20.14: tác phẩm Mẫu tử của họa sĩ Phú Văn; 20.16: tác phẩm Phố cây của họa sĩ Lương Trịnh giải C Hội Mỹ thuật Việt Nam năm 2017;20.18: Hạnh phúc (tác giả chụp năm 2016-2017-2018); *20.18*: *Thiên thần* (nguồn nghệ nhân Lương Thừa Vũ); 20.19:*Lứa đôi và H.20.20:Vũ nữ* (nguồn Công ty Ninh Bình Stone, 2018).

20.13

20.14

20.15

20.16

20.17

20.18

20.19

20.20

Hình 20.21đến 20.25: Tượng thờ (tác giả chụp năm 2017, 2018).

20.21

20.22

20.23

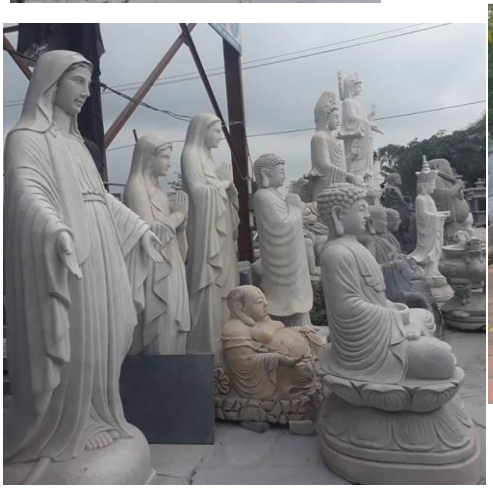

20.24

20.25

Hình 20.27: Đại tướng Võ Nguyên Giáp (tác giả chụp năm 2016)

Hình:20.26:Tượng Trần Hưng Đạo (Ông Nguyễn Xuân Lương cung cấp năm, 2017)

Nhóm sản phẩm phù điêu hoành tráng, cụm tượng đài cách mạng

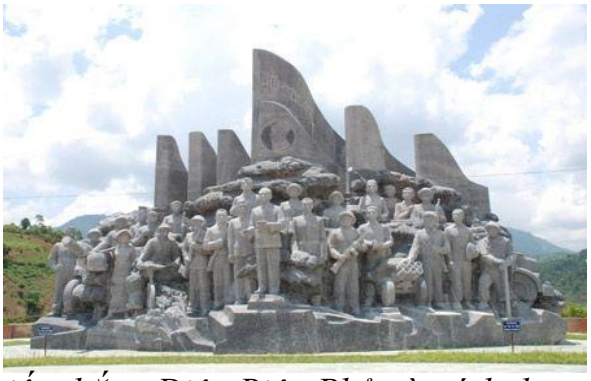

Hình 20.27-20.28:Cụm tượng đài Chiến thắng Điện Biên Phủ và trích đoạn đầu Phù điêu bên phải sân Quảng trường Tượng đài chiến thắng do doanh nghiệp Hoàn Hảo chế tác (nguồn nghệ nhân Lương Thừa Vũ, năm 2018)

Hình 20.29-20.30:Cụm Tượng đài tọa độ lửa và phù điêu tưởng niệm tại khu di tích Truông Bồn (Nguồn http://www.btlsqsvn.org.vn)

Hình 20.31:Tượng đài lính tình nguyện ở Camphuchia (nguồn ảnh Intenet, năm 2017)

Hình 20.32: Cột cờ Tổ quốc tại Lũng Cú, Hà Giang (NSNA Vũ Phương)

Phụ lục 21

MỘT SỐ BÀI VIẾT LIÊN QUAN ĐẾN NỘI DUNG ĐỀ TÀI CỦA TÁC GIẢ IN TRÊN TẠP CHÍ

1. Bài nghiên cứu “Lễ hội Tam thôn” ở làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình của tác giả Phạm Thị Duyên (bút danh Mai Hương) in trên Tạp chí Văn nghệ Ninh Bình, số 212 tháng 5/2018

2. Bài nghiên cứu “Kiến trúc nghệ thuật chạm khắc đá cổ truyền ở Ninh Vân ” của tác giả Phạm Thị Duyên (bút danh Mai Hương) in trên Tạp chí Văn nghệ Ninh Bình Tạp chí Văn nghệ Ninh Bình, số 213 tháng 6/2018

3. Bài nghiên cứu “Bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân” của tác giả Phạm Thị Duyên, in trên Tạp chí Diễn đàn văn nghệ Việt Nam, số 283tháng 8/2018